UBND TỈNH QUẢNG NINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /SGDĐT-GDPT V/v thông báo kết quả thi Nghề phổ thông cấp trung học phổ thông năm học 2022 - 2023	*Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2022*

Kính gửi:

- Các trường có cấp trung học phổ thông;
- Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên tỉnh; các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên;
- Các cơ sở giáo dục có hoạt động giáo dục nghề phổ thông.

Thực hiện Kế hoạch số 355/KH-SGDĐT ngày 17/02/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức thi và cấp Giấy chứng nhận Nghề phổ thông cho học sinh trung học phổ thông năm học 2022 - 2023, đến ngày 11/3/2023 Ban chấm thi lý thuyết đã hoàn tất công tác chấm thi theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo tới các đơn vị dự thi kết quả của các thí sinh dự thi (Bảng điểm chi tiết gửi kèm Công văn này).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Niêm yết công khai Bảng điểm tại đơn vị; thông báo kết quả tới thí sinh.

2. Rà soát thông tin cá nhân của thí sinh, nếu phát hiện sai sót, cần gửi ngay văn bản đề nghị sửa về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 17/3/2023 để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi trước khi in và cấp Giấy chứng nhận cho thí sinh.

3. Hướng dẫn thí sinh có nguyện vọng phúc khảo bài thi làm thủ tục đề nghị phúc khảo (vận dụng mẫu đơn phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông), gửi Danh sách thí sinh đề nghị phúc khảo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 17/3/2023.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Giáo dục phổ thông) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận: - Như trên; - GĐ, các PGĐ Sở; - Lưu: VT, GDPT.	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** **Đinh Ngọc Sơn**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	01001	VŨ ĐỨC AN	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	01002	ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
3	01003	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	25/10/2005	Hải Dương	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
4	01004	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
5	01005	PHẠM TRUNG ANH	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
6	01006	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
7	01007	NGUYỄN ĐỨC BẢO	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
8	01008	HOÀNG TÂN BÌNH	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
9	01009	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
10	01010	ĐÀO ĐỨC CHÍNH	Nam	05/12/2005	Thái Bình	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
11	01011	BÙI THỊ DIỄN	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
12	01012	DƯ MỸ DUYÊN	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	01013	PHẠM THẾ DUYỆT	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
14	01014	BÙI VĂN MẠNH DŨNG	Nam	17/5/2005	Hải Phòng	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	01015	PHẠM QUỐC DŨNG	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
16	01016	TRƯƠNG TIẾN ĐÀM	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
17	01017	ĐỖ THÀNH ĐẠT	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	01018	HOÀNG PHÁT ĐẠT	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	01019	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
20	01020	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	24/5/2004	Quảng Ninh	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
21	01021	PHẠM SƠN ĐOÀN	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	01022	HOÀNG VĂN ĐÔNG	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
23	01023	LÊ VĂN ĐƯỢC	Nam	26/11/2005	Bắc Ninh	8.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	01024	ĐÀO MẠNH ĐỨC	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
25	01025	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	13/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	01026	TRỊNH VĂN ĐỨC	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
27	01027	CHU THẾ HẢI	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
28	01028	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
29	01029	ÔN THÚY HẠNH	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
30	01030	PHẠM THANH THÚY HẠNH	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
31	01031	ĐẶNG THỊ HẰNG	Nữ	12/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	01032	LƯƠNG TUẤN HIẾU	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8.75	9.5	9.31	Đ		Giỏi
33	01033	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
34	01034	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
35	01035	ĐỖ QUANG HIỆP	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
36	01036	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
37	01037	ĐỖ THÁI HOÀI	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
38	01038	NGUYỄN NGỌC HOÀI	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
39	01039	TRẦN THU HOÀI	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
40	01040	ĐẶNG HUY HOÀNG	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
41	01041	LÊ VĂN KHẢI HOÀNG	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8.3					H	
42	01042	NGUYỄN VĂN ĐỨC HOÀNG	Nam	06/4/2004	Hải Dương	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
43	01043	NGUYỄN HẢI HÒA	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
44	01044	PHÙNG DUY HÒA	Nam	19/9/2005	Tuyên Quang	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
45	01045	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
46	01046	ĐOÀN QUỐC HUY	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
47	01047	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8	5.5	10	8.88	Đ		Khá
48	01048	TRƯƠNG VĂN HUY	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
49	01049	VŨ ĐÀM HUY	Nam	01/10/2004	Quảng Ninh	8.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	01050	HOÀNG THỊ HUYỀN	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	01051	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
52	01052	HOÀNG PHI HÙNG	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
53	01053	KHỔNG TUẤN HÙNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	01054	PHẠM DUY HÙNG	Nam	29/10/2005	Nam Định	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
55	01055	PHẠM VĂN HÙNG	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
56	01056	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	28/10/2005	Hải Dương	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
57	01057	VŨ TRỌNG HÙNG	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
58	01058	BÙI MAI HƯƠNG	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
59	01059	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
60	01060	BÙI THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	02/02/2005	Bình Dương	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
61	01061	ĐỖ THỊ THU HƯỜNG	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	8.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
62	01062	BÙI CHÍNH HỮU	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	8.5	5.25	10	8.81	Đ		Khá
63	01063	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	01/9/2005	Ninh Bình	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
64	01064	PHẠM QUANG KHÁNH	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	8.8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
65	01065	HOÀNG TRUNG KIÊN	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.7	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
66	01066	VI TRUNG KIÊN	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
67	01067	PHẠM THỊ LÀNH	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
68	01068	VŨ XUÂN LÂM	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
69	01069	HOÀNG NGỌC LINH	Nam	30/12/2004	Quảng Ninh	8.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
70	01070	LĂNG THỊ THÙY LINH	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
71	01071	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
72	01072	NGUYỄN TRANG LINH	Nữ	01/9/2005	Hà Nội	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
73	01073	TRẦN THỊ HẢI LINH	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
74	01074	HOÀNG THỊ THANH LOAN	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
75	01075	TRẦN ĐỨC LONG	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	01076	TRẦN TIẾN LONG	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
77	01077	NGÔ HOÀNG LƯƠNG	Nam	13/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
78	01078	VI NGỌC LƯƠNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
79	01079	PHÙNG THỊ LƯU	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
80	01080	VY TIẾN LỰC	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
81	01081	HOÀNG NGỌC LY	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
82	01082	VŨ THỊ MAI	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
83	01083	LÂM ĐỨC MẠNH	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
84	01084	NGÔ ĐÌNH MẠNH	Nam	17/11/2004	Quảng Ninh	8.4	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
85	01085	VŨ ĐỨC MẠNH	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
86	01086	VŨ ĐỨC MẠNH	Nam	12/10/2005	Yên Bái	8.1	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
87	01087	TRƯƠNG THỊ MIỀU	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	9.5	9.31	Đ		Giỏi
88	01088	TRẦN CÔNG MINH	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
89	01089	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÀ MY	Nữ	06/02/2005	Thái Bình	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	01090	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
91	01091	LÊ TRUNG NGHĨA	Nam	18/10/2005	Hải Dương	8.6	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
92	01092	LÊ VĂN NGHĨA	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
93	01093	NGUYỄN VĂN NGOAN	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
94	01094	GIANG THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
95	01095	TRẦN THỊ HOÀNG NGUYÊN	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
96	01096	BÙI THỊ XUÂN NHÀI	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.5	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
97	01097	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
98	01098	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
99	01099	ĐẶNG QUANG PHÁT	Nam	05/9/2005	Thái Bình	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
100	01100	VŨ NGỌC PHÁT	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8.1	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
101	01101	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	01102	LẠI VĂN PHỤNG	Nam	14/02/2005	Thái Bình	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
103	01103	HỨA THU PHƯƠNG	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	01104	NGÔ THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.4	5.25	10	8.81	Đ		Khá
105	01105	PHẠM ĐỨC PHƯƠNG	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
106	01106	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
107	01107	VŨ THỊ PHƯƠNG	Nữ	20/01/2005	Hải Dương	8.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
108	01108	NGUYỄN CAO ĐỨC QUANG	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
109	01109	NGUYỄN CÔNG QUANG	Nam	26/10/2005	Hà Nội	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
110	01110	TRẦN MINH QUANG	Nam	19/9/2004	Hải Dương	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
111	01111	NGUYỄN LỆ THÚY QUÂN	Nữ	31/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
112	01112	BÙI DUY QUYỀN	Nam	04/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	01113	BÙI ĐỨC QUYỀN	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
114	01114	ĐẶNG THẢO QUỲNH	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	01115	HOÀNG THỊ LƯU QUỲNH	Nữ	31/3/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	01116	NGÔ XUÂN QUỲNH	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	01117	BÙI HOÀNG SƠN	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	01118	HOÀNG NGỌC SƠN	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
119	01119	LÊ VĂN SƠN	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	01120	BÙI NGUYỄN ANH TÀI	Nam	16/3/2005	Nghệ An	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
121	01121	ĐỖ HỮU TÀI	Nam	15/02/2005	Hưng Yên	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	01122	VŨ QUANG TẠO	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
123	01123	VŨ THỊ THANH TÂM	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
124	01124	TRẦN ĐỨC THÀNH	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	01125	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	01126	NGÔ VĂN THÁI	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	01127	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	01128	BÙI MẠNH THẮNG	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
129	01129	NGUYỄN THỊ THÊM	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	01130	NGUYỄN ĐÌNH THI	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	01131	HÀ ĐỨC THIỆN	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	01132	NGUYỄN HOÀI THU	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	01133	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	01134	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
135	01135	TRẦN THỊ MINH THU	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
136	01136	VŨ THỊ THU	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	01137	TRƯƠNG ANH THƯ	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	01138	TRƯƠNG MINH THƯ	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
139	01139	HOÀNG THANH TIỀN	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	01140	LÊ ĐỨC TIẾN	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	01141	TRẦN VĂN TÌNH	Nam	11/02/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
142	01142	PHẠM ĐỨC TOÀN	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
143	01143	ĐỖ THỊ KIM TRANG	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
144	01144	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
145	01145	VI THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	15/3/2005	Quảng Ninh	8.2	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
146	01146	BÙI VĂN TRƯỜNG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
147	01147	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
148	01148	ĐOÀN VĂN TUẤN	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.6	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
149	01149	LẠI QUỐC TUẤN	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
150	01150	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	7.8	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
151	01151	PHẠM QUỐC TUẤN	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
152	01152	TRƯƠNG THANH TUYỀN	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
153	01153	BÙI THỊ TUYẾT	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	01154	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.6	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
155	01155	NGUYỄN VĂN TÙNG	Nam	07/12/2004	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
156	01156	PHẠM THANH TÙNG	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
157	01157	ĐINH CÔNG TUẤN TÚ	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.5	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
158	01158	TRƯƠNG VĂN ƯỚC	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	8.6	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
159	01159	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	Nữ	06/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
160	01160	HOÀNG QUỐC VIỆT	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
161	01161	PHẠM HUY VINH	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.4	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
162	01162	NGUYỄN VĂN VĨNH	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	9.5	9.31	Đ		Giỏi
163	01163	HOÀNG HẢI YẾN	Nữ	09/12/2004	Quảng Ninh	8.6	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
164	01164	HOÀNG THỊ YẾN	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
165	01165	BÙI HỒNG ANH	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	01166	CAO VIỆT ANH	Nam	27/9/2005	Thái Bình	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	01167	ĐẶNG THÙY ANH	Nữ	02/10/2005	Thái Bình	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	01168	ĐỖ HOÀNG ANH	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	01169	ĐỖ THỊ NGỌC ANH	Nữ	03/11/2005	Thái Bình	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	01170	HÀ VÂN ANH	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	01171	HOÀNG ĐỨC ANH	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	01172	LẠI THẾ ANH	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
173	01173	LÊ HIẾU ANH	Nam	18/01/2005	Hải Phòng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	01174	MAI VÕ MỸ ANH	Nữ	03/8/2005	Hải Phòng	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	01175	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	01176	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	01177	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	01178	TRẦN QUỐC ANH	Nam	12/4/2005	Hưng yên	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	01179	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	01180	VI VIỆT ANH	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	01181	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	14/02/2005	Nam Định	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	01182	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
183	01183	PHẠM VĂN BIỂU	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	01184	HOÀNG THỊ THANH BÌNH	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	01185	HOÀNG THỊ MINH CHÂU	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	01186	TRẦN QUANG CHIẾN	Nam	20/6/2005	Thái Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	01187	VI VIẾT CÓ	Nam	10/12/2005	Lạng Sơn	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	01188	LÂM QUỐC CƯỜNG	Nam	31/8/2005	Hải Phòng	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
189	01189	NGUYỄN DUY CƯỜNG	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
190	01190	VŨ THỊ QUỲNH DIỄM	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	01191	ĐOÀN VĂN DU	Nam	29/8/2005	Thái Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	01192	BÙI THỊ THÙY DUNG	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	01193	NGUYỄN THẾ DUY	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	01194	NGUYỄN TRẦN KHÁNH DUY	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	01195	NGUYỄN MINH DŨNG	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
196	01196	VŨ VĂN DŨNG	Nam	03/02/2005	Hải Dương	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
197	01197	ĐÀO THÙY DƯƠNG	Nữ	11/6/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	01198	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	01199	TRẦN QUẢNG ĐẠI	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	01200	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	01201	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	Nam	14/01/2005	Phú Thọ	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
202	01202	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	01203	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	25/10/2005	Nam Định	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
204	01204	TRẦN QUANG ĐOÀN	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	01205	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	Nam	14/8/2005	Hải Phòng	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	01206	ĐÀO MINH ĐỨC	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	01207	LÊ HỒNG ĐỨC	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	01208	LƯƠNG TRUNG ĐỨC	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
209	01209	NGÔ MINH ĐỨC	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
210	01210	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
211	01211	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	7.9					H	
212	01212	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
213	01213	VŨ TIẾN ĐỨC	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
214	01214	NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
215	01215	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	01216	ĐỖ NGỌC HÀ	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	01217	PHẠM NGỌC HÀ	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
218	01218	BÙI LONG HẢI	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	01219	ĐỖ NGỌC HẢI	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
220	01220	HOÀNG NGỌC LONG HẢI	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
221	01221	HOÀNG ÁNH HẰNG	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	01222	THÔI THANH HẰNG	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	01223	ĐỖ THU HIỀN	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	01224	NGUYỄN NGỌC HIỀN	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	01225	BÙI MINH HIẾU	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	01226	NGUYỄN THẾ HIẾU	Nam	15/10/2005	Thái Bình	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
227	01227	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	01228	TÔ TRUNG HIẾU	Nam	20/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	01229	BÙI THỊ HOA	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	01230	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	19/11/2005	Hải Dương	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	01231	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	Nam	20/4/2005	Thái Bình	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	01232	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	Nam	01/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	01233	PHẠM VĂN HOÀNG	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
234	01234	TRẦN TIẾN HOÀNG	Nam	15/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	01235	TRẦN NGỌC HÒA	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	01236	TRỊNH THỊ HÒA	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	01237	ĐINH QUỐC HUY	Nam	08/3/2005	Hà Nội	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
238	01238	HOÀNG QUANG HUY	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	01239	NGÔ QUANG HUY	Nam	20/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	01240	PHẠM QUANG HUY	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	01241	PHẠM QUANG HUY	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	01242	BÙI THANH HUYỀN	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	01243	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
244	01244	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
245	01245	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
246	01246	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
247	01247	PHẠM NGỌC HUYỀN	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	01248	NGÔ VĂN HƯNG	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
249	01249	TẠ HỶ HƯNG	Nam	04/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
250	01250	TRẦN LAN HƯƠNG	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	01251	VŨ THIÊN HƯƠNG	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
252	01252	HOÀNG DUY KHÁNH	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	01253	PHẠM DUY KHÁNH	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	01254	VĂN ĐÌNH KHỞI	Nam	20/4/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	01255	LÝ TRUNG KIÊN	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
256	01256	HOÀNG THỊ LAN	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	01257	HÀ HẢI LÂM	Nam	18/10/2005	Thái Bình	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	01258	LỤC KHÁNH LÂM	Nữ	10/6/2005	Bắc GIang	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
259	01259	HOÀNG GIA LỄ	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
260	01260	BÙI THÙY LINH	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
261	01261	ĐÀO THỊ KIỀU LINH	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
262	01262	HOÀNG NGỌC LINH	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	01263	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	01264	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
265	01265	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	01266	ĐẶNG BẢO LONG	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
267	01267	NGUYỄN THỊ BẢO LỘC	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	01268	LƯU HOÀNG LUÂN	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
269	01269	BÙI HIỀN LY	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
270	01270	ĐÀO THỊ LY	Nữ	20/12/2005	Hải Dương	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
271	01271	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	01272	BÙI THANH MAI	Nữ	14/5/2005	Nam Định	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	01273	ĐOÀN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	01274	LẠI XUÂN MAI	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	01275	ÔN NGỌC KHÁNH MAI	Nữ	31/10/2005	Hải Phòng	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
276	01276	TRUNG NGỌC MAI	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	01277	CHU ĐỨC MẠNH	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	01278	ĐOÀN NGỌC MẠNH	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
279	01279	LÊ TUẤN MINH	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
280	01280	VÕ ANH MINH	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	01281	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
282	01282	HOÀNG QUỐC NAM	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
283	01283	NGUYỄN THANH NAM	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	01284	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
285	01285	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
286	01286	TRẦN CÔNG NAM	Nam	27/8/2005	Nam Định	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
287	01287	HOÀNG ANH NGỌC	Nam	18/12/2004	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	01288	LÊ MINH NGỌC	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
289	01289	LÝ THỊ NGỌC	Nữ	21/11/2005	Lạng Sơn	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
290	01290	NGUYỄN NHƯ NGỌC	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	01291	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
292	01292	TRẦN NHƯ ÁNH NGỌC	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	01293	VŨ THỊ THANH NHÀN	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	01294	ĐOÀN MINH NHẬT	Nam	26/11/2005	Hưng Yên	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
295	01295	VƯƠNG QUỐC NHẬT	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
296	01296	BÙI THỊ YẾN NHI	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
297	01297	NGUYỄN HOÀNG XUÂN NHI	Nữ	29/9/2005	Hải Phòng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
298	01298	PHAN PHẠM LAN NHI	Nữ	24/02/2005	Quảng Ngãi	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
299	01299	PHẠM YẾN NHI	Nữ	27/9/2005	Hà Nội	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
300	01300	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
301	01301	NÔNG THỊ PHI NHUNG	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
302	01302	HOÀNG DIỆU NINH	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
303	01303	HOÀNG ĐỨC NINH	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
304	01304	NGUYỄN NGỌC NINH	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
305	01305	TẠ HẢI NINH	Nữ	16/3/2005	Hưng Yên	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
306	01306	VŨ KIỀU OANH	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
307	01307	ĐÀO GIA PHÚ	Nam	23/12/2005	Hà Nội	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
308	01308	ĐẶNG NGỌC PHÚ	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
309	01309	LƯƠNG XUÂN PHÚ	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	01310	PHẠM THÀNH PHÚC	Nam	01/5/2005	Ninh Bình	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
311	01311	BÙI THU PHƯƠNG	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
312	01312	ĐẶNG ÁNH PHƯƠNG	Nữ	16/4/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
313	01313	HÀ THỊ PHƯƠNG	Nữ	29/12/2005	Thái Bình	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
314	01314	NGUYỄN TIẾN PHƯƠNG	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
315	01315	VY THỊ PHƯỢNG	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
316	01316	TRƯƠNG ĐÌNH QUANG	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
317	01317	HOÀNG VĂN QUẢNG	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
318	01318	NGUYỄN THÀNH QUẢNG	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
319	01319	TRẦN HỒNG QUẢNG	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
320	01320	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
321	01321	TRẦN MẠNH QUÂN	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
322	01322	NGUYỄN MINH QUYỀN	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
323	01323	TRẦN VĂN QUYỀN	Nam	20/11/2005	Hưng Yên	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
324	01324	BÙI VĂN QUÝ	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
325	01325	PHẠM CAO SANG	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
326	01326	NGUYỄN THỊ BÌNH SINH	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
327	01327	NGUYỄN VĂN SÌNH	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
328	01328	HOÀNG ĐÌNH SƠN	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
329	01329	NGUYỄN HẢI SƠN	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
330	01330	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
331	01331	NGUYỄN THẾ SƠN	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
332	01332	PHẠM VĂN SƠN	Nam	01/4/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
333	01333	TRỊNH ĐỨC SƠN	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
334	01334	HOÀNG MINH TÀI	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
335	01335	NGUYỄN ĐỨC TÂM	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	01336	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
337	01337	TRẦN MỸ TÂM	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
338	01338	TRẦN THỊ MINH TÂM	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
339	01339	PHẠM VĂN TÂN	Nam	05/8/2005	Hải Dương	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
340	01340	BÙI NGỌC THANH	Nam	29/01/2005	Hưng Yên	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
341	01341	ĐINH THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
342	01342	NGUYỄN ĐỒNG THANH	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
343	01343	ĐỖ VĂN THÀNH	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
344	01344	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
345	01345	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
346	01346	HOÀNG THỊ BÍCH THẢO	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
347	01347	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
348	01348	NGÔ THỊ MAI THẢO	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
349	01349	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
350	01350	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
351	01351	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
352	01352	HOÀNG ANH THÁI	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
353	01353	MAI ĐỨC THẮNG	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
354	01354	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	06/11/2005	Nam Định	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
355	01355	TỐNG VĂN THẮNG	Nam	31/5/2005	Thanh Hóa	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
356	01356	VŨ HÙNG THẮNG	Nam	20/6/2005	Nam Định	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
357	01357	BÙI NHƯ THUẦN	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
358	01358	NGUYỄN QUANG THUẬN	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
359	01359	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
360	01360	NGÔ THỊ THANH THỦY	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
361	01361	PHẠM THANH THỦY	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	01362	PHẠM PHƯƠNG THÚY	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
363	01363	VŨ THỊ THANH THÚY	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
364	01364	HOÀNG THỊ MINH THƯ	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
365	01365	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯ	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
366	01366	VY VĂN THANH THƯ	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
367	01367	NGUYỄN NGỌC THƯƠNG	Nữ	24/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
368	01368	TRẦN CÔNG THƯƠNG	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
369	01369	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
370	01370	LÂM MẠNH TIẾN	Nam	19/3/2005	Hải Phòng	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
371	01371	NGỌC HUY TOÀN	Nam	11/10/2005	Lạng Sơn	8.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
372	01372	ĐÀO HÀ TRANG	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
373	01373	ĐỖ HẠNH NGUYÊN TRANG	Nữ	03/7/2005	Hưng Yên	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
374	01374	HOÀNG THU TRANG	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
375	01375	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
376	01376	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
377	01377	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
378	01378	LÊ VĂN TRỌNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
379	01379	VŨ ĐỨC TRỌNG	Nam	26/10/2005	Bắc Ninh	8.3	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
380	01380	LƯƠNG SƠN TRUNG	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
381	01381	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
382	01382	ĐINH THANH TRÚC	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
383	01383	LƯƠNG NHƯ TRƯƠNG	Nam	29/5/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
384	01384	PHẠM QUANG TRƯỜNG	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
385	01385	TRẦN MINH TRƯỜNG	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
386	01386	NHÂM ANH TUẤN	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
387	01387	NGUYỄN ĐỨC TUYÊN	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 01 - Trường THCS&THPT Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
388	01388	HOÀNG MẠNH TÙNG	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
389	01389	NGUYỄN XUÂN TÙNG	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
390	01390	BÙI CẨM TÚ	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
391	01391	NGUYỄN GIA TÚ	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
392	01392	VŨ MINH TÚ	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
393	01393	CHU VŨ YẾN VÂN	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
394	01394	TRẦN HẢI VÂN	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
395	01395	LÊ QUỐC VIỆT	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
396	01396	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	Nam	13/5/2005	Thái Bình	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
397	01397	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
398	01398	VŨ HOÀNG VIỆT	Nam	06/11/2004	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
399	01399	BÙI THANH VINH	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
400	01400	VŨ ĐỨC VINH	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
401	01401	BÙI QUỐC VƯỢNG	Nam	20/4/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
402	01402	KHỔNG THỊ THẢO VY	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
403	01403	TÔ VĂN YÊN	Nam	21/02/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
404	01404	ĐOÀN HẢI YẾN	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
405	01405	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	02001	VŨ TRƯỜNG AN	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
2	02002	BÙI NGỌC ANH	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
3	02003	BÙI VIỆT ANH	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
4	02004	CHU HOÀNG ANH	Nam	03/7/2005	Thái Bình	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
5	02005	DOÃN HÀ ANH	Nữ	31/3/2005	Hải Phòng	9.3	6.75	9.5	8.81	Đ		Khá
6	02006	ĐÀO XUÂN TÚ ANH	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
7	02007	ĐẶNG MAI THẢO ANH	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
8	02008	HOÀNG VIỆT ANH	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
9	02009	HOÀNG VY ANH	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
10	02010	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
11	02011	NGÔ NGỌC ANH	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
12	02012	NGUYỄN CHÂU ANH	Nữ	26/01/2005	Hà Nội	8.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
13	02013	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
14	02014	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	02015	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
16	02016	NGUYỄN QUANG HẢI ANH	Nam	09/01/2005	Thái Bình	9.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
17	02017	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
18	02018	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
19	02019	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	06/12/2005	Nam Định	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
20	02020	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	11/10/2005	Hải Dương	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	02021	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
22	02022	PHẠM NAM ANH	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
23	02023	PHẠM NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	05/7/2005	Nam Định	9.1	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	02024	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
25	02025	PHẠM THỊ TRÌNH ANH	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
26	02026	PHẠM TUẤN ANH	Nam	20/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
27	02027	PHẠM VIỆT ANH	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	8.8	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
28	02028	PHẠM VŨ CHÂU ANH	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
29	02029	PHÙN TUẤN ANH	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
30	02030	VŨ KHẮC VIỆT ANH	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
31	02031	BÙI NGỌC ÁNH	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	02032	HÀ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	24/9/2005	Thái Bình	8.7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
33	02033	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	02034	NGUYỄN HỒNG ÁNH	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
35	02035	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
36	02036	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	Nữ	06/9/2005	Hải Phòng	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
37	02037	PHẠM THỊ ÁNH	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
38	02038	VI HỒNG ÁNH	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	02039	VŨ CHÍ BẢO	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	02040	NGÔ QUỐC BẮC	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	9.1	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
41	02041	LÊ THỊ BÉ	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
42	02042	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
43	02043	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
44	02044	NGUYỄN THỊ CẨM BÌNH	Nữ	16/11/2005	Hải Phòng	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	02045	NGUYỄN THANH CẢNH	Nam	11/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	02046	ÔN THỊ THÚY CẦN	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	02047	BÙI MINH CHÂU	Nữ	10/6/2005	TP Hồ Chí Minh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	02048	NGUYỄN ÍCH CHÂU	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
49	02049	HOÀNG KIM CHI	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	02050	HOÀNG KIM CHI	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
51	02051	LÊ THỊ LINH CHI	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
52	02052	NGUYỄN KIM CHI	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	02053	NGUYỄN MAI CHI	Nữ	07/11/2005	Thanh Hóa	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	02054	PHẠM VĂN CHIẾN	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	02055	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	02056	ĐẶNG NGỌC CÚC	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	9.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
57	02057	LÊ QUỐC CƯỜNG	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
58	02058	TRẦN MINH DANH	Nam	17/10/2004	Ninh Bình	9.2	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
59	02059	HOÀNG THÙY DUNG	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
60	02060	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	02061	BÙI ĐỨC DUY	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
62	02062	LÊ HẢI DUY	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
63	02063	LÊ QUỐC DUY	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	02064	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	02065	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
66	02066	PHÙN ĐỨC DUY	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
67	02067	NGUYỄN ĐỖ KỲ DUYÊN	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	02068	NGUYỄN THÙY DUYÊN	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	02069	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	12/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	02070	BÙI VĂN DŨNG	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
71	02071	ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	02072	NGUYỄN PHÚC HẢI DƯƠNG	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.7	5	10	8.75	Đ		Khá
73	02073	PHẠM NGUYỄN HẢI DƯƠNG	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	02074	TRẦN TÙNG DƯƠNG	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
75	02075	TRẦN TÙNG DƯƠNG	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	02076	VI THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	02077	PHẠM HÀ CẢNH ĐAN	Nam	26/4/2005	Hải Phòng	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
78	02078	TRỊNH PHÁT ĐẠT	Nam	04/6/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
79	02079	LÝ GIA ĐẠI	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	02080	BÙI THÀNH ĐẠT	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
81	02081	ĐỖ THÀNH ĐẠT	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	02082	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	02083	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	8.9	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
84	02084	TRẦN TRỌNG ĐẠT	Nam	27/02/2005	Thừa Thiên Huế	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
85	02085	HOÀNG NGỌC ĐIỆP	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	9	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
86	02086	NGUYỄN MẠNH ĐÌNH	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
87	02087	NGUYỄN THỊ ĐƯỢC	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	02088	ĐỖ MINH ĐỨC	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	02089	LÝ MINH ĐỨC	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	02090	MÃ MẠNH ĐỨC	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
91	02091	PHAN QUYỀN ĐỨC	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
92	02092	TRƯƠNG VĂN GIA	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	02093	ĐOÀN HƯƠNG GIANG	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
94	02094	GIANG TRƯỜNG GIANG	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	9.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
95	02095	LƯƠNG PHẠM TRÀ GIANG	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	02096	NGUYỄN THANH GIANG	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
97	02097	TRẦN THỊ HÀ GIANG	Nữ	26/01/2005	Bắc Ninh	9.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
98	02098	VŨ TRƯỜNG GIANG	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
99	02099	VŨ HƯƠNG GIANG	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
100	02100	BÙI THỊ THU HÀ	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
101	02101	ĐINH THỊ THU HÀ	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	9.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	02102	ĐỖ THỊ NGÂN HÀ	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	02103	HOÀNG THỊ THU HÀ	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
104	02104	LẠI THU HÀ	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	9.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
105	02105	LƯƠNG HOÀNG HÀ	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	02106	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
107	02107	PHẠM VIỆT HÀ	Nam	26/10/2005	Hưng Yên	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	02108	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
109	02109	TRẦN THU HÀ	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	02110	VŨ THỊ HỒNG HÀ	Nữ	08/4/2004	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
111	02111	NGUYỄN HUY HẢI	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	02112	PHẠM ĐỨC HẢI	Nam	27/5/2005	Hưng Yên	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	02113	VŨ THỊ HẠ	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	9.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
114	02114	ĐINH MỸ HẠNH	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
115	02115	VŨ THỊ HẠNH	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
116	02116	HOÀNG THỊ THUÝ HẰNG	Nữ	29/10/2005	Hưng Yên	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
117	02117	LÂM THỊ HẰNG	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
118	02118	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	14/12/2005	Hà Nội	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
119	02119	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	02120	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	23/7/2005	Thái Bình	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	02121	BÙI THỊ HẬU	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
122	02122	NGUYỄN MINH HẬU	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
123	02123	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	10/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
124	02124	ĐÀO NGỌC HIỀN	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	02125	NGÔ THỊ THANH HIỀN	Nữ	15/02/2005	Ninh Bình	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
126	02126	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
127	02127	ĐỖ TRUNG HIẾU	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	02128	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	04/5/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	02129	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	02130	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
131	02131	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	02132	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
133	02133	BÙI TRỌNG HIỆP	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	02134	BÙI TUẤN HIỆP	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
135	02135	TRỊNH XUÂN HIỆP	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
136	02136	VŨ HỮU HIỆU	Nam	22/4/2005	Hải Dương	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
137	02137	NGUYỄN HỒNG HOA	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	02138	NGUYỄN MAI HOA	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
139	02139	NGUYỄN THỊ HÒA	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	02140	NGUYỄN THỊ THANH HOA	Nữ	12/5/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
141	02141	TRƯƠNG LỆ HOA	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	02142	ĐỒNG HUY HOÀNG	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	02143	ĐINH THIỆN HOÀNG	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
144	02144	NGUYỄN CAO HOÀNG	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	8.2	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
145	02145	NGUYỄN TUẤN HOÀNG	Nam	22/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	02146	PHAN NHẬT HOÀNG	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
147	02147	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
148	02148	VŨ HUY HOÀNG	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
149	02149	PHẠM MINH HÒA	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
150	02150	QUÁCH THU HÒA	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
151	02151	PHẠM ĐỨC HỒNG	Nam	13/8/2005	Hưng Yên	8.6	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
152	02152	LÊ THỊ THANH HUỆ	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	8.9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
153	02153	NÌNH A HÙNG	Nam	13/4/2005	Quảng Ninh	9.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	02154	BÙI QUANG HUY	Nam	29/5/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
155	02155	ĐINH THẾ HUY	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	8.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
156	02156	HOÀNG CÔNG HUY	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	02157	NGÔ GIA HUY	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
158	02158	NGUYỄN ĐẮC HUY	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
159	02159	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	02160	VŨ ĐỨC HUY	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
161	02161	VŨ QUANG HUY	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	02162	VƯƠNG GIA HUY	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
163	02163	HOÀNG THỊ HUYỀN	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
164	02164	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	02165	VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
166	02166	BÙI THỊ THU HUYỀN	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
167	02167	ĐOÀN NGỌC HUYỀN	Nữ	08/6/2005	Hải Phòng	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
168	02168	ĐỖ CHU KHÁNH HUYỀN	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
169	02169	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	02170	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	02171	PHẠM THỊ MAI HUYỀN	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	02172	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
173	02173	DƯƠNG ĐỨC HÙNG	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
174	02174	HOÀNG PHI HÙNG	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	02175	NGUYỄN THẾ HÙNG	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
176	02176	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
177	02177	BÙI QUANG HƯNG	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	02178	NGUYỄN BẢO HƯNG	Nam	18/6/2005	Hải Phòng	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	02179	NGUYỄN VŨ DUY HƯNG	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	02180	ĐOÀN THU HƯƠNG	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
181	02181	ĐỖ THỊ HƯƠNG	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	02182	TRẦN LÝ HƯƠNG	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	02183	TRẦN THU HƯƠNG	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	02184	VŨ THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	9.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
185	02185	NGÔ QUANG KHẢI	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	02186	MẠCH TRIỆU NGÂN KHANH	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	02187	ĐỖ QUANG KHẢI	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	02188	HOÀNG GIA KHÁNH	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
189	02189	TĂNG VĂN KHÁNH	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	02190	TRẦN THỊ MAI KHÁNH	Nữ	19/4/2004	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	02191	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	02192	PHÙN NGỌC KIÊN	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	02193	LÊ PHƯỚC TUẤN KIỆT	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	02194	NGUYỄN THỊ ÚC LAM	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
195	02195	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
196	02196	VŨ THỊ NGỌC LAN	Nữ	05/3/2005	Nam Định	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	02197	NGUYỄN KHÁNH LÂM	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
198	02198	PHẠM NGUYỄN HOÀNG LÂM	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
199	02199	LÊ THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
200	02200	BÙI THÙY LINH	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	02201	KIỀU NGỌC LINH	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
202	02202	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
203	02203	NGUYỄN HOÀI LINH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
204	02204	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	15/5/2005	Hải Dương	8.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
205	02205	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	02/5/2005	Hưng Yên	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	02206	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	02207	NÔNG THỊ THÙY LINH	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	02208	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	02209	PHẠM THỊ MAI LINH	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	02210	PHẠM THỊ THUỲ LINH	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
211	02211	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	9.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
212	02212	TRẦN DIỆU KHÁNH LINH	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	02213	TRỊNH THẢO LINH	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	02214	VŨ NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	02215	VŨ THUỲ LINH	Nữ	14/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	02216	ĐỖ THỊ THANH LOAN	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	02217	LÊ THÁI LONG	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	02218	MẠC VĂN LONG	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
219	02219	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	02220	PHÙNG THẾ LONG	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	02221	TRẦN ĐẶNG BẢO LONG	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
222	02222	LĂNG THỊ KIM LUYẾN	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	02223	HOÀNG THỊ LƯU	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	02224	ĐỖ THỊ CẨM LY	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	02225	HOÀNG THỊ KHÁNH LY	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	02226	NGUYỄN NGỌC LY	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
227	02227	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	02228	ĐỖ ĐỨC MẠNH	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	02229	HOÀNG DUY MẠNH	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
230	02230	BÙI TUỆ MẪN	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	02231	NGUYỄN NGỌC DIỆU MI	Nữ	19/3/2005	Thừa Thiên Huế	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	02232	ĐOÀN NHẬT MINH	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	02233	KHỔNG ĐỨC MINH	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	02234	NGUYỄN THIÊN MINH	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	02235	NGUYỄN VŨ NGỌC MINH	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	02236	PHẠM CHÍ MINH	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	02237	PHẠM NHẬT MINH	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	02238	LÃNH TRÀ MY	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	02239	LƯƠNG HUYỀN MY	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	02240	TRẦN THỊ MY MY	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
241	02241	HOÀNG NGỌC NAM	Nam	03/3/2005	Hải Dương	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
242	02242	TRẦN ĐÌNH NAM	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
243	02243	TRẦN HẢI NAM	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
244	02244	HOÀNG THỊ THÚY NGA	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
245	02245	NGUYỄN QUỲNH NGA	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
246	02246	NÔNG THỊ THANH NGA	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
247	02247	PHẠM THỊ NGA	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
248	02248	BÙI THỊ MAI NGÂN	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
249	02249	NÌNH THỊ NGÂN	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
250	02250	PHẠM NGỌC KIM NGÂN	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	8.6	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
251	02251	PHẠM THỊ KIM NGÂN	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
252	02252	VI TIẾN NGHIỆP	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
253	02253	ĐỖ MỸ NGỌC	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	8.5	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
254	02254	HOÀNG ÁNH NGỌC	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
255	02255	LÊ BÍCH NGỌC	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
256	02256	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
257	02257	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	28/6/2005	Đăk Nông	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	02258	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
259	02259	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
260	02260	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
261	02261	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	04/4/2005	Hưng Yên	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
262	02262	PHẠM THỊ MINH NGỌC	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	02263	BÙI THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
264	02264	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
265	02265	PHẠM TRUNG NGUYÊN	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
266	02266	NGUYỄN MINH NGUYỆT	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
267	02267	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
268	02268	TRẦN MINH NGUYỆT	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
269	02269	PHẠM MAI THANH NHÀN	Nữ	08/9/2005	Bình Định	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
270	02270	PHẠM THANH NHÀN	Nữ	17/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
271	02271	HOÀNG TRỌNG NHÂN	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	02272	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
273	02273	HOÀNG YẾN NHI	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	02274	HOÀNG QUỲNH NHI	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
275	02275	HOÀNG THỊ YẾN NHI	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	9.4	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
276	02276	NGUYỄN HOÀNG YẾN NHI	Nữ	26/6/2005	Hà Nội	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	02277	NGUYỄN HƯƠNG NHI	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	02278	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
279	02279	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	02/8/2005	Bắc Giang	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
280	02280	TĂNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	02281	ĐỖ THỊ HẢI NINH	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
282	02282	NGUYỄN HẢI NINH	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
283	02283	LÊ HẠ NƯƠNG	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	02284	HOÀNG THỊ KIM OANH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
285	02285	TRẦN THỊ KIỀU OANH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
286	02286	VŨ KIM OANH	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
287	02287	ĐINH TÂN PHÁT	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	02288	NGÔ NHUẬN PHÁT	Nam	15/02/2005	Hải Phòng	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
289	02289	PHẠM VĂN PHONG	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
290	02290	TĂNG XUÂN PHONG	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
291	02291	TRẦN CAO PHONG	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
292	02292	ĐẶNG GIA PHÚ	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	02293	TRẦN VĂN PHÚ	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	02294	PHẠM THANH PHÚC	Nữ	21/6/2005	Hải Phòng	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
295	02295	BÙI THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
296	02296	ĐỖ PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
297	02297	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	Nữ	30/01/2005	Nam Định	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
298	02298	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
299	02299	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
300	02300	TRẦN HỒNG PHƯỢNG	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
301	02301	TRẦN THÁI PHƯƠNG	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
302	02302	LÊ MINH QUANG	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	9.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
303	02303	LÊ MINH QUANG	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
304	02304	NGÔ THÀNH QUÂN	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
305	02305	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
306	02306	TRẦN BẢO QUỐC	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
307	02307	TRƯƠNG TÚ QUYÊN	Nữ	12/9/2005	Yên Bái	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
308	02308	BÙI THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	02309	ĐÀO THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	02310	NGÔ THU QUỲNH	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
311	02311	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
312	02312	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
313	02313	NGUYỄN THÚY QUỲNH	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
314	02314	PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	25/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
315	02315	NỊNH VĂN SINH	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	9.2	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
316	02316	NÌNH MÓC SỊN	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	7.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
317	02317	HOÀNG HẢI SƠN	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
318	02318	HOÀNG THANH SƠN	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
319	02319	HOÀNG THÁI SƠN	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
320	02320	HOÀNG THÁI SƠN	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
321	02321	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
322	02322	NGUYỄN TRUNG SƠN	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
323	02323	TRỊNH HOÀNG SƠN	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
324	02324	BÙI THỊ THANH TÂM	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
325	02325	TRẦN VĂN TÂN	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
326	02326	ĐÀO PHƯƠNG THANH	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
327	02327	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
328	02328	NGUYỄN NHẬT THANH	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
329	02329	VŨ THỊ HUYỀN THANH	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
330	02330	BÙI THỊ THANH THẢO	Nữ	14/5/2005	Hải Phòng	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
331	02331	VŨ TRƯỜNG THÀNH	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
332	02332	BÙI THỊ THẢO	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
333	02333	CHU PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
334	02334	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
335	02335	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	02336	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
337	02337	HOÀNG THỊ THANH THẢO	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	9.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
338	02338	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/3/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
339	02339	LÊ THỊ KIM THẢO	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
340	02340	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
341	02341	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	25/01/2005	Hải Phòng	9.1					H	
342	02342	PHẠM THỊ THANH THẢO	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
343	02343	NGUYỄN ĐỨC THÁI	Nam	03/6/2005	Thái Bình	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
344	02344	TRẦN QUYẾT THẮNG	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
345	02345	HOÀNG THỊ THẮM	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
346	02346	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
347	02347	ĐOÀN VĂN THẮNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
348	02348	HOÀNG VĂN THẮNG	Nam	03/11/2003	Quảng Ninh	8.2					H	
349	02349	TRẦN MẠNH THẮNG	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
350	02350	NGUYỄN VĂN THIỆN	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
351	02351	LÊ ĐỨC THỊNH	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	8.9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
352	02352	BÙI THỊ KIM THOA	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
353	02353	NÌNH VĂN THỐNG	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	9.6	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
354	02354	HOÀNG THỊ ÁNH THU	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
355	02355	LÊ THỊ HÀ THU	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
356	02356	LƯƠNG THANH THUỲ	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
357	02357	NGÔ THANH THÙY	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
358	02358	TẠ THỊ THỦY	Nữ	21/11/2005	Hưng Yên	9.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
359	02359	NGUYỄN KIM THÙY	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
360	02360	MAI THỊ THỦY	Nữ	04/11/2005	Hải Phòng	8.7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
361	02361	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	02362	HOÀNG THỊ ANH THƯ	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
363	02363	LÊ BẢO THƯ	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	9.2					H	
364	02364	VŨ MINH THƯ	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
365	02365	ĐẶNG THỊ HIỀN THƯƠNG	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
366	02366	NGUYỄN KIM THƯƠNG	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
367	02367	NGUYỄN NGỌC THƯƠNG	Nữ	28/02/2005	Hà Nội	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
368	02368	PHẠM HỮU THƯỞNG	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
369	02369	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
370	02370	NGUYỄN THỦY TIÊN	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
371	02371	TRẦN THANH TIỆP	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
372	02372	LÊ VĂN TOẢN	Nam	22/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
373	02373	VŨ TRỌNG TOÀN	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
374	02374	PHẠM VĂN TOÁN	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
375	02375	BÙI KHÁNH TRANG	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
376	02376	BÙI THỊ TRANG	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
377	02377	ĐẶNG THÙY TRANG	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
378	02378	HOÀNG THU TRANG	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	9.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
379	02379	HOÀNG THÙY TRANG	Nữ	16/4/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
380	02380	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
381	02381	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
382	02382	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	9.4	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
383	02383	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
384	02384	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
385	02385	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
386	02386	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
387	02387	TRẦN XUÂN TRANG	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
388	02388	VY THÙY TRANG	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
389	02389	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÀ	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
390	02390	TRẦN THANH TRÀ	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
391	02391	VI THANH TRÀ	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
392	02392	VŨ THANH TRÀ	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
393	02393	ĐÀM NGỌC TRÂM	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
394	02394	ĐỖ QUỲNH TRÂM	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
395	02395	PHẠM THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
396	02396	ĐOÀN THỊ TRINH	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
397	02397	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
398	02398	NGUYỄN VĂN TRUNG	Nam	27/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
399	02399	NGUYỄN THANH THANH TRÚC	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
400	02400	ĐỖ NGỌC TRƯỜNG	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
401	02401	ĐỖ NHẬT TRƯỜNG	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
402	02402	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG	Nam	09/3/2005	Thái Bình	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
403	02403	PHẠM VĂN TRƯỜNG	Nam	19/4/2005	Quảng Ninh	8.5	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
404	02404	TẰNG VĂN TRƯỜNG	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
405	02405	PHẠM HOÀNG TUẤN	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
406	02406	ĐINH VĂN TUẤN	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
407	02407	LÊ ANH TUẤN	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
408	02408	NGUYỄN DUY QUỐC TUẤN	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
409	02409	VŨ ANH TUẤN	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
410	02410	NGUYỄN MẠNH TÙNG	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
411	02411	ĐỖ TRÀNG TUYÊN	Nam	15/01/2005	Hưng Yên	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
412	02412	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	30/5/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
413	02413	HOÀNG NGỌC TÙNG	Nam	23/6/2005	Thái Nguyên	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
414	02414	NGUYỄN KHÁNH TÙNG	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
415	02415	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
416	02416	VY THANH TÙNG	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
417	02417	LÊ TÚ UYÊN	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
418	02418	LIÊU THỊ TỐ UYÊN	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
419	02419	NGUYỄN NGỌC UYÊN	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
420	02420	VŨ THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
421	02421	VŨ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
422	02422	HOÀNG CẨM VÂN	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
423	02423	HOÀNG HÀ TƯỜNG VÂN	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
424	02424	PHẠM THẢO VÂN	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
425	02425	VƯƠNG THỊ VÂN	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
426	02426	TẠ QUỐC VIỆT	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
427	02427	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
428	02428	VŨ ĐỨC VIỆT	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
429	02429	LĂNG ĐỨC VINH	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
430	02430	NGÔ CHÍ VĨ	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
431	02431	NGUYỄN THANH VŨ	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
432	02432	ĐẶNG THỊ KIỀU VY	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
433	02433	ĐỖ HÀ VY	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
434	02434	HOÀNG HÀ VY	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
435	02435	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
436	02436	NGUYỄN NGỌC YẾN VY	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
437	02437	NGUYỄN THỊ YẾN VY	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
438	02438	VŨ HÀ VY	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
439	02439	VŨ HÀ VY	Nữ	27/8/2005	Hà Nội	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 03 - Trường THPT Trần Phú

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
440	02440	HOÀNG TRỌNG VỸ	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
441	02441	TRẦN VĂN XUÂN	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
442	02442	BÙI THỊ HẢI YẾN	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
443	02443	ĐÀM HẢI YẾN	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
444	02444	ĐỖ HẢI YẾN	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
445	02445	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
446	02446	VŨ THỊ YẾN	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	03001	NGUYỄN THỊ THÙY AN	Nữ	20/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
2	03002	CAO HỮU NHẬT ANH	Nam	06/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	03003	LÊ TUẤN ANH	Nam	11/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	03004	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	31/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
5	03005	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	16/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
6	03006	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	25/9/2005	Tỉnh Hải Dương	7.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
7	03007	PHẠM DUY ANH	Nam	05/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
8	03008	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	21/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
9	03009	LÊ THỊ ÁNH	Nữ	02/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
10	03010	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	24/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
11	03011	BÙI THANH BÌNH	Nam	18/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
12	03012	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	Nam	12/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
13	03013	PHẠM MINH CHIẾN	Nam	13/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
14	03014	NGUYỄN NGỌC CHUNG	Nam	24/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
15	03015	NGUYỄN THỊ CHÚC	Nữ	11/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
16	03016	PHẠM CÔNG DINH	Nam	12/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
17	03017	VŨ VĂN DUY	Nam	20/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
18	03018	VI THỊ THU DUYÊN	Nữ	24/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
19	03019	MẠC QUỐC DŨNG	Nam	07/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
20	03020	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	16/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
21	03021	BÙI TIẾN ĐẠT	Nam	11/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
22	03022	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	24/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
23	03023	TRẦN VĂN ĐẠT	Nam	02/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	03024	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	Nam	01/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
25	03025	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Nam	13/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
26	03026	PHẠM VĂN ĐỨC	Nam	04/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
27	03027	VẮN VĂN ĐỨC	Nam	18/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
28	03028	NGUYỄN AN GIANG	Nam	09/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
29	03029	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	04/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
30	03030	NGÔ THỊ THU HÀ	Nữ	14/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	5.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	03031	LÊ TIẾN HẢI	Nam	01/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.7	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
32	03032	LƯƠNG NGỌC HẢI	Nam	30/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.9	7	9	8.50	Đ		Khá
33	03033	PHẠM TIẾN HẢI	Nam	31/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
34	03034	PHẠM VĂN HẢI	Nam	18/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
35	03035	ĐỖ VĂN HIỆP	Nam	28/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	03036	CHU LAN HOA	Nữ	22/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
37	03037	ĐẶNG THỊ HOA	Nữ	11/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
38	03038	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	07/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
39	03039	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	Nữ	02/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	03040	PHẠM THỊ HOÀI	Nữ	10/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
41	03041	PHẠM THỊ HOÀI	Nữ	11/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7.5	9	8.63	Đ		Khá
42	03042	NGUYỄN THÁI HOÀNG	Nam	09/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.9	5.5	10	8.88	Đ		Khá
43	03043	HOÀNG VĂN HÒA	Nam	01/01/2005	Tỉnh Lạng Sơn	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
44	03044	HOÀNG VĂN HÒA	Nam	10/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
45	03045	PHẠM VĂN HÒA	Nam	05/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
46	03046	BÙI THỊ HỒNG	Nữ	18/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
47	03047	LÝ THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	24/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	03048	TRƯƠNG THỊ HUỆ	Nữ	28/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	03049	BÙI TRỌNG HUY	Nam	14/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	03050	ĐOÀN ĐỨC HUY	Nam	14/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
51	03051	HOÀNG MẠNH HUY	Nam	04/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
52	03052	NGÔ QUANG HUY	Nam	22/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
53	03053	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	05/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	03054	PHẠM TRƯỜNG HUY	Nam	27/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
55	03055	ĐỖ THỊ HUYỀN	Nữ	19/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
56	03056	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	08/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
57	03057	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	23/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
58	03058	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	04/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
59	03059	PHẠM VĂN HÙNG	Nam	09/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
60	03060	HÀ THỊ HƯƠNG	Nữ	15/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
61	03061	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	21/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
62	03062	PHẠM THỊ HƯỜNG	Nữ	19/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	03063	PHẠM DUY KHIÊM	Nam	22/12/2004	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
64	03064	ĐẶNG QUANG KIÊN	Nam	12/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	03065	NGÔ TRUNG KIÊN	Nam	09/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
66	03066	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	02/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
67	03067	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	03/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	03068	PHẠM NGỌC ĐÔNG KIỀU	Nữ	19/01/2005	TP Hải Phòng	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	03069	LƯƠNG VĂN KIỆT	Nam	06/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
70	03070	ĐỖ HƯƠNG LAN	Nữ	27/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	03071	HOÀNG THỊ LỆ	Nữ	29/10/2005	TP Hải Phòng	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	03072	LÊ THỊ KIM LIÊN	Nữ	16/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	03073	HOÀNG NGỌC LINH	Nữ	14/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	03074	HOÀNG THỊ LINH	Nữ	27/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
75	03075	LÊ THỊ LINH	Nữ	09/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	03076	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	25/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	03077	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	12/9/2005	Tỉnh Ninh Bình	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	03078	ÔN DIỆU LINH	Nữ	20/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	03079	PHẠM THỊ KIỀU LINH	Nữ	09/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	03080	ĐỖ THỊ KIM LOAN	Nữ	29/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
81	03081	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	15/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	03082	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	03/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
83	03083	PHẠM ĐÌNH HOÀNG LONG	Nam	03/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	03084	VŨ THÀNH LONG	Nam	14/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	5.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
85	03085	PHẠM VĂN LỢI	Nam	14/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
86	03086	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	31/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
87	03087	NGUYỄN DIỆU LY	Nữ	24/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	03088	PHẠM THẢO LY	Nữ	02/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
89	03089	BÙI THỊ THANH MAI	Nữ	07/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	03090	TRẦN THỊ MAI	Nữ	09/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
91	03091	ĐOÀN ĐÌNH MẠNH	Nam	21/10/2004	Tỉnh Quảng Ninh	5.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
92	03092	HOÀNG THẾ MẠNH	Nam	28/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
93	03093	LÊ TIẾN MẠNH	Nam	22/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
94	03094	BÙI THỊ TUYẾT MINH	Nữ	03/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
95	03095	NGUYỄN HIẾU MINH	Nữ	31/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
96	03096	PHẠM TRÀ MY	Nữ	05/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
97	03097	VI VĂN NAM	Nam	24/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
98	03098	MÃ THANH NGA	Nữ	10/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	03099	NGUYỄN THÚY NGA	Nữ	14/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
100	03100	PHẠM THỊ NGA	Nữ	08/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
101	03101	PHẠM THỊ THANH NGA	Nữ	15/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	03102	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	Nữ	25/6/2005	Tỉnh Nam Định	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
103	03103	NGUYỄN GIA NGHI	Nữ	10/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	03104	MẠC TRỌNG NGHĨA	Nam	25/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
105	03105	NGUYỄN BÌNH NGUYÊN	Nữ	05/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	03106	VŨ THỊ THANH NHÃ	Nữ	25/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
107	03107	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	20/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
108	03108	PHÙN THỊ NHI	Nữ	10/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
109	03109	VI THÀNH NHIÊN	Nam	26/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
110	03110	LÝ HỒNG NHUNG	Nữ	12/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	03111	MẠC THỊ NHUNG	Nữ	29/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
112	03112	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	13/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	03113	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	30/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
114	03114	VŨ THỊ NINH	Nữ	28/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	03115	CHU THỊ KIM OANH	Nữ	16/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	03116	NGUYỄN THỊ MINH OANH	Nữ	13/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8					H	
117	03117	NGUYỄN ĐỨC PHONG	Nam	27/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	03118	PHẠM TUẤN PHONG	Nam	05/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	03119	HOÀNG LƯƠNG PHÚ	Nam	13/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
120	03120	NGÔ HỒNG PHÚC	Nữ	07/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	03121	VY ĐẠI PHÚC	Nam	03/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
122	03122	VŨ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	07/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	03123	VŨ THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	15/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	03124	NGUYỄN DUY QUANG	Nam	07/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	03125	PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	16/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
126	03126	HOÀNG LIÊU SIÊU	Nam	25/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	03127	ĐẶNG THỊ SINH	Nữ	31/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	03128	BÙI VŨ SƠN	Nam	26/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
129	03129	HÀ QUANG SƠN	Nam	23/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	03130	PHẠM THANH SƠN	Nam	08/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
131	03131	ĐỖ THANH TÂM	Nữ	11/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	03132	HOÀNG THỊ TÂM	Nữ	18/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	03133	ĐỖ HẢI TÂN	Nam	07/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	03134	NGUYỄN THU THANH	Nữ	26/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	03135	NGUYỄN PHÙNG THÀNH	Nam	04/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
136	03136	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	24/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
137	03137	VI XUÂN THÀNH	Nam	13/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
138	03138	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
139	03139	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	03/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
140	03140	TRẦN THANH THẢO	Nữ	12/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
141	03141	VI THỊ THẢO	Nữ	10/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	03142	VI THỊ THU THẢO	Nữ	16/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
143	03143	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	Nam	27/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
144	03144	NGUYỄN VĂN THÊM	Nam	23/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
145	03145	DIỆP HỮU THỊNH	Nam	18/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
146	03146	NGUYỄN HƯNG THỊNH	Nam	12/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	03147	PHẠM DUY THỊNH	Nam	10/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
148	03148	PHẠM VĂN THỌ	Nam	07/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
149	03149	PHẠM THANH THỦY	Nữ	28/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	03150	VŨ THỊ THANH THỦY	Nữ	20/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
151	03151	HOÀNG HỒNG THÚY	Nữ	25/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
152	03152	NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY	Nữ	06/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
153	03153	BÙI ANH THƯ	Nữ	17/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	03154	BÙI ANH THƯ	Nữ	25/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
155	03155	BÙI THỊ THÂN THƯƠNG	Nữ	23/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
156	03156	PHẠM THỊ LỆ THƯƠNG	Nữ	05/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
157	03157	NGUYỄN VĂN THƯỞNG	Nam	29/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
158	03158	ĐỖ VĂN TOÀN	Nam	01/4/2005	Tỉnh Lạng Sơn	7.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
159	03159	VI VĂN TOÀN	Nam	25/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
160	03160	BÙI THỊ THU TRANG	Nữ	11/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9					H	
161	03161	ĐÀO HUYỀN TRANG	Nữ	12/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
162	03162	ĐOÀN THU TRANG	Nữ	05/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
163	03163	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	19/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
164	03164	PHẠM UYÊN TRANG	Nữ	27/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	03165	VY THÙY TRÂM	Nữ	18/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
166	03166	TRẦN BẢO TRUNG	Nam	08/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
167	03167	PHAN VĂN TRƯỜNG	Nam	12/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
168	03168	NGUYỄN MẠNH TUÂN	Nam	11/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	03169	PHAN VĂN TUẤN	Nam	11/12/2005	Tỉnh Yến Bái	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
170	03170	PHẠM ANH TUẤN	Nam	21/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
171	03171	PHẠM ÁNH TUYẾT	Nữ	03/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
172	03172	PHẠM THỊ TUYẾT	Nữ	08/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
173	03173	ĐINH THANH TÙNG	Nam	01/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
174	03174	NGÔ THANH TÙNG	Nam	11/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	03175	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	Nam	28/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
176	03176	DƯƠNG VĂN TÚ	Nam	07/5/2004	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	03177	PHẠM HỮU TÚ	Nam	29/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	03178	PHẠM THỊ UYÊN	Nữ	05/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
179	03179	LÊ THỊ CẨM VÂN	Nữ	23/11/2005	Tỉnh Nghệ An	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 04 - Trường THPT Lý Thường Kiệt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	03180	NGUYỄN THỊ KIỀU VI	Nữ	19/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
181	03181	VŨ TƯỜNG VI	Nữ	19/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	03182	BÙI TIẾN VIÊN	Nam	30/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
183	03183	PHẠM THANH XUÂN	Nữ	19/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
184	03184	BÙI THỊ XUYÊN	Nữ	08/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
185	03185	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	12/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	04001	ĐÀO ĐỨC AN	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	04003	TRẦN THỊ NGỌC AN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.75	9.56	Đ		Giỏi
3	04004	BÙI PHƯƠNG ANH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.75	9.56	Đ		Giỏi
4	04010	ĐỖ THỊ VÂN ANH	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
5	04012	HOÀNG THỊ MAI ANH	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
6	04014	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	04017	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
8	04018	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	04019	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
10	04023	TRỊNH VIỆT ANH	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	7.4	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
11	04026	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.9	9	9.75	9.56	Đ		Giỏi
12	04027	ĐINH THIÊN ÂN	Nữ	14/6/2005	Hà Nội	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
13	04036	TRẦN HÀ CHI	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	04046	PHẠM THÀNH CÔNG	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
15	04049	LOAN VIỆT CƯỜNG	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
16	04050	MẠC VĂN CƯỜNG	Nam	13/3/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	04054	LỶ THỊ CỨU	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
18	04055	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	04059	NGUYỄN HỮU DUY	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
20	04060	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
21	04064	TRƯỞNG MÀNH DUY	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	5.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
22	04065	HOÀNG THỊ DUYÊN	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
23	04077	TRẦN QUANG DƯƠNG	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	04080	HOÀNG NGỌC LINH ĐAN	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
25	04083	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	04084	TRƯỞNG VÀ ĐẢNG	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
27	04085	ĐỖ VĂN ĐẠI	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	6.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
28	04086	TRẦN BÙI QUỐC ĐẠI	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	04094	LƯỜNG VĂN ĐIỆU	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	7.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
30	04095	LÊ XUÂN ĐOÀN	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	04099	HOÀNG MẠNH ĐỨC	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
32	04100	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	9	8.63	Đ		Khá
33	04101	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	7.4	9	9	9.00	Đ		Giỏi
34	04102	PHẠM TRUNG ĐỨC	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
35	04104	TRƯỞNG VĂN GIẢNG	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
36	04106	ĐỖ THỊ THU HÀ	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8.75	9.5	9.31	Đ		Giỏi
37	04107	HOÀNG VĂN HÀ	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	7.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
38	04108	TRỊNH THỊ HÀ	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	9	8.88	Đ		Khá
39	04109	NGUYỄN MẠNH HÀO	Nam	07/5/2004	Quảng Ninh	6.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
40	04110	CHÌU THỊ HẢI	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
41	04115	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
42	04116	TRƯỞNG THỊ HẰNG	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
43	04122	VŨ THỊ HẬU	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	04125	ĐẶNG THỊ HIỀN	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
45	04127	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
46	04129	PHẠM THANH HIỀN	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
47	04131	ĐÀO XUÂN HIỂN	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
48	04133	CHƯỞNG VĂN HIẾU	Nam	02/6/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
49	04135	NGÔ VĂN HIẾU	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	04139	ĐẶNG THỊ HOA	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	04140	NGUYỄN THỊ KIM HOA	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
52	04147	ĐÀO VĂN HUY HOÀNG	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	6.8	7.75	9.5	9.06	Đ		Giỏi
53	04152	NGUYỄN DUY HOÀNG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	9.25	9.06	Đ		Giỏi
54	04153	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	7.6	8.25	9.25	9.00	Đ		Giỏi
55	04154	THIỆN VĂN HOÀNG	Nam	03/9/2004	Quảng Ninh	7.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
56	04155	HOÀNG KHÁNH HÒA	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.25	9.25	9.25	Đ		Giỏi
57	04157	NGUYỄN THÁI HỌC	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	7.2	7.75	9.5	9.06	Đ		Giỏi
58	04158	NGUYỄN THỊ HỒI	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
59	04159	PHẠM THỊ HỒNG	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
60	04162	ĐOÀN VĂN HUY	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
61	04163	NGUYỄN HÀ ĐAN HUY	Nam	21/4/2005	Quảng Ninh	7.4	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
62	04164	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	7.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
63	04166	BÙI THỊ THU HUYỀN	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
64	04171	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
65	04174	ĐẶNG PHI HÙNG	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	7.9	6.25	9.75	8.88	Đ		Khá
66	04175	HOÀNG MẠNH HÙNG	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	8.5	5.5	10	8.88	Đ		Khá
67	04176	NGUYỄN HUY HÙNG	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	7.7	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
68	04178	PHÙN PHÚC HƯNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	7.4	5.75	9.5	8.56	Đ		Khá
69	04183	LÊ THU HƯƠNG	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
70	04184	NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
71	04189	SẦM THỊ HƯƠNG	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	7.9	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
72	04192	LOAN THỊ HƯỜNG	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
73	04196	HOÀNG THẾ KHẢI	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	5.8	9.75	9	9.19	Đ		Giỏi
74	04197	ĐOÀN QUỐC KHÁNH	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
75	04198	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	04200	VŨ GIA KHIÊM	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
77	04203	PHẠM GIA KIỆT	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
78	04204	HOÀNG ĐỨC KIM	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
79	04208	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	04212	LÊ THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	04214	BÙI THỊ NGỌC LINH	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	04215	ĐINH THỊ NGỌC LINH	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	04216	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	04217	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	04218	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	04221	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
87	04222	PHẠM THÙY LINH	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	04224	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	04227	ĐINH NHƯ LONG	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	04230	TRẦN DUY LỢI	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
91	04233	BÙI KHÁNH LY	Nữ	16/4/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
92	04234	NGUYỄN NGỌC LY	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	7.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
93	04238	TRẦN VĂN LỶ	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
94	04241	HOÀNG ĐỨC MẠNH	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	7.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
95	04245	VŨ VIẾT MẠNH	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	6.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	04248	NGUYỄN THẢO MINH	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
97	04249	TRẦN VĨNH MINH	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
98	04252	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
99	04253	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	04258	TÔN THỊ NGA	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
101	04259	VŨ THỊ HẰNG NGA	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	04261	ĐÀO THỊ NGÂN	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
103	04262	PHẠM THỊ NGÂN	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	8.8	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
104	04263	TRẦN THÚY NGÂN	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
105	04268	HOÀNG THỊ NGỌC	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9	9.25	Đ		Giỏi
106	04269	PHẠM TRUNG NGỌC	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
107	04279	TRẦN THỊ NHI	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
108	04281	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
109	04283	BÙI VĂN NINH	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	7.5	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
110	04284	NGUYỄN THÙY NINH	Nữ	23/10/2004	Quảng Ninh	7.6	5.75	10	8.94	Đ		Khá
111	04289	ĐẶNG THÁI PHONG	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	7.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
112	04290	LƯƠNG VĂN PHONG	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	7.7	5.5	10	8.88	Đ		Khá
113	04291	PHẠM HỒNG PHONG	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
114	04293	ĐÀO VĂN NGỌC PHÚ	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	7.4	5	10	8.75	Đ		Khá
115	04294	TRẦN PHÚ	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	7.7	5	10	8.75	Đ		Khá
116	04295	BÙI NGỌC ANH PHƯƠNG	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
117	04298	ĐỖ VĂN PHƯƠNG	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
118	04299	LẠC MINH PHƯƠNG	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	04300	LƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	15/7/2005	Hải Phòng	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
120	04303	ĐINH NHƯ QUANG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	04305	LÊ VĂN QUANG	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
122	04307	PHẠM VĂN QUANG	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
123	04313	TRẦN VĂN QUÂN	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
124	04315	MÃ ĐẠI QUY	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
125	04318	BÙI VĂN QUYẾT	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
126	04319	CHU ĐÌNH QUYẾT	Nam	01/12/2004	Quảng Ninh	7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
127	04320	HÀ CƯƠNG QUYẾT	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	7.8	6.25	9.25	8.50	Đ		Khá

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	04322	LÊ NHẬT QUỲNH	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	9.75	9.69	Đ		Giỏi
129	04323	MẠC THỊ QUỲNH	Nữ	15/4/2005	Quảng Ninh	8.6	6.25	9.75	8.88	Đ		Khá
130	04326	PHẠM THÙY SANG	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
131	04330	BÙI VĂN SƠN	Nam	12/9/2004	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
132	04331	LƯU THÁI SƠN	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
133	04333	PHAN ANH TÀI	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	6.9	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
134	04337	CHU PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	9.75	9.44	Đ		Giỏi
135	04340	HÀ THỊ THẢO	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.2	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
136	04342	HOÀNG THU THẢO	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
137	04343	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	7.4	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
138	04345	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.2	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
139	04351	ĐẶNG TRƯỜNG THIÊN	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
140	04352	ĐẶNG VĂN THIÊN	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	04356	NGUYỄN PHÚ THỊNH	Nam	01/01/2005	Hải Phòng	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	04358	NGUYỄN THỊ THƠ	Nữ	06/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	04363	TRƯƠNG THỊ THUỲ	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	04365	HOÀNG THU THÙY	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	04366	VŨ MAI THÙY	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	04367	ĐẶNG THỊ THANH THỦY	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
147	04371	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	04373	LÊ MINH THƯ	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	04374	NGUYỄN THỊ THƯ	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	6.3	5.5	9	8.13	Đ		Khá
150	04375	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	04376	HOÀNG THỊ THƯƠNG	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	7.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
152	04379	VŨ THỊ THƯƠNG	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
153	04380	CHU VĂN THƯỜNG	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	04383	TRẦN NGỌC TIẾN	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	6.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
155	04386	ĐOÀN THỊ TRANG	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
156	04388	LÊ THU TRANG	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	04391	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
158	04393	TRẦN THỊ TRÀ	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	04395	NGUYỄN THỊ TRÂM	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	04396	VŨ THUỲ TRÂM	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	04397	HOÀNG TÚ TRINH	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	04398	PHẠM KIỀU TRINH	Nữ	26/5/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
163	04400	BÙI VĂN TRUNG	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
164	04401	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	18/4/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
165	04404	LƯƠNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
166	04406	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	04408	VŨ VĂN TRƯỜNG	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	7.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
168	04412	NGUYỄN THÁI TUÂN	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
169	04414	HOÀNG ANH TUẤN	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
170	04420	ĐỒNG ĐỨC TUYỂN	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
171	04424	TÔ XUÂN TÙNG	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	6.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
172	04425	NGUYỄN CHÍNH THỦY TÚ	Nữ	20/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
173	04426	NGUYỄN HỮU TÚ	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	04428	PHẠM THỊ TỐ UYÊN	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
175	04430	NGUYỄN HÀ VI	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
176	04431	NGUYỄN HẠ VI	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
177	04432	DƯƠNG CAO VIỆT	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	7.9	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
178	04434	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	7	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
179	04436	LƯƠNG THUÝ VINH	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	04440	NGUYỄN TRƯỜNG VŨ	Nam	01/4/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
181	04441	NGUYỄN VĂN VŨ	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	04442	BÙI QUỐC VƯỢNG	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
183	04444	PHẠM HÀ VY	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	04450	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	04451	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
186	04452	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
187	04453	LÊ MAI ANH	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	04454	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG ANH	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
189	04455	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	10/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
190	04456	PHẠM MINH CHI	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
191	04457	HOÀNG THỊ CHIÊM	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
192	04458	HOÀNG THÀNH DOANH	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
193	04459	ĐINH KHẮC DUY	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	04460	TRẦN VĂN DUY	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	04461	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	04462	ĐOÀN THÙY DƯƠNG	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	04463	MAI THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
198	04464	ĐỖ THỊ NGỌC HÀ	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	04465	BÙI ĐỨC HẬU	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
200	04466	TRẦN THỊ HOA	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
201	04467	PHẠM QUANG HUY	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
202	04468	BÙI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
203	04469	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	29/3/2005	Nam Định	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
204	04470	PHẠM THU HƯƠNG	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	04471	HOÀNG THỊ HƯỜNG	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	04472	HOÀNG TRUNG KIÊN	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	6.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
207	04473	BẾ THỊ THÙY LINH	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	04474	ĐỖ TRẦN HOÀNG LINH	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	04475	HỨA NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
210	04476	LẠC THỊ THÙY LINH	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	6.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	04477	MẠC DIỆU LINH	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
212	04478	PHẠM THÙY LINH	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
213	04479	HOÀNG TRUNG MINH	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	5.3					H	
214	04480	PHÙN GIA NGHIỆP	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
215	04481	NGUYỄN THẢO NHI	Nữ	03/3/2003	Hà Nội	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
216	04482	VŨ THỊ YẾN NHI	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
217	04483	VŨ THỊ YẾN NHI	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
218	04484	NGUYỄN HUYỀN NHUNG	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
219	04485	NGUYỄN HÙNG NINH	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	7.4	8	9	8.75	Đ		Khá
220	04486	BÙI KIM OANH	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
221	04487	ĐINH THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
222	04488	LÊ KHÁNH PHƯƠNG	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
223	04489	ĐỖ THỊ PHƯỢNG	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
224	04490	NGÔ HÀO QUANG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	7.6					H	
225	04491	ĐỖ THỊ QUỲNH	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
226	04492	VI THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	6.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
227	04493	LÊ THỊ THANH TÂM	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
228	04494	PHẠM THIỆN THÀNH	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	04495	TRẦN THỊ KHÁNH THƠ	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
230	04496	CHÌU BIÊN THÙY	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
231	04497	ĐOÀN THANH THÙY	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 05 - Trường THPT Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	04498	HOÀNG THỊ TIỀN	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
233	04499	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
234	04500	PHẠM THỊ THANH TRANG	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
235	04501	NGUYỄN HỮU TUẤN	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
236	04502	LÊ ĐĂNG TÙNG	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
237	04503	NGUYỄN VĂN VIỆT	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	04504	PHẠM ĐÌNH VIỆT	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
239	04505	NGUYỄN TRẦN HOÀNG VŨ	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 06 - Trường THPT Nguyễn Du

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	04002	PHẠM THỊ THÙY AN	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	6.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
2	04005	ĐÀM THI LAN ANH	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
3	04007	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
4	04008	ĐINH THỊ VÂN ANH	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	6.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
5	04009	ĐINH TUẤN ANH	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
6	04015	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	6.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
7	04016	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
8	04021	TẰNG ĐỨC ANH	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	7.1	5	9.5	8.38	Đ		Khá
9	04022	TẰNG PHƯƠNG ANH	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	7.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
10	04024	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	7.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
11	04025	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
12	04029	ĐINH VĂN BẢO	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
13	04030	NGUYỄN TIẾN BẢO	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
14	04031	PHẠM THỊ BIỂN	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
15	04032	CHÌU XUÂN BÌNH	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	6.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
16	04033	NÌNH VĂN CAO	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	6.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
17	04035	BẾ THỊ NGỌC CHI	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	04037	ĐÀO VĂN CHIẾN	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	6.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
19	04038	NGUYỄN VĂN CHIẾN	Nam	16/02/2005	Quảng Ninh	8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
20	04039	TRẦN NGỌC CHIẾN	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
21	04042	TẰNG MINH CHUNG	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	7.1	5	10	8.75	Đ		Khá
22	04043	TRIỆU VĂN CHUNG	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	7	5	10	8.75	Đ		Khá
23	04044	LÊ VĂN CHƯƠNG	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	7.1	5	10	8.75	Đ		Khá

Đơn vị: 06 - Trường THPT Nguyễn Du

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	04045	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	09/12/2004	Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
25	04051	NGUYỄN CAO CƯỜNG	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	6.9					H	
26	04057	ĐINH QUANG DUY	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	6.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
27	04061	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	6.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	04063	PHÙN SÙNG DUY	Nam	12/02/2004	Quảng Ninh	6.6	5	10	8.75	Đ		Khá
29	04066	PHOÒNG THỊ DUYÊN	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	7.9	5	9.5	8.38	Đ		Khá
30	04067	TẰNG THỊ DUYÊN	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	04068	ĐẶNG QUANG DŨNG	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	04070	PHÙN KIM DŨNG	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	04071	ĐẶNG PHONG DƯƠNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	6.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
34	04074	ĐINH THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
35	04076	PHÀNG ĐỨC DƯƠNG	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	6.6	5	9.5	8.38	Đ		Khá
36	04082	NGUYỄN THỊ ĐÀO	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	04087	ĐINH HỮU ĐẠT	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	6.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	04089	LÊ VĂN ĐẠT	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	6.5	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
39	04093	HOÀNG ANH ĐIỆP	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	6.3	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
40	04098	ĐẶNG VĂN ĐỨC	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	6.8	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
41	04103	TRƯỞNG HƯƠNG GIANG	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	7.1	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
42	04105	DƯƠNG THỊ TÁM HÀ	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
43	04112	HOÀNG THỊ HẠNH	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	6.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
44	04113	PHÙN VĂN HẠNH	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	7.2	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
45	04114	HOÀNG THỊ HẰNG	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	7.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
46	04117	TẰNG XUÂN HÂN	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	6.7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
47	04121	PHẠM TRÍ HẬU	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	6.6	6	9.5	8.63	Đ		Khá
48	04130	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	7.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	04134	HOÀNG TRUNG HIẾU	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 06 - Trường THPT Nguyễn Du

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	04136	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
51	04141	PHOÒNG THỊ HOA	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	7.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
52	04142	PHÙN THỊ HOA	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
53	04144	TRẦN THỊ MINH HOÀI	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	7	5.5	10	8.88	Đ		Khá
54	04148	ĐINH KHẮC HOÀNG	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	6.9	6.75	9.5	8.81	Đ		Khá
55	04149	ĐINH KHẮC HOÀNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	6.8	5.75	9.5	8.56	Đ		Khá
56	04150	ĐINH VĂN HOÀNG	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	7	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
57	04151	ĐỖ HUY HOÀNG	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	7.1	3.5	9.5	8.00	Đ		Trung bình
58	04161	PHÙN THỊ HUỆ	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	7.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
59	04165	NGUYỄN TRƯƠNG HUY	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	6.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
60	04167	ĐINH THỊ HUYỀN	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	6.9	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
61	04168	ĐOÀN THỊ HUYỀN	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	7.2	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
62	04169	NGÔ THỊ THU HUYỀN	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	7.5	8.75	9.5	9.31	Đ		Giỏi
63	04170	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
64	04185	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	7.1	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
65	04186	PHÙN THỊ HƯƠNG	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	7.5	5	9.5	8.38	Đ		Khá
66	04188	SẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	7.6	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
67	04190	CHÍU THỊ HƯỜNG	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	7.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
68	04191	HOÀNG THỊ HƯỜNG	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
69	04193	TRƯỞNG THỊ HƯỜNG	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	7.5	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
70	04195	PHÙN QUAY HỮU	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	6.7	5	9	8.00	Đ		Khá
71	04199	TẰNG DUY KHÁNH	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	6.9	7.25	9	8.56	Đ		Khá
72	04201	NÔNG VĂN KHÔI	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	7.2	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
73	04206	VŨ THỊ THANH LAM	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	6.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
74	04207	CHÌU THỊ LAN	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	6.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
75	04210	PHÙN THỊ LAN	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	7.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 06 - Trường THPT Nguyễn Du

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	04211	ĐINH THỊ LIÊN	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	04213	PHÙN THỊ LIÊN	Nữ	25/5/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	04219	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	04220	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	04225	TẰNG KIỀU LOAN	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	7.1	5	10	8.75	Đ		Khá
81	04226	VŨ MAI LOAN	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	6.9	5	10	8.75	Đ		Khá
82	04228	HOÀNG THỊ LONG	Nữ	07/7/2005	Quảng Ninh	6.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
83	04231	ĐINH VĂN LƯỢNG	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	04237	VŨ THỊ CẨM LY	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
85	04239	PHOÒNG THỊ LÝ	Nữ	01/03/2005	Quảng Ninh	7.2	5	9.5	8.38	Đ		Khá
86	04240	TẰNG THỊ MAI	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	7.4	5	9.5	8.38	Đ		Khá
87	04244	PHẠM ĐỨC MẠNH	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	6.9	5.75	10	8.94	Đ		Khá
88	04247	ĐẶNG XUÂN MIỄN	Nam	20/5/2005	Quảng Ninh	6.5	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
89	04254	VŨ THỊ TRÀ MY	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	04256	CHÌU THỊ NGA	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	7.5					H	
91	04257	TẰNG THỊ NGA	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
92	04260	PHẠM NGỌC NGÀ	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	6.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
93	04264	PHÙN THỊ NGHIỆP	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	7.2	5	10	8.75	Đ		Khá
94	04267	TRẦN TRỌNG NGHĨA	Nam	22/4/2005	Quảng Ninh	7	5	10	8.75	Đ		Khá
95	04270	TRỊNH BÍCH NGỌC	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	7.1	5	9.5	8.38	Đ		Khá
96	04271	NGUYỄN VĂN NGÔ	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	6.4	5	9.5	8.38	Đ		Khá
97	04272	ĐÀO VĂN NGUYÊN	Nam	26/4/2004	Quảng Ninh	6.7	5	9.5	8.38	Đ		Khá
98	04273	NGUYỄN DANH NGUYÊN	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	6.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
99	04275	TRIỆU ĐỨC NHÂN	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	7.2	5	9.5	8.38	Đ		Khá
100	04276	ĐẶNG YẾN NHI	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	6.9	5.75	9.5	8.56	Đ		Khá
101	04278	LÊ THỊ NGẪM NHI	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 06 - Trường THPT Nguyễn Du

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	04282	PHOÒNG THỊ NHUNG	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	7.5	5.75	9	8.19	Đ		Khá
103	04285	PHÙN THỊ OANH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	7.4	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
104	04286	CHÍU CHĂN PẦU	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	6.9	5	9.5	8.38	Đ		Khá
105	04288	CHOỎNG TIẾN PHONG	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	7.1	4.5	9.5	8.25	Đ		Trung bình
106	04292	PHÙN VĂN PHONG	Nam	30/8/2004	Quảng Ninh	6.9	5	9.5	8.38	Đ		Khá
107	04297	ĐOÀN VĂN PHƯƠNG	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	7.1	5	10	8.75	Đ		Khá
108	04306	NGUYỄN DUY QUANG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
109	04308	PHÙN VĂN QUANG	Nam	23/11/2004	Quảng Ninh	7	5	10	8.75	Đ		Khá
110	04309	TRIỆU ĐỨC QUANG	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	7.1	5	10	8.75	Đ		Khá
111	04314	VŨ VĂN QUÂN	Nam	03/12/2005	Hải Phòng	6.8	5	10	8.75	Đ		Khá
112	04316	TRƯỞNG TẮC QUYỀN	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	6.8	5	10	8.75	Đ		Khá
113	04317	TRƯỞNG XUÂN QUYỀN	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	7.2	5	9.5	8.38	Đ		Khá
114	04321	ĐINH THỊ QUỲNH	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	7.7	6.25	9.75	8.88	Đ		Khá
115	04335	NGUYỄN THỊ TẤM	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	7.1	5.75	10	8.94	Đ		Khá
116	04341	HOÀNG THỊ THẢO	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	7.6	5.75	9.5	8.56	Đ		Khá
117	04344	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	7.3	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
118	04346	LỶ VĂN THÁI	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	7	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
119	04347	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	7.9	5.75	10	8.94	Đ		Khá
120	04350	HOÀNG THỊ THÊU	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	7.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
121	04354	NGUYỄN VĂN THIỆU	Nam	14/4/2004	Quảng Ninh	6.6					H	
122	04357	PHAN ĐỨC THỊNH	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	7.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
123	04359	CHÍU THỊ THƠM	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
124	04360	NGUYỄN THỊ HÀ THU	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	7.9	5	9.5	8.38	Đ		Khá
125	04362	NÔNG THỊ THUYỀN	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
126	04368	ĐINH THỊ THU THỦY	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	7.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
127	04369	PHÙN THỊ THỦY	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	7.4	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá

Đơn vị: 06 - Trường THPT Nguyễn Du

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	04370	LÊ THANH THÚY	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	7.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
129	04372	PHẠM THANH THÚY	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	7.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
130	04378	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
131	04382	SẦN VĂN TIẾN	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
132	04387	HOÀNG QUỲNH TRANG	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	04389	MAI THỊ THU TRANG	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
134	04390	NGÔ THỊ THU TRANG	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	04392	SẦN THU TRANG	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
136	04399	ĐINH KHẮC TRỌNG	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
137	04402	PHÙN VĂN TRUNG	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	6.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
138	04403	SẦN QUÝ TRUNG	Nam	20/8/2004	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
139	04407	TRƯỞNG VÀ TRƯỜNG	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
140	04409	BÙI VĂN TRƯỞNG	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
141	04413	HÁU QUANG TUẤN	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
142	04415	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
143	04416	NÔNG VĂN TUẤN	Nam	03/11/2004	Quảng Ninh	6.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
144	04419	PHÙN THỊ TUYÊN	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	7.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
145	04427	VOÒNG THỊ TƯƠI	Nữ	16/4/2005	Quảng Ninh	7					H	
146	04429	CHÌU THỊ VÂN	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
147	04439	NGUYỄN VĂN VĨ	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
148	04443	SẦM MINH VƯỢNG	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	6.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
149	04447	VOÒNG NGỌC XUÂN	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	7.3	5	10	8.75	Đ		Khá
150	04448	VOÒNG THỊ XUÂN	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	6.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
151	04449	ĐẶNG PHI YẾN	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	7	5.75	10	8.94	Đ		Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 07 - Trung tâm GDNN - GDTX Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	04006	ĐẶNG DUY ANH	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	6.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
2	04011	HOÀNG QUỐC ANH	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	5.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
3	04013	LÊ THỊ KIM ANH	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	6.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
4	04020	PHẠM TUẤN ANH	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
5	04028	ĐINH HỮU BA	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	6.2	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
6	04034	ĐÀO NGỌC ANH CẢ	Nam	03/6/2005	Quảng Ninh	6.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	04040	NGUYỄN THỊ VIỆT CHINH	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
8	04041	VŨ NGỌC CHINH	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	7.2					H	
9	04047	BÙI XUÂN CƯƠNG	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	04048	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
11	04052	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Nam	14/4/2005	Thái Bình	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	04053	TRẦN VIẾT CƯỜNG	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
13	04056	ĐINH KHẮC DUY	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	7.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
14	04058	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	6.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
15	04062	PHẠM VĂN DUY	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	7.5	7	9.5	8.88	Đ		Khá
16	04069	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	6.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
17	04072	ĐẶNG TÙNG DƯƠNG	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	7.6	5	9.5	8.38	Đ		Khá
18	04073	ĐINH CHÍNH DƯƠNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	6.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
19	04075	HÀ TÙNG DƯƠNG	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	7.1	5	9.5	8.38	Đ		Khá
20	04078	TRỊNH ĐẠI DƯƠNG	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	04079	VŨ XUÂN TÙNG DƯƠNG	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	7.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	04081	LƯU THỊ ĐÀO	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	04088	HOA VĂN ĐẠT	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	6.1	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá

Đơn vị: 07 - Trung tâm GDNN - GDTX Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	04090	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
25	04091	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	6.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
26	04092	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	7.2	6	9	8.25	Đ		Khá
27	04096	TRẦN VĂN ĐÔ	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	6.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
28	04097	TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	Nam	21/4/2005	Quảng Ninh	6.5	7	9.5	8.88	Đ		Khá
29	04111	PHẠM LÝ HẢI	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	6.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
30	04118	ĐINH CHÍNH HẬU	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	5.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
31	04119	ĐOÀN THỊ HẬU	Nữ	12/02/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	04120	PHẠM NGUYÊN HẬU	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	7.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
33	04123	VŨ VĂN HẬU	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	7.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
34	04124	DƯƠNG THỊ HIỀN	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
35	04126	LÊ THỊ THU HIỀN	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
36	04128	NGUYỄN TỰ HIỀN	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	6.8	5	9.5	8.38	Đ		Khá
37	04132	CHU MINH HIẾU	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	5.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	04137	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	6.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
39	04138	ĐINH KHẮC HIỆP	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	6.2	5	10	8.75	Đ		Khá
40	04143	TRƯƠNG THỊ HỒNG HOA	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
41	04145	TRỊNH THỊ HOÀI	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	7.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
42	04146	NGUYỄN NGỌC HOÀN	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	7.3	6	9.25	8.44	Đ		Khá
43	04156	TRƯỞNG THỊ HÒA	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	7.7	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
44	04160	VÕ VĂN HỢP	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	6.5	7	9.5	8.88	Đ		Khá
45	04172	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	6.9	7.25	9.5	8.94	Đ		Khá
46	04173	NGUYỄN THÁI HUỲNH	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	7	8.75	9.75	9.50	Đ		Giỏi
47	04177	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	7	8.25	9	8.81	Đ		Khá
48	04179	TRƯƠNG ĐỨC HƯNG	Nam	27/4/2005	Quảng Ninh	7	5	9	8.00	Đ		Khá
49	04180	VŨ ĐỨC HƯNG	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	7	7	9	8.50	Đ		Khá

Đơn vị: 07 - Trung tâm GDNN - GDTX Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	04181	VŨ VĂN HƯNG	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	7.1	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
51	04182	BÙI THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	7.4	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
52	04187	PHÙN THỊ HƯƠNG	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
53	04194	HOÀNG NGỌC HỮU	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	6.8	4.25	9	7.81	Đ		Trung bình
54	04202	TẰNG VĂN KHÔI	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	6.4	5.75	9	8.19	Đ		Khá
55	04205	VŨ NGỌC KỲ	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
56	04209	PHẠM THỊ NGỌC LAN	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
57	04223	ĐẶNG THỊ LOAN	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	04229	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	04232	TRẦN VĂN LƯỢNG	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
60	04235	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	6.1	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
61	04236	PHẠM THẢO LY	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	7.1	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
62	04242	NGÔ BÁ MẠNH	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	6.6	5.25	9.5	8.44	Đ		Khá
63	04243	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	7.8	5.25	9.5	8.44	Đ		Khá
64	04246	TẰNG VĂN MIỀN	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	7.7	5	9.5	8.38	Đ		Khá
65	04250	ĐINH KHẮC MONG	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	6	8.75	9.5	9.31	Đ		Giỏi
66	04251	NGUYỄN THỊ MY	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
67	04255	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
68	04265	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	6.9	5	9.5	8.38	Đ		Khá
69	04266	PHẠM HẢI NGHĨA	Nam	15/4/2005	Quảng Ninh	7.5	5	9.5	8.38	Đ		Khá
70	04274	BÙI THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	8.1	5.75	10	8.94	Đ		Khá
71	04277	ĐINH THỊ YẾN NHI	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.1	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
72	04280	CHÍU A NHÌ	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	7.4	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
73	04287	NGUYỄN TRƯỜNG PHI	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	6.6	5.5	9	8.13	Đ		Khá
74	04296	CHÌU THỊ PHƯƠNG	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	7.8	5.5	10	8.88	Đ		Khá
75	04301	DƯƠNG THỊ THÚY PHƯỢNG	Nữ	12/5/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 07 - Trung tâm GDNN - GDTX Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	04302	AN VĂN QUANG	Nam	08/12/2005	Bắc Giang	7.6	5	10	8.75	Đ		Khá
77	04304	HOÀNG VĂN QUANG	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	6.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
78	04310	TRƯƠNG MẠNH QUANG	Nam	28/7/2004	Quảng Ninh	6.9	3.5	10	8.38	Đ		Trung bình
79	04311	ĐẶNG SÁNG QUÂN	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	04312	PHÙN VĂN QUÂN	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	6.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
81	04324	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	7.5	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
82	04325	PHẠM VĂN QUỲNH	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	6.3	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
83	04327	NGUYỄN SINH SÂM	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	6.3	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
84	04328	NGUYỄN TUẤN SÂM	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	7.8	6.25	9.75	8.88	Đ		Khá
85	04329	BÙI ĐOAN SƠN	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	6.4	6.25	9.75	8.88	Đ		Khá
86	04332	PHÙN VĂN SƠN	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	6.6	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
87	04334	LỶ SAY TÂN	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	7.6	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
88	04336	NGUYỄN VĂN THANH	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
89	04338	ĐẶNG THỊ THẢO	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	7.9	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
90	04339	ĐOÀN THANH THẢO	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	6.6	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
91	04348	ĐẶNG THỊ THẮM	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	7.1	5.75	10	8.94	Đ		Khá
92	04349	TRƯỞNG MẠNH THẮNG	Nam	17/6/2004	Quảng Ninh	7.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
93	04353	VŨ ĐỨC THIỆN	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	6.8	8	9	8.75	Đ		Khá
94	04355	NGUYỄN NGỌC THỊNH	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
95	04361	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	7.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
96	04364	HOÀNG PHƯƠNG THÙY	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
97	04377	LỶ THỊ THƯƠNG	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	7.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
98	04381	ĐẶNG XUÂN TIẾN	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	6.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	04384	TRẦN VĂN TOÀN	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	6.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	04385	BÙI THỊ HƯƠNG TRANG	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	6.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	04394	TRỊNH THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 07 - Trung tâm GDNN - GDTX Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	04405	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	6.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	04410	ĐẶNG NGỌC TUÂN	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	04411	HÀ ĐỨC TUÂN	Nam	10/7/2005	Lạng Sơn	6.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
105	04417	PHẠM THANH TUẤN	Nam	24/9/2004	Quảng Ninh	6.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
106	04418	NGUYỄN VĂN TUYÊN	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
107	04421	ĐINH THỊ TUYẾN	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
108	04422	PHÙN THỊ TUYẾT	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
109	04423	CAO THANH TÙNG	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
110	04433	LÊ MINH VIỆT	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	6.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
111	04435	VOÒNG HÌN VIỆT	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
112	04437	PHẠM QUANG VINH	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
113	04438	PHẠM VĂN VINH	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	04445	CHÍU THỊ XOAN	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
115	04446	LỶ THANH XUÂN	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 08 - Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	05001	LẠI BÌNH AN	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	05002	ĐẶNG THỊ QUỲNH ANH	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
3	05003	LÊ NGỌC ANH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	05004	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	05005	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	05006	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	17/7/2005	Thái Bình	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	05007	TÔ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	05008	VŨ QUỐC BẰNG	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
9	05009	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	05010	TRƯƠNG NGỌC BÍCH	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	05011	NGÔ THỊ CẨM	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	05012	VŨ THỊ CHANG	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	05013	HOÀNG THÙY CHÂM	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	05014	LÊ KIM CHI	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	05015	ĐOÀN VĂN CÔNG	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	05016	ĐỖ THÙY DUNG	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	05017	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
18	05018	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	11/4/2005	Hưng Yên	6.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
19	05019	PHÀNG QUAY DŨNG	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	05020	TRẦN THANH DŨNG	Nam	12/4/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	05021	BÙI THÙY DƯƠNG	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	05022	ĐINH THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	05023	ĐỖ TÙNG DƯƠNG	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 08 - Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	05024	HOÀNG THỊ QUỲNH DƯƠNG	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
25	05025	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	05026	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	05027	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	05028	TRẦN VĂN DƯƠNG	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	05029	TRẦN HỒ CẨM ĐÀO	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	05030	PHÙN VĂN HAI	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	6.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	05031	ĐINH THỊ HÀ	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	05032	LÊ THỊ CẨM HÀ	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
33	05033	PHẠM THỊ HÀ	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	05034	ĐÀO THỊ HẢI	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
35	05035	NGUYỄN THỊ HẠ	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
36	05036	CHU THỊ HẠNH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	05037	ĐÀO MINH HIẾU	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	7.3	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
38	05038	LÊ HOÀNG HIẾU	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	6.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
39	05039	TẠ MINH HIẾU	Nam	20/9/2004	Quảng Ninh	6.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
40	05040	VƯƠNG NGỌC HIẾU	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
41	05041	ĐINH THỊ THANH HOÀN	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	05042	ĐINH KHẮC VIỆT HOÀNG	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
43	05043	ĐINH VĂN HOÀNG	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	6.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
44	05044	ĐINH KHẮC HUY	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
45	05045	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
46	05046	ĐINH HỮU HÙNG	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	05047	TRẦN QUANG HƯNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	7.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
48	05048	ĐINH THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
49	05049	CHÌU QUANG KHÁNH	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 08 - Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	05050	NGUYỄN QUANG KHÁNH	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
51	05051	ĐINH KHẮC KIÊN	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	05052	TRẦN VĂN KIM	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	6.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
53	05053	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
54	05054	VŨ THỊ LAN	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
55	05055	NGUYỄN ĐĂNG LINH	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	05056	NGUYỄN THỊ TÂM LOAN	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	9.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
57	05057	ĐỖ VĂN LỰC	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	6.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
58	05058	ĐỖ KHÁNH LY	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
59	05059	NGUYỄN NHẬT MẠNH	Nam	30/01/2004	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
60	05060	LỶ ĐỨC MINH	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	5.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	05061	VŨ THỊ KIM MĨ	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
62	05062	LÊ TRÀ MY	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	05063	ĐÀO HOÀI NAM	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	05064	PHẠM THỊ QUỲNH NGA	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
65	05065	ĐINH TUYẾT NGÂN	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
66	05066	PHẠM THỊ NGOAN	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
67	05067	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
68	05068	PHẠM MINH NGỌC	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
69	05069	TÔ THỊ NGUYỆT	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	05070	NGUYỄN THỊ NHÀI	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
71	05071	BÙI ĐỨC NHÂN	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
72	05072	GIANG HỒNG NHUNG	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
73	05073	ĐỖ THỊ NGỌC NINH	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
74	05074	ĐINH THỊ NỤ	Nữ	27/4/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
75	05075	BÙI KIỀU OANH	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 08 - Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	05076	NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	05077	NGUYỄN THỊ HOÀNG PHƯƠNG	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
78	05078	LÊ THỊ HỒNG PHƯỢNG	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
79	05079	ĐOÀN MINH QUÂN	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	05080	NGUYỄN VĂN QUYỀN	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
81	05081	ĐINH THỊ THANH TÂM	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	7.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
82	05082	ĐẶNG THANH THẢO	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
83	05083	TẰNG THỊ THẢO	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	05084	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	05085	VŨ THỊ THẮM	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	05086	HOÀNG THỊ THU	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	05087	LỶ THỊ THÚY	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	05088	BÙI THỊ THƯ	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	05089	LẠI ANH THƯ	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	05090	CHÙU THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
91	05091	ĐẶNG NGỌC TRANG	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	6.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
92	05092	ĐẶNG THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
93	05093	HÀ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	05094	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	05095	PHÙN THỊ THU TRANG	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
96	05096	TẰNG THỊ KIỀU TRANG	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	05097	VI THỊ THÙY TRANG	Nữ	07/12/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	05098	NGUYỄN ĐĂNG TRUNG	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	05099	HOÀNG NGỌC TRÚC	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	05100	ĐINH HỮU TRƯƠNG	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
101	05101	CAO VĂN TUÂN	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 08 - Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	05102	HOÀNG MINH TUẤN	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
103	05103	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	05104	HOÀNG THANH TÙNG	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	6.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
105	05105	TẰNG VĂN TÚ	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	05106	LÊ THỊ VƯỢNG	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	05107	ĐINH THỊ XUÂN	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
108	05108	NGUYỄN HỒNG YẾN	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	05109	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	26/9/2005	Hưng Yên	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	06001	ĐẶNG QUỐC AN	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	06002	NGUYỄN VĂN AN	Nam	17/04/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
3	06003	HOÀNG QUỐC ANH	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
4	06004	LƯƠNG DUY ANH	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
5	06005	VŨ HOÀNG ANH	Nam	07/01/2005	Thái Nguyên	7.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
6	06006	PHẠM NGỌC BIÊN	Nam	30/03/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
7	06007	ĐẶNG VĂN BÌNH	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	7.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
8	06008	CHỀ CẮM CHẮN	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
9	06009	MÈ THỊ THÙY CHÂM	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
10	06010	PHẠM THỊ LINH CHI	Nữ	29/08/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
11	06011	ĐINH TIẾN CHỨC	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
12	06012	VŨ CHÍ CÔNG	Nam	20/04/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
13	06013	LÊ MẠNH CƯỜNG	Nam	19/09/2005	Quảng Ninh	6.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
14	06014	PHẠM QUỐC CƯỜNG	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	06015	VŨ THỊ DỊU	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8.8	6	9.5	8.63	Đ		Khá
16	06016	HOÀNG ANH DŨNG	Nam	03/08/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	06017	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	7.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
18	06018	ĐỖ THANH ĐAN	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	6.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
19	06019	ĐỖ THẾ ĐAN	Nam	14/08/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
20	06020	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	02/03/2005	Quảng Ninh	7.1	9	9	9.00	Đ		Giỏi
21	06021	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	04/09/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	06022	HÀ THANH ĐÌNH	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
23	06023	NGUYỄN THỊ ĐOAN	Nữ	18/03/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	06024	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	Nữ	21/05/2005	Quảng Ninh	7.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
25	06025	NGÔ ANH ĐỨC	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
26	06026	LƯƠNG NHẬT GIANG	Nữ	29/07/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
27	06027	LƯƠNG THỊ GIANG	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	6.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
28	06028	BÙI THỊ HÀ	Nữ	10/07/2005	Quảng Ninh	7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
29	06029	NGUYỄN BẢO HÀ	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
30	06030	LƯƠNG VIẾT HÀM	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	7.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
31	06031	HOÀNG THỊ HẠNH	Nữ	04/03/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
32	06032	NGUYỄN LÊ GIA HÂN	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	06033	NGUYỄN THUÝ HIỀN	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
34	06034	PHAN THỊ HIỀN	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
35	06035	PHẠM THỊ THU HIỀN	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	06036	ĐINH TRẦN TRỌNG HIẾU	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	7.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
37	06037	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	6.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
38	06038	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	Nam	06/07/2005	Quảng Ninh	6.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
39	06039	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	Nam	28/09/2005	Quảng Ninh	7.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
40	06040	TÔN HÙNG HIỆP	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
41	06041	LÊ VIỆT HOÀNG	Nam	30/07/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
42	06042	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
43	06043	TRẦN THẾ HOÀNG	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
44	06044	VŨ ĐÌNH HOÀNG	Nam	10/06/2005	Quảng Ninh	7.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
45	06045	LƯU THỊ MINH HÒA	Nữ	14/07/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
46	06046	NGUYỄN NGỌC HÒA	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
47	06047	PHẠM NGỌC HÒA	Nam	07/08/2005	Quảng Ninh	6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
48	06048	HOÀNG THỊ HỒNG	Nữ	01/06/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	06049	VŨ THỊ HỢP	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	06050	NGUYỄN ĐÌNH HUÂN	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	06051	LÊ THỊ HUẾ	Nữ	13/06/2005	Quảng Ninh	7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
52	06052	LẠI BÍCH HUỆ	Nữ	04/06/2005	Quảng Ninh	5.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
53	06053	HOÀNG ANH HUY	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	6.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
54	06054	HOÀNG QUANG HUY	Nam	13/06/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
55	06055	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	7.8	5	9.5	8.38	Đ		Khá
56	06056	TRỊNH VĂN HUY	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	7.9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
57	06057	ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	6.2					H	
58	06058	NGÔ THỊ HUYỀN	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
59	06059	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
60	06060	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	06061	HÀ VIỆT HƯNG	Nam	27/07/2005	Quảng Ninh	6.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
62	06062	ĐINH THANH HƯƠNG	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	06063	ĐÀO QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2005	Quảng Ninh	7.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
64	06064	HOÀNG TRUNG KIÊN	Nam	15/04/2005	Quảng Ninh	7.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
65	06065	LỶ CẢNH KIÊN	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.4	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
66	06066	NGUYỄN MẠNH KIỆM	Nam	03/05/2005	Quảng Ninh	7.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
67	06067	PHẠM HOÀNG ANH KIỆT	Nam	12/07/2005	Quảng Ninh	6.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
68	06068	ĐOÀN THỊ KIM LAN	Nữ	23/08/2005	Quảng Ninh	8.1	5	10	8.75	Đ		Khá
69	06069	CHÍU CHĂN LÀU	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	7.4	5	9.5	8.38	Đ		Khá
70	06070	VŨ THỊ NGỌC LỆ	Nữ	02/07/2005	Quảng Ninh	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
71	06071	ĐÀO THỊ THÙY LINH	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	6.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
72	06072	ĐINH THỊ HOÀI LINH	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	06073	HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	17/04/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
74	06074	LƯƠNG NHẬT LINH	Nữ	10/07/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
75	06075	NGUYỄN NINH LINH	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	7.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	06076	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
77	06077	TY THỊ THÙY LINH	Nữ	24/06/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
78	06078	ĐẶNG ĐỨC LỘC	Nam	29/08/2005	Quảng Ninh	6.3	8	9	8.75	Đ		Khá
79	06079	ĐINH ĐỨC LỘC	Nam	29/07/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
80	06080	HOÀNG THỊ LƯƠNG	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
81	06081	PHÓ HẢI LY	Nữ	08/08/2005	Quảng Ninh	7.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
82	06082	HẦU VĂN LÝ	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	7.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
83	06083	LA NGỌC MINH	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	6.2	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
84	06084	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	06/08/2005	Quảng Ninh	6.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
85	06085	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	6.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
86	06086	NGUYỄN THỊ NĂM	Nữ	25/03/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
87	06087	VƯƠNG THỊ TUYẾT NGA	Nữ	26/08/2005	Quảng Ninh	7.1	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
88	06088	TẰNG THỊ HỒNG NGÁT	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	06089	LÝ NGỌC NGÂN	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	6.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
90	06090	NGUYỄN THÀNH NGHIỆP	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	7.1	9	9	9.00	Đ		Giỏi
91	06091	PHẠM HỮU NGHĨA	Nam	15/08/2005	Quảng Ninh	7.9	4.5	10	8.63	Đ		Trung bình
92	06092	CHU ÁNH NGỌC	Nữ	26/04/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
93	06093	LÊ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	06094	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
95	06095	ĐẶNG THỊ THANH NHA	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
96	06096	NGÔ YẾN NHI	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	06097	HOÀNG THỊ NHUNG	Nữ	18/07/2005	Quảng Ninh	6.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
98	06098	HOÀNG CẨM OANH	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
99	06099	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	16/08/2005	Quảng Ninh	6.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
100	06100	ĐINH GIA PHIÊN	Nam	30/08/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
101	06101	BÙI THANH PHONG	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	7.7	5	10	8.75	Đ		Khá

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	06102	LƯƠNG TIẾN PHONG	Nam	25/06/2005	Quảng Ninh	6.9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
103	06103	CHÍU HOÀNG PHÚC	Nam	18/03/2005	Quảng Ninh	7.4	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
104	06104	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.2	3	9.5	7.88	Đ		Trung bình
105	06105	LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG	Nữ	15/05/2005	Quảng Ninh	8.2	5.75	9.5	8.56	Đ		Khá
106	06106	TRỊNH THANH QUANG	Nam	24/09/2005	Quảng Ninh	8.1	5	10	8.75	Đ		Khá
107	06107	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	8.3	5.75	9.5	8.56	Đ		Khá
108	06108	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	19/07/2005	Quảng Ninh	8.2	5.5	10	8.88	Đ		Khá
109	06109	SỀNH NGỌC SƠN	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	7.3					H	
110	06110	NGUYỄN THANH TÂM	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
111	06111	PHẠM THỊ TÂM	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
112	06112	PHẠM HOÀNG THANH	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	7.6	4	9.5	8.13	Đ		Trung bình
113	06113	VŨ TIẾN THÀNH	Nam	20/06/2005	Quảng Ninh	7.5					H	
114	06114	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
115	06115	LỘC VĂN THẢO	Nam	20/05/2005	Quảng Ninh	7.1	1.75	9.5	7.56		H	
116	06116	NGUYỄN BÍCH NGỌC THẢO	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8	2.5	9.5	7.75		H	
117	06117	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/04/2005	Quảng Ninh	8.2	4	9.5	8.13	Đ		Trung bình
118	06118	NGUYỄN QUANG THÁI	Nam	22/05/2005	Quảng Ninh	7.1	1.5	9.5	7.50		H	
119	06119	ĐINH THỊ HỒNG THẮM	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.6	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
120	06120	VŨ THỊ THƯƠNG THÊM	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
121	06121	NÔNG NGỌC THIỆN	Nam	25/06/2005	Quảng Ninh	7.6	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
122	06122	CHU THỊ THƠM	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	9.5	9.44	Đ		Giỏi
123	06123	TRẦN THỊ MINH THU	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
124	06124	LƯƠNG THỊ THÙY	Nữ	13/09/2005	Quảng Ninh	8.3	3.5	10	8.38	Đ		Trung bình
125	06125	PHẠM THỊ THÙY	Nữ	09/07/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
126	06126	ĐỖ THỊ THỦY	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
127	06127	HOÀNG KIM THỦY	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	6.8	1.75	9.5	7.56		H	

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	06128	KHUẤT HỒNG THỦY	Nữ	01/05/2005	Quảng Ninh	7.7	8				H	
129	06129	BÙI THỊ THÚY	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
130	06130	ĐINH VĂN THƯ	Nam	02/03/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
131	06131	HOÀNG MINH THƯ	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
132	06132	NGUYỄN HUỆ THƯ	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
133	06133	HOÀNG THỊ THƯƠNG	Nữ	08/08/2005	Quảng Ninh	7.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
134	06134	LÊ THỊ TÌNH	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	7	5	10	8.75	Đ		Khá
135	06135	CHÌU THỊ TRANG	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	06136	HOÀNG ĐOAN TRANG	Nữ	09/05/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
137	06137	LÊ HÀ TRANG	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	06138	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	06/07/2005	Quảng Ninh	6.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
139	06139	NGÔ VIỆT TRUNG	Nam	16/07/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	06140	PHẠM THANH TRUNG	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	6.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
141	06141	HOÀNG QUỐC TUẤN	Nam	20/06/2005	Quảng Ninh	7.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
142	06142	TRẦN MẠNH TUẤN	Nam	09/08/2005	Quảng Ninh	6.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
143	06143	CHÌU THỊ TUYÊN	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	06144	HÀ THỊ CẨM VÂN	Nữ	15/07/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	06145	LÊ THANH VÂN	Nữ	27/07/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	06146	LÊ THỊ VÂN	Nữ	26/06/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
147	06147	ĐẶNG KIỀU VI	Nữ	03/09/2005	Quảng Ninh	8.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
148	06148	QUÁCH HẠ VI	Nữ	30/06/2005	Hà Nội	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
149	06149	NGUYỄN THỊ VƯỢNG	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	6.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
150	06150	LÊ HẢI YẾN	Nữ	17/04/2005	Quảng Ninh	8	5	9.5	8.38	Đ		Khá
151	06151	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.3	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
152	06152	VI HẢI YẾN	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
153	06153	HOÀNG NGỌC NHƯ Ý	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	06154	BÙI THỊ MAI AN	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
155	06155	ĐINH HOÀNG ANH	Nam	28/09/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
156	06156	NÌNH THỊ HOÀI ANH	Nữ	15/09/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
157	06157	PHẠM CHÂU ANH	Nữ	31/07/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
158	06158	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	20/05/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
159	06159	TRẦN TUẤN ANH	Nam	20/07/2005	Quảng Ninh	6.5					H	
160	06160	ĐINH ĐẶNG NGỌC ÁNH	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	06161	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
162	06162	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	06163	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	21/05/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	06164	BÙI THỊ MAI BÌNH	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	06165	DỊP VĂN BÌNH	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	06166	ĐỖ NGỌC CHÂM	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	06167	PHẠM YẾN CHI	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	06168	ĐÀO THỊ CHINH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
169	06169	NGUYỄN PHẠM THÀNH CHUNG	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	06170	BÙI THỊ CHÚC	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	06171	PHẠM THỊ CÚC	Nữ	29/09/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	06172	TY THỊ DUNG	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
173	06173	HOÀNG THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	28/06/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	06174	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	06175	CHỀ A ĐẠO	Nam	27/07/2005	Quảng Ninh	6.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
176	06176	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	23/08/2005	Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
177	06177	CHÍU THIÊN ĐỨC	Nam	05/07/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
178	06178	NÌNH QUÝ ĐỨC	Nam	26/09/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
179	06179	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG GIANG	Nam	23/07/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	06180	PHAN THU HÀ	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	06181	PHÙNG THỊ THU HÀ	Nữ	04/05/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	06182	PHAN ĐẠI HẢI	Nam	28/06/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	8.5	8.75	Đ		Khá
183	06183	PHAN THU HẢI	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
184	06184	PHẠM THỊ HẠNH	Nữ	20/03/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	06185	PHẠM ÁI HẬU	Nữ	31/08/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
186	06186	CHÌU THỊ HIỀN	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
187	06187	NGUYỄN THANH HIỀN	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9	8.75	Đ		Khá
188	06188	ĐẶNG MINH HIẾU	Nam	23/09/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
189	06189	ĐINH CÔNG HIẾU	Nam	04/07/2005	Quảng Ninh	6.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
190	06190	ĐINH TRUNG HIẾU	Nam	19/08/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
191	06191	TĂNG TRUNG HIẾU	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
192	06192	ĐINH VIỆT HOÀNG	Nam	25/08/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
193	06193	LÊ VIỆT HOÀNG	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
194	06194	PHẠM ĐỨC HOÀNG	Nam	21/08/2005	Quảng Ninh	6.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
195	06195	LÊ DUY HÒA	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
196	06196	VŨ THỊ HÒA	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
197	06197	HÀ THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	06/03/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
198	06198	PHẠM ĐĂNG HUY	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
199	06199	ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	20/02/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
200	06200	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
201	06201	HOÀNG TIẾN HƯNG	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	6.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
202	06202	NGÔ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
203	06203	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	06204	PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	03/06/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	06205	LÊ KHẮC HỮU	Nam	10/06/2005	Quảng Ninh	7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	06206	TRƯƠNG TUẤN KHANH	Nam	12/05/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	06207	NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	7.4	8	9	8.75	Đ		Khá
208	06208	HOÀNG TRUNG KIÊN	Nam	12/08/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
209	06209	LÊ MẠNH KIÊN	Nam	26/07/2005	Quảng Ninh	6.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
210	06210	LÊ TRUNG KIÊN	Nam	30/05/2005	Quảng Ninh	7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
211	06211	LÊ THỊ KIỀU	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
212	06212	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	06213	DỊP THÙY LINH	Nữ	21/07/2005	Quảng Ninh	7.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
214	06214	ĐOÀN THỊ MAI LINH	Nữ	28/07/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
215	06215	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
216	06216	HOÀNG THỊ LUYẾN	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
217	06217	ĐINH THỊ LƯƠNG	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
218	06218	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
219	06219	CHÍU THỊ HÀ MY	Nữ	12/07/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
220	06220	HOÀNG THẢO NAM	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	06221	ĐINH THỊ THÚY NGA	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
222	06222	PHAN THỊ NGA	Nữ	23/06/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
223	06223	NGUYỄN THIÊN NGÂN	Nữ	10/05/2005	Quảng Ninh	7.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
224	06224	ĐINH THỊ NGỌC	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	06225	HOÀNG THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	09/05/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
226	06226	DÍN THỊ NHÂM	Nữ	29/06/2005	Quảng Ninh	7.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
227	06227	HÀ THỊ ÁNH NHI	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	06228	TÔ THỊ YẾN NHI	Nữ	03/04/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	06229	PHẠM DUY PHỤNG	Nam	21/05/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
230	06230	TRẦN VĂN PHƯỚC	Nam	27/07/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
231	06231	DỊP THỊ PHƯỢNG	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	06232	HOÀNG VĂN QUANG	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
233	06233	TRẦN MẠNH QUYỀN	Nam	16/09/2005	Quảng Ninh	7.1					H	
234	06234	LÊ VĂN QUYẾN	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
235	06235	LÊ NGỌC QUỲNH	Nữ	07/09/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	06236	ĐẶNG THANH SƠN	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	06237	LÊ THỊ THANH TÂM	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	06238	BÙI THỊ HUYỀN THANH	Nữ	30/08/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	06239	NGUYỄN TRUNG THÀNH	Nam	02/08/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	06240	TRƯƠNG VIỆT THÀNH	Nam	04/05/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	06241	NÔNG THỊ THẢO	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	06242	LẠI THỊ HÀ THƠM	Nữ	11/05/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	06243	NỀNH THỊ THỦY	Nữ	08/07/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
244	06244	TRẦN THỊ THU THỦY	Nữ	19/10/2005	Lạng Sơn	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
245	06245	PHẠM THỊ MINH THƯ	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
246	06246	TY THỊ BÙI THƯƠNG	Nữ	11/08/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
247	06247	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
248	06248	PHẠM THỊ TRANG	Nữ	09/09/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
249	06249	CHU THÚY TRÀ	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
250	06250	VŨ HẢI TRIỀU	Nam	24/03/2005	Hải Phòng	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	06251	LÊ THÀNH TRUNG	Nam	17/07/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
252	06252	NGUYỄN HỮU TRUNG	Nam	10/09/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	06253	HOÀNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	06254	HOÀNG TRỌNG TUYÊN	Nam	28/05/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	06255	ĐỖ THỊ TUYẾT	Nữ	25/09/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
256	06256	NGUYỄN VĂN TÙNG	Nam	19/05/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	06257	HOÀNG THỊ HỒNG VÂN	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 09 - Trường THPT Đầm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	06258	CHU THỊ VIÊN	Nữ	22/07/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
259	06259	NÌNH MINH VŨ	Nam	30/07/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
260	06260	DƯƠNG TUYẾT VY	Nữ	16/03/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
261	06261	BÙI NGỌC VỸ	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
262	06262	ĐỖ THỊ YẾN	Nữ	07/03/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 12 - Trường THPT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	07001	HOÀNG TUẤN ANH	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
2	07002	VI NGỌC BÌNH	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	7.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
3	07004	LA NGỌC CHIẾN	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	07005	LỤC TRIỀU CÔN	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	07006	TRẦN THỊ CÚC	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	07007	VI TIẾN CÚN	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	07008	NÌNH VĂN CƯỜNG	Nam	07/6/2004	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	07009	SẰN VĂN DẢU	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	7.2					H	
9	07010	NGÔ VĨNH DIỆN	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
10	07012	HÀ HÙNG DUNG	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
11	07013	LOAN THÙY DUNG	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
12	07014	HOÀNG NGUYÊN DUY	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	6.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
13	07016	TÔ QUANG DŨNG	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	6.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
14	07017	ĐINH MẠNH DƯƠNG	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	07018	HOÀNG QUANG ĐẠO	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	07019	LÔ VĨNH ĐIỆP	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	5.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	07020	HOÀNG ANH ĐỨC	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
18	07021	LÝ QUÝ ĐỨC	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	5.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
19	07022	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.5	6	9.5	8.63	Đ		Khá
20	07023	TRẦN ANH ĐỨC	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	7.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
21	07024	HOÀNG THIÊN HÀ	Nữ	15/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	07025	PHẠM KIẾN HÀO	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
23	07026	DƯƠNG THỊ HẠNH	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	6.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 12 - Trường THPT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	07027	ĐÀM THỊ HẠNH	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.4	6	9.5	8.63	Đ		Khá
25	07028	TRẦN THỊ HẠNH	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	6.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
26	07029	TÔ BÍCH HẰNG	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	9	8.38	Đ		Khá
27	07030	TÔ THỊ HẰNG	Nữ	11/7/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
28	07031	CHU THỊ HIỀN	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	07032	LA THỊ THU HIỀN	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9	8.75	Đ		Khá
30	07033	HOÀNG QUANG HIẾU	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	7.8	5.5	9	8.13	Đ		Khá
31	07035	TRẦN MINH HIẾU	Nam	29/6/2005	Quảng Ninh	8.5	5.5	10	8.88	Đ		Khá
32	07036	DƯƠNG THỊ HOA	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.9	5.5	10	8.88	Đ		Khá
33	07037	ĐÀM THỊ HOA	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.6	5.5	10	8.88	Đ		Khá
34	07038	LƯƠNG THU HOÀI	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.9	5.5	10	8.88	Đ		Khá
35	07039	LOAN THỊ HOÀNG	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.4					H	
36	07040	PHƯƠNG THUẬN HÒA	Nam	16/4/2005	Quảng Ninh	8	5.5	10	8.88	Đ		Khá
37	07041	MẢY VĂN HỒ	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	7.5	5	9	8.00	Đ		Khá
38	07042	BẾ ĐỨC HUẤN	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	7.1	5.5	9	8.13	Đ		Khá
39	07043	TRẦN CÔNG HUẤN	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	7.6	5	9	8.00	Đ		Khá
40	07044	LA THỊ HUỆ	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
41	07045	HÀ TIẾN HUY	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
42	07046	HOÀNG MAI HUY	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	6.7	7	9	8.50	Đ		Khá
43	07047	HOÀNG XUÂN HUY	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	5.8	8	9	8.75	Đ		Khá
44	07048	LÝ ĐỨC HUY	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	6.8	6.5	9	8.38	Đ		Khá
45	07049	LÝ VĂN HUY	Nam	13/7/2004	Quảng Ninh	7.5					H	
46	07050	TÔ VĂN HUY	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	7.2	8	9	8.75	Đ		Khá
47	07051	HOÀNG THỊ HUYỀN	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
48	07053	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	07054	LA MẠNH HÙNG	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	7.2	5.5	9	8.13	Đ		Khá

Đơn vị: 12 - Trường THPT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	07055	LÊ VIỆT HÙNG	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	9	8.38	Đ		Khá
51	07056	TRẦN VIỆT HÙNG	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
52	07057	LỶ THỊ HƯƠNG	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	7.8	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
53	07058	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
54	07059	TRẦN MINH HƯỚNG	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
55	07060	LẠC THỊ HỶ	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	7.9	6.5	9	8.38	Đ		Khá
56	07061	LỤC A HỶ	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
57	07062	TRẦN VĂN HỶ	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	6.7	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
58	07063	LÝ VĂN KHÁNH	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	6.8	5.5	9	8.13	Đ		Khá
59	07064	LƯƠNG MINH KIÊN	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	7.4	5.5	9	8.13	Đ		Khá
60	07065	TRẦN THÀNH KIỆT	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	6.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
61	07066	HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	07067	TÔ THỊ LÀNH	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	7.4	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
63	07068	TRẠC THỊ LÀNH	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	07069	CHÌU THỊ LÀU	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
65	07071	PHAN THỊ LỆ	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
66	07072	NGUYỄN HƯƠNG LIÊN	Nữ	14/6/2005	Thái Bình	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	07073	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	26/4/2005	Hải Dương	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
68	07074	NGUYỄN THÚY LINH	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
69	07075	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
70	07076	MẢ THỊ LOAN	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
71	07077	LOAN THẾ LUÂN	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
72	07078	LA THỊ MAI	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	07079	LA THỊ MAI	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	9.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
74	07080	ĐINH VĂN MẠNH	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
75	07081	LẠC VĂN MẠNH	Nam	18/7/2004	Quảng Ninh	6	7	9.5	8.88	Đ		Khá

Đơn vị: 12 - Trường THPT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	07082	LÔ ĐỨC MẠNH	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
77	07083	MẠ VĂN MẠNH	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	8.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
78	07084	NGUYỄN CAO MẠNH	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
79	07085	NGUYỄN DUY MẠNH	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	5.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
80	07086	PHÙNG XUÂN MẠNH	Nam	17/3/2005	Quảng Ninh	7.8	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
81	07088	BẾ ĐỨC MINH	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
82	07089	HOÀNG THỊ MINH	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	8.8	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
83	07090	LỤC VĂN MINH	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
84	07091	LỶ SÁNG NÀM	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	6.2	5.5	10	8.88	Đ		Khá
85	07093	CHOỎNG VĂN NĂM	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	6.4	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
86	07094	LÃ HOÀI NGÂN	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
87	07095	SẰN THỊ NGÂN	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
88	07096	TRẦN THỊ NGÂN	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	6.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
89	07097	VŨ MAI NGÂN	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	07098	TRẦN TRUNG NGHĨA	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
91	07100	CHU THỊ TUYẾT NHÀN	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
92	07101	ĐẶNG THỊ NHÌ	Nữ	27/12/2004	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
93	07102	NGÔ THỊ HOÀI NHƯ	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
94	07103	GIÁP THỊ OANH	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
95	07104	TRẦN THỊ KIM OANH	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
96	07105	LÀI THIÊM PHÁT	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	07106	ĐẶNG A PHẤU	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
98	07107	LA A PHẤU	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
99	07108	NGUYỄN HẢI PHÒNG	Nam	30/10/2005	Hải Phòng	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
100	07109	TRẦN THỊ PHỤNG	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
101	07110	LA THỊ PHƯƠNG	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 12 - Trường THPT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	07111	LA THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
103	07112	SẦN A PHƯƠNG	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
104	07113	TRẦN MINH PHƯƠNG	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	6.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
105	07114	PHẠM TRỊNH MINH QUANG	Nam	13/5/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
106	07116	CHÍU VĂN QUYỀN	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	6.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
107	07117	TRẦN VĂN QUYỀN	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	7.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
108	07118	TẰNG VĂN QUYẾT	Nam	20/4/2005	Quảng Ninh	7	7	9	8.50	Đ		Khá
109	07119	NÌNH THỊ QUÝ	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	6.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
110	07121	LẠC THỊ SÌN	Nữ	25/06/2005	Quảng Ninh	8	8	9	8.75	Đ		Khá
111	07122	NÌNH THỊ SỊN	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	6.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
112	07124	LA VĂN SƠN	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	7.7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
113	07125	SẦN A SỦI	Nam	09/4/2005	Quảng Ninh	7.9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
114	07126	HOÀNG THANH TÂM	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
115	07128	LÝ TIẾN THÀNH	Nam	17/3/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
116	07129	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
117	07130	PHẠM CÔNG THÀNH	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	6.9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
118	07131	PHÙN CHÍ THÀNH	Nam	15/10/2004	Quảng Ninh	6.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
119	07132	LA THỊ THẢO	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	07133	NGÔ BẢO THĂNG	Nam	03/7/2004	Quảng Ninh	6	6	9	8.25	Đ		Khá
121	07134	NÌNH VĂN THẮNG	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	07135	TẰNG HIẾU THẮNG	Nam	23/3/2005	Quảng Ninh	6.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
123	07136	ĐẶNG THỊ THÊM	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.8	6	9.5	8.63	Đ		Khá
124	07138	HÀ ĐƯỜNG THÔNG	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
125	07139	SẦN THỊ THỐNG	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
126	07141	NÌNH VĂN THỦ	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	7.7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
127	07142	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 12 - Trường THPT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	07143	HOÀNG THỊ THANH THÚY	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
129	07144	TRẦN THỊ THÚY	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	9	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
130	07145	HOÀNG THỊ THƯƠNG	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
131	07146	LÀI THỊ THU THƯƠNG	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
132	07147	MẠ THỊ THƯƠNG	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
133	07148	LÝ THỦY TIÊN	Nữ	17/6/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
134	07150	HÀ HẢI TIỆP	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	6.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
135	07151	TRẦN THỊ MAI TRANG	Nữ	30/01/2005	Hải Phòng	9.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
136	07152	LÔ XUÂN TRỌNG	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	7.3					H	
137	07153	ĐỐNG NGỌC TRƯỜNG	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	6.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
138	07154	NGÔ TIẾN TUÂN	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
139	07155	TRẦN VĂN TUÂN	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
140	07156	NÌNH QUỐC TUẤN	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	7.6	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
141	07157	TÔ VĂN TUẤN	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	6.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
142	07158	CAM THỊ TUYẾT	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
143	07159	LA THỊ TUYẾT	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
144	07160	HOÀNG TIẾN TÙNG	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
145	07161	TRỊNH THẢO UYÊN	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
146	07162	HOÀNG THỤ VIỆT	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	7.8	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
147	07163	LA THANH VIỆT	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
148	07164	NÌNH THỊ XẠY	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	5.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
149	07165	CHU THỊ XUÂN	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
150	07166	HOÀNG THÚY XUÂN	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
151	07167	ĐẶNG HẢI YẾN	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
152	07168	NÔNG THỊ YẾN	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 13 - Trường THCS&THPT Hoành Mô

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	08001	VI THẾ ANH	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	6.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
2	08002	HOÀNG THỊ ÁNH	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	08003	LƯƠNG VĂN BẢY	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	7.4	7.5	9	8.63	Đ		Khá
4	08004	VI THANH BÁCH	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	7	7	9	8.50	Đ		Khá
5	08005	TRẦN THỊ CAM	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	08006	DƯƠNG XUÂN CHÀU	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
7	08007	NÌNH THỊ CHẮN	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	08008	TRẦN THỊ CHÍNH	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	08009	NGÔ TIẾN CƯỜNG	Nam	08/7/2004	Quảng Ninh	6.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	08010	TRẦN THỊ DAU	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	08011	NÌNH A DÌN	Nam	12/11/2004	Quảng Ninh	7.2	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
12	08012	LƯƠNG THỊ DUYÊN	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	08013	LÝ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	08014	NGÔ BẢO DƯƠNG	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
15	08015	VI THANH DƯƠNG	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	7.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
16	08016	VOÒNG SINH ĐẠI	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
17	08017	PHẠM VĂN ĐẠT	Nam	17/5/2005	Ninh Bình	6.4	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
18	08018	CHÌU CHĂN ĐỨC	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	08019	NGÔ THỊ GIANG	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	08020	TRẦN VĂN HẢI	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	7.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
21	08021	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	08022	TRẦN THU HẰNG	Nữ	12/5/2005	Quảng Ninh	8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
23	08023	DƯƠNG PHÚC HẾNH	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 13 - Trường THCS&THPT Hoành Mô

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	08024	NGÔ THỊ HIỀN	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	6.9	9	9	9.00	Đ		Giỏi
25	08025	TẰNG DẢU HIẾNG	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	08026	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	22/8/2004	Quảng Ninh	6.3	6.5	9	8.38	Đ		Khá
27	08027	HOÀNG LỆ HOÀI	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
28	08028	TRẦN THANH HOÀN	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
29	08029	TẰNG DẢU HỒNG	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	6.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
30	08030	TÔ ĐẠI HUẤN	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	7.1	8.5	9	8.88	Đ		Khá
31	08031	LÝ THỊ GIA HUỆ	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	08032	TRỊNH LÊ HUY	Nam	05/3/2005	Hưng Yên	8.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
33	08033	LƯƠNG THỊ HUYỀN	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
34	08034	LƯƠNG THỊ BÍCH HUYỀN	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	08035	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	6.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
36	08036	NGÔ BẢO HƯNG	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	6.6	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
37	08037	HOÀNG THỊ HƯƠNG	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	08038	TẰNG THỊ HƯƠNG	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	08039	QUY ĐỨC LÂN	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	8	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
40	08040	TẰNG PHÚC LÌN	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	7.3	8	9	8.75	Đ		Khá
41	08041	CHÌU ĐỨC LONG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	6.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
42	08042	CHOỎNG VĂN LONG	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	08043	LỶ THỊ LƯU	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	08044	TRẦN THỊ LÝ	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	08045	TRẦN THỊ LÝ	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	08046	TRẦN VĂN LÝ	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9	9.25	Đ		Giỏi
47	08047	CHÍU THỊ MAI	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	08048	CHÍU VĂN MINH	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	6.5	8.5	9	8.88	Đ		Khá
49	08049	VŨ QUANG MINH	Nam	19/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 13 - Trường THCS&THPT Hoành Mô

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	08050	CHÍU QUAY MÌNH	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
51	08051	DƯƠNG NHÌ MÚI	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	08052	CHÍU THỊ THANH NHUNG	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	08053	CHOỎNG THỊ NINH	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	08054	TRẦN VĂN PHÚC	Nam	16/3/2005	Thái Bình	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
55	08055	CHÌU SÌU QUAY	Nam	16/8/2004	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	08056	HOÀNG XUÂN QUẢNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	08057	CHƯƠNG VĂN QUỲNH	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	6.7	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
58	08058	TRẦN THỊ QUÝ	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
59	08059	TRẦN THỊ SẦN	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
60	08060	DƯƠNG THỊ SINH	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	08061	VI THỊ SINH	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	08062	HOÀNG A SÌN	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
63	08063	LỶ VĂN SƠN	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
64	08064	TRẦN A TÀI	Nam	25/6/2004	Quảng Ninh	7.3	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
65	08065	TẰNG PHÚC TẮC	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
66	08066	BÙI THỊ TÂM	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
67	08067	PHẠM ĐẮC TÂN	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	6.5	8	9	8.75	Đ		Khá
68	08068	NGÔ THỊ THẮM	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
69	08069	TRẦN VĂN THIẾT	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.3	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
70	08070	TRẦN VĂN THỐNG	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	7	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
71	08071	TẰNG VĂN THUẬN	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
72	08072	NGÔ THỊ THU THỦY	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
73	08073	HOÀNG THỊ THƯƠNG	Nữ	10/9/2004	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
74	08074	GIÁP THỊ HỒNG TRANG	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
75	08075	NGÔ TIẾN TRẮNG	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	7.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 13 - Trường THCS&THPT Hoành Mô

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	08076	LÈO THỤ TÙNG	Nam	25/02/2005	Quảng Ninh	7.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
77	08077	DƯƠNG THỊ VÂN	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	7.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
78	08078	TRẦN A VẦY	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
79	08079	CHÍU THỊ VIÊN	Nữ	13/12/2004	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	08080	LOAN QUỐC VIỆT	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
81	08081	LÔ TIẾN VIỆT	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
82	08082	LÊ QUANG VINH	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
83	08083	CHÌU TẮC VOỎNG	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	08084	NÌNH A VÙI	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	08085	TRẦN THỊ VƯƠNG	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	8.5	8.50	Đ		Khá
86	08086	ĐINH THỊ YẾN	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
87	08087	VI THỊ HẢI YẾN	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 14 - Trung tâm GDNN - GDTX Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	07003	CHÌU SÒI CHIẾN	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	6.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
2	07011	PHÙN TẮC DÌU	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
3	07015	MẠ VĂN DŨNG	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	8.3	5	10	8.75	Đ		Khá
4	07034	TẰNG VĂN HIẾU	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	8.3	5.5	9	8.13	Đ		Khá
5	07052	LỶ THỊ HUYỀN	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	07070	CHÌU SÌU LỀNH	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	7.1	5	9.5	8.38	Đ		Khá
7	07087	DƯƠNG PHÚC MỀNH	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	6.7	5.5	10	8.88	Đ		Khá
8	07092	TẰNG PHU NÀM	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.1	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
9	07099	TẰNG THỊ NGỌC	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
10	07115	PHÙN DỒNG QUÂN	Nam	13/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
11	07120	CHÍU PHÚC SINH	Nam	15/11/2004	Quảng Ninh	6.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
12	07123	CHÍU QUAY SƠN	Nam	13/3/2005	Quảng Ninh	7.6	6	9	8.25	Đ		Khá
13	07127	PHÙN THỊ TÂM	Nữ	05/3/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
14	07137	TẰNG PHÚC THÍM	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	6.8	5	9.5	8.38	Đ		Khá
15	07140	TẰNG THỊ THƠ	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
16	07149	SẦN MINH TIẾN	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	6.6	5	10	8.75	Đ		Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 15 - Trường THPT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	09001	TRỊNH GIA AN	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	7.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
2	09002	ĐINH TUẤN ANH	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
3	09003	LÝ TUẤN ANH	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
4	09004	NGUYỄN BẢO ANH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
5	09005	ĐINH VĂN CẢNH	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	09006	LƯƠNG QUỲNH CHI	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
7	09007	NỊNH THỊ LỆ CHI	Nữ	15/9/2005	Lạng Sơn	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
8	09008	ĐÀM THỊ CHINH	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
9	09009	TRẦN ĐỨC CHUNG	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8	5	10	8.75	Đ		Khá
10	09010	LÝ MINH CHUYỀN	Nam	12/4/2005	Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
11	09011	BÀN THỊ CHÚC	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
12	09012	LÝ QUỐC CHƯƠNG	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	6.2	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
13	09013	LÝ VĂN CHƯƠNG	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
14	09014	DỊP THỊ CÚC	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
15	09015	HÀ MẠNH CƯỜNG	Nam	30/12/2005	Liên Bang Nga	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	09016	HOÀNG THẾ CƯỜNG	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
17	09017	TRẦN MẠNH CƯỜNG	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
18	09018	CHÍU THÙY DUNG	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
19	09019	BÀN KHÁNH DUY	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
20	09020	LÃ VŨ DUY	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
21	09021	VI TIẾN DUY	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	8.7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
22	09022	HOÀNG THÀNH DŨNG	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	7.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
23	09023	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	7.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 15 - Trường THPT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	09024	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
25	09025	HOÀNG THÙY DƯƠNG	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
26	09026	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
27	09027	LƯƠNG VĂN ĐIỆP	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
28	09028	LÂM TIẾN ĐOÀN	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	7.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
29	09029	LA VĂN ĐÔNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
30	09030	LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
31	09031	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	09032	CHÌU THỊ HÀ	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	09033	ĐẶNG THỊ HÀ	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	09034	HOÀNG THỊ NGỌC HÀ	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
35	09035	HOÀNG THU HÀ	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	09036	HÀ XUÂN HẠNH	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
37	09037	LA THỊ THU HẰNG	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	09038	ĐẶNG XUÂN HIỀN	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	7.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
39	09039	TRIỆU VĂN HIỂN	Nam	08/6/2005	Lạng Sơn	6.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	09040	CHÍU ĐỨC HIẾU	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	7.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
41	09041	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	13/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
42	09042	CHÌU CÚC HOA	Nữ	20/02/2005	Quảng Ninh	8.3					H	
43	09043	LÝ THỊ HOA	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	09044	MÔNG VĂN HOÀN	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	09045	TRỊNH MINH HOÀNG	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
46	09046	NGÔ THỊ THU HÒA	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
47	09047	NỊNH KHÁNH HÒA	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
48	09048	NỊNH ĐỨC HUY	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	09049	VOÒNG ĐỨC HUY	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	7.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 15 - Trường THPT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	09050	ĐẶNG THỊ HUYỀN	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
51	09051	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	09052	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	09053	LÝ MẠNH HÙNG	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
54	09054	ĐÀM QUANG HƯNG	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
55	09055	HOÀNG THỊ HƯNG	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	09056	VƯƠNG VIỆT HƯNG	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
57	09057	BÀN MAI HƯƠNG	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
58	09058	HOÀNG THỊ HƯƠNG	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
59	09059	LINH THỊ THẢO HƯƠNG	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	09060	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	09061	VŨ THU HƯỜNG	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
62	09062	NGUYỄN MINH KHÁNH	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	09063	VI NAM KHÁNH	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	09064	LÝ MINH KIÊN	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	6.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
65	09065	HOÀNG ANH KIỆT	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
66	09066	LÝ THỊ KIM	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
67	09067	VI THỊ THANH LAM	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	09068	NGUYỄN THỊ MAI LAN	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	09069	TRIỆU THỊ LAN	Nữ	10/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	09070	DƯƠNG PHÚC LÀU	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	09071	PHÙN VĂN LÀU	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
72	09072	HOÀNG THANH LÂM	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
73	09073	TRIỆU KIM LÂM	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
74	09074	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	15/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	09075	TRIỆU HIỀN LINH	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 15 - Trường THPT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	09076	HOÀNG BẢO LONG	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	09077	TÔ THÀNH LONG	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	09078	NGUYỄN CẨM LY	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	09079	LÊ NGỌC MAI	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	09080	BÀN ĐỨC MẠNH	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
81	09081	BÙI QUANG MINH	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	8.5	5	10	8.75	Đ		Khá
82	09082	LỤC VĂN NAM	Nam	21/9/2005	Long An	7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
83	09083	NGUYỄN XUÂN NAM	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	09084	LÝ THỊ NGA	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
85	09085	NGÔ THỊ THÚY NGA	Nữ	15/11/2005	Hải Dương	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
86	09086	VOÒNG THANH NGHIỆP	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
87	09087	LÝ VĂN NGHĨA	Nam	12/7/2004	Quảng Ninh	7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
88	09088	CHÌU THỊ NGỌC	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
89	09089	TẠ QUANG NGỌC	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	09090	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
91	09091	CHÌU QUÍ NGUYÊN	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	6.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
92	09092	BÀN THÚY NGUYỆT	Nữ	05/3/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
93	09093	PHẠM THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	19/7/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	09094	VI THỊ NGUYỆT	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
95	09095	TRẦN THỊ NHÂM	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
96	09096	LÝ THỊ NHẬT	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	09097	HOÀNG YẾN NHI	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	09098	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	09099	TRIỆU THỊ NHUNG	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	09100	ĐẶNG THỊ OANH	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	09101	LÊ HỒNG PHONG	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 15 - Trường THPT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	09102	TRẦN VĂN PHONG	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
103	09103	VI ĐỨC QUÂN	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
104	09104	HOÀNG VĂN QUYỀN	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
105	09105	TÔ THẾ QUYỀN	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	09106	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	09107	LƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	09108	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	18/02/2005	Thái Bình	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	09109	TRIỆU THỊ SEN	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
110	09110	ĐẶNG THỊ SINH	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
111	09111	CHÌU THƯ SY	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	09112	NÔNG PHƯƠNG THANH	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	09113	CHÍU CHĂN THÀNH	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
114	09114	ĐẶNG PHÚC THÀNH	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	6.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
115	09115	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	09116	ĐINH HOÀNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/11/2005	Lạng Sơn	7.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
117	09117	DỊP VĂN THÁI	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
118	09118	HÀ QUANG THÁI	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
119	09119	LÝ VĂN THÁI	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	6.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
120	09120	MAI ĐỨC THÁI	Nam	26/7/2004	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
121	09121	PHÙN VĂN THÁI	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	7.9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
122	09122	LA VĂN THẮNG	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
123	09123	LÝ CAO THIÊN	Nam	04/9/2004	Quảng Ninh	6.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
124	09124	PHAN VĂN THIỆU	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
125	09125	VI VĂN THỎA	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	7.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
126	09126	NGUYỄN ANH THƠ	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
127	09127	HỒ ÁNH THƠM	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 15 - Trường THPT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	09128	DƯƠNG THỊ THUẬN	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
129	09129	HOÀNG THANH THỦY	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	09130	NGHIÊM ANH THƯ	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	09131	TRIỆU THỊ VÂN THƯ	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	09132	ĐẶNG THỊ THƯƠNG	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	09133	NỊNH NGỌC TIÊN	Nam	30/4/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
134	09134	NỊNH VĂN TIẾN	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
135	09135	CHIẾNG MẠNH TOÀN	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	6.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
136	09136	DƯƠNG VĂN TOÀN	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
137	09137	NỊNH THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	09138	ĐẶNG QUỐC TRƯỜNG	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
139	09139	TRƯƠNG QUANG TRƯỜNG	Nam	23/8/2004	Quảng Ninh	7.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
140	09140	ĐOÀN THỊ MINH TUỆ	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	09141	HOÀNG DUY TUYỀN	Nam	22/3/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
142	09142	HOÀNG THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
143	09143	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
144	09144	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	09145	TRỊNH ĐÌNH NGỌC TÚ	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	09146	VŨ CẨM TÚ	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	09147	ĐẶNG THỊ VÂN	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
148	09148	LÊ THỊ YẾN VI	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
149	09149	NỊNH ĐỨC VIỆT	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
150	09150	LA NGỌC VINH	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	09151	HÀ THỊ VĨ	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
152	09152	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	09153	TRƯƠNG VĂN VŨ	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 15 - Trường THPT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	09154	LÝ XUÂN VƯƠNG	Nam	23/3/2005	Quảng Ninh	6.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
155	09155	TẰNG XUÂN VỮNG	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
156	09156	NGÔ KHÁNH VY	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	09157	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	09158	DƯƠNG THỊ XUÂN	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	09159	BÀN THỊ YÊN	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	09160	PHÙN VĂN YÊN	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
161	09161	TRIỆU THỊ YẾN	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
162	09169	HOÀNG THIÊN TRANG	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 16 - Trung tâm GDNN - GDTX Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	09162	MÃ VĂN CHIẾN	Nam	26/5/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	09163	CHƯƠNG VĂN CƯỜNG	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
3	09164	CHÍU THÁI DƯƠNG	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.1					H	
4	09165	TRIỆU THỊ HIÊN	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
5	09166	CHÍU THỊ HIỀN	Nữ	18/5/2004	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	09167	ĐẶNG VĂN HOAN	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
7	09168	ĐẶNG MINH HƯƠNG	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	09170	CHÍU ANH TUẤN	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	10003	HOÀNG THẾ ANH	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8	8.5	8.38	Đ		Khá
2	10004	KHỔNG VÂN ANH	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9	9	9.00	Đ		Giỏi
3	10006	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	8.5	8.88	Đ		Khá
4	10007	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
5	10008	VY PHƯƠNG ANH	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
6	10009	ĐINH THỊ NGUYỆT ÁNH	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9	8.75	Đ		Khá
7	10011	CHÌU KIM BẢO	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
8	10013	TÔ XUÂN BẮC	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	8.5	8.38	Đ		Khá
9	10016	PHÙN THỊ BÌNH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
10	10020	LƯƠNG THỤC CHÂU	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	10021	CHÍU THỊ CHI	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	10022	LƯU HÀ CHI	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
13	10023	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	10025	VŨ THỊ KIM CHI	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
15	10039	NGÔ THU DỊU	Nữ	01/4/2005	Quảng Ninh	8.1	7	9	8.50	Đ		Khá
16	10040	BÙI THỊ DUNG	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
17	10041	ĐỖ THỊ DUNG	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
18	10042	HOÀNG THỊ HẠNH DUNG	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	10045	TÔ NGỌC DUNG	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	10047	VI THỊ DUNG	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	10055	PHÙNG ANH DŨNG	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
22	10059	CHÌU THỊ DƯƠNG	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	10061	HÀ ĐỨC DƯƠNG	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	8.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	10062	LÝ ĐẠI DƯƠNG	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
25	10064	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	8.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
26	10065	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
27	10067	HOÀNG THỊ ĐÀO	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	10071	NGUYỄN TIẾN ĐẠI	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
29	10072	VI ANH ĐẠI	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.3	5	9.5	8.38	Đ		Khá
30	10077	LÃ TIẾN ĐẠT	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
31	10079	LƯU THÀNH ĐẠT	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
32	10082	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
33	10083	PHẠM TUẤN ĐẠT	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
34	10085	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
35	10086	HÀ HẢI ĐĂNG	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
36	10088	LỶ THỊ ĐIỆP	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
37	10091	TẰNG VĂN ĐOÀN	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
38	10094	NGÔ ANH ĐỨC	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.4	7	9	8.50	Đ		Khá
39	10100	LÃ VĂN GIANG	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	10101	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
41	10102	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
42	10103	VŨ NGỌC GIANG	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
43	10104	BÙI THU HÀ	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	10108	ĐẶNG HOÀNG HẢI	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
45	10112	LÊ ĐỨC HẠNH	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
46	10114	CHÙ THỊ HẰNG	Nữ	10/10/2004	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
47	10115	HOÀNG THU HẰNG	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
48	10116	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
49	10117	NÌNH VĂN HẬU	Nam	18/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	10119	LÃ THỊ THU HIỀN	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
51	10122	BÙI TRUNG HIẾU	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	9	8.88	Đ		Khá
52	10125	LỘC TRUNG HIẾU	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.1	6	9	8.25	Đ		Khá
53	10128	PHẠM MINH HIẾU	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
54	10129	PHÙN VĂN HIẾU	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
55	10136	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
56	10138	VI NGỌC ÁNH HOA	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	10143	LỶ QUỐC HỘI	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
58	10145	ĐỖ THỊ HUỆ	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
59	10150	TÔ GIA HUY	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
60	10152	BẾ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	10155	HÀ VĂN HÙNG	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.1	5	9.5	8.38	Đ		Khá
62	10158	ĐÀO DUY HƯNG	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
63	10159	LƯƠNG DUY HƯNG	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	8.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
64	10160	TẠ DUY HƯNG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.4	5	10	8.75	Đ		Khá
65	10164	CHU THỊ HƯƠNG	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
66	10165	ĐẶNG THỊ HƯỜNG	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	10166	VŨ THỊ HƯỜNG	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	10167	NGUYỄN CHÍ HƯỚNG	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
69	10172	LÊ NGỌC KHÁNH	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	10173	PHÙN VĂN KHÁNH	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
71	10174	LƯU MẠNH KHIÊM	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.5	5.5	10	8.88	Đ		Khá
72	10175	PHẠM GIA KHIÊM	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
73	10177	MẠC THỊ NGỌC KHUÊ	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	8.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
74	10179	HOÀNG VĂN KHUYẾN	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
75	10180	PHAN THỊ ÁNH KIỀU	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	8.6	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	10182	NÌNH ĐỨC KIM	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
77	10183	NÌNH THỊ KIM	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
78	10185	TẰNG THỊ LAN	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
79	10186	HOÀNG THỊ LÀNH	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
80	10187	LA THÚY LÂM	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
81	10191	TRỊNH THU LỆ	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
82	10194	ĐINH YẾN LINH	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
83	10195	HÀ MAI LINH	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	10196	HOÀNG MAI LINH	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
85	10198	NGUYỄN TRỌNG LINH	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
86	10200	PHẠM DIỆU LINH	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
87	10201	PHẠM THÙY LINH	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
88	10202	TẠ ĐOÀN THÁI LINH	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
89	10206	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
90	10219	NÌNH XUÂN LƯƠNG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
91	10221	ĐẶNG VĂN LƯU	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
92	10222	BÙI NGỌC LY	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	8.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
93	10224	CHU CHÍNH LÝ	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
94	10225	NÔNG THỊ LÝ	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	10227	ĐẶNG HOÀNG MAI	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	10235	NGUYỄN THẾ MẠNH	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
97	10237	CHÌU TRIỀU MINH	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
98	10243	VŨ QUANG MINH	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
99	10248	CHỎONG THỊ MY	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
100	10249	PHÙN TRÀ MY	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
101	10252	LÊ PHƯƠNG NAM	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	10255	NGUYỄN TIẾN HẢI NAM	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	8.2	6	9	8.25	Đ		Khá
103	10258	LÊ THỊ NGA	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
104	10259	VOÒNG THÚY NGA	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	8.5	7	9.5	8.88	Đ		Khá
105	10263	HOÀNG THU NGÂN	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	9	8.63	Đ		Khá
106	10266	VŨ HOÀNG NGÂN	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
107	10267	LÝ THỊ NGHIÊM	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
108	10269	LÝ XUÂN NGHĨA	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
109	10273	ĐỖ MINH NGỌC	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
110	10275	TÔ BẢO NGỌC	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.5	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
111	10277	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	10279	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
113	10280	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
114	10281	SÚ YẾN NHI	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
115	10283	TY UYÊN NHI	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
116	10284	VŨ NGUYỆT NHI	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	10285	PHẠM THỊ NHIÊN	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
118	10286	HOÀNG THỊ NHIỆM	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
119	10288	TRẦN THỊ KIM OANH	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
120	10289	DƯƠNG HOÀNG PHONG	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
121	10292	BÙI VĂN PHÚC	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
122	10296	PHẠM THU PHƯƠNG	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
123	10298	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	10299	LÃ VĂN PHƯỚC	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
125	10305	NGUYỄN LÊ HỒNG QUYẾT	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9	8.75	Đ		Khá
126	10307	BÙI MAI QUỲNH	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
127	10310	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	Nữ	29/8/2005	Hải Phòng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	10311	NGUYỄN THUÝ QUỲNH	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.75	9.81	Đ		Giỏi
129	10312	PHAN TRÚC QUỲNH	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	10315	PHẠM THANH SANG	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
131	10319	DƯƠNG THỊ SẨN	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
132	10326	ĐỖ HOÀNG SƠN	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	10330	NÌNH VĂN SƠN	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	8.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
134	10331	CHÍU A TÀI	Nam	16/7/2004	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
135	10337	BÙI HỮU THANH	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	10340	NGUYỄN NGỌC THANH	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
137	10341	LÝ BÌNH THAO	Nam	16/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
138	10344	NGUYỄN TUẤN THÀNH	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
139	10346	HOÀNG NGỌC THẢO	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
140	10347	HOÀNG THỊ THANH THẢO	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
141	10349	NGÔ VI THU THẢO	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
142	10350	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
143	10351	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
144	10352	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
145	10353	TRỊNH THỊ THẢO	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	10355	LÊ VINH THÁI	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	10359	LƯU THỊ THẮM	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
148	10366	PHẠM THANH THẾ	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
149	10369	VŨ TRỌNG THIỆN	Nam	15/6/2004	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
150	10374	HÀ THỊ THÙY	Nữ	15/7/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
151	10378	CHÌU THỊ THU THỦY	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
152	10379	ĐÀO TRỌNG THỦY	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
153	10380	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	10381	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
155	10385	NGUYỄN THỊ THƯ	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
156	10386	TÔ THỊ THƯ	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
157	10387	VY THỊ ANH THƯ	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
158	10388	HOÀNG MAI THƯƠNG	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
159	10389	NÔNG THÙY THƯƠNG	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
160	10390	SẦM THỊ THƯƠNG	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	10395	HÀ MINH TIẾN	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
162	10401	ĐINH THỊ TRANG	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
163	10402	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
164	10403	NGUYỄN LÊ THÙY TRANG	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
165	10404	NÔNG THỊ TRANG	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
166	10407	ĐOÀN THU TRÀ	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	10408	PHẠM THỊ TRÀ	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
168	10410	NGUYỄN THỊ TRÂM	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
169	10411	CHÍU CHĂN TRIỀU	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
170	10412	BÙI THÀNH TRUNG	Nam	01/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
171	10414	LÝ THÀNH TRUNG	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
172	10415	TRẦN VĂN TRUNG	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
173	10427	PHAN ANH TUẤN	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9	8.75	Đ		Khá
174	10432	PHÙNG ÁNH TUYẾT	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
175	10434	KIỀU ANH TÙNG	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
176	10436	NGUYỄN DUY TÙNG	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.5	7	9	8.50	Đ		Khá
177	10441	NGUYỄN HÀ UYÊN	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	10444	HOÀNG THỊ VÂN	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	10445	LÊ THỊ VÂN	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 17 - Trường THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	10446	NÌNH THỊ VÂN	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
181	10452	VŨ VĂN VIỆT	Nam	15/5/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
182	10454	LỤC QUANG VINH	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
183	10456	LÝ QUAY VĨNH	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
184	10459	ĐẶNG QUỐC VŨ	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
185	10460	HOÀNG HỒNG VŨ	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
186	10462	TRẦN QUANG VƯƠNG	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
187	10463	LƯƠNG THẢO VY	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
188	10464	TRẦN THỊ YẾN VY	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
189	10471	TRẦN THỊ TIỂU YẾN	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 18 - Trường THCS&THPT Hải Đông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	11001	TÔ VĂN TRƯỜNG AN	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
2	11002	CHÍU THỊ MINH ANH	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9	9.25	Đ		Giỏi
3	11003	PHẠM ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9	9.25	Đ		Giỏi
4	11004	TÔ NGỌC ANH	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	11005	TÔ NGUYỆT ÁNH	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
6	11006	LỶ THỊ BÌNH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
7	11007	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
8	11008	TRẠC VĂN BÌNH	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
9	11009	NGUYỄN VĂN CHUNG	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
10	11010	NÌNH VĂN CHUNG	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
11	11011	CHÌU THỊ CHÚC	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
12	11012	TẰNG MÓC CỐI	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
13	11013	PHẠM ĐỨC DUY	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
14	11014	PHAN ĐÌNH DŨNG	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
15	11015	BÙI THÙY DƯƠNG	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
16	11016	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
17	11017	HOÀNG THANH ĐẠT	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	11018	VŨ MINH ĐỨC	Nam	13/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
19	11019	LƯU VĂN HÀO	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
20	11020	TRẠC THỊ HẢO	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	11021	HÀ THU HẠNH	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
22	11022	TRẦN THU HẰNG	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
23	11023	CHU THỊ HẰNG	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 18 - Trường THCS&THPT Hải Đông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	11024	HOÀNG BẢO HÂN	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
25	11025	HOÀNG THỊ HIỀN	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
26	11026	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	11027	HÀ TRUNG HIẾU	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
28	11028	LƯƠNG VĂN HOÀNH	Nam	30/4/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
29	11029	TÔ QUANG HÒA	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9	9.25	Đ		Giỏi
30	11030	SỲ QUANG HUY	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
31	11031	LÊ THỊ HUYỀN	Nữ	01/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	11032	LÊ THU HUYỀN	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	11033	VŨ THỊ HUYỀN	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	11034	HOÀNG PHI HÙNG	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
35	11035	LÊ VĂN HƯNG	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	11036	PHẠM MAI HƯNG	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
37	11037	PHÙNG THỊ MINH HƯNG	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	11038	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
39	11039	NỀNH THỊ HƯỞNG	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
40	11040	HÀ QUANG HƯỚNG	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
41	11041	NGUYỄN MAI KHANH	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
42	11042	HÀ DUY KHÁNH	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	11043	LƯƠNG VĂN KHÁNH	Nam	30/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	11044	NGUYỄN VĂN KHỞI	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
45	11045	TRẦN VĂN KIM	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	6.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	11046	BÙI THỊ LAN	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
47	11047	HÀ THỊ KIỀU LINH	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	11048	HOÀNG BẢO LINH	Nam	04/6/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	11049	NGUYỄN QUỲNH LINH	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 18 - Trường THCS&THPT Hải Đông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	11050	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	11051	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	11052	VOÒNG NHẬT LINH	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	11053	VŨ DIỆU LINH	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	11054	VŨ MAI LINH	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
55	11055	LƯƠNG THÀNH LONG	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	7.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
56	11056	NGÔ PHI LONG	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	7.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
57	11057	VŨ VIẾT THÀNH LONG	Nam	14/12/2005	Hà Nội	7	9	9	9.00	Đ		Giỏi
58	11058	LỶ VĂN LÒ	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
59	11059	NÔNG ĐỨC LỢI	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
60	11060	TRẦN VĂN LƯƠNG	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
61	11061	BÙI THỊ KHÁNH LY	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
62	11062	HOÀNG THỊ TUYẾT MAI	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	11063	NÈNH THỊ MAI	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
64	11064	BÙI NHẬT MINH	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	11065	NÔNG VĂN MINH	Nam	17/3/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
66	11066	TÔ TRÀ MY	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	7.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
67	11067	PHẠM THỊ LÊ NA	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
68	11068	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	11069	MẠC KIM NGÂN	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	11070	LƯƠNG THỊ NGUYÊN	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
71	11071	LƯƠNG THỊ NHÀN	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
72	11072	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	11073	LƯU THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	11074	LƯƠNG HẢI NINH	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
75	11075	HOÀNG TIÊN PHONG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 18 - Trường THCS&THPT Hải Đông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	11076	HÀ THỊ PHƯƠNG	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
77	11077	LÊ THU PHƯƠNG	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	11078	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
79	11079	CAO VĂN PHƯỢNG	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
80	11080	LÊ NHẬT QUANG	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	11081	TÔ TIẾN QUẢNG	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
82	11082	ĐỖ MINH QUÂN	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
83	11083	TRẦN MINH QUÂN	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	11084	TRẦN ĐÌNH QUYẾT	Nam	17/3/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	11085	VŨ VĂN SÁNG	Nam	22/4/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
86	11086	NGUYỄN VĂN SÂM	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
87	11087	HÀ TRƯỜNG SƠN	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
88	11088	LÊ ĐỨC THANH	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	11089	NÌNH THỊ THANH	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	11090	HÀ XUÂN THÀNH	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	7.4	9	9	9.00	Đ		Giỏi
91	11091	HOÀNG THỊ THANH THẢO	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
92	11092	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
93	11093	TRẠC THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	11094	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	8	9	9	9.00	Đ		Giỏi
95	11095	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9	9.25	Đ		Giỏi
96	11096	HOÀNG VĂN THẾ	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
97	11097	NÌNH VĂN THIẾT	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	7.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
98	11098	TRẦN THỊ THƠM	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
99	11099	HÀ THU THỦY	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	11100	HÀ THỊ THƯ	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
101	11101	MẠC MINH THƯ	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 18 - Trường THCS&THPT Hải Đông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	11102	BÙI CÔNG THƯƠNG	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	11103	PHẠM THỊ THƯƠNG	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
104	11104	NÌNH VĂN TIẾN	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	6.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
105	11105	BÙI THỊ KIỀU TRANG	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
106	11106	ĐÀO THỊ KIỀU TRANG	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	11107	LÊ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
108	11108	LỘC HUYỀN TRANG	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	11109	LƯƠNG THỊ THU TRANG	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
110	11110	TÔ THÙY TRANG	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	11111	ĐÀO VIỆT TRUNG	Nam	14/12/2005	Hưng Yên	7.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
112	11112	LƯƠNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
113	11113	HÀ MINH TUẤN	Nam	07/5/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
114	11114	NÌNH THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	11115	LƯƠNG THANH TÙNG	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	7.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
116	11116	NÌNH THỊ VÂN	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
117	11117	TÔ ĐỨC VINH	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	11118	LẰM THANH XUÂN	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 19 - Trường THPT Nguyễn Trãi

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	10005	PHÙN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9	8.75	Đ		Khá
2	10010	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	13/02/2004	Quảng Ninh	7.8	8	9	8.75	Đ		Khá
3	10012	CHƯƠNG VĂN BẢO	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7	9	8.50	Đ		Khá
4	10014	ĐINH CÔNG BIÊN	Nam	20/5/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	8	8.38	Đ		Khá
5	10026	ĐINH THỊ CHIÊN	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	8	9	9	9.00	Đ		Giỏi
6	10033	ĐẶNG XUÂN CHUNG	Nam	25/5/2005	Lạng Sơn	7.5	5	9.5	8.38	Đ		Khá
7	10034	NÔNG VĂN CHỨC	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
8	10035	LƯƠNG THỊ CÚC	Nữ	08/6/2005	Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
9	10044	NGUYỄN BÍCH DUNG	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	7.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
10	10048	VŨ THUỲ DUNG	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
11	10050	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
12	10054	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
13	10060	ĐẶNG VĂN DƯƠNG	Nam	01/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
14	10066	TRỊNH THANH DƯƠNG	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
15	10074	ĐÀO VĂN ĐẠT	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	7.2	5	9.5	8.38	Đ		Khá
16	10075	ĐINH PHONG ĐẠT	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	6.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
17	10076	HOÀNG TIẾN ĐẠT	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
18	10078	LỘC QUANG ĐẠT	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	7.5	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
19	10084	TẠ TUẤN ĐẠT	Nam	20/8/2004	Quảng Ninh	7.8	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
20	10093	TRIỆU VĂN ĐỘI	Nam	20/02/2005	Lạng Sơn	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
21	10097	TÔ MINH ĐỨC	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
22	10099	CHÍU THỊ GIANG	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
23	10109	LỶ QUỐC HẢI	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá

Đơn vị: 19 - Trường THPT Nguyễn Trãi

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	10118	TẰNG HỮU HI	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
25	10121	CHÍU CHĂN HIẾNG	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	8.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
26	10123	CHÍU VĂN HIẾU	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8	6	9	8.25	Đ		Khá
27	10126	LÝ VĂN HIẾU	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	7.9	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
28	10127	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
29	10130	TRẦN MINH HIẾU	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	7.7	8	9	8.75	Đ		Khá
30	10135	LỶ CẢNH HOA	Nữ	17/02/2004	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
31	10146	TRƯƠNG THỊ HUỆ	Nữ	25/5/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
32	10156	PHẠM TIẾN HÙNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	7.4	6	9.5	8.63	Đ		Khá
33	10157	VŨ VĂN HÙNG	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	7.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
34	10162	CHÌU KIM HƯƠNG	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8	6.5	9	8.38	Đ		Khá
35	10168	CHÍU PHƯỚC HỮU	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8	5	9.5	8.38	Đ		Khá
36	10169	TRẦN ĐỨC HỮU	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	7.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
37	10181	VŨ TUẤN KIỆT	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
38	10184	LƯƠNG THỊ LAN	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
39	10192	BẾ THỊ LIỄU	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
40	10193	ĐINH THỊ THUỲ LINH	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	7.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
41	10199	NGUYỄN TUẤN LINH	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	7.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
42	10204	VƯƠNG HƯƠNG LINH	Nữ	24/10/2005	Lạng Sơn	7.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
43	10205	NGUYỄN THÀNH LIU	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
44	10207	CHÍU CHĂN LONG	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	7.8	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
45	10208	CHU HẢI LONG	Nam	15/10/2005	Lạng Sơn	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
46	10209	DƯỜNG PHÚC LONG	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
47	10210	HOÀNG ĐỨC LONG	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
48	10214	TRẦN ĐỨC LONG	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
49	10215	BÙI ĐỨC LỘC	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	7.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá

Đơn vị: 19 - Trường THPT Nguyễn Trãi

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	10220	VŨ VĂN LƯỢNG	Nam	16/4/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
51	10226	CHU THỊ MAI	Nữ	15/9/2004	Quảng Ninh	8.5	5	9.5	8.38	Đ		Khá
52	10228	LƯƠNG THỊ THANH MAI	Nữ	30/5/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	10230	NÌNH THỊ MAI	Nữ	24/12/2003	Quảng Ninh	7.7	6	9.5	8.63	Đ		Khá
54	10231	TẰNG THỊ MAI	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
55	10233	BÙI ĐỨC MẠNH	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
56	10239	TẰNG DẦU MINH	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8	6	9.5	8.63	Đ		Khá
57	10242	VŨ BÌNH MINH	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9	8.50	Đ		Khá
58	10250	CHÌU VĂN NAM	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	7.9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
59	10251	ĐẶNG TIẾN NAM	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	7.2	6.5	9	8.38	Đ		Khá
60	10254	LƯƠNG ĐỨC NAM	Nam	24/6/2005	Lạng Sơn	8.1	6	9.5	8.63	Đ		Khá
61	10262	ĐOÀN THỊ HIẾU NGÂN	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	7.5	7	9.5	8.88	Đ		Khá
62	10265	TẰNG VĂN NGÂN	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	7.9	7.5	9	8.63	Đ		Khá
63	10270	CHÌU THỊ NGOAN	Nữ	08/7/2005	Lạng Sơn	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
64	10271	BÙI NHƯ NGỌC	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
65	10290	LƯU CHÍ PHONG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	7.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
66	10294	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	8.1	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
67	10295	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	6.8	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
68	10303	PHẠM ANH QUỐC	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	7.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
69	10308	LÊ TRÚC QUỲNH	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
70	10309	LÝ QUỐC QUỲNH	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	7.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
71	10313	LỶ SÁNG QUÝ	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
72	10316	CHÌU A SÁM	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
73	10321	LỶ VẰN SỀNH	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
74	10322	NÌNH THỊ SINH	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	7.9	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
75	10324	CHÌU SÁNG SÒI	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	9	8.63	Đ		Khá

Đơn vị: 19 - Trường THPT Nguyễn Trãi

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	10325	TẰNG DẢU SỒI	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
77	10336	LÊ NHẬT TÂN	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
78	10339	LỶ VĂN THANH	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	7.4	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
79	10342	ĐÀO VĂN THÀNH	Nam	28/8/2006	Quảng Ninh	7.9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
80	10343	ĐẶNG HỮU THÀNH	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	8.1					H	
81	10345	ĐÀO THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	7.9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
82	10356	TẠ HỒNG THÁI	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
83	10361	ĐỖ QUYẾT THẮNG	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
84	10368	PHÙN QUAY THIỀN	Nam	18/4/2004	Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
85	10370	TẰNG DẢU THÍM	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
86	10371	TẰNG THỊ THƠM	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
87	10391	NGUYỄN MẠNH THỨC	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	6.6	5	10	8.75	Đ		Khá
88	10392	TRIỆU VĂN THỰC	Nam	30/4/2005	Lạng Sơn	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
89	10393	CHÍU CHĂN TIẾN	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
90	10398	PHẠM MINH TIẾN	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
91	10399	HÀ VĂN TOÀN	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	7.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
92	10405	TẰNG KIỀU TRANG	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8	5	10	8.75	Đ		Khá
93	10406	VŨ THỊ CẨM TRANG	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	7.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
94	10413	CHÍU VĂN TRUNG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
95	10420	VI TUẤN TRƯỜNG	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
96	10422	NGÔ HUY TUÂN	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
97	10425	LƯU VĂN TUẤN	Nam	04/10/2004	Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
98	10429	TÔ VĂN TUẤN	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	7.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
99	10433	BẾ VĂN TÙNG	Nam	20/8/2004	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
100	10437	TÔ VIỆT TÙNG	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
101	10439	TRỊNH THỊ HỒNG TƯƠI	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 19 - Trường THPT Nguyễn Trãi

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	10451	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
103	10453	CHÌU ĐỨC VINH	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	6.9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
104	10455	VŨ QUANG VINH	Nam	21/5/2004	Quảng Ninh	7.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
105	10457	TẰNG DẦU VOỎNG	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
106	10458	CHIẾNG TUẤN VŨ	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
107	10465	LƯƠNG THẾ VỸ	Nam	22/7/2004	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
108	10468	NGUYỄN THANH XUÂN	Nữ	06/11/2005	Lạng Sơn	7.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 20 - Trung tâm GDNN - GDTX Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	10001	NGÔ THÀNH AN	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	8	8	8.5	8.38	Đ		Khá
2	10002	BÀN THỊ HẢI ANH	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8	7	8	7.75	Đ		Khá
3	10015	CAM ĐỨC BÌNH	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7	8.5	8.13	Đ		Khá
4	10018	VÀY A CẶM	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9	8.75	Đ		Khá
5	10024	PHẠM HÀ LINH CHI	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8	8	9	8.75	Đ		Khá
6	10028	NÔNG VĂN CHIẾN	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	9.2	7	9	8.50	Đ		Khá
7	10029	PHÙN MINH CHIẾN	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	8	7	9	8.50	Đ		Khá
8	10030	HOÀNG THỊ CHÍNH	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	9.3	8	8	8.00	Đ		Khá
9	10032	CHOÓNG VĂN CHUNG	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9	8.75	Đ		Khá
10	10036	NÌNH A DẢU	Nam	06/9/2004	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
11	10037	CHÌU VĂN DẾCH	Nam	07/6/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	9	8.38	Đ		Khá
12	10038	HOÀNG BÍCH DIỆP	Nữ	11/4/2004	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	10043	LỶ THỊ DUNG	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
14	10049	BẾ ĐỨC DUY	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	7.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
15	10051	PHÙN THỊ DUYÊN	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
16	10053	LÀU ĐỨC DŨNG	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
17	10057	TÔ TIẾN DŨNG	Nam	18/3/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
18	10058	TRẦN THIÊN DŨNG	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	9.3	5	9.5	8.38	Đ		Khá
19	10063	LÝ PHU DƯƠNG	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	9.2	5	9.5	8.38	Đ		Khá
20	10068	LÝ THỊ ĐÀO	Nữ	08/6/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
21	10069	PHÙN THỊ THU ĐÀO	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	9.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
22	10070	ĐỖ VĂN ĐẠI	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
23	10073	BẾ VĂN ĐẠT	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	9	5	9.5	8.38	Đ		Khá

Đơn vị: 20 - Trung tâm GDNN - GDTX Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	10080	LÝ VĂN ĐẠT	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
25	10081	LÝ XUÂN ĐẠT	Nam	23/7/2002	Quảng Ninh	8.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
26	10087	LÝ XUÂN ĐĂNG	Nam	13/5/2005	Quảng Ninh	8.4	7	9.5	8.88	Đ		Khá
27	10089	BÀN TRỌNG ĐINH	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	8	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
28	10090	KIỀU XUÂN ĐÌNH	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	9.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
29	10092	BÀN HẢI ĐÔNG	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	7.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
30	10096	TẠ VIỆT ĐỨC	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
31	10098	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	9.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
32	10105	ĐẶNG THỊ THU HÀ	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
33	10124	HOÀNG DUY HIẾU	Nam	23/01/2004	Quảng Ninh	8	5	9	8.00	Đ		Khá
34	10132	VI NGỌC HIẾU	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	8	7	9	8.50	Đ		Khá
35	10133	DƯƠNG PHÚC HÌNH	Nam	03/7/2004	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
36	10134	HOÀNG THỊ HOA	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	7.9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
37	10139	BÀN THẾ HOAN	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.5	5	9.5	8.38	Đ		Khá
38	10147	HOÀNG THẾ HUY	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	7.9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
39	10148	LÔ VĂN HUY	Nam	01/4/2005	Lạng Sơn	8	5.5	10	8.88	Đ		Khá
40	10149	PHÙN TIẾN HUY	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
41	10171	BÙI VĂN KHẢI	Nam	22/4/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
42	10176	CHẠC TẮC KHÌN	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
43	10178	NGUYỄN HÀ MINH KHUÊ	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	9	6	9	8.25	Đ		Khá
44	10189	TRƯƠNG VĂN LÂM	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	9.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
45	10211	PHẠM NGỌC LONG	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	9.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
46	10212	PHÙN BẢO LONG	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
47	10213	TẰNG VĂN LONG	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8	6	9.5	8.63	Đ		Khá
48	10216	TRẦN PHÚC LỘC	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	9.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
49	10217	ĐINH THÀNH LUÂN	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	7.9	6	9.5	8.63	Đ		Khá

Đơn vị: 20 - Trung tâm GDNN - GDTX Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	10229	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	9.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
51	10232	NÌNH A MẢN	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
52	10234	LÊ HỒNG MẠNH	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	8.4	6	9.5	8.63	Đ		Khá
53	10238	LÝ THANH MINH	Nam	30/8/2004	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
54	10240	TẰNG VĂN MINH	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	9.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
55	10241	TRƯƠNG ĐỨC MINH	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
56	10245	HÀ THỊ THÚY MƠ	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9	8.50	Đ		Khá
57	10257	ĐẶNG LINH NGA	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	9.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
58	10260	ĐẶNG THỊ HỒNG NGÁT	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
59	10264	NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	8	6	9.5	8.63	Đ		Khá
60	10268	MẢ VĂN NGHIỆP	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	9.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
61	10274	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
62	10276	TRẦN THỊ NGỌC	Nữ	17/8/2005	Lạng Sơn	7.6	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
63	10278	ĐOÀN XUÂN THANH NHÂN	Nam	03/7/2004	Quảng Ninh	8.1	5	10	8.75	Đ		Khá
64	10282	TRƯƠNG THỊ NHI	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
65	10291	VI ANH PHONG	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
66	10293	CHÍU CHĂN PHÚC	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	9.2	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
67	10300	PHÙN ĐỨC QUANG	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
68	10301	PHÙN VĂN QUANG	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9	8.50	Đ		Khá
69	10302	TRƯƠNG TÂM QUÂN	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	7.9	7	9	8.50	Đ		Khá
70	10304	PHOÒNG THANH QUỐC	Nam	29/12/2004	Quảng Ninh	9.3	7	9	8.50	Đ		Khá
71	10306	TÔ VĂN QUYẾT	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	7.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
72	10317	BÀN VĂN SÁNG	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
73	10327	LÊ THANH SƠN	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
74	10329	NÌNH A SƠN	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	9.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
75	10332	LỶ VĂN TĂNG	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8	5	9.5	8.38	Đ		Khá

Đơn vị: 20 - Trung tâm GDNN - GDTX Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	10333	HOÀNG ĐỨC TÂM	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	9.3	5	10	8.75	Đ		Khá
77	10335	LẠI TIẾN TÂN	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	7.9	5	9.5	8.38	Đ		Khá
78	10354	LẠI VĂN THÁI	Nam	15/6/2005	Quảng Ninh	9.2	5	9.5	8.38	Đ		Khá
79	10357	TRƯƠNG THÁI	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
80	10360	CHÍU CHĂN THẮNG	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	7.9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
81	10362	PHÙN VĂN THẮNG	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
82	10367	HOÀNG VĂN THI	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
83	10376	VY THỊ THÙY	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	9.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
84	10377	CHÌU THANH THỦY	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
85	10383	CHÍU THỊ THƯ	Nữ	01/3/2004	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
86	10394	ĐẶNG VĂN TIẾN	Nam	01/3/2004	Quảng Ninh	9.2					H	
87	10396	LỶ QUAY TIẾN	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	9.2	5	9.5	8.38	Đ		Khá
88	10397	LỶ VĂN TIẾN	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.3	5				H	
89	10400	TRẠC VĂN TOÀN	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
90	10417	PHẠM THỊ THANH TRÚC	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
91	10418	LÝ VĂN TRƯỜNG	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	9.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
92	10419	PHÙN VĂN TRƯỜNG	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
93	10421	CHÌU QUANG TUÂN	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	9.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
94	10423	HOÀNG QUỐC TUẤN	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
95	10424	LÊ ANH TUẤN	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8	5	9.5	8.38	Đ		Khá
96	10426	LÝ VĂN TUẤN	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	9.3	5	9	8.00	Đ		Khá
97	10428	TẰNG VĂN TUẤN	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	9.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
98	10430	TRƯƠNG ANH TUẤN	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
99	10435	LÝ THANH TÙNG	Nam	01/4/2004	Quảng Ninh	7.7	5	9.5	8.38	Đ		Khá
100	10438	VI QUỐC TÚ	Nam	28/7/2004	Quảng Ninh	7.9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
101	10440	MẠC THỊ THẢO UYÊN	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	9.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá

Đơn vị: 20 - Trung tâm GDNN - GDTX Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	10442	LỶ THẾ VĂN	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
103	10443	DƯƠNG THỊ VÂN	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	8.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
104	10447	HOÀNG THỊ VẪN	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
105	10448	LÝ VĂN VI	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
106	10450	LÝ ĐỨC VIỆT	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	9	6	9.5	8.63	Đ		Khá
107	10461	TRẦN ANH VŨ	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	7.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 21 - Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	10017	VOÒNG THỊ BÍCH	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	10019	LỤC A CHẮN	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	10027	LỤC VĂN CHIẾN	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9	9.00	Đ		Giỏi
4	10031	TRẦN THỊ CHÍNH	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
5	10046	TRẦN THỊ DUNG	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
6	10052	HOÀNG QUỐC DŨNG	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
7	10056	SẦN VĂN DŨNG	Nam	17/5/2004	Quảng Ninh	7.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
8	10095	NỊNH VĂN ĐỨC	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9	8.50	Đ		Khá
9	10106	HOÀNG THỊ THU HÀ	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
10	10107	NỊNH THỊ HÀ	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
11	10110	TRẦN VĂN HẢI	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	7.9	7	9	8.50	Đ		Khá
12	10111	DƯƠNG NGỌC HẠ	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
13	10113	LỶ THỊ HẠNH	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
14	10120	TÔ MINH HIẾN	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
15	10131	VI ĐÌNH HIẾU	Nam	07/3/2005	Lạng Sơn	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
16	10137	PHÙN THỊ HOA	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
17	10140	VI ĐỨC HOÀNG	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
18	10141	CHÌU THỊ HÒA	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
19	10142	HOÀNG THỊ HỒNG	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	10144	DƯƠNG THỊ HUỆ	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
21	10151	VI GIA HUY	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	7.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
22	10153	CHOÓNG THỊ HUYỀN	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
23	10154	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 21 - Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	10161	TẰNG VĂN HƯNG	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	7.5	5	9.5	8.38	Đ		Khá
25	10163	CHOỎNG THỊ HƯƠNG	Nữ	15/7/2005	Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
26	10170	NÌNH VĂN HỶ	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	7.8	5	9.5	8.38	Đ		Khá
27	10188	LỶ THỊ LÂM	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
28	10190	LÝ THỊ MỸ LỆ	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
29	10197	LỶ THỊ LINH	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	10203	TRIỆU THÙY LINH	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	8	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
31	10218	ĐẶNG ĐỨC LƯƠNG	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	10223	HOÀNG HƯƠNG LƯU LY	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	10236	TÔ THỊ MÂY	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
34	10244	MỄ VĂN MONG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
35	10246	CHÌU TÀI MÚI	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.5	7	9.5	8.88	Đ		Khá
36	10247	PHÙN TÀI MÚI	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
37	10253	LỤC VĂN NAM	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	7.9	6	9	8.25	Đ		Khá
38	10256	CHÍU THỊ NĂM	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.2	6	9.5	8.63	Đ		Khá
39	10261	CHÌU THỊ NGÂN	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
40	10272	ĐẶNG BÍCH NGỌC	Nữ	10/5/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
41	10287	CHÌU THỊ NHUNG	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
42	10297	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
43	10314	TRẦN THỊ QUÝ	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
44	10318	CHÌU A SÁNG	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9	9.25	Đ		Giỏi
45	10320	TRẦN THỊ SẦN	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	8	10	8.5	8.88	Đ		Khá
46	10323	TRẦN A SINH	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	8.5	8.75	Đ		Khá
47	10328	LỶ ĐỨC SƠN	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	8	10	8.5	8.88	Đ		Khá
48	10334	VI THỊ TÂM	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	9	8.88	Đ		Khá
49	10338	LỤC THỊ THANH	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	7.8	7	9	8.50	Đ		Khá

Đơn vị: 21 - Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	10348	MẠ XUÂN THẢO	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	9	8.88	Đ		Khá
51	10358	LƯƠNG THỊ THẮM	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
52	10363	SẦN THỊ THÂU	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	10364	TRẦN THỊ THÂU	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	10365	LỤC THỊ THÊM	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
55	10372	TRƯƠNG THỊ THƠM	Nữ	25/5/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	10373	ĐÀM THỊ THU	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
57	10375	HOÀNG DIỆU THÙY	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
58	10382	NÌNH THỊ THỦY	Nữ	30/3/2004	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
59	10384	DƯƠNG THỊ MINH THƯ	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
60	10409	HOÀNG THỊ TRĂNG	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	10416	ĐINH THỊ THANH TRÚC	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
62	10431	VI MẠNH TUYỀN	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
63	10449	TRIỆU A VIÊN	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
64	10466	CHÌU THỊ XIN	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
65	10467	HOÀNG THỊ XOAN	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	10469	VOÒNG THỊ XUÂN	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
67	10470	DƯỜNG THỊ YẾN	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	12001	NGÔ VIẾT AN	Nam	30/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
2	12002	ĐINH THỊ VÂN ANH	Nữ	03/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
3	12003	ĐỖ PHƯƠNG ANH	Nữ	13/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
4	12004	LƯƠNG QUỲNH ANH	Nữ	13/9/2005	Tỉnh Lạng Sơn	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
5	12005	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	07/3/2004	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
6	12006	PHÙNG TUẤN ANH	Nam	03/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
7	12007	TẠ VŨ HOÀNG ANH	Nữ	13/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
8	12008	NGUYỄN CHÍ BẢO	Nam	25/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
9	12009	NGUYỄN DUY CƯỜNG	Nam	03/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
10	12010	NGUYỄN THÀNH DANH	Nam	18/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
11	12011	PHẠM HỮU DUY	Nam	11/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
12	12012	ĐINH THỊ HẢO	Nữ	02/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	12013	PHẠM THỊ HỒNG HẢO	Nữ	25/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	12014	NGUYỄN THỊ MAI HẠ	Nữ	26/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	12015	PHẠM THỊ THU HẰNG	Nữ	22/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
16	12016	KIỀU TRUNG HIẾU	Nam	08/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	6.5	9	8.38	Đ		Khá
17	12017	TRẦN MỸ HOA	Nữ	19/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
18	12018	LÊ HỮU HOÀNG	Nam	10/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	12019	LÊ THỊ THÚY HUYỀN	Nữ	08/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	12020	ĐỖ MINH KHUÊ	Nữ	17/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
21	12021	TRẦN TRUNG KIÊN	Nam	30/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
22	12022	LA THỊ HOA LAN	Nữ	30/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
23	12023	HOÀNG GIA LÂM	Nữ	09/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	12024	LỤC THỊ LIÊN	Nữ	24/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
25	12025	ĐINH VĂN LONG	Nam	15/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
26	12026	TRẦN VĂN LONG	Nam	10/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
27	12027	CAM THẢO LY	Nữ	20/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	12028	NGÔ VĂN MỪNG	Nam	02/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
29	12029	TÔ THỊ HOÀI NA	Nữ	28/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3					H	
30	12030	LƯƠNG XUÂN NAM	Nam	11/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.7	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
31	12031	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	28/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
32	12032	LƯƠNG THỊ MỸ NGUYỆT	Nữ	27/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	12033	VŨ ANH NHẬT	Nam	14/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	6	9	8.25	Đ		Khá
34	12034	TRẦN TUYẾT NHƯ	Nữ	03/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
35	12035	CHU NGỌC PHƯƠNG	Nam	14/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.9	9	9	9.00	Đ		Giỏi
36	12036	NGUYỄN LÂM PHƯƠNG	Nữ	01/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	12037	ĐIỆP MINH QUÂN	Nam	18/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	12038	PHẠM MINH QUÂN	Nam	04/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	12039	PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	01/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
40	12040	VŨ THANH THẢO	Nữ	11/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
41	12041	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	24/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	12042	LỤC VĂN THẮNG	Nam	22/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	12043	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	04/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	12044	LÊ ĐÌNH THỂ	Nam	23/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
45	12045	VŨ TÀI THỐNG	Nam	21/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
46	12046	PHẠM THỊ THƠM	Nữ	24/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
47	12047	TRẦN THỊ MINH THU	Nữ	03/11/2005	Tỉnh Đồng Nai	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	12048	LƯƠNG NGỌC THUẬN	Nam	17/6/2005	Tỉnh Đồng Nai	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	12049	PHẠM PHƯƠNG THÙY	Nữ	04/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	12050	CHÂU NGỌC THƯ	Nữ	06/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	12051	TRƯƠNG THÀNH TIẾN	Nam	27/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
52	12052	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	03/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	12053	TẰNG QUANG TRUNG	Nam	06/12/2004	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
54	12054	VI XUÂN TRƯỜNG	Nam	06/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
55	12055	HOÀNG VIỆT TUẤN	Nam	04/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.9	9	9	9.00	Đ		Giỏi
56	12056	NGUYỄN MINH TÚ	Nam	20/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	12057	NGUYỄN VĂN TÚ	Nam	26/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	12058	LÊ THỊ VÂN	Nữ	25/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	12059	TRẦN HỒNG VÂN	Nữ	15/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	12060	BÙI LONG VŨ	Nam	01/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	12061	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	02/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	5	10	8.75	Đ		Khá
62	12062	CHU VĂN AN	Nam	04/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
63	12063	TRẦN THỊ MINH AN	Nữ	30/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
64	12064	BÙI THỊ VÂN ANH	Nữ	12/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
65	12065	DƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	04/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	9	8.88	Đ		Khá
66	12066	ĐẶNG NGỌC ANH	Nữ	04/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
67	12067	ĐỖ NGỌC ANH	Nữ	25/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	12068	HOÀNG ĐỨC ANH	Nam	09/01/2005	Tỉnh Hải Dương	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
69	12069	HỨA QUỐC ANH	Nam	28/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	9	8.88	Đ		Khá
70	12070	LÊ MAI ANH	Nữ	17/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	9	8.88	Đ		Khá
71	12071	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	22/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
72	12072	LÊ VÂN ANH	Nữ	11/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	12073	LỀNH THỊ LAN ANH	Nữ	08/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	12074	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	25/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.5	8.5	9	8.88	Đ		Khá
75	12075	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	02/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8.5	9	8.88	Đ		Khá

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	12076	PHẠM MINH ANH	Nam	02/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
77	12077	PHẠM NAM ANH	Nam	11/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
78	12078	PHẠM VIỆT ANH	Nữ	01/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
79	12079	TÔ NGỌC ANH	Nữ	12/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8.5	9	8.88	Đ		Khá
80	12080	PHẠM THỊ ÁNH	Nữ	04/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8.5	9	8.88	Đ		Khá
81	12081	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	26/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
82	12082	VƯƠNG GIA BẢO	Nam	01/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
83	12083	LÊ CÔNG BÁCH	Nam	14/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
84	12084	ĐẶNG THANH BÌNH	Nữ	27/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
85	12085	PHẠM THANH BÌNH	Nam	19/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
86	12086	LÊ NGỌC CHÂM	Nữ	29/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
87	12087	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	22/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
88	12088	HOÀNG ĐINH CHIẾN	Nam	21/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8.5	9	8.88	Đ		Khá
89	12089	VŨ MẠNH CHIẾN	Nam	26/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8.5	9	8.88	Đ		Khá
90	12090	PHAN VĂN CHUNG	Nam	10/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8.5	9	8.88	Đ		Khá
91	12091	ĐINH THỊ HUYỀN DỊU	Nữ	13/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8.5	9	8.88	Đ		Khá
92	12092	ĐIỆP VÂN DUNG	Nữ	26/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	12093	PHẠM THỊ NGỌC DUNG	Nữ	23/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	12094	ĐỖ ĐỨC DUY	Nam	18/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
95	12095	NGÔ NGỌC DUYÊN	Nữ	10/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	12096	BÙI THẾ DƯƠNG	Nam	21/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
97	12097	TRẦN PHẠM LIN ĐA	Nữ	02/01/2005	Tỉnh Hà Tĩnh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
98	12098	PHẠM QUỐC ĐẠI	Nam	28/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	12099	NGUYỄN MINH ĐẠO	Nam	28/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	12100	BÙI THÀNH ĐẠT	Nam	29/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
101	12101	ĐOÀN ĐỨC ĐẠT	Nam	12/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	12102	LĂNG THÀNH ĐẠT	Nam	21/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	12103	LƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	29/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
104	12104	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	11/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
105	12105	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	09/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	12106	QUÁCH TIẾN ĐẠT	Nam	10/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	12107	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	02/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
108	12108	HOÀNG ANH ĐỨC	Nam	06/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
109	12109	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	Nam	27/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
110	12110	LÝ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	24/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
111	12111	CHU THỊ HẢI HÀ	Nữ	26/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
112	12112	PHẠM HẢI HÀ	Nam	09/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	12113	PHẠM THỊ NGÂN HÀ	Nữ	05/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
114	12114	NGÔ QUANG HẢI	Nam	18/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
115	12115	NGUYỄN CÔNG HẢI	Nam	28/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
116	12116	ĐIỆP THÚY HẠNH	Nữ	17/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
117	12117	ĐINH THÚY HẰNG	Nữ	28/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
118	12118	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	20/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	12119	TRỊNH THÚY HẰNG	Nữ	10/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
120	12120	ĐẶNG THỊ THÚY HIỀN	Nữ	07/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
121	12121	TẠ THỊ HIỀN	Nữ	14/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
122	12122	TRƯƠNG THỊ HIỀN	Nữ	28/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	12123	HOÀNG TRUNG HIẾU	Nam	28/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
124	12124	LÊ CẢNH HIẾU	Nam	26/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	12125	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	18/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	12126	TRƯƠNG ĐỨC HIẾU	Nam	04/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
127	12127	BÙI THỊ VÂN HOA	Nữ	18/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	12128	HOÀNG THỊ MAI HOA	Nữ	11/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	12129	ĐẶNG THỊ HOAN	Nữ	11/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
130	12130	DƯƠNG THỊ THU HOÀI	Nữ	04/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
131	12131	PHẠM THẾ HOÀN	Nam	18/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
132	12132	PHẠM VŨ HOÀN	Nam	08/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
133	12133	HÀ VIỆT HOÀNG	Nam	06/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
134	12134	LÊ MINH HOÀNG	Nam	14/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
135	12135	TỪ THỊ HÒA	Nữ	25/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	12136	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	09/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
137	12137	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	07/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
138	12138	ĐIỆP THANH HUYỀN	Nữ	08/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
139	12139	HÀ THU HUYỀN	Nữ	27/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
140	12140	LÊ NGỌC HUYỀN	Nữ	15/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
141	12141	NGUYỄN DIỆU HUYỀN	Nữ	14/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
142	12142	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	Nữ	31/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	12143	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	17/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	12144	TRẦN THỊ THÚY HUYỀN	Nữ	04/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	12145	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	23/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	12146	ĐỖ PHI HÙNG	Nam	19/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
147	12147	TẠ ĐỨC HÙNG	Nam	20/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
148	12148	BÙI GIA HƯNG	Nam	02/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
149	12149	ĐẶNG THẾ HƯNG	Nam	31/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
150	12150	THIỀU XUÂN HƯNG	Nam	17/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
151	12151	NGUYỄN DIỆU HƯƠNG	Nữ	14/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	12152	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	14/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
153	12153	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	07/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	12154	TẠ THU HƯƠNG	Nữ	13/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	12155	LIÊU THU HƯỜNG	Nữ	26/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	9	8.75	Đ		Khá
156	12156	NGUYỄN HỒNG KHANH	Nữ	21/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
157	12157	HÀ VĂN KHÁNH	Nam	28/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
158	12158	NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH	Nam	24/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
159	12159	PHẠM DUY KHÁNH	Nam	05/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	9	8.75	Đ		Khá
160	12160	PHẠM HÙNG KHÁNH	Nam	02/9/2005	Tỉnh Thái Bình	7.9	8	9	8.75	Đ		Khá
161	12161	BÙI THỊ LÂM LA	Nữ	16/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
162	12162	VŨ TIẾN THIỆN LAM	Nam	01/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
163	12163	PHẠM THỊ LINH LAN	Nữ	26/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
164	12164	CHÂU THỊ MỸ LỆ	Nữ	22/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
165	12165	BÙI PHƯƠNG LINH	Nữ	21/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
166	12166	ĐỖ THỊ LINH	Nữ	03/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
167	12167	HOÀNG THU LINH	Nữ	31/12/2004	Tỉnh Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
168	12168	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	07/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
169	12169	PHẠM LÊ KHÁNH LINH	Nữ	04/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	8	9	8.75	Đ		Khá
170	12170	PHẠM NGỌC LINH	Nữ	28/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
171	12171	TỪ VŨ DIỆU LINH	Nữ	14/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
172	12172	VŨ HOÀNG NHẬT LINH	Nam	29/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
173	12173	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	24/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
174	12174	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	07/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
175	12175	NGUYỄN TIẾN XUÂN LONG	Nam	02/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	9	8.75	Đ		Khá
176	12176	TRƯƠNG NGUYỄN LONG	Nam	30/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
177	12177	TỪ THỊ LUYẾN	Nữ	09/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	9	8.75	Đ		Khá
178	12178	CHU KHÁNH LY	Nữ	06/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
179	12179	HOÀNG BÍCH LY	Nữ	11/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	12180	NGUYỄN DIỆU LY	Nữ	06/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
181	12181	PHẠM YẾN LY	Nữ	11/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
182	12182	BÙI NGỌC MAI	Nữ	12/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
183	12183	PHAN THỊ THANH MAI	Nữ	14/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
184	12184	HOÀNG THỊ TRÀ MI	Nữ	15/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
185	12185	HÀ ĐỨC MINH	Nam	14/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
186	12186	NGUYỄN HÀ HỒNG MINH	Nữ	12/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	12187	ĐỖ HÀ MY	Nữ	19/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	12188	NGUYỄN HOÀNG THẢO MY	Nữ	26/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
189	12189	TÔ THỊ HUYỀN MY	Nữ	02/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.9	7	9	8.50	Đ		Khá
190	12190	LÊ HOÀI NAM	Nam	06/11/2005	Tỉnh Thái Bình	8.4	8	9	8.75	Đ		Khá
191	12191	LÊ HOÀNG NAM	Nam	09/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	9	8.75	Đ		Khá
192	12192	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	28/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	12193	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	Nữ	05/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	12194	TRƯƠNG THÚY NGA	Nữ	18/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.5	8	9	8.75	Đ		Khá
195	12195	TRƯƠNG THỊ NGỌC NGÀ	Nữ	15/9/2005	Thành phố Hà Nội	9.6	8	9	8.75	Đ		Khá
196	12196	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	13/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	8	9	8.75	Đ		Khá
197	12197	ĐINH NHƯ NGỌC	Nữ	22/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
198	12198	ĐỖ THỊ NGỌC	Nữ	26/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
199	12199	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	Nữ	16/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
200	12200	NGUYỄN THỊ VÂN NGỌC	Nữ	01/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	8	9	8.75	Đ		Khá
201	12201	PHẠM HOÀNG YẾN NGỌC	Nữ	28/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
202	12202	TRƯƠNG BÌNH NGUYÊN	Nam	26/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	12203	ĐINH THỊ THANH NHÀN	Nữ	09/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
204	12204	LÊ TUYẾT NHẤT	Nữ	04/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.6	8	9	8.75	Đ		Khá
205	12205	HOÀNG THỊ NHI	Nữ	13/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	12206	LƯƠNG TUYẾT NHI	Nữ	09/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	12207	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	09/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	12208	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	01/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
209	12209	PHẠM THỊ HƯƠNG NHI	Nữ	19/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	12210	VŨ LAN NHI	Nữ	08/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
211	12211	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	08/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
212	12212	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	08/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	12213	NGUYỄN HẢI NINH	Nam	30/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
214	12214	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Nữ	14/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
215	12215	ĐÀO THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	20/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
216	12216	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	22/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
217	12217	NGUYỄN THỊ ĐÀO PHƯƠNG	Nữ	28/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
218	12218	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	30/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	12219	TRẦN THU PHƯƠNG	Nữ	26-Feb-05	Tỉnh Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	12220	LƯU THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	12/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
221	12221	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	23/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
222	12222	PHẠM MINH QUÂN	Nam	04/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
223	12223	CHÂU MAI QUỲNH	Nữ	06/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
224	12224	LÊ THỊ QUỲNH	Nữ	10/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	12225	PHẠM VĂN QUÝ	Nam	09/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	12226	ĐÀO XUÂN SƠN	Nam	06/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
227	12227	KIỀU NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	13/7/2005	Thành phố Hải Phòng	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
228	12228	LÊ ĐÌNH SƠN	Nam	03/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	12229	PHẠM ĐỨC SƠN	Nam	03/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
230	12230	DIỆP TÚ VẠN TÀI	Nam	11/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
231	12231	PHẠM THỊ THANH TÂM	Nữ	03/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	12232	VŨ THỊ THANH TÂM	Nữ	05/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
233	12233	NGUYỄN XUÂN THÀNH	Nam	14/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
234	12234	BÀNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	12235	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
236	12236	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
237	12237	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
238	12238	LƯU THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
239	12239	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
240	12240	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	12241	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	09/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	12242	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
243	12243	PHẠM THỊ THANH THẢO	Nữ	13/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
244	12244	LÊ PHƯƠNG THU	Nữ	25/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
245	12245	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	11/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
246	12246	PHẠM BÍCH THỦY	Nữ	18/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
247	12247	HOÀNG VĂN THỤ	Nam	19/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
248	12248	HOÀNG MINH THƯ	Nữ	18/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
249	12249	NGUYỄN THẢO THƯ	Nữ	14/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
250	12250	VŨ THỊ THƯƠNG	Nữ	18/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
251	12251	VŨ THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	08/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
252	12252	ĐẶNG THỊ KIM TIẾN	Nữ	01/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
253	12253	NGUYỄN QUANG TOÀN	Nam	25/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
254	12254	ĐẶNG THỊ TRANG	Nữ	16/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
255	12255	HỨA THỊ THU TRANG	Nữ	19/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
256	12256	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	15/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
257	12257	PHẠM THỊ THU TRANG	Nữ	06/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	12258	VŨ THÙY TRANG	Nữ	14/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
259	12259	BÙI TÚ TRINH	Nữ	21/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
260	12260	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Nam	26/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
261	12261	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	Nam	02/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
262	12262	LÊ ANH TUẤN	Nam	14/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
263	12263	VŨ THỊ KIM TUYẾN	Nữ	23/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
264	12264	NGUYỄN THANH TÚ	Nam	08/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	6.1	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
265	12265	PHẠM THU UYÊN	Nữ	20/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
266	12266	ĐỖ THỊ PHÚC VÂN	Nữ	13/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
267	12267	LƯU THỊ HỒNG VÂN	Nữ	13/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	12268	NGÔ THANH VÂN	Nữ	25/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
269	12269	PHẠM THỊ HỒNG VÂN	Nữ	09/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
270	12270	BÙI QUANG VIỆT	Nam	01/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.5	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
271	12271	ĐÀO HẢI VIỆT	Nam	14/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
272	12272	NGÔ QUỐC VIỆT	Nam	25/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
273	12273	TỪ QUỐC VIỆT	Nam	03/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
274	12274	HOÀNG VŨ	Nam	27/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
275	12275	BÙI THÚY VY	Nữ	28/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
276	12276	PHẠM THỊ HÀ VY	Nữ	04/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
277	12277	PHẠM THANH XUÂN	Nam	20/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
278	12278	BÙI THỊ HẢI YẾN	Nữ	14/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
279	12279	ĐINH HẢI YẾN	Nữ	11/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
280	12280	HÀ THỊ NGỌC ANH	Nữ	25/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	12281	ĐẶNG THỊ THANH BÌNH	Nữ	20/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
282	12282	TRẦN MAI CHI	Nữ	22/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
283	12283	CHÂU THỊ HƯƠNG DUNG	Nữ	07/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	12284	LÊ THANH DƯƠNG	Nam	28/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
285	12285	HOÀNG TIẾN ĐẠT	Nam	20/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
286	12286	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	17/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
287	12287	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	08/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	12288	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	07/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
289	12289	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	12/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
290	12290	VŨ ĐỨC HẢI	Nam	19/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	12291	TÔ ĐỨC HIẾU	Nam	15/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
292	12292	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	20/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	12293	BÙI KHÁNH HUYỀN	Nữ	16/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	12294	ĐINH PHÚC HƯNG	Nam	13/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
295	12295	TRẦN TRỌNG HƯNG	Nam	01/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
296	12296	LỪU THỊ THU HƯƠNG	Nữ	16/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
297	12297	NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG	Nữ	03/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
298	12298	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	Nam	13/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
299	12299	PHẠM GIA TUẤN KIỆT	Nam	23/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
300	12300	TỪ NGUYỄN TÚ LINH	Nữ	25/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
301	12301	HOÀNG KHÁNH MINH	Nam	11/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
302	12302	TẠ NHẬT MINH	Nam	31/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
303	12303	PHẠM HỒNG NGỌC	Nữ	23/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
304	12304	TRẦN THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	02/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
305	12305	NGUYỄN HỮU NGUYÊN	Nam	13/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
306	12306	NGUYỄN MẠNH HIỀN NHI	Nữ	29/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
307	12307	NGUYỄN VŨ LƯU PHÚC	Nam	27/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
308	12308	LƯU THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	30/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	12309	PHẠM NGỌC MAI PHƯƠNG	Nữ	15/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 22 - Trường THPT Hải Đảo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	12310	NGUYỄN ĐAN QUYÊN	Nữ	08/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
311	12311	NHỮ NGỌC QUỲNH	Nữ	29/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
312	12312	BÙI THANH THẢO	Nữ	29/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
313	12313	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
314	12314	NGÔ THỊ HẢI THỊNH	Nữ	10/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
315	12315	CHU ANH THƯ	Nữ	05/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
316	12316	TRƯƠNG MINH THƯ	Nữ	22/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
317	12317	BÙI HOÀNG TIẾN	Nam	10/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
318	12318	BÙI MINH TOÀN	Nam	19/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
319	12319	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	20/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
320	12320	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	02/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
321	12321	VŨ HỒNG TRANG	Nữ	08/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
322	12322	ĐINH MINH TRÍ	Nam	13/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
323	12323	VŨ ĐỨC TRUNG	Nam	29/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
324	12324	ĐÀO HUY TUẤN	Nam	16/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
325	12325	TRẦN THỊ BÍCH VÂN	Nữ	27/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
326	12326	HOÀNG THỊ KIM XUYẾN	Nữ	22/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 24 - Trường THCS&THPT Quan Lạn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	13001	BÙI PHƯƠNG ANH	Nữ	22/11/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	13002	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	12/01/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	13003	TRÌNH NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	23/9/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
4	13004	VƯƠNG NGỌC CHÂM	Nữ	28/3/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	13005	PHẠM QUANG CHIẾN	Nam	02/02/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	13006	PHẠM THỊ CHIẾN	Nữ	15/8/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.4	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
7	13007	ĐẶNG QUỐC DUY	Nam	05/4/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9	7.5	9	8.63	Đ		Khá
8	13008	NGUYỄN LÊ DƯƠNG	Nam	22/12/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.7	8.5	9	8.88	Đ		Khá
9	13009	VŨ VĂN ĐẠI	Nam	17/4/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
10	13010	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	21/11/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	13011	LÝ THÁI HÀ	Nữ	12/7/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
12	13012	PHẠM QUANG HẢI	Nam	16/02/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	13013	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	30/6/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.5	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
14	13014	PHẠM QUỐC HOÀNG	Nam	30/01/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.7	8.5	9	8.88	Đ		Khá
15	13015	BÙI KIM HUỆ	Nữ	22/9/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	13016	VŨ VĂN HUY	Nam	26/12/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.6	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
17	13017	HỨA ĐỨC HÙNG	Nam	16/12/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	13018	VŨ QUỐC HƯNG	Nam	23/9/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	13019	BÙI VIỆT KHÁNH	Nam	06/10/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9	9	9	9.00	Đ		Giỏi
20	13020	PHẠM GIA KHIÊM	Nam	25/02/2004	Vân Đồn Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	13021	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	18/11/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	13022	HOÀNG MỸ LINH	Nữ	14/9/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	13023	LƯU THỊ QUỲNH LOAN	Nữ	03/8/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 24 - Trường THCS&THPT Quan Lạn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	13024	NGUYỄN TIẾN LỘC	Nam	16/02/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
25	13025	ĐINH THỊ NGA	Nữ	04/02/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	13026	HOÀNG THỊ YẾN NHI	Nữ	04/12/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	13027	BÙI THỊ KIM OANH	Nữ	19/02/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.9	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
28	13028	PHẠM VĂN PHONG	Nam	04/4/2004	Vân Đồn Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	13029	LÊ VĂN PHƯƠNG	Nam	14/3/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	13030	LƯU THUỲ PHƯƠNG	Nữ	20/11/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	13031	PHẠM HỒNG PHƯỢNG	Nữ	12/02/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	13032	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	21/02/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	13033	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	25/8/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	13034	LÊ TRƯỜNG SƠN	Nam	14/12/2004	Vân Đồn Quảng Ninh	8.6	9	9	9.00	Đ		Giỏi
35	13035	PHẠM MINH TRÍ	Nam	11/9/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
36	13036	HOÀNG ANH TUẤN	Nam	06/5/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	13037	NGUYỄN BÁ TÙNG	Nam	30/8/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
38	13038	VŨ HOÀNG TÙNG	Nam	29/11/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	13039	PHẠM UYÊN VI	Nữ	29/6/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	13040	NGUYỄN VĂN VŨ	Nam	16/9/2003	Vân Đồn Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	13041	VƯƠNG THỊ THU YẾN	Nữ	20/3/2005	Vân Đồn Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 25 - Trường THPT Cô Tô

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	14001	VŨ VIỆT ANH	Nam	03/8/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
2	14002	HÀ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	07/02/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
3	14003	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	25/5/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	14004	ĐÀO VĂN BÌNH	Nam	26/10/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
5	14005	ĐẶNG THÀNH CÔNG	Nam	03/11/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	14006	NGUYỄN HOÀNG DIỄM	Nữ	03/6/2005	Cát Hải, Hải Phòng	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	14007	VŨ NĂNG DUY	Nam	20/7/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
8	14008	NGUYỄN THÁI THÙY DƯƠNG	Nữ	24/3/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
9	14009	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	05/12/2005	Vân Đồn - Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
10	14010	NGUYỄN TÂN ĐẠT	Nam	06/10/2005	Hải Hậu, Nam Định	7.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
11	14011	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	Nam	07/6/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
12	14012	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	30/7/2005	Kỳ Anh - Hà Tĩnh	6.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
13	14013	TRẦN XUÂN ĐỨC	Nam	05/3/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	14014	PHẠM THỊ TRÀ GIANG	Nữ	20/4/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	14015	PHẠM MINH HẢI	Nam	30/3/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
16	14016	BÙI THỊ HẠNH	Nữ	20/4/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	14017	LÊ THỊ THU HẰNG	Nữ	03/7/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	14018	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	19/4/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	14019	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	25/8/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
20	14020	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	17/9/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
21	14021	NGUYỄN VĂN HIỆP	Nam	06/8/2005	Hậu Lộc - Thanh Hóa	6.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
22	14022	DƯƠNG MỸ HOA	Nữ	19/3/2005	Kim Sơn, Ninh Bình	7.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
23	14023	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	27/01/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 25 - Trường THPT Cô Tô

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	14024	PHẠM KHẮC HOÀNG	Nam	12/01/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	14025	PHẠM NGỌC HUYỀN	Nữ	09/01/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	14026	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	15/8/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	14027	ĐỒNG ĐỨC HÙNG	Nam	05/01/2005	Kiến Thụy, Hải Phòng	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
28	14028	PHẠM ĐỨC VIỆT HƯNG	Nam	15/6/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	6.9	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
29	14029	NGUYỄN DUY KHIÊM	Nam	20/01/2005	Thái Thụy - Thái Bình	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
30	14030	VÕ THÀNH KHƯƠNG	Nam	17/11/2005	Lý Sơn, Quảng Ngãi	7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
31	14031	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	08/3/2005	Vân Đồn, Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	14032	NGUYỄN ĐÌNH HẢI LONG	Nam	07/8/2005	Chí Linh, Hải Dương	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	14033	TRẦN HỮU MINH	Nam	28/9/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	6.9	6	9	8.25	Đ		Khá
34	14034	LÊ THỊ THANH NGOAN	Nữ	29/11/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
35	14035	LẠI YẾN NHI	Nữ	06/10/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	6.9	6	9	8.25	Đ		Khá
36	14036	NGUYỄN ĐỨC PHI	Nam	07/9/2005	Hậu Lộc, Thanh Hóa	7.2	10	9	9.25	Đ		Giỏi
37	14037	LÊ THU PHƯƠNG	Nữ	12/02/2005	Uông Bí, Quảng Ninh	7.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
38	14038	PHẠM VĂN QUYỀN	Nam	09/11/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	6.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
39	14039	HÀ THỊ HỒNG TÂM	Nữ	11/12/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	14040	NGUYỄN CHÍ THANH	Nam	16/10/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
41	14041	NGUYỄN THỊ HUYỀN THANH	Nữ	08/01/2005	Bảo Lộc, Lâm Đồng	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	14042	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	01/10/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	14043	BÙI PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/10/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
44	14044	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/12/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
45	14045	HOÀNG VĂN THÁI	Nam	05/4/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	6.9	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
46	14046	LÊ TRƯỜNG THI	Nữ	19/7/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
47	14047	NGUYỄN THỊ THANH THUY	Nữ	19/9/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
48	14048	HOÀNG THỊ THU THÙY	Nữ	25/4/2005	Vân Đồn, Quảng Ninh	7.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
49	14049	HOÀNG NGUYỄN THỦY	Nam	22/5/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.4	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 25 - Trường THPT Cô Tô

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	14050	NGUYỄN THỊ PHONG THỦY	Nữ	16/5/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
51	14051	BÀNG SỸ THƯƠNG	Nữ	03/12/2005	Vân Đồn, Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	14052	NGUYỄN MAI THƯƠNG	Nữ	05/11/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.3	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá
53	14053	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	22/4/2005	Nghi Xuân, Hà Tĩnh	0					H	
54	14054	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	Nam	20/01/2005	Vân Đồn, Quảng Ninh	6.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
55	14055	ĐINH THỊ THỦY TIÊN	Nữ	11/10/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
56	14056	LÊ XUÂN TIỀN	Nam	18/02/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	6.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
57	14057	HÀ THỊ THU TRANG	Nữ	02/9/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
58	14058	TRẦN THU TRANG	Nữ	14/01/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.6	5.5	10	8.88	Đ		Khá
59	14059	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	25/11/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
60	14060	TRẦN THỊ TRÂM	Nữ	03/02/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
61	14061	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	16/6/2005	Vân Đồn, Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	14062	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	17/6/2005	Cô Tô, Quảng Ninh	7.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
63	14063	NGUYỄN THỊ VUI	Nữ	07/3/2005	Nghĩa Hưng, Nam Định	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	14064	HOÀNG ANH VŨ	Nam	02/12/2005	Vân Đồn, Quảng Ninh	7	5.5	9.5	8.50	Đ		Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	15001	NGUYỄN VĂN AN	Nam	31/07/2005	Thái Bình	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	15010	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	08/08/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	15015	TRẦN MINH ÁNH	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	15016	NGUYỄN XUÂN BẢO	Nam	11/09/2005	Hưng Yên	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
5	15035	DIỆP HỮU TÙNG DƯƠNG	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	15037	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	Nam	16/08/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	15038	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	15041	HÀ HỒNG ĐỨC	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
9	15042	LẠI MINH ĐỨC	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	5.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
10	15048	TẠ THU HIỀN	Nữ	25/08/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	15051	NGÔ ĐỨC HIẾU	Nam	22/09/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
12	15052	CHU THÚY HOA	Nữ	26/10/2005	Hà Nội	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	15053	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	08/05/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	15061	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	05/04/2005	Thái Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	15077	NGUYỄN TRƯƠNG KHÁNH LINH	Nữ	23/09/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	15083	HOÀNG VĂN LƯƠNG	Nam	23/03/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
17	15089	DIỆP HỮU MINH	Nam	26/03/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	15094	VŨ TẤN MINH	Nam	24/09/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	15095	PHẠM HOÀNG TRÀ MY	Nữ	22/09/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
20	15104	NGUYỄN NGUYỆT NHI	Nữ	25/10/2005	Bắc Giang	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	15106	PHẠM ĐỨC PHONG	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	15107	NGUYỄN QUANG PHÚ	Nam	14/07/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	15108	NGUYỄN XUÂN PHÚ	Nam	22/09/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	15112	ĐINH VÂN QUỲNH	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	15118	TRẦN MINH TÂM	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	15119	TRẦN THỊ THANH TÂM	Nữ	31/03/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	15120	AN ĐỨC THÀNH	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	7.7	9	9	9.00	Đ		Giỏi
28	15123	PHẠM ĐỖ TUẤN THÀNH	Nam	22/07/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	15124	NGUYỄN ĐÀO PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	15126	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	15129	ĐOÀN NGỌC THU	Nữ	14/03/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	15136	TRẦN THỊ THANH THỦY	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	15139	VŨ ANH THƯ	Nữ	03/09/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	15144	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	29/06/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	15158	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/03/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	15161	BÙI THỊ MAI ANH	Nữ	18/02/2005	Ninh Bình	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	15162	NGÔ MAI ANH	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	15164	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	26/03/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	15167	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	20/04/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	15168	NGUYỄN VIẾT ANH	Nam	11/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
41	15170	VŨ THỊ NGỌC ANH	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	15171	DƯƠNG MINH ÁNH	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	15172	NGUYỄN THẢO ÁNH	Nữ	08/08/2005	Thái Bình	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	15173	ĐOÀN NGUYỄN THỦY BĂNG	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	15175	NGUYỄN THỊ NGUYỆT BÌNH	Nữ	02/08/2005	Bắc Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	15177	PHẠM THỊ HẢI BÌNH	Nữ	06/06/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	15178	NGUYỄN VĂN CẢNH	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	15179	NGUYỄN THỊ THU CHANG	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	15182	VŨ THỊ YẾN CHI	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	15185	TRẦN THỦY CHUNG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	15187	ĐỖ TUẤN DOANH	Nam	26/01/2005	Hưng Yên	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	15188	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
53	15189	TÔ HOÀNG DUNG	Nữ	22/04/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	15190	NGUYỄN ĐẮC DUY	Nam	06/09/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	15191	BÙI MỸ DUYÊN	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	15192	PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN	Nữ	16/07/2004	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	15194	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	15195	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	23/08/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	15196	PHẠM LÊ DŨNG	Nam	08/08/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
60	15197	TRỊNH VIỆT DŨNG	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	15200	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	26/06/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
62	15204	LÝ THÀNH ĐẠT	Nam	31/07/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	15205	TÔ TIẾN ĐẠT	Nam	30/03/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	15206	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	15207	ĐỖ HẢI ĐĂNG	Nam	18/05/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	15208	NGUYỄN HỒNG ĐĂNG	Nam	13/07/2005	Hà Nội	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	15211	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	25/07/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	15214	VŨ MINH ĐỨC	Nam	17/04/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	15215	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	15216	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	30/06/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	15217	HOÀNG THỊ THU HÀ	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	15218	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	09/04/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	15219	NGUYỄN PHONG HẢI	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	15221	DƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	15226	NGUYỄN QUANG HIỆP	Nam	16/03/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	15227	KHƯƠNG THÚY HOA	Nữ	16/06/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	15229	NGUYỄN NGÔ VIỆT HÒA	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	15231	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	15/09/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	15233	NÔNG QUỐC HUY	Nam	07/09/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	15234	PHẠM QUANG HUY	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
81	15235	ĐẶNG NGỌC HUYỀN	Nữ	26/09/2005	Hải Dương	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	15236	ĐÀO NGỌC HUYỀN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	15237	ĐINH NGỌC HUYỀN	Nữ	28/06/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	15238	LÊ MINH HUYỀN	Nữ	07/08/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	15239	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	15240	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	09/06/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	15243	PHẠM TIẾN HÙNG	Nam	16/06/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
88	15244	TRẦN XUÂN HÙNG	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	15245	BÙI HOÀNG HƯNG	Nam	25/09/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	15246	ĐỖ HẢI HƯNG	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	15247	TRỊNH HUY HƯNG	Nam	21/04/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	15249	VŨ THẢO HƯƠNG	Nữ	14/06/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	15250	NGUYỄN BÍCH HƯỜNG	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	15251	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	13/09/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	15252	TRẦN QUỐC KHANG	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	15253	NGUYỄN QUANG KHÁNH	Nam	24/05/2005	Nghệ An	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	15254	TRẦN HỮU KHÁNH	Nam	15/08/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
98	15255	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	15256	BÙI TRUNG KIÊN	Nam	30/06/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	15257	MAI XUÂN KIÊN	Nam	30/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	15258	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	28/04/2004	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	15259	TẠ MINH KIÊN	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
103	15260	VŨ CHUNG KIÊN	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
104	15261	BÙI PHƯƠNG LAN	Nữ	20/06/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	15262	HOÀNG TÙNG LÂM	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	15263	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	15264	BÙI THỊ DIỆU LINH	Nữ	21/05/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	15266	ĐINH KHÁNH LINH	Nữ	14/08/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
109	15267	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	15269	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	15/09/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	15270	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	15271	ĐỖ DIỆU LINH	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	15273	TRẦN LƯU THÙY LINH	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
114	15274	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	15275	TRẦN THỊ NGỌC LINH	Nữ	30/09/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	15276	VŨ THÙY LINH	Nữ	15/11/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	15277	BÙI ĐỨC LONG	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
118	15278	CAO THÀNH LONG	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	15280	ĐỖ HOÀNG LONG	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
120	15281	TRẦN HỒNG LONG	Nam	19/07/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	15283	NGUYỄN THẾ LUẬN	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
122	15284	CHU KHÁNH LY	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	15287	TÔ CẢNH MẠNH	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	15288	TRƯƠNG VĂN MẠNH	Nam	04/06/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	15290	ĐINH HIẾU MẪN	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	15291	NGUYỄN THỊ MẾN	Nữ	06/08/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	15293	CHU CÔNG MINH	Nam	06/09/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	15294	ĐẶNG HOÀNG MINH	Nam	15/06/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
129	15296	PHẠM ANH MINH	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	15297	TRỊNH QUANG MINH	Nam	31/10/2005	Thái Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	15302	ĐỖ NHẬT NAM	Nam	30/09/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	15303	LÊ THỊ HỒNG NGÁT	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	15304	HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	15306	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	15308	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	Nữ	26/07/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	15309	TÔ NGỌC NHI	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	15310	TRẦN VŨ YẾN NHI	Nữ	29/08/2005	Hải Dương	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	15312	PHẠM THỊ YẾN NHUNG	Nữ	18/01/2005	Hải Dương	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	15313	HỒ NGỌC NINH	Nữ	30/03/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	15314	NGUYỄN TRƯỜNG NINH	Nam	19/07/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	15315	NGUYỄN VĂN NINH	Nam	30/08/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	15318	ĐÀO HUYỀN PHƯƠNG	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	15319	NGÔ MAI PHƯƠNG	Nữ	31/08/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
144	15320	NGUYỄN XUÂN QUANG	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	15321	HOÀNG MINH QUÂN	Nam	26/05/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	15322	TRỊNH MINH QUÂN	Nam	28/09/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	15323	VŨ THỊ BẢO QUYÊN	Nữ	28/09/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	15324	BÙI NHƯ QUỲNH	Nữ	03/03/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	15326	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	15327	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
151	15328	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	15329	TRƯƠNG DIỄM QUỲNH	Nữ	12/08/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	15330	ĐOÀN XUÂN QUÝ	Nam	11/05/2005	Hải Phòng	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	15333	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	20/09/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	15335	NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	01/06/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	15338	ĐẶNG THỊ THẢO	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	15339	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/09/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	15340	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	15341	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	15342	PHẠM TRẦN THU THẢO	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	15344	DƯƠNG DUY THÁI	Nam	19/09/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
162	15345	BÙI HƯƠNG THU	Nữ	22/09/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	15347	VŨ THỊ MINH THU	Nữ	14/07/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	15348	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	Nam	29/10/2005	Hưng Yên	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
165	15349	TẠ ĐỨC THUẬN	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	15350	PHẠM XUÂN THỦY	Nam	03/06/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
167	15352	PHẠM THỊ MINH THƯ	Nữ	22/09/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	15353	LỤC HOÀI THƯƠNG	Nữ	23/07/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	15354	TRẦN THỦY TIÊN	Nữ	16/06/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	15357	ĐỖ SONG TOÀN	Nam	21/08/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	15358	LÊ MINH TRANG	Nữ	27/07/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	15359	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	16/07/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	15360	LÊ THỊ THÙY TRANG	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	15362	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	15363	PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	18/03/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	15364	PHẠM THU TRANG	Nữ	05/03/2005	Quảng Ninh	7.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
177	15366	TRẦN ĐOAN TRANG	Nữ	14/04/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	15367	TRẦN QUỲNH TRANG	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	15371	BÙI ANH TUẤN	Nam	01/09/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 27 - Trường THPT Lê Hồng Phong

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	15372	TÔ TRUNG TUẤN	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	15376	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
182	15377	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	22/06/2005	Thái Bình	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
183	15378	DƯƠNG THỊ KHÁNH VÂN	Nữ	02/09/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	15379	TRẦN HẢI VI	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	15380	LÊ MINH VŨ	Nam	18/07/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	15382	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	19/03/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	15383	TRẦN HẢI YẾN	Nữ	24/06/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 28 - Trường THPT Cửa Ông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	16001	HÀ ĐỨC ANH	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	16002	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	02/01/2005	Hà Nam	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	16003	ĐÀO QUỐC BÌNH	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
4	16004	NGUYỄN NGỌC BÍCH	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	16005	ĐỖ THỊ KIM CHI	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
6	16006	NGUYỄN KIM CHI	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
7	16007	NGUYỄN HẢI CHÍNH	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
8	16008	NGUYỄN MINH CHUNG	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
9	16009	NGÔ HUY DU	Nam	16/10/2005	Thái Bình	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
10	16010	LÊ THỊ THÙY DUNG	Nữ	20/8/2005	Hà Tĩnh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	16011	NGÔ KHÁNH DUY	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
12	16012	LÂM HƯƠNG DUYÊN	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
13	16013	ĐIỆP VĂN DŨNG	Nam	20/4/2005	Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
14	16014	NGÔ TIẾN DŨNG	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
15	16015	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
16	16016	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	16017	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	03/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	16018	ĐỖ THÀNH ĐẠT	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
19	16019	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
20	16020	MAI ANH ĐỨC	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
21	16021	LƯƠNG THỊ THANH HIỀN	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	16022	DƯƠNG ĐỨC HIỂN	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	16023	HÀ XUÂN HÒA	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 28 - Trường THPT Cửa Ông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	16024	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	16025	VŨ XUÂN HUY	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
26	16026	VŨ NGỌC HUYỀN	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	16027	NGUYỄN SƠN LÂM	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	16028	ĐỖ VIỆT LINH	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
29	16029	LÊ NGỌC LINH	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	16030	PHẠM NGỌC LINH	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	16031	PHẠM TÚ LINH	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
32	16032	YÊN THỊ THÙY LINH	Nữ	20/6/2005	Thanh Hóa	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	16033	PHẠM QUỲNH LY	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
34	16034	KHỔNG NHƯ MAI	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	16035	ĐỖ ĐỨC MINH	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	16036	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	16037	HOÀNG YẾN NGA	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	16038	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	16039	PHAN THỊ THÚY NGỌC	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	16040	VŨ MINH NGỌC	Nữ	15/3/2005	Hải Phòng	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	16041	ĐỖ THỊ YẾN NHI	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
42	16042	LƯU THỊ YẾN NHI	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	16043	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	16044	NGUYỄN VĂN NINH	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	16045	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	16046	HOÀNG MINH PHƯƠNG	Nữ	30/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	16047	HOÀNG VIỆT QUANG	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
48	16048	PHẠM MINH QUANG	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	16049	TRẦN MINH QUÂN	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 28 - Trường THPT Cửa Ông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	16050	LÊ THÚY QUỲNH	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	16051	NGÔ THANH TÂM	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	16052	NGUYỄN QUANG TÂM	Nam	16/9/2005	Hải Dương	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
53	16053	PHẠM XUÂN THANH	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
54	16054	ĐỖ THỊ THẢO	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	16055	NGUYỄN MINH THẮNG	Nam	01/8/2005	Hải Phòng	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
56	16056	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	16057	PHẠM THANH TRƯỜNG	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	16058	NGUYỄN HUY MINH TUẤN	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	16059	TÔ MINH TUẤN	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	16060	DIỆP MINH TÙNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	16061	LÊ NGUYỄN DUY VIỆT	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	16062	TRẦN QUANG VINH	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
63	16063	HOÀNG LONG VŨ	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
64	16064	TRẦN LONG VŨ	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
65	16065	NGUYỄN HOÀNG YẾN VY	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
66	16066	LƯƠNG HẢI YẾN	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	16067	LÊ BÍCH AN	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	16068	BÙI QUANG ANH	Nam	21/11/2005	Hải Phòng	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
69	16069	HÀ DIỆU ANH	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
70	16070	LÊ ĐỨC ANH	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	16071	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	16072	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	16073	PHÍ PHƯƠNG ANH	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	16074	TRẦN THỊ NGỌC ANH	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	16075	TRỊNH HÀ ANH	Nữ	05/7/2005	Hà Nội	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 28 - Trường THPT Cửa Ông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	16076	VŨ HÀ ANH	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	16077	ĐỖ VIỆT BÁCH	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	16078	PHẠM TÙNG BÁCH	Nam	16/3/2005	Vĩnh Phúc	7.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
79	16079	BÙI TÙNG CHI	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	16080	HOÀNG LINH CHI	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	16081	MẠC LINH CHI	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	16082	VI THỊ HUỆ CHI	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	16083	VŨ YẾN CHI	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	16084	PHẠM THANH CƯƠNG	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	16085	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	16086	TRẦN THÙY DUNG	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	16087	BÙI ANH DUY	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	16088	NGUYỄN BẢO DUY	Nam	22/01/2005	Hải Phòng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	16089	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	16090	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	16091	VŨ ANH ĐỨC	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	16092	VŨ TRƯỜNG GIANG	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
93	16093	NGÔ MINH GIAO	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	16094	PHẠM NGỌC HIỀN	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
95	16095	DƯƠNG TRỌNG HIẾU	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
96	16096	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	16097	NGUYỄN THANH HOÀNG	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	16098	VŨ NHẤT HOÀNG	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	16099	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	21/4/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	16100	ĐÀO KHÁNH HUYỀN	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
101	16101	TRẦN DIỆU HƯƠNG	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 28 - Trường THPT Cửa Ông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	16102	NGUYỄN MINH KHIÊM	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	16103	BÙI TUẤN KIỆT	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	16104	HÀ TRUNG KỲ	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	16105	TRẦN TÙNG LÂM	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	16106	BÙI NGỌC LINH	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	16107	BÙI VIẾT LINH	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
108	16108	CHÂU NGỌC BẢO LINH	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	16109	DƯƠNG KHÁNH LINH	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
110	16110	DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	16111	DƯƠNG THỊ MAI LINH	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	16112	ĐẶNG MAI LINH	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	16113	ĐẶNG THÙY LINH	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	16114	ĐOÀN KHÁNH LINH	Nữ	07/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	16115	LẠI THÙY LINH	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
116	16116	PHẠM HẢI LINH	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	16117	TRẦN HÀ LINH	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	16118	TRẦN NHẬT LINH	Nữ	08/8/2005	Hải Phòng	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	16119	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	07/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	16120	PHẠM THỊ QUỲNH MAI	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	16121	VŨ PHƯƠNG MY	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	16122	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
123	16123	HOÀNG PHƯƠNG NGA	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	16124	TRẦN THÚY NGỌC	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	16125	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	18/7/2005	Thái Bình	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
126	16126	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
127	16127	BÙI KHANG NINH	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 28 - Trường THPT Cửa Ông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	16128	HOÀNG NGỌC NINH	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
129	16129	TRẦN THẾ NINH	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	16130	LƯƠNG THỊ OANH	Nữ	23/3/2005	Nam Định	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	16131	HÀ TRƯỜNG PHÚC	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	16132	PHÙNG MINH PHÚC	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	16133	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	16134	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	16135	DƯƠNG VĂN QUANG	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
136	16136	LƯU MINH QUANG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
137	16137	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
138	16138	ĐẶNG NGỌC HƯƠNG QUỲNH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
139	16139	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	16140	ĐÀO ĐÌNH QUÝ	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	16141	NGUYỄN DUY THANH	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	16142	TRẦN MINH THÀNH	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	16143	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	16144	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	16145	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	16146	PHẠM HỒNG THẮNG	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	16147	TRẦN NGỌC THẮNG	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	16148	CHU NGUYỄN KHÁNH THIỆN	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	16149	NGUYỄN MINH THIỆN	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	16150	TRẦN THỊ ANH THƠ	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	16151	VŨ HOÀI THU	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	16152	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	16153	ĐỖ YẾN THỦY	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 28 - Trường THPT Cửa Ông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	16154	HÀ THANH THÚY	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	16155	KIỀU HÀ THƯ	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	16156	PHẠM BÁ TIẾN	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
157	16157	VŨ MẠNH TIẾN	Nam	15/7/2005	Nam Định	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	16158	MAI THU TRANG	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	16159	NGUYỄN NGỌC TRÀ	Nữ	03/12/2005	Bắc Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	16160	PHẠM THÀNH TRUNG	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	16161	ĐẶNG ANH TUẤN	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	16162	PHẠM MINH TUỆ	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	16163	LÊ ĐỨC TÙNG	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	16164	LÊ THANH TÚ	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	16165	NGUYỄN NGỌC TÚ	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	16166	VŨ TUYẾT VÂN	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	16167	TRẦN VŨ THẢO VI	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	16168	HOÀNG ĐỨC VIỆT	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	16169	VŨ VĂN VƯƠNG	Nam	02/01/2005	Lạng sơn	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	16170	NGÔ HÀ VY	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	17001	QUÁCH LAN ANH	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	17002	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	17003	HÀ PHÚC DUY	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	17004	LÊ VĂN DUY	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	17005	LA VĂN DŨNG	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	17006	PHẠM MẠNH DŨNG	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	17007	ĐẶNG QUANG ĐẠT	Nam	27/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	17008	BÙI HỮU HIẾU	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	17009	HÀ VĂN HUY	Nam	25/5/2005	Nam Định	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	17010	ĐINH THỊ THU HƯƠNG	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	17011	HÀ THỊ THÙY LINH	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	17012	HOÀNG DIỆU LINH	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	17013	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	17014	TRIỆU DIỆU LINH	Nữ	05/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	17015	ĐỖ ĐỨC LỘC	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	17016	ĐẶNG PHÚC MINH	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	17017	TẠ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	12/6/2005	Phú Thọ	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	17018	HÀ MINH QUYẾT	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	17019	HÀ QUANG SƠN	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	17020	NGUYỄN TẤT THÀNH	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	17021	TRẦN TRUNG THÀNH	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	17022	BÙI THỊ THANH THẢO	Nữ	17/6/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	17023	ĐIỆP VĂN TIỆP	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	17024	HÀ THỊ TRANG	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	17025	HOÀNG ANH TÚ	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	17026	ĐIỆP THỊ HÀ VÂN	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	17027	LÝ CHÍ VIỆT	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	17028	BÙI HÀ VY	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	17029	TRƯƠNG THỊ YẾN	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	17030	VƯƠNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	17031	NGUYỄN BÌNH AN	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	17032	NGUYỄN PHÚ AN	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	17033	NGUYỄN THỊ THU AN	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	17034	BÙI NGỌC ANH	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	17035	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
36	17036	BÙI VÂN ANH	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	17037	CHU DIỆU ANH	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	17038	ĐÀO THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	17039	ĐÀO TÚ ANH	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	17040	ĐẶNG THỊ LAN ANH	Nữ	01/8/2005	Hải Dương	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
41	17041	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	21/7/2005	Bắc Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
42	17042	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	26/9/2005	Bắc Ninh	8.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
43	17043	TRẦN HOÀNG ANH	Nam	04/4/2005	Thái Bình	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
44	17044	TRẦN MINH ANH	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
45	17045	TRẦN THỊ MINH ANH	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	17046	VŨ MINH ANH	Nữ	04/10/2005	Hải Phòng	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	17047	VŨ THỊ VÂN ANH	Nữ	20/5/2005	Thái Bình	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
48	17048	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	17049	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	17050	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	17051	NGUYỄN CAO CƯỜNG	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
52	17052	BÙI THÙY DUNG	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	17053	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
54	17054	TRẦN MẠNH DUY	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
55	17055	NGUYỄN QUANG DŨNG	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	17056	TRẦN VĂN DŨNG	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	17057	BÙI ĐÌNH DƯƠNG	Nam	20/02/2005	Hải Phòng	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	17058	NGUYỄN QUÝ DƯƠNG	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	17059	NGUYỄN THANH DƯƠNG	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	17060	NGUYỄN THỊ QUỲNH DƯƠNG	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
61	17061	NGUYỄN THỊ TRÙNG DƯƠNG	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	17062	BÙI NGỌC ĐẠT	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	17063	NGUYỄN LÊ DUY ĐẠT	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	17064	PHẠM DUY ĐẠT	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	17065	VŨ MẠNH ĐẠT	Nam	01/01/2005	Hải Dương	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	17066	BÙI TRUNG ĐỨC	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	17067	LƯU MINH ĐỨC	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	17068	VŨ MINH ĐỨC	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	17069	NGUYỄN NGUYÊN GIÁP	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	17070	HỒ THỊ THU HÀ	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	17071	NGUYỄN VIỆT HÀ	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
72	17072	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	17073	VŨ THÚY HẰNG	Nữ	31/8/2005	Hải Dương	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	17074	BÙI THU HIỀN	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	17075	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	17076	TRƯƠNG THẢO HIỀN	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	17077	ĐÀO TRUNG HIẾU	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	17078	HÀ ĐỨC HIẾU	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	17079	LÊ THỊ THANH HOA	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	17080	LÊ VIỆT HOÀN	Nam	21/01/2005	Hưng Yên	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
81	17081	VŨ VIỆT HOÀNG	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	17082	TRẦN NGỌC HỒNG	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
83	17083	ĐỖ QUANG HUY	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	17084	ĐỖ QUANG HUY	Nam	22/12/2005	Hưng Yên	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	17085	LÊ GIA HUY	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	17086	NGUYỄN THIỆN HUY	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	17087	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	17088	LẠI THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	11/7/2005	Hà Nam	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	17089	NGÔ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
90	17090	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	17091	VŨ THU HUYỀN	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	17092	LÃ TUẤN HÙNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	17093	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	26/12/2005	Hà Nội	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	17094	ĐÀO THÁI HƯNG	Nam	16/4/2005	Thái Bình	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
95	17095	NGÔ ĐOÀN DUY HƯNG	Nam	03/12/2005	Hải Dương	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	17096	PHẠM THÀNH HƯNG	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	17097	CAO THỊ THU HƯƠNG	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	17098	KIỀU MAI HƯƠNG	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	17099	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	17100	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	17101	ĐẶNG QUỐC KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	17102	TRẦN QUỐC KHÁNH	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	17103	TRẦN QUỐC KHÁNH	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
104	17104	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
105	17105	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	17106	HOÀNG ĐẠI LÂM	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
107	17107	ĐÀO PHƯƠNG LINH	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	17108	ĐẶNG DƯƠNG VIỆT LINH	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	17109	ĐỖ THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	05/9/2005	Thanh Hóa	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
110	17110	ĐỖ THÙY LINH	Nữ	10/3/2005	Bắc Giang	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	17111	LÊ NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	17112	NGUYỄN BẢO LINH	Nữ	08/10/2005	Thái Bình	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	17113	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	17114	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	17115	PHÙNG THỊ THÙY LINH	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	17116	VÕ THÙY LINH	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
117	17117	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	17118	VŨ YẾN LINH	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	17119	ĐỖ THI THANH LOAN	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	17120	PHẠM THỊ PHƯƠNG LOAN	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	17121	PHAN NGUYỄN CẨM LY	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	17122	PHẠM HÀ LY	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
123	17123	HOÀNG HÙNG MẠNH	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
124	17124	ĐINH VĂN MINH	Nam	07/3/2005	Nam Định	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	17125	HOÀNG ĐỨC MINH	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	17126	CẤN THÁI NAM	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
127	17127	LẠI MINH NAM	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	17128	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
129	17129	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	25/6/2005	Bắc Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	17130	NGUYỄN XUÂN NAM	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
131	17131	NGUYỄN LÊ HỒNG NGỌC	Nữ	24/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	17132	NGÔ THỊ XUÂN NHÃ	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	17133	HÀ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	17134	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	17/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	17135	BÙI THẾ PHONG	Nam	23/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	17136	PHẠM THANH PHONG	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	17137	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
138	17138	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
139	17139	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	17140	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	17141	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	13/01/2005	Hưng Yên	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	17142	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	17143	PHẠM NGỌC QUANG	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	17144	TRẦN ĐỨC QUANG	Nam	07/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	17145	TRỊNH VĂN QUANG	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
146	17146	ĐẶNG THÚY QUỲNH	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	17147	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	17148	NGUYỄN TRUNG SƠN	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
149	17149	NGUYỄN PHÁT TÀI	Nam	16/12/2005	Nam Định	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	17150	DƯƠNG LÊ MỸ TÂM	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
151	17151	CAO ĐỨC THÀNH	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
152	17152	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	17153	NGUYỄN THỊ HỒNG THẢO	Nữ	08/8/2005	Hà Nội	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	17154	PHẠM NGỌC THẢO	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	17155	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
156	17156	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/6/2005	Thái Bình	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	17157	PHẠM CAO THÁI	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
158	17158	BÙI TIẾN THẮNG	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
159	17159	HOÀNG NGUYỄN BÍCH THỦY	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	17160	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
161	17161	NGUYỄN THANH THÚY	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	17162	HOÀNG ANH THƯ	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	17163	CAO DUY TIỆP	Nam	13/11/2005	Hải Dương	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
164	17164	BÙI MẠNH TOÀN	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	17165	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	17166	ĐÀO QUỲNH TRANG	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
167	17167	ĐỖ THÙY TRANG	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
168	17168	HOÀNG THỊ THU TRANG	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	17169	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	17170	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
171	17171	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
172	17172	TẰNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
173	17173	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	17174	TRẦN THÚY TRÀ	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	17175	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	02/02/2004	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	17176	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
177	17177	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	17178	ĐỖ ĐÔNG TRƯỞNG	Nam	03/11/2005	Thái Bình	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	17179	LÊ THANH TÙNG	Nam	29/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 29 - Trường THPT Mông Dương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	17180	NGUYỄN KIM TÙNG	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
181	17181	VŨ THU UYÊN	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	17182	ĐẶNG HOÀNG VIỆT	Nam	15/4/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	17183	TÔ VINH	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
184	17184	NGUYỄN LÊ VY	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
185	17185	PHẠM HÀ VY	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	17186	VŨ NGUYỄN HUYỀN VY	Nữ	20/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
187	17187	NGUYỄN VĂN XUÂN	Nam	12/9/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	17188	PHẠM QUỲNH XUÂN	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 30 - Trường THPT Hùng Vương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	15002	BÙI LAN ANH	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	15003	HOÀNG MAI ANH	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	15005	LÊ HOÀNG ANH	Nam	21/7/2004	Hải Dương	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
4	15006	LÊ MAI ANH	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	15007	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
6	15009	PHẠM GIANG ANH	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
7	15011	PHẠM TUẤN ANH	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
8	15012	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	24/3/2005	Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
9	15013	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	15014	TRƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	15018	NGUYỄN ĐĂNG BÁCH	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	15021	ĐÀO MINH CHÂU	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	15022	ĐẶNG KIM CHI	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	15025	LÊ HẢI CƯỜNG	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	15028	TRẦN THỊ HẢI DƯƠNG	Nữ	19/12/2005	Nam Định	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	15029	CAO TRƯỜNG DUY	Nam	25/3/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
17	15030	NGUYỄN MINH DUY	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	15032	LÊ BÁ DŨNG	Nam	19/11/2004	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
19	15034	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
20	15036	LÊ TRẦN ĐĂNG DƯƠNG	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	15039	NGUYỄN CHUNG ĐỈNH	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
22	15040	PHẠM PHƯƠNG ĐÔNG	Nam	22/3/2005	Hà Tây	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
23	15043	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 30 - Trường THPT Hùng Vương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	15045	BÙI THỊ VIỆT HÀ	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	15046	ĐOÀN THANH HÀ	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	15050	LÊ ĐỨC HIẾU	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	15054	PHẠM THỊ KIM HOA	Nữ	25/8/2005	Ninh Bình	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
28	15056	LÊ QUANG HỌC	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.5	5.5	10	8.88	Đ		Khá
29	15058	NGUYỄN GIA HUY	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
30	15060	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	15063	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	15066	ĐOÀN BẢO KHANH	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	15068	NGUYỄN CHÍ KIÊN	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
34	15069	NGUYỄN NGUYÊN KIÊN	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
35	15071	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	21/4/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
36	15074	NGUYỄN ĐINH HẢI LINH	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
37	15078	TÔ QUYỀN LINH	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	15079	TRƯƠNG HOÀI LINH	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	15080	HÀ BẢO LONG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
40	15084	TRẦN TRUNG LƯƠNG	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	7.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
41	15085	LƯƠNG DUY MẠNH	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
42	15086	NGUYỄN DUY MẠNH	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
43	15088	TRƯƠNG DUY MẠNH	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
44	15091	LÊ NHẬT MINH	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
45	15092	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
46	15100	BÙI LÊ TRUNG NGUYÊN	Nam	27/4/2005	Đăk Nông	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
47	15105	ĐỖ BẢO NINH	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
48	15111	PHẠM MẠNH QUYỀN	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	15113	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	20/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 30 - Trường THPT Hùng Vương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	15114	PHAN NHƯ QUỲNH	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
51	15117	TRỊNH NGỌC SƠN	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
52	15130	NGUYỄN HOÀNG THU	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	15131	NGUYỄN HÒA THUẬN	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	15132	NGUYỄN VIẾT THUẬN	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
55	15135	PHẠM PHƯƠNG THÙY	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	15137	ĐẶNG MINH THƯ	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	15138	PHẠM ANH THƯ	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	15140	TẠ BẢO TIÊN	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
59	15141	VŨ ĐẠT TIẾN	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
60	15143	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	14/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	15145	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	15148	LÊ ANH TUẤN	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	15150	NGUYỄN DUY TUẤN	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	15151	VŨ THANH TÙNG	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	15152	NGUYỄN THỊ UYÊN	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	15153	LỤC THỊ VÂN	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	15154	LƯU THÙY VI	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	15155	NGUYỄN XUÂN VINH	Nam	02/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
69	15156	HOÀNG THỊ YÊN	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	15157	ĐỖ HẢI YẾN	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	15159	BÙI THỊ THU AN	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	15160	NGUYỄN ĐÌNH AN	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	15163	NGÔ THẢO ANH	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	15165	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	07/11/2005	Hà Nội	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	15166	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 30 - Trường THPT Hùng Vương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	15169	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	15174	LƯƠNG THANH BÌNH	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	15176	PHẠM THANH BÌNH	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
79	15180	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	15181	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	12/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	15183	ĐÀO NGUYỄN MINH CHIẾN	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	15184	LÊ PHƯƠNG CHIẾN	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
83	15186	BÙI HÙNG CƯỜNG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	15193	MAI THẠCH DŨNG	Nam	01/01/2005	Thái Bình	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	15198	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	15199	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	15201	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
88	15202	VŨ XUÂN DƯƠNG	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
89	15203	ĐOÀN TIẾN ĐẠT	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	15209	PHẠM VĂN ĐỊNH	Nam	05/10/2005	Hà Nội	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	15210	LÊ NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	15212	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	15213	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	15220	TÔ XUÂN HẢI	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	15222	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	15223	LÊ ĐỨC HIẾU	Nam	18/8/2004	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	15224	PHẠM THU HIẾU	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	15225	TRẦN MINH HIẾU	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	15228	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	15230	ĐÀO LÊ QUANG HUY	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	15232	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 30 - Trường THPT Hùng Vương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	15241	ĐẶNG MẠNH HÙNG	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
103	15242	NGUYỄN SINH HÙNG	Nam	18/4/2005	Hưng Yên	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	15248	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
105	15265	ĐẶNG THÙY LINH	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	15268	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	15272	PHAN THỊ THÙY LINH	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
108	15279	ĐOÀN MẠNH TIỂU LONG	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	15282	NGUYỄN DUY LỘC	Nam	22/10/2005	Hà Tây	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
110	15285	NGUYỄN THỊ VÂN LY	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	15286	NGUYỄN THANH MAI	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
112	15289	VŨ ĐỨC MẠNH	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	15292	HOÀNG THỊ NGỌC MI	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	15295	LÊ TUẤN MINH	Nam	05/12/2005	Hải Phòng	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	15298	SỸ THỊ TRÀ MY	Nữ	26/9/2005	Hà Nội	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
116	15299	TRƯƠNG THỊ TRÀ MY	Nữ	04/5/2005	Bắc Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
117	15300	BÙI ĐỨC NAM	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	15301	ĐỖ HÀ NAM	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	15305	TRẦN TRỌNG NGHĨA	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
120	15307	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	15311	LƯU HỒNG NHUNG	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	15316	NGUYỄN MINH PHONG	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	15317	PHẠM MINH PHÚ	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	15325	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	15331	ĐẶNG THÁI SƠN	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	15332	HOÀNG THÁI SƠN	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
127	15334	NGUYỄN NGỌC THÁI SƠN	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 30 - Trường THPT Hùng Vương

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	15336	NGÔ TIẾN THÀNH	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
129	15337	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	27/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	15343	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	15346	NGUYỄN MINH THU	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
132	15351	TRẦN THỊ THANH THANH THỦY	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	15355	PHẠM VĂN TIỀN	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
134	15356	NGUYỄN THÀNH TÍN	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
135	15361	LƯƠNG THỊ THU TRANG	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
136	15365	TẠ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	10/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
137	15368	VŨ ĐỨC TRIỀU	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
138	15369	LÊ QUÝ TRỌNG	Nam	03/11/2005	Thái Bình	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
139	15370	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
140	15373	TẠ THỊ MINH TUYẾT	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
141	15374	CAO BÁ TÙNG	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	15375	LÊ XUÂN TÙNG	Nam	03/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	15381	PHẠM TUẤN VŨ	Nam	12/9/2005	Nam Định	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 31 - Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	15004	LÊ DUY ANH	Nam	13/11/2006	Quảng Ninh	6,0	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	15008	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	6,2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
3	15017	PHẠM QUỐC BẢO	Nam	28/10/2004	Quảng Ninh	6,5					H	
4	15019	PHẠM THÁI BÌNH	Nam	28/9/2006	Quảng Ninh	6,7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	15020	NÔNG VĂN CẢNH	Nam	15/7/1990	Thái Nguyên	7,0	7	10	9.25	Đ		Giỏi
6	15023	ĐỖ XUÂN CHIẾN	Nam	07/12/2006	Quảng Ninh	5,9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
7	15024	LOAN THỊ CHUYÊN	Nữ	17/12/2006	Quảng Ninh	7,9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
8	15026	NGUYỄN CAO CƯỜNG	Nam	07/4/1987	Thái Bình	7,9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
9	15027	TRƯƠNG THỊ HỒNG DOAN	Nữ	20/12/2006	Thái Bình	7,2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	15031	NGUYỄN THÀNH DUY	Nam	18/01/2006	Quảng Ninh	6,9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
11	15033	NGUYỄN HÙNG DŨNG	Nam	07/9/2006	Thanh Hoá	6,3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
12	15044	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	09/10/2006	Quảng Ninh	6,0	7	9.5	8.88	Đ		Khá
13	15047	PHẠM HỒNG HẠNH	Nữ	20/01/2006	Hà Nội	9,0	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
14	15049	HÀ VĂN HIẾU	Nam	05/5/2006	Quảng Ninh	6,7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
15	15055	NGUYỄNTHỊ HOÀI	Nữ	23/01/1999	Yên Bái	8,3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
16	15057	ĐOÀN ÁNH HUỆ	Nữ	26/01/2006	Quảng Ninh	6,8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
17	15059	VŨ TRƯỜNG HUY	Nam	13/8/2006	Quảng Ninh	6,5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
18	15062	LÊ QUỐC HÙNG	Nam	26/02/2006	Hưng Yên	6,5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	15064	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	21/3/2004	Quảng Ninh	7,3	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
20	15065	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	29/12/2006	Quảng Ninh	6,9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
21	15067	ĐẶNG TRUNG KIÊN	Nam	28/6/2003	Quảng Ninh	7,2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
22	15070	ĐỖ QUANG SƠN LÂM	Nam	13/7/2006	Quảng Ninh	6,9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
23	15072	LƯU THỊ THUỲ LINH	Nữ	05/01/2006	Quảng Ninh	8,1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 31 - Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	15073	NGÔ THỊ KIỀU LINH	Nữ	24/7/2006	Quảng Ninh	8,6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	15075	HOÀNG NGUYỄN THUỲ LINH	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8,1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	15076	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	03/12/2006	Quảng Ninh	8,2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
27	15081	NGUYỄN XUÂN LỘC	Nam	06/9/1991	Quảng Ninh	7,2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
28	15082	LÊ SĨ LUÂN	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	6,5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
29	15087	PHẠM NGỌC MẠNH	Nam	12/10/1982	Quảng Ninh	7,2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
30	15090	HOÀNG CÔNG MINH	Nam	27/9/2006	Quảng Ninh	6,2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
31	15093	VŨ QUANG MINH	Nam	06/11/2006	Quảng Ninh	6,9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	15096	NGUYỄN PHAN THU NAM	Nữ	27/10/2006	Quảng Ninh	6,7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
33	15097	TRẦN NGỌC NGÀ	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	6,3	5	10	8.75	Đ		Khá
34	15098	LÊ TRỌNG NGHĨA	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	6,6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
35	15099	ĐOÀN NHƯ NGỌC	Nữ	28/11/2006	Quảng Ninh	6,4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
36	15101	NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN	Nam	26/12/2006	Quảng Ninh	7,6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
37	15102	NGUYỄN THỊ NGUYÊN	Nữ	06/02/2006	Quảng Nam	7,9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
38	15103	NGÔ TẤN NHẤT	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	6,0	5	10	8.75	Đ		Khá
39	15109	LÊ ANH QUÂN	Nam	30/8/2006	Quảng Ninh	7,5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	15110	LÊ HOÀNG QUÂN	Nam	02/10/2006	Quảng Ninh	7,5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
41	15115	NGUYỄN ĐÌNH SANG	Nam	25/01/2004	Quảng Ninh	7,0	7	10	9.25	Đ		Giỏi
42	15116	TỐNG KHÁNH SƠN	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	6,5					H	
43	15121	KHUẤT TIẾN THÀNH	Nam	23/10/2006	Quảng Ninh	5,6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
44	15122	MAI NGỌC THÀNH	Nam	08/3/2006	Quảng Ninh	6,0	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
45	15125	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/9/2006	Quảng Ninh	7,1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	15127	MẠC VĂN THÁI	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	6.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
47	15128	TRẦN VĂN THẮNG	Nam	20/5/1989	Hải Dương	8,8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
48	15133	LÊ THU THUỶ	Nữ	22/9/2006	Quảng Ninh	7,4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	15134	HOÀNG THỊ THUÝ	Nữ	17/3/1999	Thái Bình	8,1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 31 - Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	15142	ĐỖ QUỲNH TRANG	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	6,0	5.5	10	8.88	Đ		Khá
51	15146	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	14/4/2006	Quảng Ninh	6,0	5	10	8.75	Đ		Khá
52	15147	BÙI VĂN TRƯỜNG	Nam	10/8/2000	Hoà Bình	7,9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
53	15149	LÊ CÔNG TUẤN	Nam	05/12/2006	Quảng Ninh	6,8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	18001	PHẠM BÌNH AN	Nam	04/6/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	18002	BÙI NGỌC ANH	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	18003	ĐẶNG MINH ANH	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
4	18004	HOÀNG CHÂU ANH	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
5	18005	HOÀNG THÙY ANH	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	18006	LÊ HỒNG ANH	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	18007	NGÔ MINH ANH	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	18008	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	18009	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
10	18010	NGUYỄN LÊ NGUYỆT ANH	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	18011	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	18012	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	10/02/2005	Hưng Yên	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	18013	NGUYỄN THỊ VI ANH	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	18014	NGUYỄN TRẦN LAN ANH	Nữ	04/5/2005	Hải Phòng	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	18015	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	05/4/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	18016	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	18017	PHAN HẢI ANH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	18018	PHẠM TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	18019	VŨ ĐỨC ANH	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	18020	VŨ HOÀNG DIỆU ANH	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
21	18021	LƯU NGỌC ÁNH	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	18022	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	18023	VŨ QUỐC BẢO	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	18024	TRẦN ĐOÀN KHÁNH CHI	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	18025	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
26	18026	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	18027	HOÀNG LÊ CÔNG	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
28	18028	NGUYỄN PHƯƠNG CÚC	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	18029	ĐỒNG QUỐC CƯỜNG	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	18030	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	17/9/2005	Thái Bình	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	18031	PHẠM THÙY DUNG	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	18032	CHU QUANG DUY	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	18033	PHẠM VÕ BẢO DUY	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	9.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
34	18034	NGÔ PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	18035	PHẠM HOÀNG DUYÊN	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	18036	LÊ QUANG DŨNG	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	9.6	7	9	8.50	Đ		Khá
37	18037	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
38	18038	PHẠM ANH DŨNG	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	18039	BÙI THÁI DƯƠNG	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
40	18040	HOÀNG THÙY DƯƠNG	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
41	18041	LƯƠNG THÙY DƯƠNG	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
42	18042	NGUYỄN THÀNH ĐẠI	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
43	18043	ĐOÀN TIẾN ĐẠT	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	18044	NGÔ TIẾN ĐẠT	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
45	18045	NGUYỄN THẾ ĐẠT	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
46	18046	LÊ HẢI ĐĂNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	18047	VŨ XUÂN HẢI ĐĂNG	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
48	18048	ĐÀO THIÊN ĐỨC	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	18049	NGÔ ANH ĐỨC	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	9.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	18050	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	18051	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	18052	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	18053	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	18054	TRẦN THỊ QUỲNH GIANG	Nữ	19/10/2005	Hải Phòng	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	18055	LÊ PHẠM NGỌC HÀ	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	18056	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
57	18057	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
58	18058	VŨ NGỌC HÀ	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	18059	ĐOÀN THỊ THU HẰNG	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
60	18060	BIỆN GIA HÂN	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	18061	HOÀNG TRUNG HIẾU	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	18062	NGUYỄN MẠNH HIẾU	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	18063	VŨ VĂN HIẾU	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	9.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
64	18064	LÊ HOÀNG HIỆP	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	18065	LÊ NGỌC HOA	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	18066	NGUYỄN TRẦN DUY HOÀNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	18067	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	18068	VŨ NHẬT HOÀNG	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	18069	HOÀNG LÊ HUY	Nam	27/01/2005	Hải Phòng	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	18070	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
71	18071	PHẠM QUANG HUY	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	9.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
72	18072	DOÃN THỊ THU HUYỀN	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	18073	ĐÀO NGỌC HUYỀN	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	18074	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
75	18075	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	18076	TRẦN THỊ MINH HUYỀN	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	18077	VŨ THU HUYỀN	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	18078	BÙI TRẦN GIA HƯNG	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	18079	NGUYỄN NGỌC HƯNG	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	18080	TRỊNH QUỐC HƯNG	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	18081	ĐỖ THỊ HƯƠNG	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	18082	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	18083	CHU THỊ VƯƠNG KHÁNH	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
84	18084	VŨ DUY KHÁNH	Nam	24/01/2005	Nam Định	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	18085	VŨ THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	18086	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	18087	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
88	18088	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	15/6/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	18089	MẠC VĂN LÂM	Nam	06/5/2005	Hà Nội	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	18090	HOÀNG DIỆU LINH	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
91	18091	HOÀNG NGỌC LINH	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	18092	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
93	18093	NGUYỄN HƯƠNG LINH	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	18094	NGUYỄN YẾN LINH	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	18095	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
96	18096	TRẦN NGỌC LINH	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	18097	TRẦN PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	08/9/2005	Hải Dương	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
98	18098	TRƯƠNG THÙY LINH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
99	18099	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	01/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	18100	BÙI BÍCH LOAN	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	18101	ĐINH DUY LONG	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	18102	HOÀNG BẢO LONG	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
103	18103	LÊ THANH LONG	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	18104	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	18105	HÀ MAI LY	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	18106	PHẠM HUYỀN LY	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	18107	TRẦN THỊ CẨM LY	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
108	18108	VŨ NGỌC BẢO LY	Nữ	21/8/2005	Hải Dương	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
109	18109	ĐÀO NGỌC MAI	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	18110	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
111	18111	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	18112	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
113	18113	PHẠM HOÀNG MAI	Nữ	03/3/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	18114	DIỆP DUY MINH	Nam	20/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	18115	ĐẶNG NHẬT MINH	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	18116	LÊ THÀNH MINH	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	18117	PHẠM CÔNG MINH	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	9	8.88	Đ		Khá
118	18118	PHẠM QUANG MINH	Nam	04/4/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
119	18119	TĂNG VĂN MINH	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
120	18120	LÊ NGỌC TRÀ MY	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	18121	NGUYỄN YẾN MY	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	18122	NGUYỄN ĐẬU HOÀI NAM	Nam	10/5/2005	Hà Tĩnh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	18123	NGUYỄN ĐỨC NAM	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
124	18124	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
125	18125	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
126	18126	NGUYỄN HỮU NAM	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
127	18127	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	18128	PHẠM PHƯƠNG NGÂN	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
129	18129	VŨ KIM NGÂN	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
130	18130	VŨ THU NGÂN	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	18131	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
132	18132	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	18133	NGUYỄN VŨ NGỌC	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	18134	TRẦN THANH NHÀN	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
135	18135	VƯƠNG THANH NHÃ	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	18136	BÙI VIẾT NHẬT	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	18137	ĐẶNG PHƯƠNG NHI	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	18138	ĐỖ DUNG NHI	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	18139	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	18140	PHẠM YẾN NHI	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	18141	MAI HỒNG NHUNG	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	18142	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
143	18143	LÊ TUẤN PHONG	Nam	02/11/2004	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	18144	ƯNG VŨ PHONG	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	18145	NGUYỄN BÁ HỒNG PHÚC	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	18146	TRẦN THIỆN PHÚC	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	18147	VŨ ĐỨC PHÚC	Nam	20/01/2006	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	18148	NGUYỄN KIỀU PHƯƠNG	Nữ	18/7/2005	Hưng Yên	8.4	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
149	18149	TRẦN DUY PHƯƠNG	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	18150	ĐINH VŨ MINH QUANG	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	18151	TRƯƠNG TIẾN QUANG	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	18152	THÁI MINH QUÂN	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
153	18153	NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	18154	ĐÀO NGỌC QUỲNH	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	18155	VƯƠNG NHƯ QUỲNH	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	18156	ĐẶNG THÁI SƠN	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
157	18157	HOÀNG THỊ MINH TÂM	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	18158	TRẦN LÊ NGỌC TÂM	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	18159	TRỊNH THANH TÂM	Nữ	27/7/2005	Nam Định	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	18160	NGUYỄN NGỌC THÀNH	Nam	18/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	18161	NGUYỄN QUANG VŨ THÀNH	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	18162	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
163	18163	TRẦN HỮU THÀNH	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	18164	HÀ THỊ THẢO	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
165	18165	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	18166	NGHIÊM PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	18167	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
168	18168	PHẠM THANH THẢO	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	18169	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	18170	VŨ THU THẢO	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	18171	ĐÀO HOÀNG THÁI	Nam	16/10/2005	Thái Bình	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
172	18172	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	18173	NGUYỄN ĐỨC THÁI	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	18174	NGUYỄN MINH THÁI	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	18175	PHẠM DUY THÁI	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
176	18176	NGUYỄN QUỐC THẮNG	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
177	18177	CAO THANH THU	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
178	18178	NGUYỄN NHƯ THỦY	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
179	18179	ĐINH THANH THƯ	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	18180	NGÔ VŨ ANH THƯ	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	18181	PHẠM THỊ THANH THƯ	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
182	18182	PHẠM VĂN THƯỞNG	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	18183	BÙI THỊ THU TRANG	Nữ	30/10/2005	Hải Phòng	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	18184	ĐỖ THÙY TRANG	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	18185	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
186	18186	TẠ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	18187	VŨ THỊ THUỲ TRANG	Nữ	29/7/2005	Hà Nội	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	18188	ĐỖ NGỌC KHÁNH TRÂN	Nữ	16/8/2005	Nam Định	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	18189	CAO VIỆT TRINH	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
190	18190	VŨ THỦY TRÚC	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	18191	BÙI MINH TUẤN	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
192	18192	PHẠM MINH TUẤN	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	18193	TRẦN ANH TUẤN	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
194	18194	BÙI SƠN TÙNG	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	18195	ĐÀM THANH TÙNG	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
196	18196	TRẦN ANH TÙNG	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	18197	LƯƠNG NGỌC TÚ	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
198	18198	ĐỖ THỊ CẨM VÂN	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	18199	HOÀNG QUỐC VIỆT	Nam	27/5/2005	Hải Phòng	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
200	18200	TRẦN ANH VINH	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
201	18201	NGHIÊM ĐÌNH VŨ	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
202	18202	NGUYỄN LONG VŨ	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
203	18203	PHAN MỸ YẾN	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	18204	PHAN THÙY AN	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	18205	PHẠM HẢI AN	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	18206	VŨ THỊ THÚY AN	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	18207	ĐẶNG ĐÀO NGỌC ANH	Nữ	12/8/2005	Thái Bình	9.1					H	
208	18208	ĐẶNG MINH ANH	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
209	18209	ĐẶNG NGỌC ANH	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
210	18210	ĐINH TRANG ANH	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
211	18211	ĐOÀN HẢI ANH	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
212	18212	LÂM ĐỨC ANH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
213	18213	LÊ ĐỨC ANH	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
214	18214	NGUYỄN BÌNH ANH	Nữ	05/4/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
215	18215	NGUYỄN DUY ANH	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
216	18216	NGUYỄN ĐOÀN THÙY ANH	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	9.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
217	18217	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
218	18218	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
219	18219	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
220	18220	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	9.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
221	18221	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
222	18222	NGUYỄN TRẦN ĐỨC ANH	Nam	20/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	18223	NGUYỄN TRẦN ĐỨC ANH	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
224	18224	NGUYỄN TRUNG ANH	Nữ	26/5/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
225	18225	PHẠM ĐỨC ANH	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
226	18226	PHẠM THỊ MAI ANH	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	18227	TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
228	18228	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	9.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
229	18229	TRẦN THỊ MINH ANH	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
230	18230	VÕ THỊ VÂN ANH	Nữ	09/11/2005	Hưng Yên	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	18231	MAI THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	29/8/2005	Bắc Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	18232	LẠI NGỌC BẢO	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
233	18233	PHẠM ĐỨC BÌNH	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	18234	PHẠM THỊ THANH BÌNH	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
235	18235	TRẦN THỊ MINH CHÂU	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
236	18236	ĐOÀN KHÁNH CHI	Nữ	19/6/2005	Thanh Hóa	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
237	18237	NGUYỄN LỆ CHI	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
238	18238	TRẦN THÙY CHI	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
239	18239	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
240	18240	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
241	18241	HÀ TRÍ CƯỜNG	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
242	18242	BÙI AN DU	Nam	03/12/2005	Nam Định	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
243	18243	ĐÀO THÙY DUNG	Nữ	19/12/2005	Hưng Yên	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
244	18244	HÀ PHƯƠNG DUNG	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
245	18245	NGUYỄN NGỌC DUNG	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
246	18246	VŨ THUỲ DUNG	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
247	18247	LÊ QUANG DUY	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
248	18248	VŨ QUANG DUY	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
249	18249	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	28/10/2005	Thái Bình	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
250	18250	PHẠM HỒNG MỸ DUYÊN	Nữ	01/02/2005	Liên Bang Nga	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	18251	MAI TRUNG DŨNG	Nam	14/5/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
252	18252	NGUYỄN LƯU ANH DŨNG	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
253	18253	HOÀNG CẨM DƯƠNG	Nữ	15/7/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
254	18254	TRẦN NAM DƯƠNG	Nam	16/01/2005	Bắc Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
255	18255	VŨ GIA ĐẠI	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
256	18256	BÙI TUẤN ĐẠT	Nam	20/3/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
257	18257	NGUYỄN VIẾT TUẤN ĐẠT	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	18258	TRẦN ĐỨC ĐẠT	Nam	02/02/2005	Liên Bang Nga	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
259	18259	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
260	18260	NGUYỄN GIA ĐIỆN	Nam	26/11/2005	Hải Dương	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
261	18261	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ĐÔNG	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
262	18262	LÊ MINH ĐỨC	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
263	18263	PHẠM ANH ĐỨC	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
264	18264	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
265	18265	KHƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	23/9/2005	Thái Bình	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
266	18266	LÊ HÀ GIANG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
267	18267	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
268	18268	LÊ THU HÀ	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
269	18269	PHẠM THUÝ HÀ	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
270	18270	TẠ CẨM HÀ	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
271	18271	VŨ NGỌC HÀ	Nữ	08/11/2005	Hải Dương	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
272	18272	NGUYỄN DƯƠNG ANH HÀO	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
273	18273	LÊ THÚY HẠNH	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
274	18274	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
275	18275	TRẦN THỊ THU HIỀN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
276	18276	VŨ THU HIỀN	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
277	18277	ĐỖ HUY HIỂN	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
278	18278	ĐOÀN MINH HIẾU	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
279	18279	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
280	18280	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
281	18281	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
282	18282	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
283	18283	NGUYỄN HỒNG HOA	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	18284	ĐINH THỊ VIỆT HOÀN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
285	18285	DƯƠNG MINH HOÀNG	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
286	18286	LÊ SĨ HOÀNG	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
287	18287	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
288	18288	TRẦN TRỌNG HOÀNG	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
289	18289	VŨ GIA HUẤN	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
290	18290	LÊ TIẾN HUY	Nam	31/8/2005	Hưng Yên	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	18291	NGÔ TRẦN ĐỨC HUY	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
292	18292	PHÙNG QUANG HUY	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
293	18293	TRẦN QUANG HUY	Nam	16/9/2005	Hà Nội	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
294	18294	CAO THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
295	18295	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
296	18296	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
297	18297	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
298	18298	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
299	18299	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
300	18300	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
301	18301	PHẠM MẠNH HÙNG	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
302	18302	ĐỖ TIẾN HƯNG	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
303	18303	LÊ TUẤN HƯNG	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
304	18304	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
305	18305	TRẦN DUY HƯNG	Nam	23/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
306	18306	TRẦN VĂN HƯNG	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
307	18307	TRỊNH QUỐC HƯNG	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
308	18308	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
309	18309	NGUYỄN THẢO HƯƠNG	Nữ	05/3/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	18310	PHẠM LAN HƯƠNG	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	9.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
311	18311	VŨ THỊ THU HƯỜNG	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
312	18312	BÙI QUANG KHẢI	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
313	18313	GIANG NGỌC KHÁNH	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
314	18314	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
315	18315	PHẠM NGỌC KHUÊ	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
316	18316	ĐÀO NGỌC KIÊN	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
317	18317	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
318	18318	TRẦN TRUNG KIÊN	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
319	18319	ĐỖ LÊ	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
320	18320	BÙI GIA LINH	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
321	18321	ĐINH PHƯƠNG LINH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
322	18322	HOÀNG TRÚC LINH	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
323	18323	LÊ NGỌC LINH	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
324	18324	LÊ PHẠM THÙY LINH	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
325	18325	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	9.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
326	18326	NGUYỄN THANH BẢO LINH	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
327	18327	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	Nữ	31/3/2005	Quảng Ninh	9.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
328	18328	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
329	18329	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
330	18330	NGUYỄN THUỲ LINH	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
331	18331	PHAN HỒNG LINH	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
332	18332	PHÓ NGỌC LINH	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
333	18333	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
334	18334	TRẦN MAI LINH	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
335	18335	TRẦN THỊ MỸ LINH	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	18336	TRẦN THỊ THUỲ LINH	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
337	18337	VŨ NGỌC BẢO LINH	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
338	18338	VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
339	18339	LA THANH LỊCH	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
340	18340	ĐÀM BÍCH LOAN	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
341	18341	TRẦN NGUYÊN LONG	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
342	18342	ĐẶNG DIỆU LY	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
343	18343	ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
344	18344	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
345	18345	BÙI ĐỨC MẠNH	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
346	18346	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
347	18347	DƯƠNG VŨ HOÀNG MINH	Nam	18/7/2005	Thái Bình	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
348	18348	HOÀNG LÊ MINH	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
349	18349	LÊ THÀNH MINH	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
350	18350	NGUYỄN HỮU MINH	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
351	18351	NGUYỄN TRỌNG TIẾN MINH	Nam	11/8/2005	Hải Dương	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
352	18352	PHẠM NGUYỄN NGỌC MINH	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
353	18353	THÂN ĐỨC MINH	Nam	23/10/2005	Nghệ An	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
354	18354	TRẦN KHÁNH MINH	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
355	18355	TRẦN TUỆ MINH	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
356	18356	TRỊNH TUẤN MINH	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
357	18357	NGUYỄN THỊ THẢO MY	Nữ	05/4/2005	Nam Định	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
358	18358	LÊ NHẬT NAM	Nam	02/10/2003	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
359	18359	NGÔ NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
360	18360	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
361	18361	PHẠM NHẬT NAM	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	18362	TRẦN HẢI NAM	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
363	18363	TRẦN NHẬT NAM	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
364	18364	DƯƠNG TRỌNG NGHĨA	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
365	18365	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
366	18366	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	19/3/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
367	18367	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
368	18368	PHẠM LÊ BẢO NGỌC	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
369	18369	BÙI SỸ NGUYÊN	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
370	18370	BÙI HUY NINH	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
371	18371	ĐINH THỊ TÀI NINH	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
372	18372	NGUYỄN VĂN NINH	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
373	18373	PHẠM VŨ THÁI NINH	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
374	18374	VŨ ĐÌNH PHÁP	Nam	02/5/2005	Hà Nội	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
375	18375	BÙI HỮU THANH PHONG	Nam	04/5/2006	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
376	18376	ĐẶNG BẢO PHÚC	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
377	18377	ĐINH NGỌC PHỤNG	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
378	18378	BÙI LAN PHƯƠNG	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
379	18379	BÙI THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	16/10/2005	Nam Định	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
380	18380	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
381	18381	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
382	18382	LƯƠNG HỒNG PHƯƠNG	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
383	18383	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
384	18384	TRỊNH MAI PHƯƠNG	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
385	18385	NGUYỄN VIỆT QUANG	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
386	18386	ĐỖ HỒNG QUÂN	Nam	21/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
387	18387	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
388	18388	TRẦN MINH QUÂN	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
389	18389	VŨ MINH QUỐC	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
390	18390	LÊ NGỌC QUYÊN	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
391	18391	NGUYỄN LÊ THỤY QUYÊN	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
392	18392	NGUYỄN NGỌC HUYỀN QUỲNH	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
393	18393	NGUYỄN VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	14/4/2005	Hải Dương	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
394	18394	PHÙNG NGỌC QUỲNH	Nữ	29/6/2005	Phú Thọ	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
395	18395	ĐINH CÔNG QUÝ	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	9.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
396	18396	BÙI HOÀNG SƠN	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
397	18397	ĐÀO HUY SƠN	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
398	18398	ĐINH NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
399	18399	PHẠM TRƯƠNG TUỆ TÂM	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
400	18400	VŨ ĐỨC TÂM	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
401	18401	NGUYỄN DUY TÂN	Nam	07/9/2005	Hải Dương	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
402	18402	DIỆP THỊ THANH	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
403	18403	ĐINH THỊ NGỌC THANH	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
404	18404	ĐÀM TIẾN THÀNH	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
405	18405	ĐỖ TIẾN THÀNH	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
406	18406	ĐỖ TRUNG THÀNH	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
407	18407	NGUYỄN DANH THIỆN THÀNH	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
408	18408	CAO PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
409	18409	ĐỖ PHÚC PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
410	18410	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
411	18411	CAO DUY THẮNG	Nam	16/5/2005	Hà Nội	9.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
412	18412	PHẠM HOÀNG THỊNH	Nam	21/9/2005	Hà Nội	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
413	18413	NGUYỄN NGỌC THUÝ	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
414	18414	ĐẶNG THU THÚY	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
415	18415	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
416	18416	PHẠM ANH THƯ	Nữ	11/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
417	18417	PHẠM ANH THƯ	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
418	18418	TRẦN NGỌC ANH THƯ	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
419	18419	HOÀNG THỊ THƯƠNG	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
420	18420	PHẠM NGUYỄN THỦY TIÊN	Nữ	04/5/2005	Nam Định	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
421	18421	HÀ KIỀU TRANG	Nữ	10/5/2005	Hòa Bình	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
422	18422	HỨA QUỲNH TRANG	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
423	18423	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
424	18424	VŨ THU TRANG	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
425	18425	ĐỖ PHƯƠNG TRINH	Nữ	16/4/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
426	18426	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	Nữ	31/8/2005	Hải Dương	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
427	18427	VÕ KIỀU TRINH	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
428	18428	PHẠM ĐỨC ANH TUẤN	Nam	27/8/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
429	18429	PHẠM MINH TUẤN	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
430	18430	TRẦN ANH TUẤN	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
431	18431	TRỊNH QUỐC TUẤN	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
432	18432	PHẠM THỊ TUYẾT	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
433	18433	DƯƠNG THANH TÙNG	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
434	18434	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
435	18435	ĐẶNG HỒNG VÂN	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
436	18436	NGUYỄN NAM VÂN	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
437	18437	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
438	18438	ĐỖ DANH VIỆT	Nam	10/4/2005	Hưng Yên	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
439	18439	NGÔ QUỐC VIỆT	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 32 - Trường THPT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
440	18440	BÙI THẾ VINH	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
441	18441	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
442	18442	VƯƠNG TRẦN VŨ	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
443	18443	ĐÀO THỊ HÀ VY	Nữ	05/12/2005	Hưng Yên	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
444	18444	ĐOÀN THẢO VY	Nữ	26/5/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
445	18445	LÊ TƯỜNG VY	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
446	18446	MAI TƯỜNG VY	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
447	18447	TRƯƠNG THÚY VY	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
448	18448	LÊ TRIỀU VỸ	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
449	18449	VŨ THANH XUÂN	Nữ	29/11/2005	Hải Dương	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
450	18450	BÙI HẢI YẾN	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
451	18451	HOÀNG NHƯ Ý	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	19001	NGUYỄN THÚY AN	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	19002	NGUYỄN VĂN AN	Nam	10/6/2005	Thái Bình	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	19003	TÔ THỊ THÙY AN	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	19004	ĐỖ TÚ ANH	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	19005	HOÀNG DUY ĐỨC ANH	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	19006	HOÀNG TUẤN ANH	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	19007	NGÔ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
8	19008	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
9	19009	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
10	19010	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	16/10/2005	Hải Phòng	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
11	19011	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	24/12/2005	Thái Nguyên	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	19012	PHẠM BẢO ANH	Nữ	17/7/2005	Hải Dương	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
13	19013	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	19014	PHẠM VÂN ANH	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	9.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
15	19015	TRẦN VĂN TIẾN ANH	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	19016	VŨ MAI ANH	Nữ	31/12/2005	Hải Dương	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	19017	VŨ NHẬT ANH	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	19018	BÙI THỊ QUỲNH CHI	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	19019	VŨ QUỲNH CHI	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	19020	NGUYỄN PHẠM THÀNH CÔNG	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	19021	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	19022	TRỊNH QUỐC CƯỜNG	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
23	19023	LÊ THỊ THÙY DUNG	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	19024	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	30/9/2005	Bắc Giang	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	19025	PHẠM THỊ DUNG	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	19026	LÊ ANH DUY	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
27	19027	HOÀNG MẠNH DŨNG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
28	19028	NGUYỄN TRÍ DŨNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	19029	BÙI TUẤN DƯƠNG	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
30	19030	LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	19031	LƯƠNG ĐẶNG THÙY DƯƠNG	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	19032	LƯƠNG NGỌC DƯƠNG	Nam	24/12/2005	Bình Dương	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
33	19033	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
34	19034	NGUYỄN THUỲ DƯƠNG	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
35	19035	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	19036	TRẦN THÁI DƯƠNG	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	19037	VŨ THỊ THUỲ DƯƠNG	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	19038	NGUYỄN HOÀNG ĐANG	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	19039	HOÀNG THÀNH ĐẠT	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	19040	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	19041	PHẠM CÔNG ĐẠT	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	19042	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	19043	BÙI HẢI ĐĂNG	Nam	31/7/2005	Hưng Yên	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	19044	PHẠM MINH ĐÔNG	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	19045	CHẾ QUANG ĐỨC	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	19046	NGUYỄN BẢO ĐỨC	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	19047	NGUYỄN NGỌC THÁI ĐỨC	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
48	19048	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	19049	PHẠM HÀ GIANG	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	19050	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	19051	PHẠM QUỲNH GIAO	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	19052	NGÔ CẨM HÀ	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	19053	PHAN THÚY HÀ	Nữ	14/3/2005	Hà Nội	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	19054	TRẦN THU HÀ	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	9.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
55	19055	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	24/8/2005	Thái Bình	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
56	19056	BÙI THỊ XUÂN HẢO	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
57	19057	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	19058	PHẠM THANH HẰNG	Nữ	30/8/2005	Bắc Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
59	19059	TRẦN THU HẰNG	Nữ	25/9/2005	Nam Định	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	19060	NGUYỄN THỊ HẬU	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	19061	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	19062	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	19063	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	19064	ĐINH TRUNG HIẾU	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	19065	HUỲNH TRUNG HIẾU	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	19066	NGUYỄN NGỌC HIỆP	Nam	10/5/2005	Hải Phòng	9.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
67	19067	TRẦN ĐỨC HIỆP	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
68	19068	NGUYỄN PHƯƠNG HOA	Nữ	28/8/2005	TP Hồ Chí Minh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
69	19069	VĂN MĨ HOA	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	19070	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
71	19071	NGUYỄN DUY HÒA	Nam	20/9/2005	Vĩnh Phúc	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
72	19072	NGUYỄN THỊ MINH HÒA	Nữ	16/11/2005	Hải Dương	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
73	19073	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
74	19074	PHẠM GIA HUỆ	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	19075	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	25/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	19076	NGUYỄN GIA HUY	Nam	15/6/2005	TP Hồ Chí Minh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
77	19077	NGUYỄN THẾ HUY	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
78	19078	PHAN ĐĂNG HUY	Nam	03/8/2005	Hà Nội	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	19079	BÀNG MỸ HUYỀN	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	19080	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	19081	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	19082	ĐINH HỮU HÙNG	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	19083	LÊ MẠNH HƯNG	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	19084	NGUYỄN TIẾN HƯNG	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	19085	TẠ KHẢI HƯNG	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
86	19086	VŨ VIỆT HƯNG	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
87	19087	ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	24/8/2005	Thái Bình	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	19088	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	19089	PHẠM LAN HƯƠNG	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	19090	PHẠM MAI HƯƠNG	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	19091	TRẦN THANH HƯƠNG	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	19092	BÙI ĐĂNG KHẢI	Nam	15/02/2005	Hải Dương	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
93	19093	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	19094	TRẦN GIA KHÁNH	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
95	19095	VŨ DUY KHÁNH	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
96	19096	HÀ TRỌNG KHOA	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
97	19097	NGUYỄN BÁCH KHOA	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	19098	NGUYỄN TUẤN KHÔI	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
99	19099	ĐẶNG XUÂN KHUÊ	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	8.9	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
100	19100	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	19101	TỐNG ANH KIỆT	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	19102	NGUYỄN HOÀNG LAN	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
103	19103	NGUYỄN HƯƠNG LAN	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
104	19104	PHÍ MAI LAN	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
105	19105	ĐỖ HOÀNG LÂM	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
106	19106	LÊ ĐÌNH PHÚC LÂM	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	19107	BÙI CẨM LINH	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
108	19108	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
109	19109	ĐÀM THỊ KHÁNH LINH	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
110	19110	ĐÀO KHÁNH LINH	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
111	19111	NGUYỄN PHẠM THUỲ LINH	Nữ	17/12/2005	Hải Phòng	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
112	19112	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	20/3/2005	Vĩnh Phúc	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
113	19113	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	19114	NGUYỄN TRÚC LINH	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	19115	PHẠM THÙY LINH	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
116	19116	PHẠM VIỆT LINH	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
117	19117	TRƯƠNG KHÁNH LINH	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
118	19118	TRƯƠNG NGỌC LINH	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	19119	PHẠM KHÁNH LOAN	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
120	19120	ĐẶNG HỒNG LONG	Nam	23/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
121	19121	VŨ HOÀNG LONG	Nam	29/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
122	19122	VŨ VĂN GIA LONG	Nam	02/6/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	19123	NGUYỄN QUÝ LỘC	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	19124	BÙI TUYẾT LY	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	19125	TÔ DIỆU LY	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
126	19126	ĐỖ THỊ NGỌC MAI	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
127	19127	LÊ THỊ MAI	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	19128	NGUYỄN THỊ HOÀNG MAI	Nữ	12/10/2005	Bắc Giang	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	19129	TRIỆU THỊ XUÂN MAI	Nữ	07/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
130	19130	TRẦN ĐỨC MẠNH	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
131	19131	BÙI HOÀNG MINH	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	19132	DƯƠNG NHẬT MINH	Nam	24/3/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
133	19133	HOÀNG NHẬT MINH	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
134	19134	NGÔ NGỌC MINH	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
135	19135	NGUYỄN CÔNG MINH	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
136	19136	TRƯƠNG CÔNG MINH	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	19137	HOÀNG TRÀ MY	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
138	19138	ĐỖ THÀNH NAM	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
139	19139	TRƯƠNG QUỲNH NGA	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	19140	KHƯƠNG THÙY NGÂN	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
141	19141	PHẠM THÙY NGÂN	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	19142	TRẦN NGỌC NGÂN	Nữ	17/6/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	19143	BÙI BÍCH NGỌC	Nữ	12/12/2005	Hải Dương	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	19144	BÙI DUY NGỌC	Nam	17/5/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	19145	NGUYỄN LƯU KHÁNH NGỌC	Nữ	19/3/2005	Hải Phòng	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
146	19146	ĐÀO NGỌC NGUYÊN	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
147	19147	TRẦN NGUYỄN HẠNH NGUYÊN	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	19148	ĐỖ THANH NHÀN	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
149	19149	NGUYỄN THIỆN NHÂN	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
150	19150	DƯƠNG THỊ YẾN NHI	Nữ	11/11/2005	Hưng Yên	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
151	19151	ĐỖ YẾN NHI	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
152	19152	VŨ HỒNG NHUNG	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
153	19153	LÝ KIỀU NHƯ	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	19154	LƯU THỊ THU NINH	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
155	19155	MÃ ĐẠI PHONG	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
156	19156	LÊ TUẤN PHÓNG	Nam	24/3/2005	Quảng Ninh	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
157	19157	PHẠM DUY ĐỨC PHÚC	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
158	19158	BÙI THỊ PHƯƠNG	Nữ	28/3/2005	Hải Dương	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
159	19159	LÊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	25/02/2005	Hưng Yên	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
160	19160	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
161	19161	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
162	19162	NGUYỄN TRẦN QUỲNH PHƯƠNG	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
163	19163	PHẠM THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	19164	TRẦN THỊ QUỲNH PHƯƠNG	Nữ	28/5/2005	Thái Bình	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	19165	HOÀNG PHẠM LOAN PHƯỢNG	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
166	19166	PHẠM VĂN QUANG	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	19167	VŨ PHÚC BẢO QUẢNG	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	19168	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
169	19169	PHẠM ANH QUÂN	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
170	19170	NGUYỄN THỤC QUYÊN	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	9.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
171	19171	VŨ KHẮC QUYỀN	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	19172	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	19173	VŨ THỊ QUỲNH	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	19174	CAO THẾ SƠN	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
175	19175	DƯƠNG NGUYÊN SƠN	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	19176	NGUYỄN HẢI SƠN	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	19177	TRỊNH VŨ THANH SƠN	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	19178	NGUYỄN THỊ VÂN THANH	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	19179	ĐỖ THU THẢO	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	19180	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	19181	NGÔ PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	19182	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	19183	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	19184	TRẦN VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	19185	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	19186	ĐỖ DUY THÁI	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	19187	VŨ HỒNG THÁI	Nam	28/01/2005	Thái Bình	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	19188	PHẠM TIẾN THỊNH	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	19189	TRIỆU THỊ THƠM	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	19190	HOÀNG XUÂN THU	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	19191	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	19192	HOÀNG THỊ MINH THƯ	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	9.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	19193	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	19194	NGUYỄN THỦY TIÊN	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	19195	ĐỖ THỊ THU TRANG	Nữ	20/3/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
196	19196	HÀ THU HUYỀN TRANG	Nữ	08/5/2005	Hưng Yên	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	19197	HOÀNG THÙY TRANG	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
198	19198	LÊ THỊ HÀ TRANG	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
199	19199	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	19200	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
201	19201	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
202	19202	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	Nữ	11/01/2005	Hưng Yên	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	19203	ĐỖ THÀNH TRUNG	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	19204	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	19205	NGUYỄN KHẮC TRUNG	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 33 - Trường THPT Lê Quý Đôn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	19206	VƯƠNG QUỐC TRUNG	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	19207	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	19208	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	19209	HOÀNG LẠI MẠNH TRƯỜNG	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	19210	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
211	19211	VŨ QUANG TRƯỜNG	Nam	04/11/2005	Hải Dương	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	19212	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
213	19213	HOÀNG ANH TUẤN	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	19214	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	19215	VŨ NGUYỄN HOÀNG TÙNG	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	19216	NGÔ TUẤN TÚ	Nam	28/12/2005	Hưng Yên	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	19217	PHẠM ANH TÚ	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	19218	PHẠM MINH TÚ	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	19219	HOÀNG ANH VĂN	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	19220	ĐỖ THẢO VÂN	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	19221	PHẠM THỊ THANH VÂN	Nữ	10/7/2005	Thái Bình	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
222	19222	TẠ THỊ TÚ VÂN	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
223	19223	ĐOÀN QUỐC VIỆT	Nam	28/01/2005	Nam Định	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
224	19224	ĐINH HOÀNG VŨ	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
225	19225	LÊ LONG VŨ	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
226	19226	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
227	19227	HOÀNG HẢI YẾN	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
228	19228	TẠ HẢI YẾN	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	19229	VŨ THỊ HẢI YẾN	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	20001	TRỊNH MINH AN	Nam	13/10/2005	GIAO THỦY - NAM ĐỊNH	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	20002	BÙI ĐỨC ANH	Nam	24/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	20003	LÊ PHƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	01/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	20004	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	21/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
5	20005	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	31/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
6	20006	PHAN QUỲNH ANH	Nữ	28/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	20007	PHẠM ĐỨC ANH	Nam	10/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	20008	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	02/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
9	20009	PHẠM THỊ THÙY ANH	Nữ	10/08/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
10	20010	PHẠM TUẤN ANH	Nam	11/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
11	20011	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	11/05/2005	HẢI PHÒNG	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
12	20012	VŨ QUỲNH ANH	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	20013	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
14	20014	NGUYỄN MINH ÁNH	Nữ	12/11/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	20015	NGUYỄN PHÚC NGỌC ÁNH	Nữ	14/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	20016	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	30/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	20017	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	28/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	20018	PHẠM TIẾN CÔNG	Nam	15/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	20019	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	17/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
20	20020	NGUYỄN THỊ DIỄM	Nữ	13/01/2005	NAM TRỰC - NAM ĐỊNH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	20021	ĐÀO THỊ THÙY DUNG	Nữ	19/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	20022	HOÀNG THÙY DUNG	Nữ	12/11/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
23	20023	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	Nữ	18/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	20024	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	25/01/2004	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	20025	AN HOÀNG DUY	Nam	14/12/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	20026	ĐÀM QUANG DUY	Nam	06/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
27	20027	NGÔ VŨ ĐỨC DUY	Nam	09/01/2005	HẢI PHÒNG	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
28	20028	BÙI ĐỨC DŨNG	Nam	13/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	20029	BÙI TIẾN DŨNG	Nam	28/04/2005	BÌNH DƯƠNG	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	20030	BẠC THÙY DƯƠNG	Nữ	12/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
31	20031	ĐỖ THÙY DƯƠNG	Nữ	07/11/2005	LIÊN BANG NGA	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
32	20032	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	25/12/2005	HÀ NỘI	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
33	20033	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	31/01/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
34	20034	NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	Nữ	18/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	20035	VŨ THỊ HẢI DƯƠNG	Nữ	11/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
36	20036	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	09/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
37	20037	PHẠM PHÚC ĐẠT	Nam	28/12/2005	Uông bí - Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
38	20038	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	26/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
39	20039	LÊ ÔN NÁC ĐÔ	Nam	11/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	20040	DƯƠNG TRUNG ĐỨC	Nam	05/12/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.5	5.5	10	8.88	Đ		Khá
41	20041	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Nam	31/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
42	20042	PHẠM CAO ĐỨC	Nam	11/11/2005	KIM SƠN - NINH BÌNH	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
43	20043	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	09/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
44	20044	ĐINH THU GIANG	Nữ	13/05/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	20045	HOÀNG HƯƠNG GIANG	Nữ	12/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	20046	PHẠM HÀ GIANG	Nữ	03/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
47	20047	TÔ TRẦN TRƯỜNG GIANG	Nam	06/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
48	20048	NGUYỄN THỊ SƠN HÀ	Nữ	06/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	20049	CAO THẾ HẢI	Nam	27/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	20050	ĐÀO THANH HẢI	Nam	09/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	20051	NGUYỄN THANH HẢI	Nam	26/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
52	20052	VŨ THỊ THÚY HẢI	Nữ	27/11/2005	KIM ĐỘNG - HƯNG YÊN	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
53	20053	NGUYỄN PHƯƠNG HẠ	Nữ	25/06/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
54	20054	ĐOÀN MINH HẠNH	Nữ	15/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
55	20055	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	18/12/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	20056	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	26/11/2005	VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
57	20057	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	14/07/2005	BẮC NINH	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	20058	ĐỖ THỊ THU HIỀN	Nữ	14/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
59	20059	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	11/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	20060	BÙI MINH HIẾU	Nam	08/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
61	20061	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	12/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
62	20062	PHẠM ĐÀO TRUNG HIẾU	Nam	14/08/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.6	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
63	20063	NGUYỄN THỊ LAN HOA	Nữ	08/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
64	20064	PHẠM THANH HOA	Nữ	07/10/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
65	20065	PHẠM CÔNG HOAN	Nam	20/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
66	20066	TỪ NGHĨA HOÀNG	Nam	16/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
67	20067	TẠ THỊ THÚY HỒNG	Nữ	13/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	20068	LÊ QUANG HUY	Nam	27/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
69	20069	ĐỖ THÚY HUYỀN	Nữ	18/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	20070	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	12/04/2005	HƯNG HÀ, THÁI BÌNH	8.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
71	20071	PHẠM THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	13/04/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
72	20072	PHAN MẠNH HÙNG	Nam	03/02/2005	QUẢNG YÊN - QUẢNG NINH	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
73	20073	PHẠM MẠNH HÙNG	Nam	13/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
74	20074	VŨ HỒ MẠNH HÙNG	Nam	18/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
75	20075	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	15/06/2005	Cẩm Phả - Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	20076	TRẦN TIẾN HƯNG	Nam	04/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
77	20077	VŨ DUY HƯNG	Nam	17/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
78	20078	HOÀNG AN KHANG	Nam	07/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
79	20079	NGUYỄN PHI KHANH	Nam	26/07/2005	HẢI HÀ - QUẢNG NINH	8.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
80	20080	HOÀNG XUÂN KHÁNH	Nam	18/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
81	20081	NGUYỄN VÂN KHÁNH	Nữ	27/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
82	20082	DƯƠNG TRUNG KIÊN	Nam	01/07/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
83	20083	NGUYỄN THỊ HOÀNG KIM	Nữ	01/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
84	20084	TĂNG THỊ PHƯƠNG LAM	Nữ	27/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
85	20085	VŨ THỊ LAN	Nữ	16/10/2005	HƯNG YÊN	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
86	20086	DƯƠNG TÙNG LÂM	Nam	27/04/2004	QUẢNG YÊN - QUẢNG NINH	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
87	20087	NGUYỄN VINH LÂM	Nam	15/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	20088	LÝ THỊ MỸ LỆ	Nữ	01/10/2005	TUYÊN QUANG	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
89	20089	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	27/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
90	20090	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	08/09/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
91	20091	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	Nữ	09/01/2005	TRỰC NINH - NAM ĐỊNH	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
92	20092	PHẠM THÙY LINH	Nữ	18/06/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.6					H	
93	20093	NGUYỄN HUY LONG	Nam	29/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
94	20094	PHẠM CÔNG LONG	Nam	06/06/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
95	20095	LÊ THỊ KHÁNH LY	Nữ	12/03/2005	YÊN HƯNG - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	20096	NGÔ TRÀ LY	Nữ	21/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	20097	HOÀNG VĂN MẠNH	Nam	21/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
98	20098	NGUYỄN HUY MẠNH	Nam	17/10/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
99	20099	THOÒNG DUY MẠNH	Nam	27/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
100	20100	VŨ TIẾN MẠNH	Nam	08/04/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
101	20101	ĐẶNG ĐỨC MINH	Nam	02/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	5	10	8.75	Đ		Khá

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	20102	HOÀNG CÔNG MINH	Nam	28/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	5	10	8.75	Đ		Khá
103	20103	HOÀNG QUANG MINH	Nam	24/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
104	20104	VŨ QUANG MINH	Nam	11/03/2005	HẢI DƯƠNG	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
105	20105	ĐẶNG PHƯƠNG NAM	Nam	25/09/2005	QUỲNH PHỤ - THÁI BÌNH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	20106	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	02/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
107	20107	TRƯƠNG NHẬT NAM	Nam	02/08/2005	TIỀN HẢI - THÁI BÌNH	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
108	20108	THÂN QUỲNH NGA	Nữ	20/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
109	20109	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGÂN	Nữ	20/03/2005	TP. HỒ CHÍ MINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	20110	PHAN ÁNH NGÂN	Nữ	29/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
111	20111	PHẠM HỒNG NGÂN	Nữ	16/12/2005	THÁI NGUYÊN	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	20112	TRẦN THU NGÂN	Nữ	30/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
113	20113	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	25/08/2005	Cẩm Phả - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
114	20114	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	11/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	20115	VŨ THỊ NGỌC	Nữ	06/07/2005	NINH GIANG - HẢI DƯƠNG	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
116	20116	LÊ QUÝ NGUYÊN	Nam	05/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
117	20117	NGUYỄN KHÔI NGUYÊN	Nam	05/04/2005	HÀ NỘI	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
118	20118	PHẠM ĐỨC NGUYÊN	Nam	03/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	7.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
119	20119	LÊ THANH NHÀN	Nữ	23/08/2005	NINH GIANG - HẢI DƯƠNG	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
120	20120	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	Nữ	22/02/2005	KHOÁI CHÂU - HƯNG YÊN	8.3	5	10	8.75	Đ		Khá
121	20121	PHẠM YẾN NHI	Nữ	01/09/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
122	20122	VƯƠNG NGỌC NHI	Nữ	27/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
123	20123	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	09/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
124	20124	NGUYỄN THỊ NHƯ	Nữ	22/06/2005	ĐÔNG TRIỀU - QUẢNG NINH	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
125	20125	NGUYỄN THỊ HẢI NINH	Nữ	19/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	20126	PHẠM THỊ HẢI NINH	Nữ	26/10/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
127	20127	VŨ QUANG PHÁT	Nam	16/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	20128	NGUYỄN THÁI PHONG	Nam	26/12/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	7.1	7	9.5	8.88	Đ		Khá
129	20129	NGUYỄN VĂN PHONG	Nam	17/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
130	20130	TRẦN TRƯỜNG PHÚC	Nam	20/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
131	20131	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	Nữ	09/08/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	20132	PHẠM THU PHƯƠNG	Nữ	11/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	20133	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	26/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
134	20134	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯỢNG	Nữ	24/04/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	20135	TRẦN THỊ MAI PHƯỢNG	Nữ	15/07/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	20136	LÊ NHẬT QUANG	Nam	17/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
137	20137	NGUYỄN SỸ QUANG	Nam	28/08/2005	NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	20138	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	Nam	15/03/2005	ĐÔNG TRIỀU - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	20139	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	10/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	20140	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	18/11/2005	KINH MÔN - HẢI DƯƠNG	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
141	20141	ĐẶNG THẾ QUYỀN	Nam	25/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	20142	BÙI HƯƠNG QUỲNH	Nữ	09/10/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
143	20143	NGÔ DIỄM QUỲNH	Nữ	04/08/2005	HẢI DƯƠNG	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	20144	ĐINH TRỌNG SANG	Nam	20/11/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	20145	ĐỖ GIANG SƠN	Nam	03/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	20146	HOÀNG ĐÌNH SƠN	Nam	17/08/2005	ÂN THI - HƯNG YÊN	8.6	5	10	8.75	Đ		Khá
147	20147	VŨ TRƯỜNG SƠN	Nam	12/10/2003	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	5.75	10	8.94	Đ		Khá
148	20148	HOÀNG CÔNG THÀNH	Nam	03/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
149	20149	NGUYỄN NAM THÀNH	Nam	16/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	5.75	10	8.94	Đ		Khá
150	20150	LÊ THU THẢO	Nữ	21/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
151	20151	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
152	20152	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	5.75	10	8.94	Đ		Khá
153	20153	VŨ CAO THĂNG	Nam	03/01/2005	Cẩm Phả - Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	20154	ĐỖ MẠNH THẮNG	Nam	24/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
155	20155	NGUYỄN MINH THIỆN	Nam	28/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
156	20156	BÙI ĐỨC THỌ	Nam	29/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
157	20157	NGUYỄN DANH THỦY	Nam	02/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
158	20158	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	24/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
159	20159	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	12/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
160	20160	MAI THỊ THANH THƯ	Nữ	12/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
161	20161	PHAN ANH THƯ	Nữ	25/06/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
162	20162	TRẦN ANH THƯ	Nữ	28/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
163	20163	TRẦN THỊ ANH THƯ	Nữ	31/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
164	20164	ĐÀO HUYỀN THƯƠNG	Nữ	04/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
165	20165	NGUYỄN CHÍ TOÀN	Nam	27/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
166	20166	NGUYỄN MINH TOÀN	Nam	09/01/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
167	20167	NGUYỄN VĂN TOÀN	Nam	07/06/2004	KINH MÔN - HẢI DƯƠNG	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
168	20168	ĐÀM QUANG TOẢN	Nam	04/12/2005	YÊN HƯNG - QUẢNG NINH	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
169	20169	NGÔ TRÍ TOẠI	Nam	23/02/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
170	20170	BÙI THỊ THÙY TRANG	Nữ	10/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
171	20171	DOÃN THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	09/01/2005	GIAO THỦY - NAM ĐỊNH	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
172	20172	ĐỒNG THỊ TRANG	Nữ	03/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
173	20173	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	01/07/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
174	20174	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	Nữ	22/10/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
175	20175	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	27/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
176	20176	NGHIÊM THU TRANG	Nữ	12/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
177	20177	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	21/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	20178	PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	20/12/2005	HÀ NỘI	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
179	20179	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	24/03/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	20180	PHẠM TRẦN THU TRANG	Nữ	26/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
181	20181	VƯƠNG HOÀNG HUYỀN TRANG	Nữ	05/06/2005	HẢI PHÒNG	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	20182	NGHIÊM THU TRÀ	Nữ	12/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
183	20183	VŨ HỒNG TRÀ	Nữ	17/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
184	20184	HOÀNG NGHIÊM BẢO TRÂN	Nữ	15/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
185	20185	ĐINH XUÂN TRUNG	Nam	24/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
186	20186	VŨ HOÀNG TRUNG	Nam	13/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
187	20187	LÊ PHẠM LINH TRÚC	Nữ	25/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	7.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	20188	VŨ ĐỨC DUY TRƯỜNG	Nam	01/10/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	20189	BÙI NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	30/08/2005	GIA LỘC - HẢI DƯƠNG	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
190	20190	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	04/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
191	20191	PHÙNG THỊ LINH TUYỀN	Nữ	16/12/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
192	20192	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	12/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
193	20193	ĐẶNG QUANG TÚ	Nam	26/11/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
194	20194	LÊ ANH TÚ	Nam	27/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	5.75	10	8.94	Đ		Khá
195	20195	VŨ CÔNG VĂN	Nam	27/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
196	20196	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	04/03/2005	QUẢNG XƯƠNG - THANH HÓA	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	20197	BÙI THẾ VINH	Nam	10/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	20198	ĐINH CÔNG VINH	Nam	07/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
199	20199	HỒ VĂN VŨ	Nam	04/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
200	20200	TRẦN HUYỀN VY	Nữ	05/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	20201	HOÀNG THẢO YÊN	Nữ	23/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
202	20202	ĐẶNG HUYỀN DIỆU AN	Nữ	28/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	20203	TẠ PHÚ TRƯỜNG AN	Nam	21/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	20204	ĐINH HOÀNG ANH	Nam	05/03/2005	MỸ ĐỨC - HÀ TÂY	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
205	20205	ĐOÀN ĐỨC ANH	Nam	24/05/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	20206	ĐOÀN TRỌNG ANH	Nam	02/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	20207	ĐỖ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	19/01/2005	Ninh Bình	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	20208	ĐỖ TÚ ANH	Nữ	20/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	20209	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	Nữ	06/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	20210	NGÔ KỲ ANH	Nữ	30/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	20211	NGUYỄN BÁ HOÀNG ANH	Nam	07/12/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	20212	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	12/04/2005	TIÊN LỮ - HƯNG YÊN	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
213	20213	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	04/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	20214	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	15/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	20215	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	15/02/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	20216	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	26/05/2005	KIM BẢNG - HÀ NAM	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	20217	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	25/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	20218	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	29/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
219	20219	NGUYỄN VŨ CẨM ANH	Nữ	01/07/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
220	20220	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	11/02/2005	GIAO THỦY - NAM ĐỊNH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	20221	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	09/01/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	20222	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	15/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	20223	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	05/12/2005	VŨ THƯ - THÁI BÌNH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	20224	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	29/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
225	20225	TRỊNH MAI ANH	Nữ	21/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	20226	VŨ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	15/09/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	20227	VŨ THỊ TRƯỜNG ANH	Nữ	16/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
228	20228	VŨ TUẤN ANH	Nam	24/11/2005	TIỀN HẢI - THÁI BÌNH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	20229	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	15/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	20230	HOÀNG THẾ BÁCH	Nam	28/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
231	20231	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	23/06/2005	NINH GIANG - HẢI DƯƠNG	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	20232	PHẠM LINH CHI	Nữ	27/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	20233	VŨ THỊ HUYỀN CHINH	Nữ	25/01/2005	THÁI THỤY - THÁI BÌNH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	20234	ĐẶNG THỊ THANH CHÚC	Nữ	11/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	20235	NGÔ MẠNH CƯỜNG	Nam	23/01/2005	TỪ LIÊM - HÀ NỘI	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	20236	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Nam	06/02/2005	NAM ĐÀN - NGHỆ AN	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	20237	TẠ KHẢI CƯỜNG	Nam	18/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	20238	VŨ NGỌC CƯỜNG	Nam	03/11/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	20239	LÊ THÙY DUNG	Nữ	11/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	20240	NGUYỄN NHẬT DUY	Nam	15/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	20241	NGUYỄN TIẾN DUY	Nam	21/10/2004	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	20242	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	Nam	29/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	20243	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	01/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
244	20244	LÊ ANH DŨNG	Nam	19/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
245	20245	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	Nam	03/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
246	20246	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	10/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
247	20247	TRẦN VŨ DƯƠNG	Nam	20/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	20248	ĐINH KHẮC TIẾN ĐẠT	Nam	05/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
249	20249	ĐINH QUANG ĐẠT	Nam	18/12/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
250	20250	HOÀNG GIA ĐẠT	Nam	03/10/2005	HẢI PHÒNG	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	20251	NGUYỄN HẢI ĐẠT	Nam	29/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
252	20252	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	29/06/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	20253	PHẠM QUANG ĐẠT	Nam	19/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	20254	PHẠM VĂN ĐẠT	Nam	22/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	20255	ĐỖ NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	22/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
256	20256	TRẦN ĐỨC ĐĂNG	Nam	01/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	20257	KHUẤT MINH ĐỨC	Nam	24/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	20258	LƯU THÀNH ĐỨC	Nam	05/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
259	20259	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	29/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
260	20260	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	08/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
261	20261	TRỊNH ĐỨC ĐỨC	Nam	05/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
262	20262	TRUNG MINH ĐỨC	Nam	28/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
263	20263	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	14/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
264	20264	TRẦN TRƯỜNG GIANG	Nam	07/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
265	20265	VŨ HƯƠNG GIANG	Nữ	24/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	20266	LÊ HẢI HÀ	Nữ	04/07/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
267	20267	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	06/09/2005	LIÊN BANG NGA	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	20268	ĐINH THÚY HẰNG	Nữ	15/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
269	20269	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	12/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
270	20270	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	03/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	20271	MAI VĂN HẬU	Nam	14/02/2005	QUỲNH PHỤ - THÁI BÌNH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	20272	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	Nữ	21/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	20273	TRƯƠNG THU HIỀN	Nữ	09/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	20274	LÊ MINH HIỂN	Nam	09/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	20275	CAO NGỌC HIẾU	Nam	21/05/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
276	20276	NGUYỄN KINH HIẾU	Nam	04/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	20277	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	23/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
278	20278	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	03/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6					H	
279	20279	NGUYỄN PHƯƠNG HOÀN	Nữ	03/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
280	20280	ĐỖ XUÂN HOÀNG	Nam	24/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	20281	LÊ HUY HOÀNG	Nam	03/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
282	20282	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	15/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
283	20283	NGUYỄN PHÚC VIỆT HOÀNG	Nam	08/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	20284	NGUYỄN TIẾN HUY HOÀNG	Nam	28/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
285	20285	PHẠM VŨ MINH HOÀNG	Nam	26/10/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
286	20286	BÙI MINH HÒA	Nữ	01/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
287	20287	ĐỖ KHÁNH HÒA	Nữ	03/10/2005	XUÂN TRƯỜNG - NAM ĐỊNH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	20288	KIỀU XUÂN HÒA	Nam	22/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
289	20289	HÀ QUANG HUY	Nam	07/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
290	20290	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	30/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	20291	ĐINH NGỌC HUYỀN	Nữ	27/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
292	20292	LÊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	29/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	20293	MAI THU HUYỀN	Nữ	27/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	20294	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	24/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
295	20295	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	20/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
296	20296	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	05/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
297	20297	VŨ THỊ THU HUYỀN	Nữ	02/04/2005	HƯNG HÀ - THÁI BÌNH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
298	20298	BÙI TRỌNG HÙNG	Nam	12/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
299	20299	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	25/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
300	20300	TRỊNH TIẾN HƯNG	Nam	25/02/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
301	20301	VŨ ĐẶNG VĨNH HƯNG	Nam	12/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
302	20302	HOÀNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	22/02/2005	YÊN HƯNG - QUẢNG NINH	8.3					H	
303	20303	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	14/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
304	20304	BÙI GIA KHÁNH	Nam	06/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
305	20305	CHU DUY KHÁNH	Nam	07/08/2005	ÂN THI - HƯNG YÊN	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
306	20306	NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	29/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
307	20307	NGUYỄN VÂN KHÁNH	Nữ	29/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
308	20308	NGUYỄN BỈNH KHIÊM	Nam	28/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	20309	HUỲNH TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	01/09/2005	PHAN RANG - NINH THUẬN	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	20310	TRẦN THỊ YẾN KHOA	Nữ	01/12/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
311	20311	TRỊNH VĂN KHOA	Nam	08/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
312	20312	PHẠM ANH KHÔI	Nam	15/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
313	20313	NGUYỄN TUẤN KIỂM	Nam	05/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
314	20314	PHẠM ĐỨC LÂM	Nam	09/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
315	20315	BÙI BẢO LINH	Nam	12/09/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
316	20316	ĐOÀN THÙY LINH	Nữ	02/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
317	20317	LÊ THÙY LINH	Nữ	28/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
318	20318	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	11/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
319	20319	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	22/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
320	20320	PHẠM THÁI THÙY LINH	Nữ	25/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
321	20321	DƯƠNG BẢO LONG	Nam	14/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
322	20322	ĐẶNG HUY LONG	Nam	18/02/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
323	20323	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	01/12/2005	ÂN THI - HƯNG YÊN	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
324	20324	LÃ ĐỨC LỘC	Nam	25/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
325	20325	NGÔ THỊ HIỀN LƯƠNG	Nữ	11/12/2005	QUỲNH PHỤ - THÁI BÌNH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
326	20326	ĐẶNG HOÀNG MAI	Nữ	03/12/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
327	20327	HÀ THỊ QUỲNH MAI	Nữ	27/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
328	20328	LÊ THỊ NGỌC MAI	Nữ	17/11/2005	QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
329	20329	PHẠM ĐỨC MẠNH	Nam	20/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
330	20330	PHẠM TIẾN MẠNH	Nam	08/05/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
331	20331	LÊ NGỌC MINH	Nam	31/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
332	20332	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	11/09/2005	VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
333	20333	TRỊNH CÔNG MINH	Nam	17/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
334	20334	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	04/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
335	20335	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	28/03/2005	Gia Lộc - Hải Dương	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	20336	PHẠM TRÀ MY	Nữ	06/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
337	20337	ĐỖ NHẬT NAM	Nam	15/07/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
338	20338	LẠI VĂN NAM	Nam	16/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
339	20339	NGÔ HOÀI NAM	Nam	06/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
340	20340	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	29/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
341	20341	VŨ QUỲNH NGA	Nữ	25/11/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
342	20342	TRẦN THỊ BÍCH NGÂN	Nữ	18/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
343	20343	LÊ MINH NGỌC	Nam	10/06/2005	THỦY NGUYÊN - HẢI PHÒNG	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
344	20344	NGUYỄN ĐỨC MINH NGỌC	Nam	30/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
345	20345	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGỌC	Nữ	02/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
346	20346	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	14/12/2005	ÂN THI - HƯNG YÊN	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
347	20347	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	13/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
348	20348	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	21/10/2005	TRỰC NINH - NAM ĐỊNH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
349	20349	VŨ MINH NGỌC	Nữ	30/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
350	20350	NGUYỄN ĐỨC NGUYÊN	Nam	17/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
351	20351	VŨ TRUNG NGUYÊN	Nam	15/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
352	20352	VŨ ĐOÀN NHẬT NGUYỆT	Nữ	27/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
353	20353	NGUYỄN THỊ THU NHÀN	Nữ	01/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
354	20354	PHẠM THỊ THANH NHÀN	Nữ	20/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
355	20355	NGUYỄN MẠNH NHÂN	Nam	17/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
356	20356	ĐẶNG UYÊN NHI	Nữ	24/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
357	20357	ĐỖ TÔ YẾN NHI	Nữ	07/11/2005	ĐÔNG HƯNG - THÁI BÌNH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
358	20358	PHẠM LÊ UYÊN NHI	Nữ	15/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
359	20359	NGUYỄN TRANG NHUNG	Nữ	11/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
360	20360	NGUYỄN VŨ NINH	Nam	27/04/2003	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
361	20361	TRẦN LÂM OANH	Nữ	21/02/2004	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	20362	DIỆP KHÁNH PHONG	Nam	23/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
363	20363	TRẦN TIẾN PHONG	Nam	22/11/2005	ĐÔNG TRIỀU - QUẢNG NINH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
364	20364	ĐINH GIA PHÚ	Nam	23/08/2005	THÁI THỤY - THÁI BÌNH	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
365	20365	TRẦN MẠNH PHÚ	Nam	05/12/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
366	20366	NGÔ HOÀNG PHÚC	Nam	10/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
367	20367	NGÔ XUÂN PHÚC	Nam	17/03/2005	QUẢNG YÊN - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
368	20368	TRẦN LÊ PHÚC	Nam	20/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
369	20369	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	24/06/2005	KINH MÔN - HẢI DƯƠNG	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
370	20370	NGUYỄN TRỌNG QUANG	Nam	07/04/2005	THÁI THỤY - THÁI BÌNH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
371	20371	TRẦN NHẬT QUANG	Nam	20/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
372	20372	LÊ ANH QUÂN	Nam	04/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
373	20373	NGUYỄN KIM QUYỀN	Nam	01/07/2005	KIM ĐỘNG - HƯNG YÊN	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
374	20374	DIỆP CHU NGỌC QUỲNH	Nữ	12/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
375	20375	BÙI ĐẮC QUÝ	Nam	08/02/2005	ÂN THI - HƯNG YÊN	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
376	20376	NGUYỄN VĂN QUÝ	Nam	13/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
377	20377	VĂN ĐỨC SÂM	Nam	21/08/2005	ÂN THI - HƯNG YÊN	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
378	20378	ĐOÀN HẢI SƠN	Nam	26/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
379	20379	HÀ TUẤN SƠN	Nam	13/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
380	20380	HOÀNG HỒNG SƠN	Nam	23/07/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
381	20381	LÊ ĐÌNH SƠN	Nam	13/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
382	20382	NGUYỄN CÔNG SƠN	Nam	08/07/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
383	20383	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	22/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
384	20384	TRỊNH NAM SƠN	Nam	18/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
385	20385	VŨ VĂN SƠN	Nam	06/06/2005	BẮC NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
386	20386	LÊ ĐỨC TÂM	Nam	18/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
387	20387	NGUYỄN CHÍ THANH	Nam	18/07/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.3					H	

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
388	20388	NGUYỄN DUY THANH	Nam	18/01/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
389	20389	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
390	20390	NGUYỄN THỊ VI THẢO	Nữ	04/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
391	20391	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	05/08/2005	GIA BÌNH - BẮC NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
392	20392	BÙI HỮU THẮNG	Nam	07/11/2005	NINH GIANG - HẢI DƯƠNG	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
393	20393	VŨ HUY THẮNG	Nam	28/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
394	20394	ĐỖ MINH THIÊN	Nam	05/02/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
395	20395	VŨ THỊ ANH THƠ	Nữ	14/08/2005	GIAO THỦY - NAM ĐỊNH	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
396	20396	CAO ANH THƯ	Nữ	10/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
397	20397	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	08/02/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
398	20398	VŨ ANH THƯ	Nữ	10/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
399	20399	BÙI THỊ HIỀN TRANG	Nữ	09/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
400	20400	CHU HƯƠNG TRANG	Nữ	07/04/2005	HÀ NỘI	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
401	20401	HOÀNG HÀ TRANG	Nữ	22/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
402	20402	HỒ ĐOAN TRANG	Nữ	05/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
403	20403	LÊ MINH TRANG	Nữ	25/05/2005	HƯNG HÀ - THÁI BÌNH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
404	20404	LÊ THÙY TRANG	Nữ	19/07/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
405	20405	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	28/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
406	20406	NHÂM NGỌC HUYỀN TRANG	Nữ	28/06/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
407	20407	PHAN HUYỀN TRANG	Nữ	24/12/2005	HẢI DƯƠNG	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
408	20408	PHẠM PHƯƠNG TRANG	Nữ	19/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
409	20409	TRẦN MINH TRANG	Nữ	12/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
410	20410	TRẦN QUỲNH TRANG	Nữ	16/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
411	20411	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	Nam	05/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
412	20412	TRẦN VĂN TRUNG	Nam	13/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
413	20413	PHẠM VŨ THẢO TRÚC	Nữ	23/09/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
414	20414	BÙI QUANG TRƯỜNG	Nam	03/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
415	20415	NGÔ DUY TRƯỜNG	Nam	19/07/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
416	20416	QUÁCH ĐAN TRƯỜNG	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
417	20417	PHẠM NGỌC TUÂN	Nam	16/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
418	20418	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	12/03/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
419	20419	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	26/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
420	20420	NGUYỄN NHẬT TUẤN	Nam	25/02/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
421	20421	VŨ CÔNG ANH TUẤN	Nam	18/08/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
422	20422	TRẦN VŨ THU UYÊN	Nữ	19/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
423	20423	PHẠM THỊ HOÀNG VÂN	Nữ	27/08/2005	YÊN HƯNG - QUẢNG NINH	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
424	20424	ĐOÀN CHIẾN VIỆT	Nam	11/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
425	20425	MAI QUANG VINH	Nam	15/10/2005	HÀ NỘI	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
426	20426	NGUYỄN THÀNH VINH	Nam	05/05/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
427	20427	PHẠM LÃ CÔNG VINH	Nam	08/12/2005	ĐÔNG HƯNG - THÁI BÌNH	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
428	20428	LƯƠNG MINH VŨ	Nam	26/05/2005	HẢI HẬU - NAM ĐỊNH	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
429	20429	TRIỆU TUẤN VŨ	Nam	20/08/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
430	20430	NGUYỄN ĐỨC VƯƠNG	Nam	20/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
431	20431	LÝ HOÀNG HÀ VY	Nữ	04/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
432	20432	NGUYỄN MINH VỸ	Nam	02/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
433	20433	NGUYỄN THỊ HƯƠNG XUÂN	Nữ	22/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
434	20434	HOÀNG NGỌC YẾN	Nữ	25/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
435	20435	CAO THỊ KIỀU ANH	Nữ	20/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
436	20436	ĐOÀN VÂN ANH	Nữ	11/10/2005	TRỰC NINH - NAM ĐỊNH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
437	20437	ĐỒNG PHƯƠNG ANH	Nữ	06/06/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
438	20438	HOÀNG GIA ANH	Nam	29/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
439	20439	LÊ VIỆT ANH	Nam	06/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
440	20440	NGHIÊM VÂN ANH	Nữ	11/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
441	20441	TRẦN THỊ LAN ANH	Nữ	20/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
442	20442	VŨ THỊ NGỌC ANH	Nữ	27/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
443	20443	NGUYỄN MINH ÁNH	Nữ	04/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
444	20444	DƯƠNG NGỌC CHI	Nữ	20/10/2005	YÊN MỸ - HƯNG YÊN	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
445	20445	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	22/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
446	20446	NGUYỄN THÙY CHI	Nữ	24/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
447	20447	TRẦN MẠNH DUY	Nam	23/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
448	20448	LÊ VIỆT DŨNG	Nam	25/12/2005	DUY TIÊN - HÀ NAM	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
449	20449	NGUYỄN XUÂN DŨNG	Nam	14/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
450	20450	BÙI HOÀNG TÙNG DƯƠNG	Nam	20/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
451	20451	HOÀNG THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	08/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
452	20452	HOÀNG VĂN DƯƠNG	Nam	10/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
453	20453	LÊ QUỲNH DƯƠNG	Nữ	22/10/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
454	20454	NGUYỄN SỸ DƯƠNG	Nam	13/08/2005	Ý YÊN - NAM ĐỊNH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
455	20455	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	02/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
456	20456	CHU LÊ THẾ ĐỨC	Nam	10/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
457	20457	HÀ MINH ĐỨC	Nam	25/01/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
458	20458	LÝ THÀNH ĐỨC	Nam	27/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
459	20459	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	26/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
460	20460	TRẦN NGỌC ĐỨC	Nam	22/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
461	20461	VÕ MINH ĐỨC	Nam	20/04/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
462	20462	TRẦN THANH HÀ	Nữ	01/08/2005	HẢI HẬU - NAM ĐỊNH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
463	20463	TRẦN VĂN HÀ	Nam	24/02/2005	KHOÁI CHÂU - HƯNG YÊN	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
464	20464	VŨ ĐÌNH HẢI	Nam	27/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
465	20465	CHU THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	30/05/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
466	20466	LƯƠNG THU HẰNG	Nữ	03/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
467	20467	CAO THU HIỀN	Nữ	06/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
468	20468	PHAN THỊ THANH HIỀN	Nữ	02/04/2005	TỨ KỲ - HẢI DƯƠNG	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
469	20469	TRƯƠNG MINH HIẾU	Nam	07/08/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
470	20470	TẠ VŨ NHẬT HOÀNG	Nam	17/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
471	20471	TRỊNH HUY HOÀNG	Nam	10/02/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
472	20472	VŨ NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	01/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
473	20473	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	20/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
474	20474	ĐÀO KHÁNH HUYỀN	Nữ	18/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
475	20475	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	06/01/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
476	20476	TRẦN THỊ THU HUYỀN	Nữ	10/06/2005	KINH MÔN - HẢI DƯƠNG	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
477	20477	VŨ MINH HUYỀN	Nữ	07/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
478	20478	VŨ NGỌC HUYỀN	Nữ	14/01/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
479	20479	ĐỖ THÁI HƯNG	Nam	11/03/2005	ÂN THI - HƯNG YÊN	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
480	20480	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	18/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
481	20481	PHẠM THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	21/06/2005	HẢI PHÒNG	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
482	20482	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	08/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
483	20483	PHẠM THÙY LINH	Nữ	26/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
484	20484	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	16/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
485	20485	ĐOÀN HỮU MẠNH	Nam	04/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
486	20486	HÒA QUANG MẠNH	Nam	27/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
487	20487	DƯƠNG NGỌC MY	Nữ	20/10/2005	YÊN MỸ - HƯNG YÊN	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
488	20488	LÊ TRÀ MY	Nữ	12/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
489	20489	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	18/04/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
490	20490	NGUYỄN TRỊNH HOÀNG NAM	Nam	14/09/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
491	20491	PHẠM HẢI NAM	Nam	16/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
492	20492	TRẦN NHẬT NAM	Nam	24/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
493	20493	PHẠM THỊ THU NGUYỆT	Nữ	17/06/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
494	20494	MAI TUẤN NINH	Nam	16/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
495	20495	HOÀNG THỊ KIM OANH	Nữ	03/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
496	20496	LỤC GIA PHONG	Nam	17/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
497	20497	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	Nữ	23/02/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
498	20498	LÊ HẢI QUÂN	Nam	10/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
499	20499	TÀO THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	12/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
500	20500	TRẦN THỊ QUỲNH	Nữ	10/09/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
501	20501	NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	01/05/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
502	20502	TRẦN TIẾN THÀNH	Nam	10/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
503	20503	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/01/2005	BẮC GIANG	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
504	20504	LÊ NGỌC PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
505	20505	LƯU PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
506	20506	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
507	20507	TỐNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/09/2005	HẠ LONG - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
508	20508	HOÀNG VĨNH THÁI	Nam	19/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
509	20509	NGUYỄN CÔNG THẮNG	Nam	21/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
510	20510	PHAN TOÀN THẮNG	Nam	30/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
511	20511	PHẠM QUANG THẮNG	Nam	22/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
512	20512	NGUYỄN THỊ THANH THƯ	Nữ	21/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
513	20513	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	28/05/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
514	20514	HÀ MAI TRANG	Nữ	21/11/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
515	20515	HOÀNG THU TRANG	Nữ	30/10/2005	UÔNG BÍ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
516	20516	LƯƠNG TRẦN MAI TRANG	Nữ	27/06/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
517	20517	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	15/12/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 34 - Trường THPT Lương Thế Vinh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
518	20518	PHẠM THỊ KIỀU TRANG	Nữ	15/08/2005	TỨ KỲ - HẢI DƯƠNG	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
519	20519	NGHIÊM THANH TRƯỜNG	Nam	18/08/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
520	20520	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	Nam	05/01/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
521	20521	TRẦN VIỆT TUẤN	Nam	17/11/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
522	20522	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	21/02/2005	SẦM SƠN - THANH HÓA	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
523	20523	NGÔ TRIỆU VI	Nữ	18/03/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
524	20524	VŨ QUANG VINH	Nam	21/07/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
525	20525	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	24/04/2005	CẨM PHẢ - QUẢNG NINH	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 37 - Trường TH-THCS&THPT Quốc tế Song ngữ Học viện Anh Quốc

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	22270	ĐẶNG THUỲ ANH	Nữ	19/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
2	22276	TRẦN KHÁNH ANH	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	22278	VŨ ĐỨC ANH	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
4	22279	CAO GIA BẢO	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
5	22280	ĐÀO LINH CHI	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
6	22287	NGUYỄN LÂM DŨNG	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	22300	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	22301	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	29/01/2005	Nam Định	9.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
9	22310	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
10	22316	TRẦN NAM HOÀNG	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
11	22327	NGUYỄN JAMES	Nam	09/6/2005	Vương Quốc Anh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	22330	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
13	22352	ĐẶNG ĐỨC MINH	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	22354	PHẠM NHẬT MINH	Nam	15/3/2005	Hà Nội	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	22357	VŨ HẢI NAM	Nam	16/11/2005	Hải Phòng	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	22359	TRẦN THỊ CẨM NGÂN	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	9.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
17	22369	LẠI MAI PHƯƠNG	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
18	22370	PHẠM MINH PHƯƠNG	Nữ	29/12/2005	Hải Phòng	8.8	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
19	22373	TRẦN QUANG	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
20	22387	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	9.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
21	22394	TẠ NGỌC THIỆN	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
22	22396	PHẠM LÊ PHƯƠNG THUỲ	Nữ	25/11/2005	Ninh Bình	9.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	22074	BÙI DUY ANH	Nam	17/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	22075	BÙI PHƯƠNG KIỀU ANH	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	22076	LÊ ĐỨC ANH	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	22077	NGUYỄN DUY ANH	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	22078	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	18/07/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	22079	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN ANH	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	22080	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	05/02/2005	Hải Dương	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	22081	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	22082	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	30/08/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	22083	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	12/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	22084	PHẠM QUANG ANH	Nam	29/08/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	22085	PHẠM TUẤN ANH	Nam	29/08/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	22086	TÔ PHƯƠNG ANH	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	22087	TRẦN MINH ANH	Nữ	12/09/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	22088	TRỊNH LÊ DUY ANH	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	22089	VŨ LÊ VIỆT ANH	Nam	21/04/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	22090	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	31/08/2005	Thái Bình	7.9					H	
18	22091	NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	Nữ	28/09/2005	Hải Dương	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
19	22092	PHẠM VĂN BÌNH	Nam	13/09/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	22093	LÝ THỊ CẨM	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	22094	NGUYỄN NGỌC QUỲNH CHI	Nữ	21/11/2005	Hải Dương	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	22095	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	16/07/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	22096	NGUYỄN THÙY CHI	Nữ	27/09/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	22097	VŨ LINH CHI	Nữ	18/08/2005	Hà Nội	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	22098	HỒ MINH CHIẾN	Nam	18/03/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
26	22099	TRẦN MINH CHIẾN	Nam	24/11/2005	TP. Hồ Chí Minh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	22100	LÊ CÔNG DOANH	Nam	27/09/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	22101	CHU VĂN DŨNG	Nam	04/09/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	22102	DƯƠNG PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	25/04/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
30	22103	NGUYỄN QUANG DŨNG	Nam	18/03/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	22104	TỪ QUỐC DŨNG	Nam	10/04/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	22105	ĐỖ TRIỀU DƯƠNG	Nam	17/08/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	22106	HOÀNG THÙY DƯƠNG	Nữ	04/09/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
34	22107	NGUYỄN ANH DƯƠNG	Nam	14/09/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	22108	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	Nam	21/07/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	22109	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	22110	VŨ THÙY DƯƠNG	Nữ	08/11/2003	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	22111	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	Nam	30/09/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	22112	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	27/07/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	22113	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	Nam	19/06/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	22114	VŨ ĐỨC ĐẠT	Nam	29/03/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
42	22115	NGUYỄN TIẾN KHÔI ĐĂNG	Nam	18/03/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
43	22116	LÊ MINH ĐỨC	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	22117	NGUYỄN DUY ĐỨC	Nam	01/03/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	22118	TRẦN ANH ĐỨC	Nam	23/06/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	22119	VÕ TUẤN ĐỨC	Nam	15/03/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
47	22120	ĐẶNG HƯƠNG GIANG	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
48	22121	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	09/09/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	22122	TRẦN THỊ THANH GIANG	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	22123	ĐINH LÊ THÚY HÀ	Nữ	26/01/2004	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	22124	HOÀNG THỊ THU HÀ	Nữ	05/11/2002	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
52	22125	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	11/07/2005	Hải Phòng	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	22126	HOÀNG MẠNH HẢI	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	22127	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	22128	PHẠM ĐỨC HẢI	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
56	22129	PHẠM NGỌC HẢI	Nam	12/06/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	22130	TRẦN HOÀNG ĐẠI HẢI	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	22131	VŨ BÁ HẢI	Nam	04/10/2005	Thanh Hóa	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	22132	BÙI MAI HẠNH	Nữ	15/05/2006	Nghệ An	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	22133	BÙI PHẠM HỒNG HẠNH	Nữ	20/10/2005	Hà Nội	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	22134	PHAN THANH HẰNG	Nữ	30/07/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	22135	BÙI THU HIỀN	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	22136	TRẦN THU HIỀN	Nữ	31/08/2005	Hà Nội	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	22137	VŨ NINH HIỂN	Nam	06/12/2004	Thái Bình	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	22138	NGUYỄN ANH MINH HIẾU	Nam	24/04/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	22139	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
67	22140	TRỊNH VĂN HIẾU	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	22141	LÊ ĐỨC HIỆP	Nam	11/02/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	22142	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	Nam	05/03/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
70	22143	ĐOÀN THỊ HOA	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
71	22144	LÃ MỸ HOA	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
72	22145	ĐÀO VĂN HOÀN	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
73	22146	BÙI ĐỨC HOÀNG	Nam	24/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	22147	LƯU HUY HOÀNG	Nam	03/08/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
75	22148	NGÔ MINH HOÀNG	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	22149	PHẠM HUY HOÀNG	Nam	23/04/2005	Hòa Bình	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	22150	PHẠM NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	23/01/2005	Nghệ An	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
78	22151	PHẠM MẠNH HÒA	Nam	07/07/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	22152	NGUYỄN THU HỒNG	Nữ	25/05/2004	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
80	22153	NGUYỄN VĂN HỒNG	Nam	04/08/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
81	22154	BÙI DOÃN HUY	Nam	08/05/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	22155	ĐẶNG ĐỨC HUY	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
83	22156	NGUYỄN NAM HUY	Nam	24/08/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	22157	PHẠM QUANG HUY	Nam	12/09/2005	Lạng Sơn	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	22158	VŨ ĐỨC HUY	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
86	22159	NGUYỄN DUY MẠNH HÙNG	Nam	05/09/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
87	22160	CAO MẠNH HƯNG	Nam	06/09/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
88	22161	ĐỖ MẠNH HƯNG	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	22162	TRƯƠNG VĨNH HƯNG	Nam	13/09/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	22163	ĐINH THU HƯƠNG	Nữ	14/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	22164	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	07/12/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	22165	PHẠM TUẤN KHANH	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
93	22166	BÙI VIỆT KHÁNH	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	22167	PHẠM NGỌC KHÁNH	Nữ	02/09/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	22168	HỒ ÁI KHƯƠNG	Nữ	03/08/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
96	22169	BÙI THẾ KIÊN	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
97	22170	DƯƠNG TRUNG KIÊN	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
98	22171	HOÀNG THIÊM KIÊN	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	22172	NGUYỄN NGỌC TRUNG KIÊN	Nam	24/12/2005	Hà Nội	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
100	22173	PHẠM XUÂN KIÊN	Nam	17/09/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
101	22174	TRẦN THƯ KỲ	Nữ	05/07/2004	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	22175	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LÂM	Nữ	31/08/2005	Sơn La	7.9		10			H	
103	22176	ĐẶNG THÙY LINH	Nữ	03/05/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	22177	LÊ NGỌC LINH	Nữ	12/09/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
105	22178	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	25/05/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	22179	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	22180	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	06/12/2005	Thái Bình	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
108	22181	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	10/07/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
109	22182	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	22183	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	12/05/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
111	22184	VŨ KHÁNH LINH	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	22185	ĐỖ THÁI LONG	Nam	16/08/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	22186	NGUYỄN NGỌC LONG	Nam	27/12/2005	Thái Bình	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
114	22187	THÁI MINH LONG	Nam	27/11/2004	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
115	22188	VŨ THÀNH LONG	Nam	02/03/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	22189	TRẦN THẾ LƯƠNG	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	22190	ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	12/03/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	22191	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	04/05/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	22192	NGUYỄN THỊ THIÊN LÝ	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	7.9					H	
120	22193	LÊ VĂN MINH	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	22194	NGUYỄN HUY QUANG MINH	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	22195	TRẦN DƯƠNG CÁT MINH	Nam	15/03/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	22196	TRỊNH NHẬT MINH	Nam	07/04/2005	Hà Nội	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
124	22197	VŨ THÚY MY	Nữ	31/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	22198	ĐÀO HẢI NAM	Nam	18/08/2005	Quảng Ninh	7.9					H	
126	22199	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	21/08/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	22200	PHẠM HOÀI NAM	Nam	19/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	22201	VŨ ĐẮC HOÀNG NAM	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	22202	LAM THỊ NGỌC	Nữ	10/06/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
130	22203	PHẠM HỒNG NGỌC	Nữ	28/07/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	22204	QUÁCH HOÀNG TÂM NGỌC	Nữ	02/08/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
132	22205	TRẦN BÍCH NGỌC	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	22206	BÙI THIẾT NGUYÊN	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
134	22207	LỤC THANH NGUYÊN	Nam	11/07/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	22208	VŨ THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	27/05/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	22209	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	22210	PHẠM YẾN NHI	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	22211	MA THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	06/07/2005	Tuyên Quang	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	22212	NGUYỄN HẢI NINH	Nữ	16/03/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
140	22213	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	22214	BÙI VIỆT PHONG	Nam	01/05/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
142	22215	ĐỒNG QUANG PHONG	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
143	22216	HOÀNG VĂN PHONG	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
144	22217	LƯU KỲ PHONG	Nam	24/08/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	22218	NGUYỄN TRỌNG HẢI PHONG	Nam	25/05/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
146	22219	HOÀNG MINH PHƯƠNG	Nam	06/05/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
147	22220	LÊ THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	14/03/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
148	22221	LỤC HOÀI PHƯƠNG	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
149	22222	NINH THỊ PHƯƠNG	Nữ	28/08/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	22223	PHẠM MINH QUANG	Nam	13/05/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
151	22224	HOÀNG VĂN QUÂN	Nam	23/05/2005	Thanh Hóa	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
152	22225	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
153	22226	VŨ NGÔ CAO QUÝ	Nam	14/09/2005	Hải Phòng	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	22227	NGUYỄN ĐỨC SƠN	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
155	22228	PHẠM XUÂN SƠN	Nam	04/08/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
156	22229	LƯƠNG VĂN TÂN	Nam	16/10/2005	Thái Bình	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
157	22230	ĐÀO PHÚ THÀNH	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
158	22231	TRẦN THẾ THÀNH	Nam	20/06/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	22232	VŨ TIẾN THÀNH	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
160	22233	ĐỖ THU THẢO	Nữ	09/06/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	22234	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/03/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
162	22235	VŨ THỊ THU THẢO	Nữ	24/06/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
163	22236	TRỊNH VIỆT THÁI	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
164	22237	LÊ VĂN THẮNG	Nam	07/02/2003	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
165	22238	PHẠM QUỐC THẮNG	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
166	22239	TRẦN QUYẾT THẮNG	Nam	01/08/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
167	22240	VŨ MẠNH THẮNG	Nam	25/03/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	22241	LÊ HỮU THIÊM	Nam	10/10/2004	Thanh Hóa	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
169	22242	ĐÀO HÙNG THIÊN	Nam	06/04/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
170	22243	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	19/09/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
171	22244	TRẦN ĐÌNH THỊNH	Nam	12/05/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
172	22245	TRẦN QUANG THỊNH	Nam	03/09/2005	Hà Nam	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
173	22246	LÊ THANH THÚY	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
174	22247	PHẠM THỊ MINH THƯƠNG	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
175	22248	BÙI KHÁNH TOÀN	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
176	22249	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
177	22250	PHẠM THU TRANG	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
178	22251	TRƯƠNG THỊ TRANG	Nữ	15/07/2005	Thanh Hóa	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
179	22252	VŨ KHÁNH TRÀ	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	22253	NGUYỄN QUANG TRUNG	Nam	20/05/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
181	22254	VŨ ANH TUẤN	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
182	22255	HOÀNG VĂN TUYÊN	Nam	23/09/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
183	22256	HOÀNG THỊ THANH TUYỀN	Nữ	22/11/2004	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
184	22257	ĐỖ THANH TÙNG	Nam	25/09/2004	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
185	22258	HOÀNG MẠNH TÙNG	Nam	12/09/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
186	22259	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN TÚ	Nam	08/11/2005	Hà Nội	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
187	22260	PHẠM NGỌC TÚ	Nữ	28/01/2003	Thái Bình	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
188	22261	NGUYỄN THU UYÊN	Nữ	13/06/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
189	22262	PHẠM THỊ YẾN VI	Nữ	20/08/2005	Hưng Yên	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
190	22263	ĐẶNG QUANG VINH	Nam	17/09/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
191	22264	BÙI ĐỨC TRUNG VŨ	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
192	22265	TRẦN MINH VỸ	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
193	22266	CAO THỊ XUÂN	Nữ	16/06/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
194	22267	ĐÀO THANH XUÂN	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	7.9					H	
195	22268	NGHIÊM XUÂN KHẢ AN	Nam	24/09/2004	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
196	22269	PHAN NGỌC HẢI AN	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
197	22271	HOÀNG BÙI QUANG ANH	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
198	22272	HUỲNH MAI ANH	Nữ	12/03/2005	Vũng Tàu	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
199	22273	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	13/07/2005	Hải Phòng	8	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
200	22275	PHẠM HÙNG ANH	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
201	22277	VŨ DUY ANH	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
202	22281	NGUYỄN QUÍ CHI	Nam	02/02/2005	Hải Dương	7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
203	22282	CHU VĂN CƯƠNG	Nam	06/12/2005	Hưng Yên	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
204	22283	MAI KHÁNH DUY	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
205	22284	NGUYỄN MẠNH DUY	Nam	03/05/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	22285	NGUYỄN THỊ HƯƠNG DUYÊN	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
207	22286	HOÀNG ANH DŨNG	Nam	11/08/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
208	22288	LƯƠNG CAO DƯƠNG	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
209	22289	NÔNG THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	19/02/2005	Cao Bằng	8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
210	22290	PHẠM THÁI DƯƠNG	Nam	23/05/2005	Quảng Ninh	7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
211	22291	VŨ THÙY DƯƠNG	Nữ	03/04/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
212	22292	PHẠM QUANG ĐẠI	Nam	03/09/2005	Quảng Ninh	8	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
213	22293	ĐOÀN ANH ĐẠT	Nam	09/12/2005	Hải Dương	7	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
214	22294	BÙI BÁ ĐỊNH	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	7	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
215	22295	BÙI TRẦN PHÚC ĐỨC	Nam	08/08/2005	Quảng Ninh	8	9	9	9.00	Đ		Giỏi
216	22296	CHU VIỆT ĐỨC	Nam	14/09/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
217	22297	TRẦN TRƯỜNG GIANG	Nam	13/08/2005	Quảng Ninh	8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
218	22298	HOÀNG THU HÀ	Nữ	02/03/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
219	22299	LÊ KHÁNH HÀ	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
220	22302	NGUYỄN HỒNG HẢI	Nam	29/07/2005	Quảng Ninh	8	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
221	22303	ĐINH NGUYỄN NGUYỆT HẰNG	Nữ	21/06/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
222	22304	NGUYỄN THANH HẰNG	Nữ	20/09/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
223	22305	NGUYỄN THANH HẰNG	Nữ	24/06/2005	Quảng Ninh	8	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
224	22306	NGUYỄN THỊ KHÁNH HIỀN	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
225	22308	ĐINH TRỌNG HIẾU	Nam	05/07/2005	Quảng Ninh	7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
226	22309	LƯƠNG ĐỨC HIẾU	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
227	22311	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	16/02/2005	Hải Dương	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
228	22312	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	23/05/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	22313	HOÀNG THỊ HOÀ	Nữ	14/12/2004	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
230	22314	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	27/09/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
231	22315	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	26/06/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	22317	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	05/07/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
233	22318	NGUYỄN MINH HUỆ	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
234	22319	ĐÀO QUỐC HUY	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
235	22320	NGUYỄN TUẤN HUY	Nam	01/01/2005	TP Hồ Chí Minh	8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
236	22321	VŨ ĐỨC HUY	Nam	01/06/2005	Quảng Ninh	7	5.75	10	8.94	Đ		Khá
237	22322	ĐOÀN NHẬT HUYỀN	Nữ	10/06/2005	Bắc Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
238	22323	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
239	22324	PHAN THẾ HÙNG	Nam	23/04/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
240	22325	VŨ TUẤN HƯNG	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
241	22326	BÙI THỊ HƯỜNG	Nữ	20/04/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	22328	NGUYỄN PHÚC KHANG	Nam	13/08/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
243	22329	BÙI VĂN KHÁNH	Nam	02/04/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
244	22331	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
245	22332	NGUYỄN CAO KỲ	Nam	22/05/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
246	22333	BÙI TÙNG LÂM	Nam	25/07/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
247	22334	DƯƠNG THÀNH LÂM	Nam	25/08/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
248	22335	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
249	22336	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	28/07/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
250	22337	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	14/05/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
251	22339	VŨ NGỌC LINH	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
252	22340	VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	09/06/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
253	22341	HOÀNG GIA LONG	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
254	22342	LÂM THÀNH LONG	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
255	22343	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	17/03/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
256	22344	NGUYỄN HỮU LONG	Nam	09/09/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
257	22345	TRẦN HẢI LONG	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	22346	TRẦN HẢI LONG	Nam	27/06/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
259	22347	VŨ LÊ THÀNH LONG	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
260	22348	HOÀNG DIỆU MAI	Nữ	12/05/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
261	22349	NGÔ THỊ NGỌC MAI	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
262	22350	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
263	22351	CAO QUANG MINH	Nam	26/08/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
264	22353	MAI CÔNG MINH	Nam	19/04/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
265	22355	LƯU HOÀNG NAM	Nam	02/05/2004	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
266	22356	TRẦN NGUYỄN NAM	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
267	22358	NGUYỄN HỒNG NGÁT	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
268	22360	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
269	22361	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
270	22362	NGÔ TIẾN NINH	Nam	08/04/2005	Quảng Ninh	8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
271	22363	NGUYỄN THỊ THÁI NINH	Nữ	16/01/2005	Thái Bình	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
272	22364	TRẦN DIỆU NINH	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
273	22365	LÊ HỒNG PHONG	Nam	29/08/2005	Quảng Ninh	8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
274	22366	NGUYỄN THÁI PHONG	Nam	14/03/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
275	22367	VŨ GIA PHONG	Nam	28/08/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
276	22368	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	Nam	13/11/2005	Đà Nẵng	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
277	22371	SÌ THỊ PHƯỢNG	Nữ	02/08/2005	Quảng Ninh	9	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
278	22372	PHẠM VĂN QUANG	Nam	18/05/2005	Thái Bình	7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
279	22374	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	13/07/2003	Quảng Ninh	7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
280	22375	NGUYỄN HỮU QUYỀN	Nam	21/06/2004	Hưng Yên	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
281	22376	HOÀNG MẠNH QUỲNH	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	8	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
282	22377	PHẠM THỊ PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
283	22378	TRẦN THỊ VÂN QUỲNH	Nữ	28/08/2005	Hải Dương	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	22379	VŨ THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	15/07/2005	Quảng Ninh	9	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
285	22380	HOÀNG THÁI SƠN	Nam	05/04/2005	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
286	22381	LÊ VĂN TÀI	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
287	22382	ĐỖ NGỌC THIÊN THANH	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
288	22383	HOÀNG THỊ THANH THANH	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
289	22384	NGUYỄN VŨ THÀNH	Nam	19/08/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
290	22385	BÙI THỊ HƯƠNG THẢO	Nữ	18/08/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
291	22386	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
292	22388	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/05/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
293	22389	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/06/2004	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
294	22390	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/08/2004	Quảng Ninh	9	5.25	10	8.81	Đ		Khá
295	22391	ĐỖ VĂN THÁI	Nam	12/05/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
296	22392	HOÀNG ĐÌNH THẮNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
297	22393	NGUYỄN ĐỨC THIỆN	Nam	13/07/2005	Quảng Ninh	7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
298	22395	TRẦN THỊ THU	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
299	22397	PHẠM THỊ THANH THÚY	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
300	22398	PHẠM HOÀNG TIẾN	Nam	24/04/2004	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
301	22399	BÙI HUYỀN TRANG	Nữ	28/06/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
302	22400	BÙI THỊ THU TRANG	Nữ	17/09/2004	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
303	22401	PHẠM THỊ THÙY TRANG	Nữ	26/08/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
304	22402	TRƯƠNG THÙY TRANG	Nữ	13/06/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
305	22403	NGUYỄN VŨ HẢI TRÀ	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
306	22404	VŨ QUANG TRUNG	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
307	22405	NGÔ THANH TRÚC	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
308	22406	PHẠM NGỌC TUẤN	Nam	21/09/2005	Quảng Ninh	7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
309	22407	NGUYỄN ANH TÙNG	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 38 - Trung tâm HN&GDTX Tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	22408	NGUYỄN XUÂN TÚ	Nam	19/10/2004	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
311	22409	PHẠM VĂN TÚ	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
312	22410	MAI THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
313	22411	VŨ THỊ THU VIÊN	Nữ	23/09/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
314	22412	LƯƠNG XUÂN VIỆT	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
315	22413	NGUYỄN HỒNG VIỆT	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
316	22415	HOÀNG TRẦN KHÁNH VINH	Nam	28/06/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
317	22416	LÊ THÀNH VINH	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
318	22417	NGÔ ĐÌNH VINH	Nam	05/03/2005	Quảng Ninh	8	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
319	22418	NGUYỄN THANH XUÂN	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	23001	BÙI QUỲNH AN	Nữ	01/09/2005	Thái Bình	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
2	23002	BÙI TUẤN ANH	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
3	23003	ĐOÀN VƯƠNG HOÀNG ANH	Nam	13/03/2005	Thái Bình	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
4	23004	HÀ DUY ANH	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	23005	LÊ VƯƠNG QUỐC ANH	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	23006	LƯƠNG VŨ ANH	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
7	23007	LƯU HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	24/04/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	23008	NGUYỄN DUY ANH	Nam	18/12/2004	Quảng Ninh	8.9	5	10	8.75	Đ		Khá
9	23009	NGUYỄN ĐỖ HOÀI ANH	Nữ	01/03/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
10	23010	NGUYỄN QUANG ANH	Nam	21/02/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
11	23011	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
12	23012	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	18/03/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	23013	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	07/04/2005	Hải Dương	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	23014	PHẠM THÙY ANH	Nữ	21/07/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	23015	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	07/06/2005	Quảng Ninh	9.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
16	23016	ĐỖ NGỌC ÁNH	Nữ	05/04/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	23017	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
18	23018	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	23019	NGUYỄN BẢO ÂN	Nữ	30/10/2005	Hà Nội	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
20	23020	VŨ XUÂN BẮC	Nam	08/04/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
21	23021	NGUYỄN HẢI BÌNH	Nam	04/09/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	23022	BÙI ĐỨC CẢNH	Nam	14/08/2005	Hải Dương	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
23	23023	CAO NGỌC CHI	Nữ	27/09/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	23024	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	23025	PHẠM MAI CHI	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
26	23026	TRẦN THỊ THÙY CHI	Nữ	07/08/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
27	23027	NGUYỄN THẾ ĐỨC CHUNG	Nam	14/04/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
28	23028	LÊ THÙY DUNG	Nữ	15/08/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
29	23029	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	9.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
30	23030	NGUYỄN MINH DŨNG	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	23031	VŨ TUẤN DŨNG	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
32	23032	ĐỖ TÙNG DƯƠNG	Nam	02/03/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	23033	HOÀNG THANH DƯƠNG	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
34	23034	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	Nam	23/03/2005	Quảng Ninh	9.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
35	23035	BÙI DUY ĐẠT	Nam	27/08/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	23036	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	20/04/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
37	23037	TRẦN THỦ ĐỘ	Nam	07/07/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
38	23038	ĐÀO DUY ĐỨC	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	23039	HOÀNG TRUNG ĐỨC	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
40	23040	VŨ XUÂN ĐỨC	Nam	14/05/2005	Quảng Ninh	9.2	5.5	10	8.88	Đ		Khá
41	23041	BÙI THỊ THU GIANG	Nữ	14/03/2005	Quảng Ninh	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
42	23042	ĐINH HOÀNG GIANG	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
43	23043	HOÀNG HÀ GIANG	Nữ	06/08/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
44	23044	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	14/08/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	23045	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
46	23046	PHẠM THỊ TRÀ GIANG	Nữ	11/12/2005	Hưng Yên	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
47	23047	NGUYỄN NGUYỆT HÀ	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
48	23048	TRẦN THU HÀ	Nữ	24/03/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	23049	VŨ THỊ MINH HÀ	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	23050	VŨ THÚY HÀ	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
51	23051	ĐỖ HỒNG HẢI	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
52	23052	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	09/09/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	23053	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	23054	MAI LÊ THIÊN HẬU	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	9.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
55	23055	ĐẶNG THỊ HIỀN	Nữ	18/01/2005	Hưng Yên	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
56	23056	ĐẶNG THỊ THANH HIỀN	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
57	23057	HÀ THU HIỀN	Nữ	14/04/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
58	23058	LƯƠNG THU HIỀN	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
59	23059	NGÔ PHẠM THẢO HIỀN	Nữ	24/03/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
60	23060	LẠI THÀNH HIẾU	Nam	24/04/2005	Hải Phòng	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
61	23061	MAI ĐỨC HIẾU	Nam	08/09/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
62	23062	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	Nam	08/01/2005	Nghệ An	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
63	23063	NGUYỄN QUANG HIỆP	Nam	01/05/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
64	23064	HOÀNG THỊ THANH HOA	Nữ	25/05/2005	Quảng Ninh	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
65	23065	ĐỖ HUY HOÀNG	Nam	20/08/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
66	23066	TRẦN THỊ MINH HÒA	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
67	23067	BÙI ĐỨC HUY	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
68	23068	HÀ THANH HUYỀN	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	9.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
69	23069	LƯU THỊ THANH HUYỀN	Nữ	30/07/2005	Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
70	23070	MAI THU HUYỀN	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
71	23071	NGUYỄN THỊ THÚY HUYỀN	Nữ	19/03/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
72	23072	NGUYỄN HỮU HÙNG	Nam	16/08/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
73	23073	NGUYỄN XUÂN HÙNG	Nam	29/05/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	23074	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	Nữ	03/04/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
75	23075	PHẠM THỊ MINH HƯỜNG	Nữ	24/07/2005	Hải Phòng	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	23076	NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
77	23077	TRẦN CHÍ KIÊN	Nam	24/09/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
78	23078	VŨ NHẬT LAN	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
79	23079	TRỊNH TÙNG LÂM	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
80	23080	ĐÀO NGỌC LINH	Nữ	24/05/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
81	23081	ĐẶNG THÙY LINH	Nữ	05/06/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	23083	MÃN PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	22/04/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
83	23084	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	25/08/2005	Hưng Yên	9.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
84	23085	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	30/08/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	23086	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	30/08/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
86	23087	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	17/04/2005	Hải Phòng	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
87	23088	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	07/03/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
88	23089	LÊ QUANG LONG	Nam	24/05/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	23090	NHÂM THÀNH LONG	Nam	22/08/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	23091	PHẠM HẢI LONG	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	23092	PHẠM THÀNH LONG	Nam	21/07/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	23093	ĐÀM PHƯƠNG LUÂN	Nam	04/08/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	23094	TẠ HOÀNG MAI LY	Nữ	24/09/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	23095	TRƯƠNG KHÁNH LY	Nữ	17/03/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	23096	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	09/05/2005	Hưng Yên	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
96	23097	BÙI DUY MẠNH	Nam	06/09/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	23098	LÂM ĐỨC MẠNH	Nam	20/03/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
98	23099	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	Nam	18/07/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	23100	ĐẶNG CÔNG MINH	Nam	21/12/2005	Thái Bình	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
100	23101	PHẠM CÔNG MINH	Nam	06/04/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	23102	PHẠM THỊ HUYỀN MY	Nữ	29/06/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	23103	PHẠM TRÀ MY	Nữ	21/07/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	23104	ĐÀO HẢI NAM	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	23105	LÃ THỊ HIỀN NGÂN	Nữ	19/04/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
105	23106	NGUYỄN KIỀU NGÂN	Nữ	11/07/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
106	23107	NGUYỄN THẾ NGHĨA	Nam	19/08/2005	Thái Nguyên	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
107	23108	BÙI THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	23109	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	18/04/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	23110	NGUYỄN VĂN BẢO NGỌC	Nam	06/08/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
110	23111	HOÀNG THU NGUYÊN	Nữ	06/09/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
111	23112	BÙI THỊ THANH NHÀN	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	23113	NGUYỄN BÁ NHẬT	Nam	09/10/2005	Hà Nam	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
113	23114	ĐÀO NGỌC NHI	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
114	23115	NGUYỄN THỊ VÂN NHI	Nữ	11/12/2005	Hải Dương	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
115	23116	BÙI KIM NHUNG	Nữ	18/07/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
116	23117	ĐINH THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	08/09/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
117	23118	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	Nữ	21/12/2005	Bắc Giang	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	23119	PHẠM HIẾU PHONG	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
119	23120	BÙI MINH PHƯƠNG	Nữ	14/07/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	23121	PHẠM THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	23122	TRẦN LAN PHƯƠNG	Nữ	19/11/2005	Hưng Yên	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	23123	TRẦN THU PHƯƠNG	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	23124	LƯƠNG ĐÌNH QUÂN	Nam	07/11/2005	Hải Dương	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
124	23125	VŨ MINH QUÂN	Nam	11/03/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	23126	PHẠM THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	31/05/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
126	23127	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	10/07/2005	Hưng Yên	8.7	5	10	8.75	Đ		Khá
127	23128	NGUYỄN VĂN TẤN	Nam	15/11/2004	Hà Nội	9.2	5.5	10	8.88	Đ		Khá

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	23129	KIỀU THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	27/10/2005	Thanh Hóa	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
129	23130	TỐNG THỊ KIM THANH	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
130	23131	DƯƠNG TRUNG THÀNH	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	23132	HOÀNG VĂN THÀNH	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
132	23133	TÔ HƯƠNG THẢO	Nữ	11/05/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
133	23134	TRẦN THỊ NGỌC THẢO	Nữ	25/07/2005	Quảng Ninh	9.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
134	23135	LÊ CHIẾN THẮNG	Nam	31/08/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
135	23136	BÙI ĐỨC THỊNH	Nam	09/09/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
136	23137	MAI THANH THU	Nữ	04/09/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
137	23138	PHÙNG THỊ MINH THU	Nữ	29/08/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
138	23139	ĐOÀN THỊ THÙY	Nữ	30/01/2005	Nam Định	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
139	23140	PHẠM THỊ THU THỦY	Nữ	12/05/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	23141	PHẠM THU THÚY	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
141	23142	TRỊNH NGỌC TOÀN	Nam	21/11/2005	Hà Nội	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	23143	LẠI HUYỀN TRANG	Nữ	20/10/2005	Thái Bình	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
143	23144	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
144	23145	VŨ HÀ TRANG	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	23146	VŨ NGỌC QUỲNH TRANG	Nữ	14/06/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	23147	NGUYỄN LÊ BỘI TRÂN	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	23148	ĐINH NGỌC TRUNG	Nam	16/09/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
148	23149	HÀ KIÊN TRUNG	Nam	28/06/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
149	23150	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	Nam	15/06/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	23151	ĐÀO ANH TUẤN	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
151	23152	HOÀNG THANH TÙNG	Nam	02/08/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
152	23153	NGUYỄN VĂN UY	Nam	09/01/2005	Hưng Yên	8.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
153	23154	NGUYỄN TUẤN VŨ	Nam	08/08/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	23155	NGUYỄN YẾN VY	Nữ	04/06/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
155	23156	PHÙNG MAI VY	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	23157	TRIỆU THỊ HÀ VY	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
157	23158	VŨ THỊ THANH XUÂN	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
158	23159	NGÔ HẢI YẾN	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	23160	TĂNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	05/09/2005	Hải Dương	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	23161	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	23418	BÙI TIẾN AN	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
162	23420	VŨ BÌNH AN	Nam	06/08/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
163	23423	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
164	23425	NGUYỄN ĐỖ TRANG ANH	Nữ	10/05/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	23426	NGUYỄN LÊ DUY ANH	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	23427	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	11/08/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	23431	TÔ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/04/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	23433	TRỊNH BẢO ANH	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
169	23435	CHU THỊ THANH BÌNH	Nữ	24/09/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	23437	LƯƠNG NGỌC BÍCH	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
171	23438	CHU LINH CHI	Nữ	21/03/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	23439	ĐẶNG MAI CHI	Nữ	22/05/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	23440	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	23441	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	17/05/2005	Nam Định	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
175	23442	VŨ THỊ QUỲNH CHI	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
176	23443	LƯƠNG ĐỨC CHÍNH	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
177	23444	PHẠM THỊ CHÚC	Nữ	09/08/2005	Thái Bình	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	23446	NGUYỄN QUANG CƯỜNG	Nam	24/06/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	23450	NGUYỄN HỒNG DUY	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	23451	PHAN QUANG DUY	Nam	08/08/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	23453	VŨ TIẾN DŨNG	Nam	28/09/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	23454	ĐÀO ÁNH DƯƠNG	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	23455	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	23456	VŨ THÙY DƯƠNG	Nữ	01/09/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	23459	PHẠM THẾ THÀNH ĐẠT	Nam	14/02/2005	Ninh Bình	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	23460	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	23461	VŨ TUẤN ĐẠT	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	23462	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	23463	HOÀNG NGỌC ĐIỆP	Nữ	23/06/2005	Thái Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	23464	VŨ TRUNG ĐỨC	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	23466	LÊ NGỌC HÀ	Nữ	10/08/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	23469	PHẠM THU HÀ	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	23471	HỨA HOÀNG HẢI	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	23473	TRẦN HOÀNG HẢI	Nam	24/09/2005	Thái Bình	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	23474	PHẠM THỊ THÚY HẠNH	Nữ	09/03/2005	Quảng Ninh	9.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
196	23476	BÙI THỊ HẰNG	Nữ	29/04/2005	Quảng Ninh	8.6	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
197	23477	HÀ NGUYỆT HẰNG	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
198	23483	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	04/04/2005	Quảng Ninh	9.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
199	23485	PHẠM NGỌC HIẾU	Nam	23/06/2005	Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
200	23486	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
201	23487	VĂN TRỌNG HIẾU	Nam	05/08/2005	Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
202	23488	NGUYỄN VĂN HIỆN	Nam	29/08/2005	Nam Định	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	23489	NGUYỄN QUANG HIỆP	Nam	16/04/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
204	23490	PHẠM VĂN HOÀNG	Nam	25/05/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	23491	TRƯƠNG ĐỨC HOÀNG	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	23492	VŨ HUY HOÀNG	Nam	13/09/2005	Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
207	23493	VŨ THỊ HỒNG	Nữ	20/07/2005	Hải Dương	9.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
208	23496	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	18/09/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
209	23497	VŨ ĐỨC HUY	Nam	31/03/2005	Quảng Ninh	10	9	10	9.75	Đ		Giỏi
210	23498	AN THANH HUYỀN	Nữ	10/02/2005	Hải Dương	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
211	23499	BÙI MINH HÙNG	Nam	24/07/2005	Quảng Ninh	8.7	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
212	23501	NGUYỄN TIẾN HÙNG	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
213	23505	NGUYỄN MINH HƯƠNG	Nữ	27/09/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	23506	NGUYỄN THẢO HƯƠNG	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	23507	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	29/05/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	23508	LA THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	23509	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nam	03/05/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	23510	PHẠM QUỐC KHÁNH	Nam	08/10/2005	Nam Định	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	23511	TRẦN CÔNG KHÁNH	Nam	27/04/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
220	23513	NGUYỄN TUẤN KHÔI	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
221	23516	NGUYỄN MAI LAN	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	23517	VŨ HOÀNG LAN	Nữ	25/07/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	23518	BÙI TÙNG LÂM	Nam	13/04/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
224	23520	BÙI THỊ THÙY LINH	Nữ	06/06/2005	Hải Phòng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	23521	CHU PHƯƠNG LINH	Nữ	22/08/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	23522	NGUYỄN ĐÌNH LINH	Nam	23/07/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	23523	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	28/09/2005	Hải Dương	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	23524	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	29/09/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	23525	PHẠM BẢO LINH	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	23527	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	23528	TRẦN KHÁNH LONG	Nam	03/07/2005	Thái Bình	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	23530	ĐỖ TIẾN LỰC	Nam	01/11/2005	Nam Định	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
233	23531	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	22/11/2004	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
234	23533	PHẠM THANH MAI	Nữ	19/08/2005	Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
235	23534	LÊ DUY MẠNH	Nam	15/04/2005	Hải Dương	9.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
236	23535	ĐỖ NHẬT MINH	Nam	13/08/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	23540	VŨ ĐỨC MINH	Nam	31/03/2005	Quảng Ninh	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	23541	BÙI NGỌC NAM	Nam	07/01/2005	Bắc Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	23542	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	23544	NGUYỄN VŨ NAM	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	23545	TRẦN HẢI NAM	Nam	14/02/2005	Nam Định	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	23548	NGUYỄN THỊ NGÁT	Nữ	03/01/2005	Hải Dương	8.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
243	23550	NGÔ YẾN NHI	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
244	23556	VŨ ĐÌNH PHÚC	Nam	06/03/2005	Thái Bình	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
245	23557	NGUYỄN ĐĂNG PHƯƠNG	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
246	23559	PHẠM THU PHƯƠNG	Nữ	27/03/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
247	23561	TRẦN MAI PHƯƠNG	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	23562	VŨ ANH QUÂN	Nam	13/06/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
249	23563	NGUYỄN THỊ TỐ QUYÊN	Nữ	05/10/2005	Thái Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
250	23565	ĐỖ THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
251	23568	TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	15/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
252	23570	NGUYỄN TÙNG SƠN	Nam	16/09/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
253	23571	NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	29/08/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	23575	PHẠM MINH THÀNH	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
255	23576	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/07/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
256	23577	HOÀNG NHƯ THẢO	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	23578	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 39 - Trường THPT Ngô Quyền

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	23580	BÙI DUY THÁI	Nam	16/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
259	23581	ĐẶNG MẠNH THÁI	Nam	08/06/2005	Quảng Ninh	9.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
260	23583	TRẦN ĐỨC THẮNG	Nam	11/03/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
261	23585	PHẠM CHU THIỆN	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
262	23586	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	06/07/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	23587	ĐỒNG MINH THƯ	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	23588	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
265	23589	THẨM HOÀI THƯƠNG	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	23591	NGUYỄN PHÚ TOÀN	Nam	29/09/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
267	23595	TRẦN HÀ TRANG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	23596	NGUYỄN THU TRÀ	Nữ	05/05/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
269	23597	NGUYỄN KHÁNH TRÌNH	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
270	23598	NGUYỄN KIÊN TRUNG	Nam	19/02/2005	Hải Phòng	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	23599	PHẠM THÀNH TRUNG	Nam	29/09/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	23600	TRẦN MINH TUẤN	Nam	09/07/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	23602	HỒ BÁCH TÙNG	Nam	06/06/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	23603	LÊ THANH TÙNG	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	23604	LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	25/03/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
276	23605	NGÔ THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	04/09/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	23606	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	23607	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	Nam	19/10/2005	Hải Dương	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
279	23609	CAO HOÀNG VŨ	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
280	23610	ĐOÀN ANH VŨ	Nam	15/07/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	23614	LÊ HOÀNG HẢI YẾN	Nữ	29/04/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 40 - Trường THPT Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	22001	BÙI THẾ AN	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
2	22002	LẠI BÌNH AN	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	8.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
3	22003	NGUYỄN TIẾN AN	Nam	13/8/2005	Thái Bình	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
4	22004	BÙI ĐOÀN BẢO ANH	Nữ	18/02/2005	Hải Phòng	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
5	22005	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
6	22006	TRẦN DIỆU ANH	Nữ	05/10/2005	Nam Định	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
7	22007	TRẦN THẾ ANH	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
8	22008	TRỊNH THẾ ANH	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.3	5	10	8.75	Đ		Khá
9	22009	VŨ ĐỨC ANH	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
10	22010	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	14/5/2005	Quảng Ninh	8.8	5	10	8.75	Đ		Khá
11	22011	VY THỊ YÊN CHI	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
12	22012	PHẠM MẠNH CƯỜNG	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
13	22013	ĐINH HOÀNG XUÂN DIỆU	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.4	5	10	8.75	Đ		Khá
14	22014	ĐOÀN KHÁNH DUY	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
15	22015	ĐINH NGUYỄN HÀ DUYÊN	Nữ	29/8/2005	Bình Dương	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
16	22016	PHẠM THU DUYÊN	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	22017	BÙI ĐỨC DŨNG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	22018	VŨ ÁNH DƯƠNG	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
19	22019	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
20	22020	HÀ QUANG ĐỨC	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
21	22021	PHẠM TRỌNG ĐỨC	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
22	22022	MẠC VŨ THANH HẢI	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
23	22023	LÊ THỊ HẢO	Nữ	29/10/2005	Thái Bình	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 40 - Trường THPT Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	22024	NGUYỄN NGỌC HOÀN	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
25	22025	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
26	22026	TRẦN TRƯỜNG HUY	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
27	22027	VŨ ĐỨC HUY	Nam	19/10/2005	Hà Nội	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
28	22028	ĐỖ DUY HUYNH	Nam	30/3/2005	Nam Định	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
29	22029	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.1	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
30	22030	ĐẶNG THÀNH HƯNG	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	8.6	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
31	22031	LÊ QUANG KHẢI	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
32	22032	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	28/10/2004	Quảng Ninh	8.1	5	10	8.75	Đ		Khá
33	22033	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nam	09/11/2005	Hưng Yên	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
34	22034	LÊ TRUNG KIÊN	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
35	22035	LƯU HOÀNG KIÊN	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
36	22036	TRƯƠNG TUẤN KIỆN	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
37	22037	ĐÀM MỸ LIÊN	Nữ	08/10/2005	Cà Mau	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
38	22038	NGUYỄN HẢI LINH	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
39	22039	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
40	22040	ĐỖ HOÀNG LONG	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	8.7	5.5	10	8.88	Đ		Khá
41	22041	NGUYỄN THẾ LỰC	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8.2	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
42	22042	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	19/12/2004	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
43	22043	PHẠM THẾ MẠNH	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
44	22044	VŨ THUẬN MINH	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
45	22045	LÊ BÁ MỪNG	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	8.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
46	22046	VŨ BẢO NAM	Nam	21/8/2005	Thái Bình	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
47	22047	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGA	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	22048	VI NGỌC NGA	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
49	22049	NGUYỄN THỊ MAI NHI	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 40 - Trường THPT Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	22050	TRẦN THỊ TÂN NHI	Nữ	10/01/2005	Yên Bái	8.6					H	
51	22051	BÙI ĐOÀN ĐẠI PHÁT	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	22052	NGUYỄN TUẤN QUANG	Nam	13/01/2005	Hải Dương	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
53	22053	NGUYỄN BÁ QUÂN	Nam	03/3/2004	Bắc Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
54	22054	HOÀNG NAM SƠN	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
55	22055	NGUYỄN ĐỨC DUY THÀNH	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
56	22056	NGUYỄN TRÍ THÀNH	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
57	22057	VŨ PHÚ THÁI	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
58	22058	BÙI HẢI THẮNG	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
59	22059	BÙI HỮU THẮNG	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
60	22060	BÙI CƯỜNG THỊNH	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
61	22061	ĐỖ THỊ THANH THÚY	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
62	22062	NGUYỄN MẠNH TIẾN	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
63	22063	CAO THỊ THU TRANG	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
64	22064	NGUYỄN HƯƠNG TRANG	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	22065	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
66	22066	LÊ QUANG TRƯỜNG	Nam	01/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
67	22067	THOÒNG TUẤN TRƯỜNG	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	22068	ĐINH HỒNG TUYẾN	Nam	08/10/2005	Thái Bình	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
69	22069	ĐỖ XUÂN TÙNG	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
70	22070	VŨ THU UYÊN	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
71	22071	NGÔ ĐÌNH VŨ	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
72	22072	HOÀNG HỮU VỸ	Nam	14/6/2005	Bắc Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	22073	HOÀNG ÂN NHƯ Ý	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	22274	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	27/8/2005	Ninh Bình	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	22307	ĐẶNG MINH HIẾU	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 40 - Trường THPT Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	22338	VŨ KHÁNH LINH	Nữ	26/8/2004	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	22414	VŨ QUỐC VIỆT	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 41 - Trường TH-THCS&THPT Đoàn Thị Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	23348	NGUYỄN NGUYỆT OANH	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	23419	NGUYỄN THẾ AN	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
3	23421	ĐÀO PHƯƠNG ANH	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
4	23422	ĐINH MINH ANH	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
5	23424	NGUYỄN DIỆU ANH	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	23428	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	23429	PHAN TÂM ANH	Nữ	19/02/2005	ODessa UKraina	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	23430	PHẠM NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
9	23432	TRẦN MAI ANH	Nữ	02/02/2005	Hải Dương	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
10	23434	VŨ HẢI ANH	Nữ	23/4/2005	Hải Dương	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	23436	HOÀNG THỊ DIỆU BÌNH	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	7.6	5	9.5	8.38	Đ		Khá
12	23445	ĐỖ ĐẠI GIA CƯỜNG	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	7.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
13	23447	PHẠM HOÀNG DUNG	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	23448	CAO TUẤN DUY	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	23449	NGUYỄN ĐỨC ANH DUY	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	23452	TRẦN ĐỨC DŨNG	Nam	01/12/2005	Thái Bình	6.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
17	23457	LƯƠNG HẢI ĐẠT	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	23458	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	23465	ĐOÀN VIỆT HÀ	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	23467	NGUYỄN THỊ THÁI HÀ	Nữ	10/4/2005	Đồng Nai	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	23468	PHẠM HUY HÀ	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	23470	VƯƠNG KIM NGỌC HÀ	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	23472	NGÔ THỊ HẢI	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 41 - Trường TH-THCS&THPT Đoàn Thị Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	23478	NGÔ THỊ HẰNG	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	7.8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
25	23479	NGUYỄN DƯƠNG GIA HÂN	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
26	23480	ĐINH THU HIỀN	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	7.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
27	23481	HÀ ĐỨC HIẾU	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
28	23482	NGUYỄN MẠNH HIẾU	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	9.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
29	23484	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	7.6	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
30	23494	ĐOÀN QUỐC HUY	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
31	23495	HOÀNG QUỐC HUY	Nam	07/12/2003	Hải Phòng	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	23500	ĐỖ LÊ MẠNH HÙNG	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	23502	PHẠM HUY HÙNG	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
34	23503	PHẠM PHI HÙNG	Nam	04/02/2005	Hải Dương	7.9	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
35	23504	BÙI HOÀNG GIA HƯNG	Nam	06/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
36	23512	TRẦN DUY KHÁNH	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	23514	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	23515	TRẦN QUỐC KIÊN	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
39	23519	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
40	23526	PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	7.3	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
41	23529	VŨ THÀNH LONG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	7.4	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
42	23532	PHẠM NGỌC MAI	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	8.2	7.25	9.5	8.94	Đ		Khá
43	23536	GIÁP HOÀNG MINH	Nam	16/9/2005	Bắc Giang	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
44	23537	PHẠM PHƯƠNG MINH	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	7.4	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
45	23538	TRẦN BÌNH MINH	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	6.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
46	23539	TRẦN VĂN MINH	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	7.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
47	23543	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	23546	TRẦN PHƯƠNG NAM	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	23547	VŨ HOÀI NAM	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	7.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi

Đơn vị: 41 - Trường TH-THCS&THPT Đoàn Thị Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	23549	PHÙNG BÍCH NGỌC	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
51	23551	ĐẶNG ĐÌNH HẢI NINH	Nam	03/9/2005	Hải Dương	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
52	23552	TRẦN QUỐC PHONG	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	23554	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	6.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
54	23555	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.3					H	
55	23558	NGUYỄN NGỌC MINH PHƯƠNG	Nữ	11/7/2005	Hà Nội	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
56	23560	TRẦN BÍCH PHƯƠNG	Nữ	18/01/2005	Hà Nội	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	23564	ĐINH THUÝ QUỲNH	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
58	23566	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	25/4/2005	Hải Dương	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
59	23567	NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH	Nữ	21/11/2005	Nam Định	7.5	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
60	23569	LÊ HỒNG SƠN	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
61	23572	HOÀNG QUANG THANH	Nam	15/6/2004	Hải Dương	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	23573	HOÀNG TIẾN THÀNH	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	23574	NGUYỄN VIỆT THÀNH	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	23579	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	23582	ĐOÀN TRUNG THẮNG	Nam	18/4/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
66	23584	TRẦN MINH THIÊN	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
67	23590	NGÔ ĐỨC TOÀN	Nam	23/5/2005	Lạng Sơn	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	23592	PHẠM ĐỨC TOÀN	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	7.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
69	23593	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	23/5/2005	Bắc Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	23594	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	23601	NGÔ MẠNH TUYỀN	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
72	23608	TRẦN ĐẠI VĨ	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
73	23611	LÊ NGUYỄN THẢO VY	Nữ	22/12/2005	Hải Phòng	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
74	23612	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
75	23613	PHẠM THỊ YẾN VY	Nữ	25/8/2005	Hải Dương	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 43 - Trường PT DTNT tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	24001	BÀN THỊ VÂN ANH	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	24002	HOÀNG ĐINH NGUYỆT ANH	Nữ	29/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	24003	NÔNG TIẾN ANH	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	24004	LÝ QUANG BẰNG	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	24005	NÌNH VĂN CÁNG	Nam	18/3/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
6	24006	DIỆP VĂN DOANH	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	24007	TRƯỞNG ĐÌNH DUY	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
8	24008	TRẦN THỊ DUYÊN	Nữ	19/10/2004	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	24009	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	24010	TRƯỞNG THÙY DƯƠNG	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	24011	BÀN QUANG ĐỨC	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	24012	TẰNG THỊ GIANG	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	24013	CHÍU THỊ HÀ	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
14	24014	PHÙN THỊ BÍCH HẠNH	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
15	24015	LINH THỊ HẰNG	Nữ	29/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
16	24016	HOÀNG THỊ HIỀN	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
17	24017	HOÀNG THỊ HOA	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
18	24018	NỊNH THU HOÀI	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	24019	NGHIÊM VĂN HOÀN	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
20	24020	LỶ THỊ HOÀNG	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	24021	CHÌU VĂN HỒNG	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	24022	TẰNG HỮU HỘI	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
23	24023	CHU THỊ HUỆ	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 43 - Trường PT DTNT tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	24024	TRƯỞNG THỊ HUỆ	Nữ	20/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
25	24025	TRƯỞNG THỊ MINH HUỆ	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	24026	ĐẶNG MAI HUYÊN	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
27	24027	BÀN THỊ HUYỀN	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	24028	VI THANH HUỲNH	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
29	24029	NÔNG DIỆU HƯƠNG	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	24030	LỘC VĂN KHANH	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
31	24031	ĐẶNG PHƯƠNG KHẢI	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	24032	LÝ QUỐC KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	24033	CHÌU THỊ KIM	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
34	24034	CHÍU THỊ LAN	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
35	24035	PHÙN QÚY LÂM	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
36	24036	LỶ THỊ LIÊN	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	24037	LỶ THỊ LIÊN	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	24038	PHÙN THỊ LIÊN	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	24039	TRẦN THỊ LIÊN	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	24040	CHÍU THỊ LINH	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
41	24041	ĐẶNG THÙY LINH	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	24042	PHÙN THỊ VÂN LINH	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	24043	PHÙN VĂN LONG	Nam	09/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	24044	LƯU HƯƠNG LY	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	24045	CHẠC THỊ MAI	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
46	24046	NỊNH THỊ BÍCH NGOAN	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
47	24047	CHÌU SINH NHƠN	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
48	24048	VOÒNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
49	24049	LỘC THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	15/7/2005	Lạng Sơn	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 43 - Trường PT DTNT tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	24050	LỶ HOA PHƯỢNG	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
51	24051	SẦN THỊ PHƯỢNG	Nữ	31/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
52	24052	VOÒNG THỊ PHƯỢNG	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	24053	ĐẶNG PHÚC QUYẾN	Nam	31/10/2005	Hải Phòng	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	24054	TRIỆU KIM SƠN	Nam	21/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
55	24055	TÔ THANH TÂM	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	24056	TRẦN THANH TÂM	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
57	24057	TRẦN THỊ TÂM	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
58	24058	CHÌU THỊ THANH THẢO	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	24059	ĐẶNG THỊ THẢO	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	24060	ĐỖ HỒNG THẮM	Nữ	20/6/2005	Phú Thọ	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	24061	LỤC THỊ THƠM	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	24062	TRƯỞNG THỊ THU THỦY	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	24063	ĐẶNG VĂN TIỆP	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	24064	LỶ MINH TUYẾT	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	24065	TẰNG THỊ TUYẾT TUYẾT	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	24066	NGUYỄN CÔNG TÚ	Nam	06/11/2005	Hà Nội	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	24067	BÀN THỊ UYÊN	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	24079	LINH TÚ ANH	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
69	24104	DƯ VĂN BÌNH	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
70	24108	LÝ THỊ CHI	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	24140	LỶ THỊ HẠNH	Nữ	15/3/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
72	24142	LỶ THU HẰNG	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	24152	CHÍU NGỌC HOÀNG	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	24180	LỶ THANH HƯƠNG	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
75	24193	TRƯỞNG HÀ LAN	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 43 - Trường PT DTNT tỉnh

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	24194	NỊNH THỊ MỸ LỆ	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
77	24195	BẾ THỊ HỒNG LINH	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	24196	LA THỊ NGỌC LINH	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	24197	LÝ VĂN LINH	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	24204	TẰNG THỊ MƠ	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	24211	MẠ THỊ NGỌC	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
82	24215	BÀN TIẾN NGUYÊN	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
83	24216	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	24218	PHÙN THỊ NHUNG	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	24220	CHÌU BÍCH OANH	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
86	24221	TRƯỞNG THỊ OANH	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
87	24229	TRIỆU QUÝ QUẢNG	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	24232	LỶ NGỌC QUỲNH	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	24255	TẰNG CHIẾN THẮNG	Nam	30/4/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
90	24256	ĐẶNG THU THIỆN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	24257	NÌNH THỊ THƠM	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	24259	LỶ NGỌC THỦY	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
93	24260	VI PHÁT THỦY	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	6.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
94	24262	LINH ĐỨC TIẾN	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
95	24266	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	24273	PHÙN TIẾN TRUNG	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	24281	TRƯỞNG THỊ KIM TUYẾN	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
98	24283	TRẦN QUANG TÙNG	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
99	24286	LỶ MINH VÂN	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
100	24295	ĐIỆP THỊ VY	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	21001	HOÀNG BÌNH AN AN	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	21002	LẠI ĐỨC AN	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	9.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
3	21003	NGUYỄN HẢI AN	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
4	21004	NGUYỄN LINH AN	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
5	21005	NGUYỄN VĂN AN	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	21006	PHẠM QUỐC AN	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
7	21007	PHẠM VŨ HẢI AN	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
8	21008	TRỊNH THỊ THU AN	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	21009	VŨ THỊ HẢI AN	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
10	21010	BÙI ĐỨC ANH	Nam	22/12/2005	Ninh Bình	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	21011	BÙI TUẤN ANH	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	21012	ĐÀO HOÀI ANH	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	21013	ĐÀO THỊ MAI ANH	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
14	21014	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	11/11/2005	Thái Nguyên	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	21015	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	01/8/2004	Quảng Ninh	9	0	10	7.50		H	
16	21016	ĐỖ NỮ KIỀU ANH	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	21017	ĐỖ QUÝ NHẬT ANH	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
18	21018	HOÀNG CÔNG ANH	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	21019	HOÀNG ĐỨC ANH	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	21020	HOÀNG NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	21021	HOÀNG QUỐC ANH	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	9.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
22	21022	HOÀNG TRÂM ANH	Nữ	16/11/2005	Hưng Yên	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
23	21023	HOÀNG VIẾT ANH	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	21024	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	21025	LÊ TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
26	21026	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	16/11/2005	Thái Bình	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
27	21027	NGUYỄN HOÀNG TÚ ANH	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	21028	NGUYỄN LAM ANH	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
29	21029	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	21030	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	21031	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
32	21032	NGUYỄN NHẬT ANH	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	21033	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	10/02/2006	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	21034	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
35	21035	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	21036	NGUYỄN VIỆT THẢO ANH	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
37	21037	PHẠM ĐỨC ANH	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	21038	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	26/5/2005	Quảng Ninh	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
39	21039	PHẠM MAI ANH	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	21040	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	21041	PHẠM THỊ HẢI ANH	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	21042	PHẠM TIẾN TÙNG ANH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
43	21043	PHẠM VIỆT ANH	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	21044	PHÙNG NHẬT ANH	Nữ	30/6/2005	Liên Bang Nga	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
45	21045	TRẦN DIỆU ANH	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
46	21046	TRẦN NGUYỆT ANH	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	21047	TRẦN TRIỆU PHƯƠNG ANH	Nữ	21/3/2005	Hà Nội	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	21048	TRẦN VIỆT ANH	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	21049	TRỊNH PHƯƠNG ANH	Nữ	22/3/2005	Thái Bình	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	21050	TRƯƠNG DUY ANH	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	21051	TỪ NGHĨA HỒNG ANH	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	21052	VŨ PHẠM TUẤN ANH	Nam	10/9/2005	Hải Phòng	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	21053	VŨ THIÊN ANH	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	21054	VŨ THỊ MAI ANH	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	21055	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	21056	NGUYỄN CÔNG BẢO	Nam	04/6/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
57	21057	NGUYỄN ĐÌNH BÁCH	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
58	21058	NGUYỄN HỮU BẰNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	21059	VŨ XUÂN BÌNH	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
60	21060	KHUẤT MINH CHÂU	Nữ	07/7/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	21061	BÙI DIỆP CHI	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	21062	BÙI LINH CHI	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
63	21063	PHẠM MAI CHI	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
64	21064	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	21065	VŨ ĐẶNG QUỲNH CHI	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	21066	VŨ NGỌC KIM CHI	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	9	5.5	10	8.88	Đ		Khá
67	21067	VŨ QUỲNH CHI	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
68	21068	VŨ THỊ HÀ CHI	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
69	21069	YÊN MAI CHI	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
70	21070	TRẦN PHÚC CÔNG	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
71	21071	TRIỆU MINH CÚC	Nữ	03/5/2005	Vĩnh Phúc	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
72	21072	VŨ DUY CƯƠNG	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	21073	ĐÀO VIỆT CƯỜNG	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	21074	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	03/4/2005	Hưng Yên	9.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
75	21075	NGUYỄN BÁCH DIỆP	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	21076	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	10/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	21077	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	19/12/2005	Hà Nội	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	21078	NGÔ HOÀNG DUNG	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
79	21079	ĐINH PHƯƠNG DUY	Nam	31/01/2005	Thái Bình	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	21080	ĐỖ THẾ DUY	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	21081	LÊ VIẾT DUY	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
82	21082	NGUYỄN ANH DUY	Nam	04/02/2005	Hà Nội	9.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
83	21083	NGUYỄN CAO DUY	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
84	21084	PHẠM VŨ HOÀNG DUY	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	21085	TRẦN KHÁNH DUY	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	8.7	5.5	10	8.88	Đ		Khá
86	21086	LÝ TRIỆU MỸ DUYÊN	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	9.2	5.5	10	8.88	Đ		Khá
87	21087	TRẦN HƯƠNG DUYÊN	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
88	21088	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	21089	ĐẶNG ĐÌNH DŨNG	Nam	30/10/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	21090	ĐẶNG HOÀNG DŨNG	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	21091	ĐINH MẠNH DŨNG	Nam	25/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	21092	ĐOÀN ĐẠI DŨNG	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	21093	ĐOÀN ĐỨC DŨNG	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	21094	HOÀNG ANH DŨNG	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	9.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
95	21095	LÊ ĐÌNH DŨNG	Nam	04/3/2005	Hà Nội	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
96	21096	NHÂM NGỌC DŨNG	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
97	21097	PHẠM MẠNH DŨNG	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	21098	PHẠM NGUYỄN MINH DŨNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
99	21099	TRẦN ANH DŨNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	21100	TRẦN VIẾT DŨNG	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	21101	TY HOÀNG TRUNG DŨNG	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	21102	ĐẶNG ĐỨC DƯƠNG	Nam	27/8/2005	Hà Nội	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
103	21103	LÊ HUY DƯƠNG	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
104	21104	NGÔ PHAN THÙY DƯƠNG	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	21105	NGÔ THÙY DƯƠNG	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	21106	NGUYỄN MAI DƯƠNG	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	21107	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	21108	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	21109	TRỊNH THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	21110	VŨ ĐẠI DƯƠNG	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	21111	VƯƠNG THÙY DƯƠNG	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
112	21112	ĐINH ĐỨC ĐẠT	Nam	01/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	21113	HOÀNG TRẦN TUẤN ĐẠT	Nam	06/02/2005	Ninh Bình	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
114	21114	NGUYỄN DUY ĐẠT	Nam	03/10/2005	Hải Dương	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
115	21115	NGUYỄN SỸ ĐẠT	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
116	21116	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	21117	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	13/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	21118	TÔ TIẾN ĐẠT	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	21119	TRẦN LƯU GIA ĐẠT	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	21120	VŨ TRẦN QUANG ĐÔNG	Nam	19/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	21121	HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	21122	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	9.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
123	21123	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	28/12/2005	Hải Phòng	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
124	21124	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
125	21125	PHẠM PHÚC ĐỨC	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	21126	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	07/10/2005	Thái Bình	9.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
127	21127	VŨ ANH ĐỨC	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	21128	VŨ LÝ ĐỨC	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
129	21129	VŨ XUÂN LONG ĐỨC	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
130	21130	LẠI HƯƠNG GIANG	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
131	21131	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
132	21132	NGUYỄN ĐỖ VÂN GIANG	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	21133	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
134	21134	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	21135	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	21136	TẠ THỊ TRÀ GIANG	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	21137	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
138	21138	BÙI NGỌC HÀ	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	21139	ĐỖ PHƯƠNG NGỌC HÀ	Nữ	18/4/2005	Ninh Bình	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
140	21140	HOÀNG NGÂN HÀ	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
141	21141	HOÀNG THÁI HÀ	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
142	21142	HOÀNG VIỆT HÀ	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
143	21143	LƯU NGỌC HÀ	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
144	21144	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	21145	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	23/8/2005	Thanh Hóa	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	21146	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
147	21147	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
148	21148	VŨ ĐỨC HÀ	Nam	27/4/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	21149	VŨ HẢI HÀ	Nữ	22/02/2005	Hà Nội	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	21150	NGÔ VŨ LONG HẢI	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
151	21151	TRẦN NAM HẢI	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	21152	TRẦN THANH HẢI	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
153	21153	TRẦN PHÚC HẢO	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	21154	ĐINH MỸ HẠNH	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	21155	ĐINH MỸ HẠNH	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
156	21156	LÊ NGUYÊN HẠNH	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	21157	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	15/01/2005	Hải Dương	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
158	21158	TRẦN THỊ MINH HẠNH	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	21159	BÙI THỊ HẰNG	Nữ	29/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	21160	ĐẶNG THÚY HẰNG	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
161	21161	ĐỖ MINH HẰNG	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
162	21162	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	21163	TRẦN THỊ THU HẰNG	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
164	21164	VŨ MINH HẰNG	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
165	21165	PHẠM BẢO HÂN	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
166	21166	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	21167	PHẠM THỊ THẢO HIỀN	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	21168	PHẠM THU HIỀN	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
169	21169	TRỊNH THU HIỀN	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
170	21170	TRẦN MINH HIỂN	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	21171	NGHIÊM TRẦN NGỌC HIẾU	Nam	03/6/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
172	21172	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
173	21173	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	21174	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
175	21175	PHẠM DUY HIẾU	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	21176	PHẠM MINH HIẾU	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	21177	TRẦN HOÀNG MINH HIẾU	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
178	21178	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	21179	VÕ QUANG HIẾU	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	21180	VŨ ĐỨC HIẾU	Nam	05/12/2005	Hải Phòng	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
181	21181	VŨ MINH HIẾU	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	9.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
182	21182	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	Nam	26/3/2005	Thanh Hóa	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	21183	NGUYỄN XUÂN HIỆP	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	21184	TRẦN BẢO HOA	Nữ	11/02/2005	Hải Dương	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
185	21185	TRẦN NÃI HOA	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
186	21186	TRẦN THÚY HOÀI	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	21187	HÀ KHẢI HOÀN	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	21188	BÙI MINH HOÀNG	Nam	06/12/2005	Hải Phòng	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
189	21189	LÊ VIỆT HOÀNG	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	21190	NGÔ VIỆT HOÀNG	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
191	21191	NINH HUY HOÀNG	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
192	21192	PHẠM LÊ MINH HOÀNG	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
193	21193	VŨ LÂM HOÀNG	Nam	03/11/2005	Hà Nội	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	21194	VŨ MINH HOÀNG	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
195	21195	VŨ TIÊN HOÀNG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
196	21196	VŨ VIỆT HOÀNG	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
197	21197	NGUYỄN VIẾT HÒA	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
198	21198	NGUYỄN ĐĂNG HUY	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	21199	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	26/11/2005	Hải Dương	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
200	21200	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	8.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
201	21201	PHẠM QUANG HUY	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
202	21202	TRẦN NAM HUY	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
203	21203	TRỊNH QUANG HUY	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
204	21204	BÙI DIỆU HUYỀN	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	9.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
205	21205	BÙI PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9.2	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	21206	LÊ THU HUYỀN	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	21207	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	01/11/2004	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
208	21208	PHẠM THU HUYỀN	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
209	21209	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
210	21210	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	9.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
211	21211	NGUYỄN THIỆN HÙNG	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
212	21212	HOÀNG ĐỖ VĨNH HƯNG	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
213	21213	LÊ XUÂN HƯNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.8	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
214	21214	PHAN VĂN HƯNG	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
215	21215	PHẠM QUANG HƯNG	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.4	5	10	8.75	Đ		Khá
216	21216	PHÙNG TUẤN HƯNG	Nam	04/4/2005	Nghệ An	9.2	5	10	8.75	Đ		Khá
217	21217	TRÀ QUANG HƯNG	Nam	02/12/2005	Thái Nguyên	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
218	21218	VŨ ĐỨC HƯNG	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
219	21219	ĐỖ LINH HƯƠNG	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
220	21220	NGUYỄN HOÀI HƯƠNG	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
221	21221	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
222	21222	PHẠM VIỆT KHANG	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
223	21223	ƯƠNG TUẤN KHANG	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
224	21224	ĐOÀN NGUYỄN PHI KHANH	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
225	21225	BÙI DUY KHÁNH	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
226	21226	ĐỖ QUỐC KHÁNH	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
227	21227	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
228	21228	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
229	21229	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
230	21230	TRẦN NAM KHÁNH	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
231	21231	NGUYỄN TRỌNG KHOA	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	9.2	5	10	8.75	Đ		Khá

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	21232	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
233	21233	PHẠM ANH KHÔI	Nam	25/3/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
234	21234	ĐOÀN KHUÊ	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	9.2					H	
235	21235	NGUYỄN THỊ MINH KHUÊ	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
236	21236	BÙI TRUNG KIÊN	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
237	21237	ĐỖ ĐÌNH KIỆT	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
238	21238	VŨ TUẤN KIỆT	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
239	21239	HOÀNG LÊ BẢO LAM	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	21240	PHẠM THIÊN LAM	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	21241	ĐỖ THỊ MAI LAN	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	21242	NGUYỄN NGỌC LAN	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	21243	PHẠM THỊ TÂM LAN	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
244	21244	LÊ HUY LẬP	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
245	21245	CAO KHÁNH LINH	Nữ	16/01/2005	Đà Nẵng	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
246	21246	ĐÀM NHẬT LINH	Nữ	15/4/2005	Thanh Hóa	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
247	21247	ĐÀO NGỌC LINH	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	21248	ĐINH NGỌC LINH	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
249	21249	ĐINH THỊ BẢO LINH	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
250	21250	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	21251	ĐỖ PHƯƠNG LINH	Nữ	15/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
252	21252	ĐỖ PHƯƠNG LINH	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	21253	LÊ THỊ MỸ LINH	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
254	21254	LÊ THUỲ LINH	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
255	21255	LÝ TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
256	21256	MẠC NGUYỄN HUYỀN LINH	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
257	21257	NGÔ KHÁNH LINH	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	21258	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
259	21259	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
260	21260	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	08/11/2005	Thái Bình	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
261	21261	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9	5	10	8.75	Đ		Khá
262	21262	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	21263	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	21264	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
265	21265	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	21266	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	08/01/2005	Thanh Hóa	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
267	21267	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	10/12/2005	Bà Rịa Vũng Tàu	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
268	21268	NGUYỄN THỤC LINH	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
269	21269	PHAN KHÁNH LINH	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
270	21270	PHAN NGỌC LINH	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	21271	PHẠM DIỆU LINH	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	21272	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	21273	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	21274	PHẠM NGỌC LINH	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	21275	PHẠM TRANG LINH	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
276	21276	PHÙNG NGỌC LINH	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
277	21277	TRẦN TUẤN LINH	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	8.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
278	21278	TRẦN VŨ THÙY LINH	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
279	21279	NGUYỄN VŨ THU LOAN	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
280	21280	BÙI HOÀNG LONG	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
281	21281	BÙI THÀNH LONG	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	9.3	5	10	8.75	Đ		Khá
282	21282	ĐÀO BÁ HOÀNG LONG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
283	21283	LÔ DUY LƯỢNG	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	21284	HOÀNG VÂN LY	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
285	21285	NGUYỄN HÀ LY	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
286	21286	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
287	21287	PHẠM XUÂN MAI	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	21288	TRẦN NGUYỄN XUÂN MAI	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
289	21289	VŨ THỊ XUÂN MAI	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
290	21290	HÁN ĐỨC MẠNH	Nam	20/11/2005	Phú Thọ	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	21291	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
292	21292	NGUYỄN VĂN ĐỨC MẠNH	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
293	21293	PHẠM ĐỨC MẠNH	Nam	08/01/2005	Hải Phòng	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
294	21294	VŨ ĐỨC MẠNH	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	9.1	5.5	10	8.88	Đ		Khá
295	21295	ĐÀO TUẤN MINH	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	9.3	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
296	21296	HOÀNG QUANG MINH	Nam	01/12/2005	Hà Nội	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
297	21297	LÊ BÁ ANH MINH	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	9.4	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
298	21298	LÊ ĐỨC MINH	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
299	21299	LƯƠNG CÔNG MINH	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
300	21300	MAI TUỆ MINH	Nữ	04/12/2005	Hà Nội	8.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
301	21301	MẠC VŨ MINH	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
302	21302	NGÔ GIA MINH	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	9.1	5.75	10	8.94	Đ		Khá
303	21303	NGUYỄN BẢO MINH	Nam	02/6/2005	Hưng Yên	9.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
304	21304	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
305	21305	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	9.4	5.75	10	8.94	Đ		Khá
306	21306	NGUYỄN NGỌC MINH	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	8.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
307	21307	NGUYỄN NGỌC MINH	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
308	21308	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
309	21309	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	21310	NGUYỄN TRẦN TUẤN MINH	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	9.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
311	21311	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	8.9	5	10	8.75	Đ		Khá
312	21312	PHẠM QUANG MINH	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	9.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
313	21313	VŨ NHẬT MINH	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
314	21314	VŨ TUẤN MINH	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	9.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
315	21315	PHẠM THỊ THẢO MY	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.4					H	
316	21316	TỪ NGUYỄN BẢO MY	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
317	21317	BÙI HẢI NAM	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	9.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
318	21318	ĐINH XUÂN NAM	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
319	21319	NGUYỄN CẢNH NAM	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	9.4	5	10	8.75	Đ		Khá
320	21320	NGUYỄN MẠNH NAM	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
321	21321	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
322	21322	NGUYỄN XUÂN HẢI NAM	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
323	21323	PHẠM ĐỨC NAM	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
324	21324	QUÁN HOÀI NAM	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	9.5					H	
325	21325	TÔ PHƯƠNG NAM	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
326	21326	TRẦN THÀNH NAM	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
327	21327	TRẦN TIẾN NAM	Nam	10/8/2005	Liên Bang Nga	9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
328	21328	DƯƠNG THIÊN NGÂN	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
329	21329	ĐINH THẢO NGÂN	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
330	21330	ĐỖ HÀ NGÂN	Nữ	31/12/2004	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
331	21331	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
332	21332	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
333	21333	TRẦN HOÀNG BẢO NGÂN	Nữ	24/12/2005	Hà Nội	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
334	21334	DƯƠNG ÁNH NGỌC	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	9.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
335	21335	ĐẶNG NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	21336	HOÀNG THỊ NGỌC	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
337	21337	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	14/12/2005	Thái Bình	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
338	21338	LÊ TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.4	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
339	21339	NGÔ BẢO NGỌC	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
340	21340	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
341	21341	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
342	21342	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
343	21343	PHẠM BÙI VÂN NGỌC	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
344	21344	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
345	21345	TRẦN MINH NGỌC	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
346	21346	ĐẶNG TUẤN NGUYÊN	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
347	21347	LÊ THỤC NGUYÊN	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
348	21348	TRƯƠNG THÀNH NGUYÊN	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
349	21349	PHẠM MINH NGUYỆT	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
350	21350	BÙI THANH NHÀN	Nữ	21/02/2005	Nam Định	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
351	21351	ĐỖ NGUYỄN THU NHÀN	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.9	5.5	10	8.88	Đ		Khá
352	21352	ĐINH ĐỨC NHẬT	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
353	21353	VŨ QUANG NHẬT	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
354	21354	BÙI LINH NHI	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
355	21355	ĐỖ LÊ UYÊN NHI	Nữ	25/6/2005	Hà Nội	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
356	21356	LƯƠNG MAI NHI	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
357	21357	ĐÀO KIM NHUNG	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
358	21358	PHẠM THUÝ NHUNG	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
359	21359	HỒ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/10/2005	Thái Bình	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
360	21360	LÊ KHÁNH NINH	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
361	21361	NGUYỄN HẢI NINH	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	21362	TRIỆU PHƯƠNG NINH	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	9.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
363	21363	VŨ KHẮC HOÀNG NINH	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
364	21364	HÀ KIỀU OANH	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
365	21365	NGUYỄN HOÀNG PHONG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
366	21366	NGUYỄN NAM PHONG	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
367	21367	NGUYỄN TUẤN PHONG	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
368	21368	TRẦN SỸ HẢI PHONG	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
369	21369	NGUYỄN GIA PHÚ	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
370	21370	TRẦN ĐỨC PHÚ	Nam	24/12/2004	Hải Phòng	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
371	21371	ĐẶNG HOÀNG HỒNG PHÚC	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
372	21372	LÊ BẢO PHÚC	Nam	21/6/2005	Thanh Hóa	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
373	21373	NGUYỄN HỮU PHÚC	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
374	21374	ĐINH PHƯƠNG PHƯƠNG	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
375	21375	PHẠM THU PHƯƠNG	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
376	21376	TRẦN HÀ PHƯƠNG	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
377	21377	TRẦN THANH PHƯƠNG	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
378	21378	TRẦN THU PHƯƠNG	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
379	21379	BÙI MINH QUANG	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
380	21380	ĐẶNG MINH QUANG	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
381	21381	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	9.3	5.75	10	8.94	Đ		Khá
382	21382	NGUYỄN AN QUÂN	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
383	21383	LÊ ANH QUỐC	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
384	21384	PHẠM THẾ QUYỀN	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
385	21385	PHẠM VĂN QUYẾN	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
386	21386	NGUYỄN NGỌC QUYẾT	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
387	21387	VŨ MẠNH QUYẾT	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
388	21388	NGUYỄN THANH QUỲNH	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
389	21389	NGUYỄN THỊ HOA QUỲNH	Nữ	20/02/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
390	21390	PHẠM NGỌC QUỲNH	Nữ	14/4/2005	Hà Nội	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
391	21391	VŨ KHÁNH QUỲNH	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
392	21392	NGUYỄN MẠNH SINH	Nam	29/5/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
393	21393	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
394	21394	PHẠM HỒNG SƠN	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
395	21395	TRẦN ĐỨC SƠN	Nam	13/5/2005	Quảng Ninh	9.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
396	21396	VŨ NGỌC SƠN	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
397	21397	NGUYỄN ĐỨC TÂM	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	9.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
398	21398	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	02/8/2005	Hà Nội	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
399	21399	HOÀNG DUY TÂN	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	8.7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
400	21400	NGUYỄN MINH TÂN	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
401	21401	LÊ HẢI THANH	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
402	21402	LƯƠNG XUÂN THANH	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	9.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
403	21403	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH	Nữ	07/7/2005	Thanh Hóa	9.4	5.75	10	8.94	Đ		Khá
404	21404	PHẠM NGỌC THANH	Nam	09/5/2005	Nam Định	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
405	21405	NGUYỄN DUY THÀNH	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
406	21406	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
407	21407	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
408	21408	PHẠM MINH THÀNH	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
409	21409	VŨ MINH THÀNH	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
410	21410	VŨ TIẾN THÀNH	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	9					H	
411	21411	DƯƠNG DIỆU THẢO	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
412	21412	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
413	21413	HÀ THỊ THU THẢO	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
414	21414	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
415	21415	PHẠM THANH THẢO	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
416	21416	TẠ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
417	21417	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
418	21418	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/3/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
419	21419	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
420	21420	VŨ THỊ THẢO	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
421	21421	TRẦN DANH THÁI	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
422	21422	BÙI LÂM THẠCH	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	9.3	8				H	
423	21423	PHẠM THĂNG	Nam	22/12/2005	Hải Dương	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
424	21424	LƯƠNG DUY THẮNG	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	9.5					H	
425	21425	NGUYỄN HỮU THẮNG	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
426	21426	PHẠM CAO THIÊN	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
427	21427	LỤC ĐỨC THỊNH	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
428	21428	TRẦN THỊ ANH THƠ	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
429	21429	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
430	21430	NGUYỄN QUỐC TOẢN	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
431	21431	CAM QUỲNH TRANG	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
432	21432	ĐẶNG THÙY TRANG	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	9.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
433	21433	ĐINH THU TRANG	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
434	21434	LÊ HIỀN TRANG	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	9.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
435	21435	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
436	21436	LƯƠNG KIỀU TRANG	Nữ	14/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
437	21437	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
438	21438	NGUYỄN THỦY TRANG	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
439	21439	PHAN VŨ MINH TRANG	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
440	21440	PHẠM THU TRANG	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
441	21441	TRẦN PHƯƠNG TRANG	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	9.2					H	
442	21442	TRƯƠNG QUỲNH TRANG	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
443	21443	NGUYỄN THANH TRÀ	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
444	21444	NGUYỄN HOÀI TRÂM	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	9.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
445	21445	ĐẶNG HIẾU TRÂN	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
446	21446	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂN	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
447	21447	TRẦN HẢI TRÌNH	Nam	22/4/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
448	21448	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
449	21449	NGUYỄN ĐỖ ĐỨC TRUNG	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
450	21450	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
451	21451	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
452	21452	NGUYỄN AN TRƯỜNG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
453	21453	NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
454	21454	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
455	21455	TRẦN VIỆT TRƯỜNG	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
456	21456	NGUYỄN ĐOÀN TRƯỞNG	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
457	21457	ĐỖ QUANG TUẤN	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
458	21458	LÊ ANH TUẤN	Nam	02/12/2005	Đồng Nai	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
459	21459	TRẦN MẠNH TUẤN	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
460	21460	VŨ ANH TUẤN	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
461	21461	NGUYỄN MINH TUYỂN	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
462	21462	BÙI HOÀNG TÙNG	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
463	21463	BÙI THANH TÙNG	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	9.7					H	
464	21464	ĐỖ XUÂN TÙNG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
465	21465	LÊ KHÁNH TÙNG	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	9.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
466	21466	LÊ THANH TÙNG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
467	21467	NGÔ ĐĂNG TÙNG	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
468	21468	NGUYỄN DUY TÙNG	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
469	21469	NGUYỄN HUY TÙNG	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	8.4	5	10	8.75	Đ		Khá
470	21470	NGUYỄN MINH TÙNG	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
471	21471	BÙI MINH TÚ	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	9.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
472	21472	CHU PHƯƠNG TÚ	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
473	21473	DOÃN MINH TÚ	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
474	21474	PHẠM ANH TÚ	Nam	14/5/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
475	21475	VŨ NGỌC TÚ	Nữ	12/11/2005	Lâm Đồng	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
476	21476	ĐẶNG THÁI UYÊN	Nữ	21/12/2005	Thái Bình	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
477	21477	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
478	21478	PHẠM THỊ TỐ UYÊN	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
479	21479	ĐINH QUỐC VIỆT	Nam	04/11/2005	Điện Biên	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
480	21480	LẠI QUANG VIỆT	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
481	21481	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
482	21482	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
483	21483	ĐÀO PHÚ VINH	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
484	21484	VŨ THÀNH VINH	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
485	21485	NGUYỄN QUANG VŨ	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
486	21486	NGUYỄN TUẤN VŨ	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
487	21487	PHẠM ĐOÀN ANH VŨ	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
488	21488	PHẠM THẢO VY	Nữ	03/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
489	21489	HOÀNG NGỌC YẾN	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
490	21490	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
491	21491	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	9.1					H	

Đơn vị: 44 - Trường THPT Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
492	21492	TRẦN HẢI YẾN	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	25001	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH AN	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
2	25003	DƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	05/4/2005	Quảng Ninh	8.4	5.5	10	8.88	Đ		Khá
3	25004	ĐẶNG QUỲNH ANH	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	7.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
4	25005	ĐOÀN QUỲNH ANH	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
5	25006	HOÀNG THỊ LAN ANH	Nữ	15/10/2005	Nam Định	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	25007	LÊ CHÂU ANH	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	25008	LÊ NGUYỄN DUY ANH	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	25009	LƯƠNG VIỆT ANH ANH	Nam	09/02/2005	Thanh Hoá	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	25010	MAI QUANG ANH	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
10	25011	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
11	25012	NGUYỄN NHẬT ANH	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	25013	NGUYỄN SƠN ANH	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
13	25014	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
14	25015	TRẦN HỒNG ANH	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
15	25016	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	25017	TRẦN TUẤN ANH	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
17	25018	TRƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	25019	TRƯƠNG THẾ ANH	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	8.3	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
19	25020	VŨ CẨM ANH	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	25021	VŨ DUY ANH	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	25022	VŨ TUẤN ANH	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
22	25023	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	15/12/2005	Hải Dương	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
23	25024	HOÀNG ĐỨC ÂN	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	8.4	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	25025	ĐÀO KIM BẢO	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
25	25026	NGUYỄN THẾ BÁCH	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	25027	VŨ ANH BẰNG	Nam	17/8/2005	TP Hồ Chí Minh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
27	25028	ĐỖ LÊ NGỌC BÌNH	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	25029	ĐỖ LÊ THU BÌNH	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
29	25030	NGUYỄN AN BÌNH	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	8.2	5.75	10	8.94	Đ		Khá
30	25031	LÊ PHẠM MINH CHÂU	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	7.8	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
31	25032	PHẠM MINH CHÂU	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	7.8	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
32	25033	LÊ HUYỀN CHI	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
33	25034	NGUYỄN THẢO CHI	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	25035	NGUYỄN YẾN CHI	Nữ	10/8/2005	Hà Nội	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	25037	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
36	25038	TRẦN NGỌC DIỆP	Nam	24/4/2005	Thái Bình	8.2	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
37	25039	NGUYỄN THÙY DUNG	Nữ	15/6/2005	Hải Dương	8.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
38	25040	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
39	25041	PHAN QUANG DUY	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
40	25042	NGÔ THỊ DUYÊN	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	25043	NGUYỄN MỸ DUYÊN	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
42	25044	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	13/8/2005	Hải Dương	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
43	25045	BÙI ĐÌNH ÁNH DƯƠNG	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
44	25046	LƯƠNG HẢI ĐẠT	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.4	5	10	8.75	Đ		Khá
45	25047	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
46	25048	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	15/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
47	25049	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
48	25050	ĐỖ NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
49	25051	ĐẶNG THÁI HÀ	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	25052	ĐINH HOÀNG HÀ	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	25053	LƯƠNG THỊ THU HÀ	Nữ	25/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	25054	PHẠM KHÁNH HÀ	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	25055	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	25056	ĐẶNG HỒNG HẢI	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
55	25057	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	8	5.75	10	8.94	Đ		Khá
56	25058	NGUYỄN THẾ HẢI	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
57	25059	TẠ LONG HẢI	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
58	25060	TRƯƠNG QUANG HẢI	Nam	26/12/2005	Hưng Yên	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	25061	VŨ MINH HẢI	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	25062	NGUYỄN ĐÌNH HẢO	Nam	29/10/2005	Hà Nội	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	25063	LÊ MINH HẰNG	Nữ	06/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
62	25064	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
63	25065	PHẠM NGỌC HÂN	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	25066	BÙI THỊ THÚY HIỀN	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	25067	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
66	25068	TRẦN THANH HIỀN	Nữ	11/7/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	25069	TRỊNH THỊ HIỀN	Nữ	24/11/2005	Thanh Hóa	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	25070	LÊ MẠNH HIẾU	Nam	25/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
69	25071	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
70	25072	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
71	25073	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
72	25074	NGUYỄN VIỆT HIẾU	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	25075	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
74	25076	PHẠM VĂN HIẾU	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
75	25077	TRẦN BÙI TRUNG HIẾU	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	25078	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	25079	TRƯƠNG VĂN MINH HIẾU	Nam	06/7/2005	Hải Dương	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
78	25080	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	25081	LÊ HOÀNG HIỆP	Nam	13/11/2005	Hưng Yên	8.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
80	25082	ĐINH THỊ MAI HOA	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
81	25083	NGUYỄN THẾ HOAN	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	25084	TRẦN THU HOÀI	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	25085	PHẠM VĂN HOÀN	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	25086	TRẦN KHẢI HOÀN	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
85	25087	CAO HUY HOÀNG	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
86	25088	ĐỒNG MẠNH HOÀNG	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
87	25089	LÊ HUY HOÀNG	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
88	25090	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	24/12/2005	Nghệ An	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
89	25091	NGUYỄN PHẠM HUY HOÀNG	Nam	14/9/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	25092	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	18/8/2005	Hải Dương	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
91	25093	PHAN DOÃN HOÀNG	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
92	25094	PHẠM HUY HOÀNG	Nam	20/3/2005	Hà Giang	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
93	25095	PHẠM ĐỨC HUY	Nam	09/8/2005	Thái Bình	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
94	25096	PHẠM QUANG HUY	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
95	25097	PHẠM QUANG HUY	Nam	02/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
96	25098	TRỊNH ĐỨC HUY	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
97	25099	BÙI THÙY KHÁNH HUYỀN	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
98	25100	LÊ THANH HUYỀN	Nữ	02/01/2005	Hải Dương	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
99	25101	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	16/4/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
100	25102	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
101	25103	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	8	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	25104	NGUYỄN DƯƠNG HÙNG	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	25105	PHẠM TIẾN HÙNG	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
104	25106	PHẠM HOÀNG HƯNG	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
105	25107	ĐINH THIÊN HƯƠNG	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	25108	HOÀNG THU HƯƠNG	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
107	25109	LÊ LAN HƯƠNG	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	7.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
108	25110	LƯƠNG THẢO HƯƠNG	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
109	25111	LÊ NAM KHÁNH	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	25112	PHẠM ĐỖ QUỐC KHÁNH	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
111	25113	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	7.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
112	25114	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
113	25115	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	25116	ĐINH THỊ NGỌC LAN	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
115	25117	NGUYỄN THU LAN	Nữ	11/7/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
116	25118	TÔ QUỲNH LAN	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	7.7	5	10	8.75	Đ		Khá
117	25119	CHU THÙY LINH	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	25120	ĐẶNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	25121	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	25122	NGÔ PHƯƠNG LINH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	25123	NGUYỄN GIA LINH	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	25124	TRẦN NGỌC LINH	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
123	25125	VŨ THUỲ LINH	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
124	25126	NGUYỄN ĐẠI LỘC	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
125	25127	NGUYỄN XUÂN LỘC	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
126	25128	HỨA BAN MAI	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	8.2					H	
127	25129	PHẠM THANH MAI	Nữ	17/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	25130	PHẠM ĐỨC MẠNH	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
129	25131	BÙI KHÁNH MINH	Nam	27/3/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
130	25132	LÊ TƯỜNG MINH	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	25133	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
132	25134	TRẦN BÌNH MINH	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	25135	VŨ ĐỨC MINH	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
134	25136	ĐÀO THỊ TRÀ MY	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
135	25137	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	25138	VŨ BẢO MY	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	25139	VŨ THỊ TRÀ MY	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	25140	LÊ HỮU NAM	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	25141	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
140	25142	TRỊNH HOÀI NAM	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
141	25143	ĐẶNG THỊ NGA	Nữ	25/6/2005	Thái Bình	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
142	25144	MẠ THÚY NGA	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
143	25145	VŨ KIM NGÂN	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
144	25146	NGUYỄN NGỌC NGHĨA	Nam	23/7/2005	Hưng Yên	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	25147	VŨ VIỆT NGHĨA	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	25148	BÙI THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	25149	ĐỖ NHƯ NGỌC	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	25150	HỒ MINH NGỌC	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	25151	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	25152	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	06/6/2005	Hải Dương	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	25153	VŨ KHÁNH NGỌC	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
152	25154	PHẠM THỊ THANH NHÀN	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
153	25155	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	25156	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
155	25157	NGUYỄN HẢI NHI	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	25158	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	25159	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
158	25160	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	25161	PHẠM THỊ NHUNG	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
160	25162	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	25163	NGUYỄN BÁ PHÚC	Nam	30/5/2005	Hà Nội	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	25164	TÔ TRỌNG PHÚC	Nam	16/4/2005	Nam Định	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
163	25165	TRẦN THỊ HUYỀN PHƯƠNG	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
164	25166	ĐỖ NGUYỄN DUY QUANG	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
165	25167	ĐINH VĂN ANH QUÂN	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	25168	LÃ HỒNG QUÂN	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
167	25169	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
168	25170	TĂNG ANH QUÂN	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
169	25171	VŨ HÀ QUÂN	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	25172	NGUYỄN ANH QUỐC	Nam	01/9/2005	Vĩnh Phúc	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	25173	TRẦN ĐỨC QUYỀN	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	25174	TẠ THỊ QUỲNH	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	25175	NGUYỄN HOÀNG THÁI SƠN	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	25176	NGUYỄN HỒNG SƠN	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
175	25177	NGUYỄN MINH SƠN	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
176	25178	NGUYỄN TUẤN SƠN	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
177	25179	TRẦN NAM SƠN	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	25180	VŨ TOÀN SƠN	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
179	25181	NGUYỄN NHƯ TÂM	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	25182	LÊ XUÂN THÀNH	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
181	25183	TRẦN THANH THẢO	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
182	25184	TRƯƠNG THANH THẢO	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
183	25185	VI THU THẢO	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
184	25186	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
185	25187	VŨ THU THẢO	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
186	25188	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
187	25189	PHẠM HÙNG THÁI	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	25190	PHẠM ANH THẮNG	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	25191	NGUYỄN VĂN THIÊN	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
190	25192	ĐẶNG HOÀI THU	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
191	25193	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	12/7/2005	Nam Định	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
192	25194	NGUYỄN MINH THÙY	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	25195	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	29/8/2005	Thái Bình	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	25196	VŨ MINH THƯ	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
195	25197	ĐOÀN MẠNH TIẾN	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
196	25198	NGUYỄN QUYẾT TIẾN	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
197	25199	VŨ ĐỨC TIẾN	Nam	29/6/2005	TP Hồ Chí Minh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
198	25200	VŨ VĂN TÌNH	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
199	25201	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	25202	LÊ THỊ THU TRANG	Nữ	28/3/2005	Hưng Yên	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
201	25203	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	04/9/2005	Nam Định	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
202	25204	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
203	25205	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
204	25206	PHẠM THU TRANG	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	25207	PHẠM VŨ QUỲNH TRANG	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 45 - Trường THPT Vũ Văn Hiếu

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	25208	TẠ THU TRANG	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	25209	BÙI THỊ THÚY TRÀ	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	25210	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	25211	BÙI QUỲNH TRÂM	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	25212	NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	25213	ĐINH KHẮC TRUNG	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	25214	VŨ HOÀNG TRUNG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	25215	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	Nam	23/9/2005	Hải Dương	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	25216	PHẠM VĂN TRƯỜNG	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	8					H	
215	25217	TRẦN VĂN TRƯỜNG	Nam	11/8/2005	Hải Dương	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	25218	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	29/11/2003	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
217	25219	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	25220	NGÔ DOÃN TUYẾN	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	25221	ĐÀO THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	12/11/2005	Ninh Bình	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	25222	NGUYỄN MINH TÙNG	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
221	25223	NGUYỄN SƠN TÙNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
222	25224	PHẠM THANH TÙNG	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	25225	NGUYỄN TUẤN TÚ	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	25226	LÊ MẠNH TƯỜNG	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
225	25227	KHIẾU PHƯƠNG UYÊN	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	25228	PHẠM TIẾN VĂN	Nam	17/8/2005	Bình Dương	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
227	25229	TRƯƠNG HÙNG VIỆT	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	25230	VŨ TIẾN VIỆT	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
229	25231	LÊ HẢI YẾN	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	24068	NGUYỄN NGỌC AN	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	24069	NGUYỄN TRẦN KHÁNH AN	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	24070	BÙI ĐỨC HẢI ANH	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	24071	ĐẶNG CHÂU ANH	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	24072	ĐIỆP CAO KIỀU ANH	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	24073	ĐỖ DUY ANH	Nam	04/5/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	24074	ĐỖ THẾ ANH	Nam	14/02/2005	Nam Định	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	24075	HOÀNG BÙI NGỌC ANH	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	24076	HOÀNG DUY ANH	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	24077	HOÀNG DUY ANH	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	24078	HOÀNG THỊ KIM ANH	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	24080	LƯƠNG NGUYỄN DUY ANH	Nam	15/7/2005	Hải Dương	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
13	24081	NGÔ ĐỨC ANH	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
14	24082	NGÔ QUỲNH ANH	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	24083	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	24084	NGUYỄN ĐỨC BẰNG ANH	Nam	12/02/2003	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	24085	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	24086	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	24087	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	24088	NGUYỄN QUANG ANH	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
21	24089	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	24090	PHẠM HOA PHƯƠNG ANH	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	24091	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	24092	PHẠM THẾ ANH	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	24093	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
26	24094	VÕ DIỆP ANH	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9	9.25	Đ		Giỏi
27	24095	VŨ BÙI ĐỨC ANH	Nam	04/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
28	24096	VŨ HOÀNG ANH	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
29	24097	VŨ VIỆT ANH	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
30	24098	HOÀNG NGỌC ÁNH	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	24099	NGUYỄN HỒNG ÁNH	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
32	24100	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
33	24101	DƯƠNG GIA BẢO	Nam	30/12/2005	Hưng Yên	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
34	24102	TRẦN NGUYỄN KHOA BẢO	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	24103	BÙI GIA BÁCH	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
36	24105	HÀ THANH BÌNH	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
37	24106	LÊ THANH BÌNH	Nữ	27/9/2005	Hà Nội	8.2	9.75	9	9.19	Đ		Giỏi
38	24107	ĐINH THỊ MINH BÍCH	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
39	24109	NGUYỄN BÙI KHÁNH CHI	Nữ	07/7/2005	Hải Phòng	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
40	24110	HOÀNG THỦY CHÚC	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
41	24111	PHẠM HÙNG CƯỜNG	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
42	24112	NGUYỄN HUYỀN DIỆU	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
43	24113	HOÀNG MẠNH DUY	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	24114	NGUYỄN ĐÌNH DUY	Nam	25/5/2005	Quảng ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
45	24115	PHẠM LÊ DUY	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
46	24116	MAI TIẾN DŨNG	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
47	24117	NGUYỄN CHÍNH DŨNG	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9	9.25	Đ		Giỏi
48	24118	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	24119	HÀ KHÁNH DƯƠNG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	24120	NGUYỄN THỊ BẢO DƯƠNG	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	24121	TRƯƠNG PHẠM HOÀNG DƯƠNG	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	24122	VŨ TRIỀU DƯƠNG	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	24123	NGUYỄN TIẾN ĐẠI	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
54	24124	HOÀNG TIẾN ĐẠT	Nam	09/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
55	24125	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	24126	VŨ KHẮC ĐẠT	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
57	24127	LÊ ANH ĐỨC	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
58	24128	PHẠM TÁ HOÀNG ĐỨC	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
59	24129	LƯƠNG NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	07/10/2005	Hà Nội	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	24130	PHẠM TRƯỜNG GIANG	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
61	24131	PHAN MINH HÀ	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
62	24132	PHẠM THÁI HÀ	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	24133	VŨ THỊ NGÂN HÀ	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	24134	NGUYỄN ANH HÀO	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	24135	ĐẶNG THANH HẢI	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	24136	ĐINH TIẾN HẢI	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
67	24137	LÊ DUY HẢI	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
68	24138	NGUYỄN HỮU HẢI	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
69	24139	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
70	24141	TRẦN MINH HẠNH	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
71	24143	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	24144	PHẠM MINH HIỂN	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	24145	NGUYỄN VĂN MINH HIẾU	Nam	20/8/2005	Hưng Yên	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	24146	PHẠM ĐĂNG HIẾU	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	24147	PHẠM TRÍ HIẾU	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	24148	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	24149	VŨ HOÀNG HIẾU	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
78	24150	TRẦN HOÀNG HIỆP	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	24151	LƯƠNG THỊ HOA	Nữ	20/02/2005	Nam Định	8.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
80	24153	ĐINH KIM HOÀNG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	24154	NGUYỄN VĂN TUẤN HOÀNG	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	24155	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	24156	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
84	24157	ỨNG VŨ MINH HOÀNG	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
85	24158	VŨ VĂN HOÀNG	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	9	9.00	Đ		Giỏi
86	24159	HOÀNG QUÝ HÒA	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9	9.00	Đ		Giỏi
87	24160	LÊ ĐỨC HÒA	Nam	29/11/2005	Quảng ninh	8.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
88	24161	PHẠM NHẬT HỒNG	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	24162	HOÀNG QUANG HUY	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
90	24163	HOÀNG QUỐC HUY	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
91	24164	MAI GIA HUY	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	24165	NGUYỄN NGỌC GIA HUY	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	24166	TRẦN QUANG HUY	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
94	24167	VŨ LONG HUY	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
95	24168	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	24169	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
97	24170	ĐỖ MẠNH HÙNG	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	24171	VŨ VĂN HÙNG	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	24172	ĐÀO GIA HƯNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
100	24173	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9	9	9.00	Đ		Giỏi
101	24174	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	03/6/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	24175	TRẦN BÁ PHÚC HƯNG	Nam	07/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
103	24176	TRẦN NGỌC HƯNG	Nam	15/5/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
104	24177	VŨ HÙNG HƯNG	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
105	24178	VƯƠNG QUỐC HƯNG	Nam	17/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	24179	ĐỖ MINH QUỲNH HƯƠNG	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
107	24181	PHẠM MAI HƯƠNG	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
108	24182	TRẦN THU HƯƠNG	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
109	24183	NGUYỄN NAM KHA	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
110	24184	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	24185	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	02/9/2004	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	24186	TRẦN HOÀNG KHÁNH	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
113	24187	TRƯƠNG MINH KHÁNH	Nam	13/5/2004	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
114	24188	VŨ QUỐC KHÁNH	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	24189	ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	24190	HOÀNG TRUNG KIÊN	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
117	24191	VŨ DUY KIÊN	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9	9.00	Đ		Giỏi
118	24192	LÊ TUẤN KIỆT	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
119	24198	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	21/4/2005	Hưng Yên	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
120	24199	VŨ THỊ MAI LINH	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
121	24200	ĐẶNG THÀNH LONG	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
122	24201	VŨ HOÀNG LONG	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
123	24202	HOÀNG MINH LỘC	Nam	17/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
124	24203	NGUYỄN TRÀ MI	Nữ	18/10/2005	Đắk Lắk	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	24205	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	19/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
126	24206	HOÀNG BẢO NAM	Nam	21/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	24207	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	02/5/2005	Hồ Chí Minh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	24208	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
129	24209	LÊ TRỌNG NGHĨA	Nam	31/7/2005	Hải Phòng	8.2	10	9	9.25	Đ		Giỏi
130	24210	NGUYỄN VIẾT NGHĨA	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
131	24212	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
132	24213	NGUYỄN THẾ NGỌC	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	24214	VŨ THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	24217	NGUYỄN HÀ NHI	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	24219	LÊ GIA NINH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
136	24222	VŨ PHƯƠNG OANH	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
137	24223	BÙI VIỆT PHONG	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
138	24224	NGUYỄN TRƯỜNG PHONG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	24225	LẠI THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
140	24226	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	24227	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
142	24228	DƯƠNG NGỌC QUANG	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
143	24230	NGUYỄN ĐĂNG QUÂN	Nam	18/9/2005	Hải Dương	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	24231	NGUYỄN VIỆT QUÂN	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	24233	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
146	24234	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	24235	ĐÀO NGỌC QUÝ	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	24236	NGUYỄN TIẾN SƠN	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
149	24237	PHẠM HOÀNG SƠN	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
150	24238	PHẠM THÁI SƠN	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	24239	TƯỜNG THẾ SƠN	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	24240	VŨ ĐỨC TÀI	Nam	15/3/2004	Quảng Ninh	8.3	9	9	9.00	Đ		Giỏi
153	24241	CHÍU SÍU TẮC	Nam	15/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	24242	NGUYỄN CHÍ THANH	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	24243	ĐỖ VĂN THÀNH	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	24244	VŨ HUY THÀNH	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	24245	NGUYỄN HƯƠNG THẢO	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	24246	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	29/4/2005	Bắc Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	24247	NGUYỄN THƯƠNG THẢO	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	24248	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	24249	PHẠM THỊ THU THẢO	Nữ	07/7/2005	Thái Bình	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	24250	TRẦN DUY THÁI	Nam	26/10/2004	Cẩm Phả	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
163	24251	TRẦN VŨ VIỆT THÁI	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
164	24252	BÙI GIA THẮNG	Nam	03/02/2004	Thái Bình	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
165	24253	LÊ QUỐC THẮNG	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
166	24254	PHẠM MINH THẮNG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
167	24258	BÙI ĐỨC THUẬN	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	24261	ĐỖ NGỌC THỦY TIÊN	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
169	24263	ĐẶNG TRẦN TOÀN	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
170	24264	ĐINH THỊ THU TRANG	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
171	24265	ĐOÀN HỒNG TRANG	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	24267	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	24268	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
174	24269	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	01/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	24270	TRẦN THÙY QUỲNH TRANG	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	24271	VŨ NGỌC THU TRANG	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	24272	VŨ NGUYỄN LAM TRÂN	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	24274	TRẦN ĐÌNH TRUNG	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
179	24275	VŨ ĐẮC TRUNG	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	24276	ĐỖ HỒNG TRƯỜNG	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
181	24277	NGUYỄN ANH TRƯỜNG	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	24278	NGUYỄN HỮU TUẤN	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
183	24279	TRẦN MINH TUẤN	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	24280	VŨ VĂN TUẤN	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
185	24282	PHẠM XUÂN TÙNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
186	24284	TRẦN VĂN TÙNG	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	24285	TRẦN ĐỨC THANH TÚ	Nam	14/3/2005	Hải Phòng	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	24287	NGUYỄN NHẬT VI	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
189	24288	NGUYỄN CHÍNH VIỆT	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	24289	NGUYỄN TUẤN VIỆT	Nam	22/10/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	24290	VŨ HOÀNG VIỆT	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
192	24291	LƯƠNG THÊ VINH	Nam	30/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9	9.25	Đ		Giỏi
193	24292	LÊ ANH VŨ	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
194	24293	NGÔ TÔ TRẦN VŨ	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
195	24294	PHẠM LONG VŨ	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
196	24296	PHẠM LÊ PHƯƠNG VY	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
197	24297	TRẦN BÙI PHƯỢNG VY	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
198	24298	TRẦN VŨ THẢO VY	Nữ	17/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	24299	VŨ YẾN VY	Nữ	11/7/2005	Hưng Yên	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	24300	CHU LÊ HẢI YẾN	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
201	24301	LÊ THỊ HẢI YẾN	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
202	24302	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	24303	PHẠM NGỌC YẾN	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	24304	VŨ HẢI YẾN	Nữ	12/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	25002	BÙI VIỆT ANH	Nam	11/8/2005	Hải Phòng	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi

Đơn vị: 46 - Trường TH-THCS&THPT Lê Thánh Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	25036	NGUYỄN TÂN CƯƠNG	Nam	24/5/2004	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	23082	HÀ NGỌC LINH	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	23162	NGUYỄN HOÀNG BÌNH AN	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
3	23163	NGUYỄN ỨNG TRƯỜNG AN	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
4	23164	VŨ THÚY AN	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	23165	BÙI NGỌC ANH	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
6	23166	ĐẶNG CHÂU ANH	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
7	23167	ĐẶNG HOÀNG ANH	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	23168	ĐỖ HẢI ANH	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
9	23169	ĐỖ MINH ANH	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	7.8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
10	23170	HÀ ĐỒNG TUẤN ANH	Nam	28/02/2005	Thái Bình	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	23171	HÀ HOÀNG ANH	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
12	23172	HÀ MAI ANH	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
13	23173	HOÀNG ĐỨC ANH	Nam	12/10/2005	Hải Phòng	7.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
14	23174	LÊ HOÀNG ANH	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
15	23175	LÊ TRẦN TUYẾT ANH	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
16	23176	LƯU QUỲNH ANH	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
17	23177	NGUYỄN CAO YẾN ANH	Nữ	15/5/2005	Kiên Giang	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
18	23178	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
19	23179	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	23180	NGUYỄN MAI ANH	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	23181	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	23182	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	23183	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	23184	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	23185	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	16/8/2005	Nghệ An	8.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
26	23186	PHẠM HUY ANH	Nam	30/8/2005	Thanh Hóa	7.3	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
27	23187	TRẦN DUY ANH	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
28	23188	VŨ ĐỨC ANH	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	23189	VŨ NGỌC ANH	Nữ	22/9/2005	Hải Phòng	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	23190	VŨ HOÀNG BÁCH	Nam	04/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	23191	PHẠM TUẤN BẰNG	Nam	20/01/2005	Thái Bình	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
32	23192	NGUYỄN HÀ CHI	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
33	23193	NGUYỄN LÊ QUỲNH CHI	Nữ	23/5/2005	Hà Nội	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
34	23194	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	23195	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	23196	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
37	23197	HOÀNG TRỌNG CHINH	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	23198	HOÀNG THANH CÚC	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	23199	LƯƠNG THẾ CƯỜNG	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	23200	VŨ PHAN THÀNH DANH	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
41	23201	ĐẶNG NGỌC DIỆP	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	23202	HOÀNG BÍCH DIỆP	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
43	23203	HÀ NGỌC DUY	Nam	15/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
44	23204	NGUYỄN HỮU DUY	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	23205	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	23206	PHẠM QUANG DUY	Nam	20/6/2005	Hải Phòng	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
47	23207	VŨ NGỌC DUY	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	23208	CAO VIỆT DŨNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	23209	ĐẶNG CHÍ DŨNG	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	23210	LÃ MẠNH DŨNG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
51	23211	PHẠM TIẾN DŨNG	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
52	23212	HOÀNG TÙNG DƯƠNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
53	23213	LÊ THÙY DƯƠNG	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	23214	NGUYỄN VIẾT DƯƠNG	Nam	09/02/2005	Hải Phòng	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
55	23215	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	11/01/2005	Hà Nội	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
56	23216	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
57	23217	ĐẶNG ĐÌNH ĐẠT	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	23218	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
59	23219	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	23220	PHẠM BẢO ĐĂNG	Nam	07/9/2005	Tuyên Quang	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
61	23221	NGUYỄN ĐÌNH MINH ĐỨC	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	23222	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	23223	LÃ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	23224	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
65	23225	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
66	23226	PHẠM CHU TRƯỜNG GIANG	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	7.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
67	23227	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
68	23228	HOÀNG NGUYÊN GIÁP	Nam	27/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
69	23229	NGUYỄN HOÀNG HÀ	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
70	23230	NGUYỄN PHAN THANH HÀ	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
71	23231	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
72	23232	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	23233	TRẦN THU HÀ	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	23234	PHAN THANH HẢI	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	23235	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	23236	DOÃN THU HẰNG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
77	23237	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
78	23238	BÙI ĐỨC HIẾU	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	7.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
79	23239	BÙI MINH HIẾU	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	23240	ĐOÀN DUY HIẾU	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	7.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
81	23241	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
82	23242	NGÔ THỊ HOA	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
83	23243	NGUYỄN MAI HOA	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
84	23244	NGUYỄN THỊ THANH HOA	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	23245	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
86	23246	ĐẶNG KHÁNH HÒA	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
87	23247	BÙI QUANG HUY	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	23248	NGÔ GIA HUY	Nam	25/3/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	23249	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
90	23250	NGUYỄN HỮU QUANG HUY	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
91	23251	PHẠM TRẦN QUANG HUY	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
92	23252	VŨ GIA HUY	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
93	23253	VŨ THẾ HUY	Nam	11/3/2005	Nam Định	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
94	23254	CHU NGỌC HUYỀN	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
95	23255	ĐINH PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
96	23256	ĐINH THU HUYỀN	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
97	23257	ĐOÀN THANH HUYỀN	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
98	23258	NGUYỄN THẢO HUYỀN	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	23259	PHAN THANH HUYỀN	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
100	23260	TỐNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	11/3/2005	Thái Bình	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
101	23261	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	23262	NGUYỄN MINH HÙNG	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
103	23263	CÙ NGỌC HƯNG	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	23264	MAI THÀNH HƯNG	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
105	23265	MẠC ĐĂNG HƯNG	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
106	23266	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	23267	TRẦN HÀ VIỆT HƯNG	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
108	23268	TRẦN THÚY HƯỜNG	Nữ	03/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
109	23269	BÙI VĂN KHẢI	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
110	23270	PHẠM GIA KHÁNH	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
111	23271	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
112	23272	NGUYỄN DUY KHOA	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
113	23273	VŨ HOÀNG KHOA	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
114	23274	VŨ DUY KHÔI	Nam	16/9/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	23275	CAO BÁ KIÊN	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
116	23276	LƯƠNG HUY KIÊN	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
117	23277	ĐINH TUẤN KIỆT	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	23278	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	23279	TRẦN ANH KIỆT	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	7.5	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
120	23280	BÙI THU LINH	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	23281	DƯƠNG NGỌC LINH	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
122	23282	ĐINH KHÁNH LINH	Nữ	22/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	23283	LÊ THÙY LINH	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	23284	LƯƠNG PHƯƠNG LINH	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
125	23285	NGÔ PHƯƠNG LINH	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
126	23286	NGUYỄN CHÂU LINH	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
127	23287	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	23288	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	16/6/2005	Đà Nẵng	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	23289	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	23290	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	23291	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
132	23292	PHẠM THÙY LINH	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
133	23293	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	23294	TRẦN NGỌC LINH	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
135	23295	VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
136	23296	BÙI ĐÌNH BẢO LONG	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	23297	NGÔ THÀNH LONG	Nam	08/12/2004	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	23298	NGUYỄN BẢO LONG	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	8.5	4	10	8.50	Đ		Trung bình
139	23299	TRẦN CỬU LONG	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	23300	HOÀNG NGỌC LỢI	Nam	09/7/2005	Thừa Thiên Huế	8.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
141	23301	ĐẶNG HƯƠNG LY	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	23302	HOÀNG HÀ LY	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	23303	NGUYỄN HOÀNG BAN MAI	Nữ	11/8/2005	Quảng Ngãi	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
144	23304	PHẠM PHƯƠNG MAI	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	23305	NGUYỄN HÙNG MẠNH	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
146	23306	BÙI MINH MINH	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
147	23307	BÙI QUANG MINH	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
148	23308	LƯƠNG TUẤN MINH	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
149	23309	NGUYỄN DANH MINH	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
150	23310	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	21/4/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
151	23311	NGUYỄN NGỌC MINH	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
152	23312	PHẠM NGỌC MINH	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
153	23313	TRẦN CÔNG MINH	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	23314	VŨ QUỐC MINH	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
155	23315	VŨ VIẾT TUẤN MINH	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
156	23316	NGUYỄN HUYỀN MY	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	23317	NGUYỄN THỊ MY	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
158	23318	ĐINH HẢI NAM	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
159	23319	NGUYỄN DUY NAM	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
160	23320	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
161	23321	NGUYỄN TUẤN NAM	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
162	23322	PHẠM HUY NAM	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
163	23323	PHẠM QUỐC NAM	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
164	23324	TRẦN DUY NAM	Nam	21/9/2005	Hải Dương	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
165	23325	VŨ HÀ LINH NGA	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
166	23326	ĐINH TUYẾT NGÂN	Nữ	08/7/2005	Hòa Bình	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
167	23327	PHẠM THÙY NGÂN	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	23328	VI THẢO NGÂN	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
169	23329	TẠ ĐỨC NGHĨA	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
170	23330	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
171	23331	ĐẶNG THẾ NGỌC	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
172	23332	HOÀNG PHẠM BẢO NGỌC	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
173	23333	LÊ THỊ MINH NGỌC	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
174	23334	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC	Nữ	12/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
175	23335	NGUYỄN QUANG NGỌC	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	7.9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
176	23336	LÊ KHÔI NGUYÊN	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
177	23337	VŨ TÂM NHẬT	Nữ	13/10/2005	Thái Bình	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	23338	BÙI YẾN NHI	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
179	23339	HOÀNG PHƯƠNG NHI	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	23340	HOÀNG THỊ YẾN NHI	Nữ	05/11/2005	Thái Bình	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	23341	NGUYỄN DIỆU NHI	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	23342	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	03/3/2005	Quảng Ninh	8.9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
183	23343	PHẠM HỒNG NHI	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
184	23344	PHẠM THỊ YẾN NHI	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	23345	TRẦN YẾN NHI	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
186	23346	VŨ THỊ NHUNG	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
187	23347	TRẦN VĂN NINH	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	23349	ĐÀO ĐỨC PHONG	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
189	23350	TÔ THIÊN PHONG	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
190	23351	HOÀNG ĐỨC PHÚ	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
191	23352	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠI PHÚ	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
192	23353	ĐẶNG HOÀI PHƯƠNG	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	23354	LÊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
194	23355	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	23356	PHẠM ANH PHƯƠNG	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
196	23357	PHẠM MINH PHƯƠNG	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
197	23358	PHẠM THỊ KIM PHƯỢNG	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	23359	ĐỖ THANH QUANG	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	23360	NGUYỄN THÀNH QUANG	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
200	23361	LÊ MẠNH QUÂN	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
201	23362	PHẠM MINH QUÂN	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
202	23363	ĐẶNG THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	23364	CAO HƯƠNG QUỲNH	Nữ	27/5/2005	Hà Nội	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
204	23365	MẠC THÚY QUỲNH	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	23366	ĐÀO TUỆ SAN	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	23367	BÙI ĐỨC SANG	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	23368	ĐẶNG THÁI SƠN	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	23369	NGHIÊM XUÂN SƠN	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
209	23370	TẠ HỮU HÙNG SƠN	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
210	23371	TRẦN KHÁNH TÂM	Nữ	11/9/2005	Hà Nội	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
211	23372	ĐẶNG THỊ THẢO	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	23373	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
213	23374	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	12/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	23375	TRẦN THẠCH THẢO	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
215	23376	VŨ THANH THẢO	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
216	23377	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	23378	HỨA MẠNH THẮNG	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	23379	LƯU ĐỨC THẮNG	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
219	23380	NGUYỄN MINH THẮNG	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	23381	NGUYỄN PHÚC THẮNG	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
221	23382	PHẠM QUYẾT THẮNG	Nam	11/7/2005	Hà Nội	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	23383	NGUYỄN THỊ KIM THU	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	23384	NGUYỄN XUÂN THU	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
224	23385	TÀO MINH THU	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	23386	NGUYỄN THỊ HIỀN THỤC	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	23387	BÙI ANH THƯ	Nữ	06/01/2005	Hải Dương	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	23388	LÊ ANH THƯ	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	23389	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
229	23390	VŨ QUỲNH THƯ	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.2	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
230	23391	TRẦN THỊ THỦY TIÊN	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	8.4	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
231	23392	BÙI THỊ TRANG	Nữ	01/5/2005	Hải Dương	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 47 - Trường TH-THCS&THPT Văn Lang

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	23393	BÙI THỊ THU TRANG	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
233	23394	ĐINH QUỲNH TRANG	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
234	23395	HÀ HUYỀN TRANG	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
235	23396	LÊ THỊ THÙY TRANG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
236	23397	NGÔ THỊ HOÀI TRANG	Nữ	14/11/2005	Thanh Hóa	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
237	23398	NGUYỄN BẢO TRANG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
238	23399	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	06/9/2005	Hải Dương	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
239	23400	NGUYỄN LÊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	06/7/2005	Thanh Hóa	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	23401	TRƯƠNG TÔN NGỌC TRUYỀN	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	23402	LÊ QUANG TRƯỜNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	23403	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
243	23404	ĐOÀN DANH TÙNG	Nam	15/5/2005	Phú Thọ	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
244	23405	NGUYỄN QUANG TÙNG	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
245	23406	ĐOÀN ĐẠI TÚ	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
246	23407	ĐỖ MINH TÚ	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
247	23408	PHẠM NGUYỄN MINH TÚ	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
248	23409	NGUYỄN VŨ TỐ UYÊN	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
249	23410	QUÁN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
250	23411	PHẠM HOÀNG THẾ VINH	Nam	04/11/2005	Nam Định	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	23412	NGUYỄN DUY VŨ	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
252	23413	NGUYỄN HẠ VY	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	23414	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	23415	PHẠM KHÁNH VY	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
255	23416	ĐINH GIANG VỸ	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
256	23417	VŨ HẢI YẾN	Nữ	17/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	23553	VŨ THANH PHONG	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	23475	VŨ THÚY HẠNH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
2	26001	BÙI THÚY AN	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	26002	ĐOÀN THÚY AN	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
4	26003	NGUYỄN DUY AN	Nam	12/5/2005	Vĩnh Phúc	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	26004	TRẦN KHÁNH AN	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	26005	ĐỒNG VIỆT ANH	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	26006	MÃ MAI ANH	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
8	26007	NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	16/8/2005	Hải Dương	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
9	26008	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
10	26009	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
11	26010	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	26011	PHẠM VÂN ANH	Nữ	24/3/2005	Hà Nội	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	26012	VŨ DUY ANH	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	26013	VŨ THẾ ANH	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	26014	VŨ THỊ NGỌC ANH	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	26015	ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	20/11/2005	Nam Định	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	26016	LÂM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	26017	VƯƠNG DIỆU BĂNG	Nữ	23/9/2005	Hà Tây	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	26018	NGUYỄN CHÍNH BÌNH	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
20	26019	XANDER NAM BROWNE	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	26020	NGUYỄN CHÍNH CẢNH	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	26021	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	Nữ	27/6/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	26022	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	23/3/2005	Thanh Hóa	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	26023	NGUYỄN HÀ CHI	Nữ	27/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	26024	NGUYỄN KHÁNH CHI	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	26025	TRẦN XUÂN CHÍNH	Nam	25/10/2005	Thái Bình	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	26026	NGUYỄN THỊ HOÀNG DUNG	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	26027	LẠI THỊ THÙY DUYÊN	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	26028	NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	26029	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	26030	ĐỖ TIẾN DUYỆT	Nam	27/5/2005	Vĩnh Phúc	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	26031	NGÔ HOÀNG MẠNH DŨNG	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	26032	PHẠM TÙNG DƯƠNG	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
34	26033	VŨ NHẬT DƯƠNG	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
35	26034	PHẠM ĐĂNG ĐẠT	Nam	19/12/2005	Hải Phòng	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	26035	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	26036	NGUYỄN DUY ĐỨC	Nam	12/5/2005	Vĩnh Phúc	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	26037	TRỊNH MINH ĐỨC	Nam	13/5/2005	Thanh Hóa	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	26038	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	26039	TRẦN ĐOÀN THU GIANG	Nữ	19/6/2005	Thái Bình	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	26040	MẠC THỊ THU HÀ	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
42	26041	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	26042	TRẦN HẢI HÀ	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.3	7	9.5	8.88	Đ		Khá
44	26043	TRẦN THU HÀ	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	26044	HOÀNG MINH HẢI	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
46	26045	TRẦN ĐỨC HẢI	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
47	26046	NGUYỄN THỊ KIM HẰNG	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	26047	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	01/11/2005	Nghệ An	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	26048	VŨ NGỌC HÂN	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	26049	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	26050	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
52	26051	NGUYỄN LÊ GIA HIẾU	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	26052	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	26053	HOÀNG TRỌNG HIỆP	Nam	29/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	26054	LƯU ĐỨC HIỆP	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
56	26055	PHẠM ĐÌNH HOÀNG	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
57	26056	PHẠM HUY HOÀNG	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	26057	PHẠM VIỆT HOÀNG	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
59	26058	TRẦN PHƯỢNG HỒNG	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	26059	PHẠM XUÂN HUY	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
61	26060	VŨ QUANG HUY	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	26061	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	26062	LẠI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	26063	LÊ THU HUYỀN	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	26064	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	26065	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	26066	PHAN MẠNH HÙNG	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
68	26067	PHẠM QUỐC HƯNG	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	26068	PHÙNG NAM HƯNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	26069	TRẦN QUANG HƯNG	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	26070	VŨ TUẤN HƯNG	Nam	19/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	26071	NGUYỄN TRẦN LAN HƯƠNG	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	26072	ĐỖ DUY KHÁNH	Nam	05/01/2005	Thái Bình	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	26073	TRỊNH QUỐC KHÁNH	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
75	26074	NGÔ ĐÌNH KHẢI	Nam	29/11/2005	Đà Nẵng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	26075	TRẦN QUANG KHẢI	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	26076	HOÀNG THỊ VÂN KHÁNH	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	26077	TRỊNH ĐĂNG KHÁNH	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	26078	HOÀNG MẠNH KIÊN	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
80	26079	MAI TUẤN KIỆT	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	26080	ĐINH VŨ LÂM	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	26081	LÊ KIÊN LIÊM	Nam	27/4/2005	Thanh Hóa	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	26082	BÙI HẠ LINH	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	26083	ĐÀO NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	11/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	26084	ĐỖ NGỌC LINH	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	26085	HÀ NGỌC LINH	Nữ	03/6/2005	Hưng Yên	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	26086	LÊ NGỌC LINH	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
88	26087	LƯƠNG HƯƠNG LINH	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
89	26088	NGÔ NGỌC LINH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	26089	NGUYỄN THÁI THÙY LINH	Nữ	13/11/2005	Thừa Thiên Huế	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
91	26090	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
92	26091	NGUYỄN HUYỀN KHÁNH LINH	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
93	26092	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
94	26093	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	8.3	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
95	26094	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
96	26095	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	26096	PHẠM LÊ THÙY LINH	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	26097	PHẠM THÙY LINH	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	26098	VŨ HƯƠNG LINH	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	26099	BÙI HOÀNG LONG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
101	26100	ĐẶNG HOÀNG LONG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	26101	HOÀNG THÀNH LONG	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
103	26102	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	24/10/2005	Hà Tây	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	26103	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	26104	LƯU THỊ NGUYỆT MAI	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	26105	NGUYỄN PHẠM SAO MAI	Nữ	22/12/2005	Hà Nam	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	26106	PHẠM TRẦN SAO MAI	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
108	26107	TRẦN DIỆU MAI	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
109	26108	DƯƠNG ĐÌNH MẠNH	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	26109	NGUYỄN ĐẶNG TUẤN MINH	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	26110	NGUYỄN TRẦN ANH MINH	Nam	04/4/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
112	26111	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	8.5	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
113	26112	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
114	26113	NGUYỄN THIỆN MINH	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
115	26114	TRẦN ANH MINH	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
116	26115	ĐỖ DIỄM MY	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
117	26116	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
118	26117	NGUYỄN QUỲNH MY	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	8.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
119	26118	LÊ THẾ NAM	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
120	26119	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	26120	NGUYỄN DUY NAM	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
122	26121	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	26122	MAI THANH NGÂN	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
124	26123	ĐINH CHÍ NGHĨA	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	26124	LÊ THANH NGỌC	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	26125	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
127	26126	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	26127	PHẠM BÍCH NGỌC	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
129	26128	TÔ HƯƠNG HỒNG NGỌC	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
130	26129	TRỊNH TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
131	26130	HOÀNG THẢO NGUYÊN	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
132	26131	LÊ ĐĂNG NGUYÊN	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
133	26132	KHÚC THỊ TUYẾT NHI	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
134	26133	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
135	26134	BÙI TRẦN CẨM NHUNG	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	26135	NGUYỄN ĐỒNG HẢI NINH	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
137	26136	NGUYỄN NGỌC OANH	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
138	26137	NGUYỄN VŨ HUY PHÚC	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
139	26138	HOÀNG NGUYÊN PHÚC	Nam	15/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	26139	THÁI HỒNG PHÚC	Nam	04/01/2005	Hà Nội	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
141	26140	HOÀNG HỒNG PHƯƠNG	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
142	26141	HOÀNG MAI PHƯƠNG	Nữ	24/01/2005	Thái Bình	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
143	26142	NGUYỄN ĐỖ MAI PHƯƠNG	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	26143	NÔNG THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	17/12/2005	TP Hồ Chí Minh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	26144	BÙI MINH QUANG	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	26145	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
147	26146	NGUYỄN THƯƠNG QUỲNH	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
148	26147	BÙI NHƯ QUỲNH	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	26148	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
150	26149	NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
151	26150	TRỊNH THỊ MINH TÂM	Nữ	22/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
152	26151	DƯƠNG THU THANH	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	26152	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	26153	PHAN THANH THẢO	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
155	26154	NGUYỄN HỮU THÀNH	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
156	26155	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	26156	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	01/11/2005	Hải Phòng	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	26157	NGUYỄN TRẦN BÍCH THẢO	Nữ	06/6/2004	Liên bang Nga	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	26158	PHẠM VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	26159	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
161	26160	PHẠM VĂN THÁI	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
162	26161	PHÙNG VIẾT THẮNG	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
163	26162	DOÃN VĂN THẾ	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	26163	TRẦN HỮU THIỆN	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	26164	LÊ VĂN THÔNG	Nam	15/7/2005	Nghệ An	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
166	26165	NGUYỄN THỊ MINH THƠ	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	26166	NGUYỄN THU THÙY	Nữ	12/10/2005	Thái Bình	8.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
168	26167	NGUYỄN HÀ THƯ	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
169	26168	TRẦN THỊ THƯƠNG	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
170	26169	TẠ DUY TIẾN	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
171	26170	HOÀNG HÀ TRANG	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
172	26171	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	07/01/2005	Vĩnh Phúc	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
173	26172	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	13/02/2005	Bắc Giang	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	26173	PHẠM QUỲNH TRANG	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
175	26174	PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	21/02/2005	Thái Bình	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
176	26175	PHẠM THU TRANG	Nữ	09/02/2005	Thái Bình	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	26176	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	01/10/2005	Hải Dương	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
178	26177	VŨ THỊ MINH TRANG	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	26178	NGUYỄN THANH TRÀ	Nữ	24/8/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	26179	HỒ ĐÌNH TRỌNG	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
181	26180	NGUYỄN TIẾN TRUNG	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	26181	BÙI ANH TÚ	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
183	26182	NGUYỄN QUANG TUÂN	Nam	27/3/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
184	26183	ĐOÀN TRUNG TUẤN	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
185	26184	LÊ ANH TUẤN	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
186	26185	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	17/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
187	26186	NGUYỄN NGỌC TUẤN	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	26187	VŨ MINH TUYẾT	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	8.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
189	26188	TRẦN MAI UYÊN	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
190	26189	PHẠM VŨ HẢI VÂN	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
191	26190	LÊ YẾN VY	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
192	26191	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	Nữ	21/4/2005	Hưng Yên	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	26192	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
194	26193	BÙI THẾ ANH	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
195	26194	BÙI VÂN ANH	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
196	26195	ĐÀO NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
197	26196	ĐÀO VIỆT ANH	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
198	26197	ĐOÀN THU ANH	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
199	26198	ĐỖ MINH ANH	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	26199	HÀ THỊ NGỌC ANH	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
201	26200	HOÀNG QUỲNH ANH	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
202	26201	LẠI NGỌC ANH	Nữ	23/6/2005	Thái Bình	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	26202	LÊ HẢI ANH	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
204	26203	LƯU THỊ NGỌC ANH	Nữ	10/6/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
205	26204	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	26205	NGUYỄN MAI PHƯƠNG ANH	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
207	26206	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	26207	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	12/5/2005	Hải Phòng	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
209	26208	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
210	26209	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
211	26210	NGUYỄN TÙNG ANH	Nam	13/4/2005	Quảng Ninh	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
212	26211	PHẠM TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	09/8/2005	Thái Bình	8.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
213	26212	TRẦN MAI ANH	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	9	7	9.5	8.88	Đ		Khá
214	26213	TRỊNH KIỀU ANH	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
215	26214	VŨ LAN ANH	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
216	26215	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
217	26216	NGUYỄN VĂN BẰNG	Nam	21/8/2005	Hưng Yên	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
218	26217	CHU NINH BÌNH	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
219	26218	ĐỖ ĐỨC BÌNH	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
220	26219	AN THÙY CHI	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
221	26220	DƯƠNG ĐÀO LINH CHI	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
222	26221	NGUYỄN ĐẶNG HUYỀN CHI	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
223	26222	PHẠM HOÀNG KIM CHI	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
224	26223	PHẠM NGỌC LINH CHI	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
225	26224	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG CHI	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
226	26225	HUỲNH MINH CHÍNH	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
227	26226	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	8.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
228	26227	LÊ HOÀNG NGỌC DIỆP	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	9.2	1.5	10	7.88		H	
229	26228	VƯƠNG MAI DUNG	Nữ	22/3/2005	Hải Phòng	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
230	26229	ĐOÀN QUANG DŨNG	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
231	26230	NGUYỄN TUẤN DŨNG	Nam	09/5/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	26231	PHẠM MẠNH DŨNG	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
233	26232	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
234	26233	LƯƠNG ĐÌNH ĐẠI	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
235	26234	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	27/3/2005	Hà Nội	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
236	26235	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	09/10/2005	Hải Phòng	9.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
237	26236	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
238	26237	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
239	26238	TRẦN TUẤN ĐẠT	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
240	26239	NGUYỄN HỒNG ĐĂNG	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
241	26240	NGUYỄN NHẬT ĐÌNH	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
242	26241	VŨ DUY ĐÔNG	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
243	26242	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
244	26243	BÙI CÔNG ĐƯỜNG	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
245	26244	LÊ HỒNG ĐỨC	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
246	26245	LÊ VĂN ĐỨC	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
247	26246	LƯU QUANG ĐỨC	Nam	15/7/2005	Hà Nội	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	26247	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	8	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
249	26248	NGUYỄN SỸ ĐỨC	Nam	10/3/2005	Hải Phòng	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
250	26249	TRƯƠNG MINH ĐỨC	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.7	7	9.75	9.06	Đ		Giỏi
251	26250	ĐỒNG THỊ THU GIANG	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
252	26251	LÊ KHÁNH GIANG	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	26252	MAI THỊ LAM GIANG	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	26253	PHAN THU GIANG	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	26254	TÔ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
256	26255	TRẦN VƯƠNG TRƯỜNG GIANG	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	26256	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	Nữ	27/4/2005	Thái Bình	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	26257	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HÀ	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
259	26258	NGUYỄN THỊ THÁI HÀ	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
260	26259	TRẦN NGỌC KHÁNH HÀ	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
261	26260	BÙI NGỌC HẢI	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
262	26261	DƯƠNG HOÀNG HẢI	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	26262	NGUYỄN HỒNG HẢI	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	26263	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	Nữ	14/9/2005	Quảng Ninh	9.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
265	26264	LÊ NGỌC HÂN	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	26265	PHẠM BÍCH HIỀN	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
267	26266	TRẦN HOÀNG HIỆP	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
268	26267	NGUYỄN MINH HIỂN	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
269	26268	BÙI MINH HIẾU	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
270	26269	ĐỖ MẠNH HIẾU	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	26270	PHẠM THÀNH HIẾU	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	26271	TRẦN MAI HOA	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	26272	NGUYỄN ĐỖ HOÀI	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	26273	BÙI VIỆT HOÀNG	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	26274	CAO TÔ HOÀNG	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
276	26275	ĐỖ PHẠM HUY HOÀNG	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	26276	LÊ MINH HOÀNG	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	26277	TRẦN NGỌC HOÀNG	Nam	21/3/2005	Thái Bình	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
279	26278	VŨ ĐỨC HOÀNG	Nam	21/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
280	26279	GIANG QUANG HUY	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
281	26280	KHỔNG VŨ HUY	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
282	26281	LÊ QUANG HUY	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
283	26282	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	26283	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	05/12/2005	Hưng Yên	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
285	26284	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
286	26285	BÙI KHÁNH HUYỀN	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
287	26286	ĐỒNG PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	26287	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
289	26288	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	08/02/2005	Hà Nam	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
290	26289	HOÀNG MẠNH HÙNG	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	26290	ĐÀO TIẾN HƯNG	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
292	26291	LƯU PHẠM DUY HƯNG	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	26292	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	26293	NGUYỄN ĐỨC DUY HƯNG	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
295	26294	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
296	26295	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
297	26296	LÊ DUY KIÊN	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
298	26297	HOÀNG TUẤN KIỆT	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
299	26298	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
300	26299	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
301	26300	BÙI HIỀN LINH	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
302	26301	ĐẶNG KHÁNH LINH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
303	26302	NGUYỄN HOÀNG THÙY LINH	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
304	26303	PHẠM THÙY LINH	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
305	26304	TRẦN MAI LINH	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
306	26305	TRẦN THỊ VÂN LINH	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
307	26306	VŨ KHÁNH LINH	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
308	26307	VŨ KHÁNH LINH	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	26308	VŨ MỸ LINH	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	26309	CAO DUY LONG	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
311	26310	ĐÀO QUANG LONG	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
312	26311	HOÀNG DUY LONG	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
313	26312	LẠI BẢO LONG	Nam	22/11/2005	TP Hồ Chí Minh	8.3	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
314	26313	LÊ XUÂN HOÀNG LONG	Nam	13/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9	9.75	9.56	Đ		Giỏi
315	26314	NGUYỄN ĐỨC LONG	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
316	26315	DƯƠNG TIẾN LỘC	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
317	26316	ĐỖ VÂN LY	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
318	26317	TRẦN THỊ PHƯƠNG LY	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
319	26318	TRẦN THỊ HỒNG LY	Nữ	23/02/2005	Thái Bình	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
320	26319	ĐẶNG NGỌC MAI	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
321	26320	LÊ NGỌC MAI	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.75	9.81	Đ		Giỏi
322	26321	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
323	26322	NGUYỄN TRẦN NHẬT MAI	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
324	26323	ĐỖ TẤN MẠNH	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
325	26324	LÊ QUỐC MẠNH	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	9	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
326	26325	HOÀNG LÊ TUẤN MINH	Nam	06/4/2005	Hải Phòng	9	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
327	26326	HOÀNG TRẦN MINH	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
328	26327	HỒ NGỌC MINH	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
329	26328	LÊ TRÍ MINH	Nam	24/7/2005	Thanh Hóa	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
330	26329	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
331	26330	NGUYỄN TRỌNG MINH	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
332	26331	NGUYỄN DUY MINH	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	9	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
333	26332	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	9	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
334	26333	PHAN NGỌC MINH	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
335	26334	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	17/8/2005	Lạng Sơn	8.3	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	26335	HOÀNG PHẠM THẢO MY	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
337	26336	HOÀNG HẢI NAM	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
338	26337	LÊ HOÀNG NAM	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
339	26338	MAI QUỐC NAM	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
340	26339	PHẠM HẢI NAM	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
341	26340	PHẠM HOÀNG NAM	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
342	26341	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
343	26342	NGUYỄN XUÂN NGHỊ	Nam	20/02/2005	Hải Dương	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
344	26343	ĐỖ THỊ MINH NGỌC	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
345	26344	NGUYỄN GIANG VI NGỌC	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
346	26345	VŨ MINH NGỌC	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
347	26346	BÙI ĐỨC NGUYÊN	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
348	26347	ĐÀO HOÀNG THẢO NGUYÊN	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
349	26348	NGÔ QUANG NGUYÊN	Nam	15/5/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
350	26349	TRẦN ÁNH NGUYỆT	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
351	26350	DƯƠNG BẢO NHI	Nữ	03/02/2005	Bắc Giang	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
352	26351	TRẦN LÂM OANH	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
353	26352	NGUYỄN THÀNH PHONG	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
354	26353	ĐẶNG HOÀNG PHƯƠNG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
355	26354	LÊ MAI PHƯƠNG	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
356	26355	NGUYỄN NGỌC LAN PHƯƠNG	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
357	26356	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
358	26357	NGUYỄN THỊ THÙY PHƯƠNG	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
359	26358	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
360	26359	ĐẶNG HỒNG QUÂN	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
361	26360	TÔ BÁ QUYỀN	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	26361	ĐỖ NHƯ QUỲNH	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
363	26362	LÝ TUỆ SAN	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
364	26363	HOÀNG MINH SƠN	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
365	26364	HOÀNG NGỌC TÂM	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
366	26365	MẠC THANH TÂM	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
367	26366	VŨ TUẤN THÀNH	Nam	04/7/2005	Hải Dương	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
368	26367	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
369	26368	PHAN CHÍ THÀNH	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
370	26369	TRẦN CÔNG THÀNH	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
371	26370	NGUYỄN THỊ HỒNG THẢO	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
372	26371	TRẦN THANH THẢO	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
373	26372	LÊ ĐÌNH THĂNG	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
374	26373	VŨ VĂN THẮNG	Nam	24/8/2005	Nam Định	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
375	26374	TỪ THU THỦY	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
376	26375	BÙI HUYỀN TRANG	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
377	26376	BÙI QUỲNH TRANG	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
378	26377	LẠI MỸ TRANG	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
379	26378	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
380	26379	TÔ THÙY TRANG	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
381	26380	TRẦN NGUYỄN MINH TRANG	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
382	26381	TRẦN QUỲNH TRANG	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
383	26382	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
384	26383	LƯƠNG NHƯ NGỌC TRINH	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
385	26384	LÂM THIÊN TRƯỜNG	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
386	26385	NGÔ LÊ TUÂN	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
387	26386	PHẠM ANH TUẤN	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 48 - Trường THPT Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
388	26387	PHẠM MẠNH TUẤN	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
389	26388	TRỊNH ANH TUẤN	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
390	26389	VI HOÀNG TUẤN	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
391	26390	NGUYỄN ĐỨC UYÊN	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
392	26391	LÊ HOÀNG VŨ	Nam	21/4/2005	Quảng Ninh	9.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
393	26392	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
394	26393	ĐỖ TUẤN VƯƠNG	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
395	26394	PHẠM THỊ YẾN	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	27001	BÙI PHÚC AN	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	27002	LÊ THU AN	Nữ	07/5/2005	Đồng Nai	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	27003	NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	27004	NGUYỄN KIM AN	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
5	27005	PHẠM MAI AN	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
6	27006	BÙI DUY ANH	Nam	12/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	27007	BÙI DUY ANH	Nam	14/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	27008	BÙI HẢI ANH	Nữ	29/9/2005	Hải Phòng	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
9	27009	BÙI HUYỀN ANH	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	27010	BÙI LÊ NGỌC ANH	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
11	27011	DƯƠNG NHẬT ANH	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
12	27012	ĐÀO THỊ HÀ ANH	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	27013	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	23/8/2005	Thanh Hóa	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	27014	NGUYỄN DUY ANH	Nam	01/01/2005	Hà Tây	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
15	27015	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	27016	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
17	27017	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	27018	NGUYỄN KHẮC ANH	Nam	30/01/2005	Nghệ An	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	27019	NGUYỄN LÊ QUỲNH ANH	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	27020	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	27021	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	27022	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	03/12/2005	Hưng Yên	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	27023	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	27024	PHẠM BẢO ANH	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	27025	PHẠM ĐỨC ANH	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	27026	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
27	27027	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	27028	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	27029	PHẠM THẾ ANH	Nam	06/4/2005	Hải Dương	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
30	27030	PHẠM THÙY ANH	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	27031	PHẠM TIẾN ANH	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
32	27032	PHÙNG KIM ANH	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
33	27033	PHÙNG NGỌC ANH	Nữ	30/8/2005	Hà Nội	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
34	27034	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	16/4/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
35	27035	TRẦN THỊ VÂN ANH	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	27036	VŨ THẾ ANH	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	27037	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
38	27038	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
39	27039	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	03/5/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	27040	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	27041	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	05/12/2005	Hải Dương	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	27042	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	27043	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	27044	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
45	27045	PHẠM VIỆT BẰNG	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
46	27046	VŨ TRỌNG BẮC	Nam	04/6/2005	Thái Bình	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	27047	NGUYỄN HUY BẢO BÌNH	Nam	22/6/2005	Lào Cai	8.9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
48	27048	VÕ ĐỨC BÌNH	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	27049	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	15/11/2003	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	27050	HOÀNG ÁI CHI	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
51	27051	LÊ QUỲNH CHI	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
52	27052	NGUYỄN THỊ HUYỀN CHI	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	27053	NGUYỄN THÙY CHI	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	27054	VŨ KHÁNH CHI	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	27055	VŨ KIM CHI	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	27056	NGUYỄN THỊ CHIÊN	Nữ	19/9/2004	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
57	27057	ĐẶNG TRUNG CHIẾN	Nam	19/6/2005	Bắc Giang	8.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
58	27058	NGUYỄN HỮU CHIẾN	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
59	27059	ĐOÀN MINH HUY CHÍNH	Nam	12/12/2004	Nam Định	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
60	27060	ĐẶNG VĂN CHUNG	Nam	25/01/2005	Hải Phòng	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	27061	PHAN DUY CHUNG	Nam	02/01/2005	Thừa Thiên Huế	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	27062	VŨ THỊ CHUNG	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	27063	LÊ PHƯƠNG MẠNH CƯỜNG	Nam	30/9/2005	Thanh Hóa	8.2	10	9.75	9.81	Đ		Giỏi
64	27064	PHẠM HÙNG CƯỜNG	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	27065	PHẠM TUẤN CƯỜNG	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	27066	TRỊNH ĐỨC CƯỜNG	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	27067	TRẦN NGỌC DIỆP	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	27068	PHÙNG THÙY DUNG	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	27069	TRẦN THỊ KIM DUNG	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	27070	ĐỖ ANH DUY	Nam	18/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	27071	NGUYỄN ĐẶNG VIỆT DUY	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	27072	NGUYỄN THỜI DUY	Nam	07/10/2005	Bắc Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	27073	PHẠM VĂN DUY	Nam	05/8/2004	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	27074	NGUYỄN THỊ THU DUYÊN	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	27075	ĐẶNG ĐỨC DŨNG	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	27076	MẠC HÀ ANH DŨNG	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	27077	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	27078	NGUYỄN VIỆT DŨNG	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	27079	TRẦN TRUNG DŨNG	Nam	04/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	27080	VŨ ANH DŨNG	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	27081	ĐỖ BÌNH DƯƠNG	Nam	04/8/2005	Hải Dương	8.1	8	9.75	9.31	Đ		Giỏi
82	27082	ĐỖ HOÀNG DƯƠNG	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
83	27083	LÊ QUỐC DƯƠNG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	27084	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	27085	NGUYỄN THUỲ DƯƠNG	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
86	27086	ĐẶNG TRỌNG ĐẠI	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	27087	NGUYỄN MINH ĐẠI	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
88	27088	TRẦN XUÂN ĐẠI	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	27089	BÙI TIẾN ĐẠT	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	27090	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
91	27091	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
92	27092	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	14/12/2005	Thanh Hóa	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	27093	NGÔ TIẾN ĐẠT	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
94	27094	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
95	27095	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	05/02/2005	Thanh Hóa	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	27096	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	27097	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
98	27098	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	30/9/2005	Hải Phòng	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
99	27099	VŨ TUẤN ĐẠT	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	27100	BÙI HẢI ĐĂNG	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	27101	PHẠM NGỌC HẢI ĐĂNG	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	27102	VŨ ĐÌNH ĐĂNG	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	27103	ĐẶNG ANH ĐỨC	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	27104	ĐỖ TRÍ ĐỨC	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	27105	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
106	27106	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
107	27107	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
108	27108	ĐÀM QUỲNH GIANG	Nữ	20/3/2005	Gia Lai	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
109	27109	ĐINH THỊ GIANG	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	27110	ĐỖ THỊ GIANG	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
111	27111	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	27112	NGUYỄN TRÀ GIANG	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
113	27113	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
114	27114	BÙI VIỆT HÀ	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
115	27115	DƯƠNG VŨ THU HÀ	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	27116	LƯƠNG NGỌC HÀ	Nữ	24/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	27117	NGUYỄN HOÀNG HÀ	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	27118	NÔNG NGUYÊN HÀ	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
119	27119	TRỊNH NGỌC HÀ	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	27120	TRƯƠNG THỊ NGỌC HÀ	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	27121	VŨ HẢI HÀ	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
122	27122	VŨ HOÀNG HÀ	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	27123	KHỔNG MINH HÀO	Nam	03/9/2005	Bắc Giang	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
124	27124	PHẠM TẤN HÀO	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
125	27125	ĐỖ PHẠM THANH HẢI	Nam	03/5/2005	Hòa Bình	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	27126	HOÀNG NGỌC HẢI	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
127	27127	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	27128	NGUYỄN LONG HẢI	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
129	27129	NGUYỄN QUANG HẢI	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
130	27130	VŨ THU HẢI	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
131	27131	PHẠM THỊ HẠ	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
132	27132	NGUYỄN MAI HẠNH	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
133	27133	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
134	27134	HOÀNG THỊ HIỀN	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
135	27135	NGUYỄN THÚY HIỀN	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
136	27136	BÙI NGUYỄN TRỌNG HIẾU	Nam	16/3/2005	Ninh Bình	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
137	27137	ĐÀO DUY HIẾU	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
138	27138	ĐOÀN TRUNG HIẾU	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.1					H	
139	27139	HOÀNG TRUNG HIẾU	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
140	27140	LÝ MINH HIẾU	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	27141	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
142	27142	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
143	27143	TÔ TRUNG HIẾU	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
144	27144	PHẠM HOÀNG HIỆP	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	27145	VŨ HOÀNG HIỆP	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	27146	BÙI NHƯ HOA	Nữ	07/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	27147	NGUYỄN QUỲNH HOA	Nữ	06/01/2005	Vĩnh Phúc	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	27148	NGUYỄN THỊ THANH HOA	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
149	27149	ĐINH THỊ HOÀI	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	27150	MẠNH TRẦN THU HOÀI	Nữ	30/11/2005	Nghệ An	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
151	27151	ĐẶNG HUY HOÀNG	Nam	03/5/2004	Phú Thọ	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
152	27152	LÊ NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
153	27153	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	27154	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	03/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	27155	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	27156	VŨ LÊ HỮU HOÀNG	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
157	27157	ĐẶNG KHÁNH HÒA	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	27158	NGUYỄN TRUNG HÒA	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	27159	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	27160	LÊ VĂN HUY	Nam	29/4/2004	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	27161	NGUYỄN CHÍ QUỐC HUY	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
162	27162	NGUYỄN LÂM HUY	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	27163	NGUYỄN PHƯƠNG HUY	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	27164	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	27165	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	27166	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	27167	PHẠM XUÂN HUY	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	27168	TẠ QUANG HUY	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	27169	TRẦN GIA HUY	Nam	27/6/2004	Hải Phòng	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	27170	VŨ ĐOÀN ĐỨC HUY	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	27171	ĐỒNG NGỌC HUYỀN	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	27172	HOÀNG THỊ PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
173	27173	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	27174	MAI KHÁNH HUYỀN	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	27175	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
176	27176	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	27177	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	27178	VŨ NGỌC HUYỀN	Nữ	05/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	27179	BÙI MẠNH HÙNG	Nam	26/9/2005	Ninh Bình	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	27180	NGUYỄN SINH HÙNG	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
181	27181	PHẠM HOÀNG PHI HÙNG	Nam	12/11/2005	Ninh Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	27182	TRẦN ĐỨC HÙNG	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
183	27183	BÙI ĐÔNG HƯNG	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
184	27184	HOÀNG TUẤN HƯNG	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.3	6	9.5	8.63	Đ		Khá
185	27185	NGUYỄN GIA BẢO HƯNG	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
186	27186	PHẠM CHẤN HƯNG	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
187	27187	PHẠM ĐÌNH HƯNG	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	27188	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	27189	NGUYỄN THANH HƯƠNG	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
190	27190	NGUYỄN THIÊN HƯƠNG	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
191	27191	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	27192	TRỊNH THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	27193	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	27194	ĐINH VĂN KHÁNH	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
195	27195	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	13/01/2005	Hà Tây	8.4	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
196	27196	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	27197	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	27198	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
199	27199	PHẠM ĐĂNG DUY KHÁNH	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
200	27200	VŨ NGUYỄN LAM KHÁNH	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
201	27201	LƯU MẠNH KHOA	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
202	27202	NGÔ ĐÌNH KHƯƠNG	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	27203	ĐINH VĂN KIÊN	Nam	22/9/2003	Nam Định	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
204	27204	ĐỖ SĨ KIÊN	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	27205	LƯU TRUNG KIÊN	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	27206	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	07/10/2002	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	27207	NGUYỄN THẾ KIỆT	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	27208	VŨ THỊ NGỌC LAN	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	27209	ĐỖ HOÀNG LÂM	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
210	27210	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	27211	BÙI VĂN LÂN	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	8.3	4.75	10	8.69	Đ		Trung bình
212	27212	DƯƠNG NGỌC LINH	Nữ	03/8/2005	Hà Nội	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
213	27213	ĐẶNG THỊ NGỌC LINH	Nữ	19/8/2005	Vũng Tàu	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
214	27214	ĐINH GIA LINH	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
215	27215	ĐOÀN NHẬT LINH	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
216	27216	HOÀNG BÙI MAI LINH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
217	27217	LÂM BẢO LINH	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
218	27218	LÊ HOÀNG NGỌC LINH	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
219	27219	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.75	9.69	Đ		Giỏi
220	27220	LÊ NGỌC THÙY LINH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
221	27221	NGÔ NGUYỄN NGỌC LINH	Nam	28/10/2005	Hải Dương	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
222	27222	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	27223	NGUYỄN PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
224	27224	NGUYỄN THẢO LINH	Nữ	15/10/2005	Hà Nội	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
225	27225	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
226	27226	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
227	27227	PHAN THÙY LINH	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
228	27228	TRẦN NGỌC LINH	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
229	27229	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
230	27230	TRẦN THỊ THÙY LINH	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
231	27231	TRỊNH MAI LINH	Nữ	07/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	27232	TRỊNH THỊ THÙY LINH	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
233	27233	VŨ THỊ DIỆU LINH	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9.75	9.56	Đ		Giỏi
234	27234	VŨ THÙY LINH	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	27235	BÙI HOÀNG LONG	Nam	10/5/2005	Hải Phòng	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
236	27236	ĐỒNG NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
237	27237	HOÀNG THẾ LONG	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
238	27238	NGUYỄN BẢO LONG	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	27239	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	30/10/2005	Thái Bình	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
240	27240	NGUYỄN NGỌC LONG	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
241	27241	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	28/4/2005	Nghệ An	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	27242	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	27243	TÔ VĨ LONG	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
244	27244	TRẦN BẢO LONG	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
245	27245	TRẦN THÀNH LONG	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
246	27246	VŨ THÀNH LONG	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
247	27247	ĐẶNG THÀNH LUÂN	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	27248	PHAN HÀ KHÁNH LY	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
249	27249	HOÀNG NGỌC MAI	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
250	27250	NGUYỄN THANH MAI	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	27251	NGUYỄN THU MAI	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
252	27252	NGUYỄN VŨ ĐOÀN MAI	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	27253	ĐÀO QUANG MẠNH	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	27254	PHẠM TIẾN MẠNH	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	27255	LẠI CÔNG MINH	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
256	27256	LÊ CHÍNH MINH	Nam	31/8/2004	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	27257	NGUYỄN HỒNG MINH	Nam	17/8/2005	Ninh Bình	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	27258	TỐNG QUANG MINH	Nam	11/8/2003	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
259	27259	VŨ ĐÌNH NHẬT MINH	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
260	27260	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
261	27261	PHAN THỊ TRÀ MY	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
262	27262	ĐINH VŨ THÀNH NAM	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	27263	NGUYỄN DUY NAM	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
264	27264	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
265	27265	NGUYỄN XUÂN NAM	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	27266	PHAN VĂN NAM	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
267	27267	TRẦN BẢO NAM	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	27268	HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
269	27269	NGUYỄN THỊ THÙY NGÂN	Nữ	31/12/2004	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
270	27270	BÙI TRỌNG NGHĨA	Nam	25/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	27271	PHẠM VŨ NGHĨA	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
272	27272	BÙI THỊ THÚY NGỌC	Nữ	02/10/2004	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
273	27273	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
274	27274	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	27275	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
276	27276	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
277	27277	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	06/7/2005	Hà Giang	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	27278	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
279	27279	VŨ HỒNG NGỌC	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
280	27280	TRẦN TRUNG NGUYÊN	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
281	27281	VŨ THẢO NGUYÊN	Nữ	07/8/2005	Hải Dương	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
282	27282	VŨ MINH NHẬT	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
283	27283	NGUYỄN DUY NHẬT	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	27284	NGUYỄN QUANG MINH NHẬT	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
285	27285	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
286	27286	LÊ YẾN NHI	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
287	27287	NGUYỄN HOÀNG UYỂN NHI	Nữ	20/6/2005	Đak Lak	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	27288	NGUYỄN VŨ YẾN NHI	Nữ	27/6/2005	Hải Phòng	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
289	27289	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
290	27290	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	27291	ĐỖ THỊ TRANG NHUNG	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
292	27292	VŨ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	27293	ĐỒNG NINH NINH	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	27294	HỨA TRẦN THẢO NINH	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
295	27295	NGUYỄN HẢI NINH	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
296	27296	TRẦN BÌNH NINH	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
297	27297	NGUYỄN THỊ LÂM OANH	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
298	27298	VŨ THỊ KIM OANH	Nữ	21/7/2005	Nam Định	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
299	27299	LÊ DUY PHONG	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
300	27300	LÊ TRỌNG NHẬT PHONG	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
301	27301	NGUYỄN HỒNG PHONG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
302	27302	TRẦN QUANG PHONG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
303	27303	PHÙNG GIA PHÚ	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
304	27304	NGUYỄN VŨ PHÚC	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
305	27305	PHẠM VĂN PHÚC	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
306	27306	CHU THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
307	27307	DƯƠNG LONG PHƯƠNG	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
308	27308	ĐẶNG HOÀNG PHƯƠNG	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	27309	LÊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	27310	LƯƠNG THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
311	27311	LỮ THỊ HOÀI PHƯƠNG	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
312	27312	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	03/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
313	27313	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
314	27314	TRẦN MINH QUANG	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
315	27315	ĐẶNG QUANG QUÂN	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
316	27316	NGUYỄN ANH QUÂN	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
317	27317	VŨ HOÀNG QUÂN	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
318	27318	NGUYỄN THANH QUÍ	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
319	27319	TRẦN DUY QUY	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
320	27320	NGUYỄN THỊ TỐ QUYÊN	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
321	27321	ĐỖ VĂN QUYẾT	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
322	27322	BÙI NHƯ QUỲNH	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
323	27323	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
324	27324	ĐOÀN ĐỖ PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
325	27325	PHẠM THỊ QUỲNH	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
326	27326	LÊ XUÂN QUÝ	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
327	27327	NGUYỄN THỊ NGỌC QUÝ	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
328	27328	NGUYỄN SỸ SANG	Nam	03/02/2005	Nghệ An	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
329	27329	ĐINH KHẮC SÁNG	Nam	26/9/2004	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
330	27330	NGÔ ĐÌNH SƠN	Nam	26/3/2004	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
331	27331	NGUYỄN HỮU SƠN	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
332	27332	PHẠM ĐỨC SƠN	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
333	27333	NGUYỄN VĂN SỸ	Nam	22/12/2005	Thanh Hóa	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
334	27334	ĐÀO QUỲNH TÂM	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
335	27335	LÊ MINH TÂM	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	27336	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
337	27337	DƯƠNG CAO THANH	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
338	27338	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	07/11/2005	Hải Dương	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
339	27339	CAO TIẾN THÀNH	Nam	11/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
340	27340	ĐỖ NHẤT THÀNH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
341	27341	PHÙNG ĐỨC THÀNH	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
342	27342	VŨ MINH THÀNH	Nam	19/9/2004	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
343	27343	ĐINH MINH THẢO	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
344	27344	ĐOÀN LÊ THU THẢO	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
345	27345	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
346	27346	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
347	27347	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
348	27348	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
349	27349	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
350	27350	TRỊNH THỊ THẢO	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
351	27351	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
352	27352	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
353	27353	LÊ NGUYỄN THÁI	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
354	27354	NGUYỄN DANH THÁI	Nam	15/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
355	27355	VŨ VĂN THẠNH	Nam	05/10/2005	Hải Dương	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
356	27356	KHƯƠNG ĐÌNH THẮNG	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
357	27357	LÊ XUÂN THẮNG	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
358	27358	VŨ DOÃN THẮNG	Nam	21/5/2005	Thái Bình	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
359	27359	VŨ ĐÌNH THẮNG	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
360	27360	VŨ ĐỨC THẮNG	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
361	27361	VŨ MẠNH THẮNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	27362	VŨ VĂN THẮNG	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
363	27363	BÙI NGỌC THIỆN	Nam	30/4/2005	Thanh Hóa	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
364	27364	NGUYỄN XUÂN THIỆP	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
365	27365	PHẠM TIẾN THỊNH	Nam	04/11/2005	Hải Phòng	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
366	27366	TẠ ĐỨC THỊNH	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
367	27367	LỖ TIẾN THÔNG	Nam	08/12/2005	Hà Nội	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
368	27368	HOÀNG THỊ HOÀI THU	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
369	27369	NGUYỄN THANH THU	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
370	27370	LÊ SƠN BÌNH THUẬN	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
371	27371	TÔ THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	26/01/2005	Thái Bình	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
372	27372	LÊ BÍCH THỦY	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
373	27373	BÙI THANH THƯ	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
374	27374	NGUYỄN ANH THƯ	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
375	27375	TRẦN NGỌC ANH THƯ	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
376	27376	VŨ ANH THƯ	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
377	27377	VŨ THANH THƯ	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
378	27378	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
379	27379	ĐỖ MINH TIẾN	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
380	27380	DƯƠNG THÙY TRANG	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
381	27381	HOÀNG THỊ KIỀU TRANG	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
382	27382	LƯƠNG THÙY TRANG	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
383	27383	NGHIÊM THỊ THÙY TRANG	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
384	27384	NGUYỄN HOÀNG MINH TRANG	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
385	27385	NGUYỄN LINH TRANG	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
386	27386	NGUYỄN THIÊN TRANG	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
387	27387	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	27/10/2005	Hải Phòng	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
388	27388	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	14/02/2005	Thanh Hóa	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
389	27389	NGUYỄN THỊ LINH TRANG	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
390	27390	NGUYỄN TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	21/3/2005	Thái Bình	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
391	27391	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
392	27392	TÔ BÙI HUYỀN TRANG	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
393	27393	TRẦN THỊ HÀ TRANG	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
394	27394	TRẦN THU TRANG	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
395	27395	TRẦN THƯ TRANG	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
396	27396	TRỊNH THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	12/6/2004	Hải Phòng	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
397	27397	ĐỖ THU TRÀ	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
398	27398	PHẠM THANH TRÀ	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
399	27399	HOÀNG NGỌC TRÂM	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
400	27400	NGUYỄN PHƯƠNG TRÂM	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
401	27401	NGUYỄN ÁI TRÂN	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
402	27402	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
403	27403	DƯƠNG QUỐC TRỌNG	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
404	27404	PHẠM TIẾN TRỌNG	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
405	27405	BÙI VĂN TRUNG	Nam	09/4/2005	Hải Dương	8.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
406	27406	ĐÀM QUANG TRUNG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
407	27407	PHẠM THÀNH TRUNG	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
408	27408	TRƯỜNG XUÂN TRUNG	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
409	27409	HOÀNG ĐÌNH TUẤN	Nam	20/01/2005	Bắc Giang	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
410	27410	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
411	27411	PHẠM ĐỨC TUẤN	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
412	27412	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	10/9/2005	Thái Bình	8.1	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
413	27413	TRẦN SỸ TUẤN	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
414	27414	VŨ ANH TUẤN	Nam	13/6/2005	Nam Định	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
415	27415	HÀ THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	27/02/2005	Thái Bình	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
416	27416	ĐINH KHẮC TÙNG	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
417	27417	HÀ XUÂN TÙNG	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
418	27418	LÊ THANH TÙNG	Nam	12/7/2004	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
419	27419	NGUYỄN TIẾN TÙNG	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
420	27420	NGUYỄN XUÂN TÙNG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
421	27421	PHAN ĐỨC TÙNG	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
422	27422	PHẠM THANH TÙNG	Nam	25/02/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
423	27423	BÙI SONG TÚ	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
424	27424	HOÀNG VŨ TÚ	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
425	27425	HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
426	27426	MẠC THỊ TỐ UYÊN	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
427	27427	DIỆP TÚ VĂN	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
428	27428	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
429	27429	TRẦN THỊ THẢO VÂN	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
430	27430	VŨ THÚY VÂN	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
431	27431	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	Nữ	23/12/2005	Hà Nội	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
432	27432	TRẦN THỊ LÂM VI	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
433	27433	LÊ HOÀNG VIỆT	Nam	16/8/2005	Thanh Hóa	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
434	27434	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
435	27435	NGUYỄN NHƯ TUẤN VINH	Nam	04/12/2005	Thanh Hóa	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
436	27436	LẠI VĂN VŨ	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
437	27437	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	20/11/2003	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
438	27438	TẠ HOÀNG VŨ	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
439	27439	THÁI HOÀNG VŨ	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 50 - Trường TH-THCS&THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
440	27440	TRẦN QUANG VŨ	Nam	01/12/2005	Bình Dương	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
441	27441	DIỆP TÚ VƯƠNG	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	8.4	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
442	27442	HOÀNG HÀ VY	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
443	27443	TỐNG KHÁNH VY	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
444	27444	TRẦN THẢO VY	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9.25				H	
445	27445	TRẦN THỊ HÀ VY	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
446	27446	TRẦN BẢO XUYẾN	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
447	27447	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
448	27448	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
449	27449	TRẦN BẢO YẾN	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	28001	LỤC VĂN AN	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
2	28003	BÙI THỊ VÂN ANH	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
3	28004	ĐÀO THỊ HỒNG ANH	Nữ	25/3/2005	Quảng Ninh	8.9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
4	28005	ĐINH TIẾN ANH	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
5	28006	HOÀNG NHƯ NGỌC ANH	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	9	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
6	28008	NGÔ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
7	28009	NGUYỄN DIỆP ANH	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	7.9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
8	28010	NGUYỄN HÀ ANH	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
9	28012	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	9.9	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
10	28013	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	28014	NGUYỄN NGỌC HẢI ANH	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	28015	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	28016	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
14	28017	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
15	28020	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	28021	TẠ THỊ NGỌC ANH	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	28022	TÔ DUNG ANH	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	28024	TRẦN NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
19	28025	TRẦN THỊ QUẾ ANH	Nữ	03/12/2005	Thanh Hóa	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	28027	TRƯƠNG VIỆT ANH	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.6					H	
21	28028	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	28029	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
23	28030	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	28031	TRIỆU THỊ ÁNH	Nữ	17/8/2005	Quảng Ninh	9.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	28032	NGUYỄN XUÂN BÁCH	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	28036	AN THỊ KHÁNH CHI	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	28037	BÙI THỊ LINH CHI	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
28	28038	NGÔ THỊ CHI	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	28039	PHẠM THỊ CHI	Nữ	15/4/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	28040	ĐỖ THỊ CHIỀU	Nữ	12/3/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	28041	HOÀNG LAN CHINH	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	28044	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	28045	LƯƠNG THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
34	28046	TRƯƠNG NGỌC DUNG	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	28048	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	28049	TRẦN KHÁNH DUY	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
37	28050	TRẦN QUANG DUY	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
38	28053	TỪ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
39	28054	BÙI XUÂN DŨNG	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	28055	CAO TIẾN DŨNG	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	6.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	28056	VŨ ĐẮC DŨNG	Nam	30/8/2005	Hải Dương	9.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
42	28057	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	Nữ	21/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
43	28058	LƯU ÁNH DƯƠNG	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	9.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
44	28059	NGUYỄN HỮU MINH DƯƠNG	Nam	13/9/2005	Hưng Yên	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	28060	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	9.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	28061	NGUYỄN THUỲ DƯƠNG	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
47	28064	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
48	28065	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
49	28066	TRƯƠNG THẾ ĐIỆP	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	7.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	28067	TRIỆU KIM ĐOÀN	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
51	28068	ĐỖ VĂN ĐÔNG	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
52	28069	ĐÀO DUY ĐỨC	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	28070	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	28071	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	28073	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
56	28074	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
57	28075	VŨ HƯƠNG GIANG	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
58	28078	NGUYỄN THỊ NGUYỆT HÀ	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	28079	TRỊNH THANH HÀ	Nam	16/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
60	28080	VŨ THỊ THU HÀ	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	28081	BÙI QUANG HẢI	Nam	15/9/2005	Phú Thọ	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	28082	LÊ THỊ THANH HẢI	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	28083	NGUYỄN THỊ HẢI	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
64	28084	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	28085	ĐỐNG THỊ THU HẠ	Nữ	20/3/2005	Quảng Ninh	9.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
66	28086	CHU THỊ MỸ HẠNH	Nữ	29/9/2005	Hưng Yên	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	28090	LÝ VĂN HIẾN	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	28092	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	28094	PHẠM MINH HIẾU	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	28095	VŨ VĂN HIẾU	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
71	28096	BÙI CÔNG HOAN	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	28097	NGUYỄN ĐÌNH HOAN	Nam	24/02/2005	Hải Dương	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
73	28098	PHẠM THANH HOÀN	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	28099	ĐẶNG VIỆT HOÀNG	Nam	22/01/2006	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	28100	LÊ ĐỨC HOÀNG	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	7.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	28101	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	28102	BÙI THỊ BÍCH HỒNG	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	28103	ĐINH THỊ HỒNG	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	28104	HÀ THỊ HUẾ	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	28105	PHẠM KIM HUỆ	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	9.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
81	28106	HOÀNG VĂN HUY	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	28107	LỤC QUANG HUY	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	7.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
83	28110	BÙI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
84	28111	DOÃN NGÔ KHÁNH HUYỀN	Nữ	01/02/2005	Lào Cai	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
85	28112	ĐỖ THỊ HUYỀN	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	9.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
86	28113	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	28114	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	28115	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	28116	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
90	28117	PHẠM NGỌC HUYỀN	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	28118	VŨ PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
92	28119	LÊ HUY HÙNG	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
93	28120	NGUYỄN HUY HÙNG	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	8.9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
94	28121	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	9	5	10	8.75	Đ		Khá
95	28122	PHẠM ĐỨC HÙNG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
96	28123	PHẠM MẠNH HÙNG	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	28124	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	30/10/2003	Quảng Ninh	8	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
98	28125	LÝ MẠNH HƯNG	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
99	28126	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	28127	BÀN HỮU HƯƠNG	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	9	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
101	28128	ĐÀO THỊ HƯƠNG	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	28129	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	9	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
103	28131	LÊ VĂN KHÁNH	Nam	31/01/2005	Hải Dương	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	28132	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	28133	VŨ NHẤT KHÔI	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	28134	ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
107	28135	MẠC TRUNG KIÊN	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
108	28137	TRẦN ĐỨC KIÊN	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	28138	PHÙNG THẾ KIỆT	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	28139	HOÀNG THỊ THANH LAM	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
111	28144	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	28146	BÙI THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	28147	ĐỖ THUỲ LINH	Nữ	11/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	28148	HÀ DIỆU LINH	Nữ	14/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	28149	HÀ TRẦN LỢI LINH	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	28150	LÃ THÙY LINH	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	28151	LÊ THỊ THUỲ LINH	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	28152	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
119	28153	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
120	28155	PHẠM NHẬT LINH	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	28156	TRẦN DIỆP LINH	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
122	28157	PHẠM THÚY LOAN	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	28158	ĐINH BẢO LONG	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	6	5	10	8.75	Đ		Khá
124	28159	NGUYỄN ĐỨC LONG	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
125	28160	PHẠM THANH LỘC	Nam	04/3/2004	Quảng Ninh	7.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
126	28161	TRIỆU ĐỨC LỢI	Nam	27/02/2005	Thái Bình	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
127	28162	VŨ THỊ LỢI	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	28164	BÙI THỊ XUÂN MAI	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
129	28165	ĐINH THỊ NGỌC MAI	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
130	28166	LƯƠNG NGỌC MAI	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
131	28167	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
132	28168	VŨ THỊ NGỌC MAI	Nữ	20/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	28169	ĐỖ ĐỨC MẠNH	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
134	28170	HOÀNG DUY MẠNH	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
135	28173	PHÙNG DUY MẠNH	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
136	28175	BÙI CÔNG MINH	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
137	28176	LÊ HOÀNG MINH	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
138	28177	PHẠM HOÀNG MINH	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
139	28178	TRẦN QUANG MINH	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	9.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
140	28179	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
141	28180	KHƯƠNG VŨ HOÀI NAM	Nam	06/11/2005	Thái Bình	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
142	28181	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	23/9/2005	Hải Dương	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	28182	BÙI THỊ NGA	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
144	28183	ĐINH PHƯƠNG NGA	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	28184	NGUYỄN THỊ THU NGA	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
146	28185	TRẦN THU NGA	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	28186	LỘC THỊ HỒNG NGÁT	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
148	28187	NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN	Nữ	28/10/2005	Hải Dương	8.1	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
149	28189	TẢY THỊ KHÁNH NGHI	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	28190	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	9.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
151	28191	VŨ ĐỨC NGHĨA	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
152	28192	ĐỖ THANH NGHỊ	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	9.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
153	28193	HOÀNG BẢO NGỌC	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	28194	LẠI MINH NGỌC	Nữ	30/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
155	28195	NGUYỄN VŨ BẢO NGỌC	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
156	28196	TẨY THỊ MINH NGỌC	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	28197	TẠ MINH NGUYỆT	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	28198	NGUYỄN THANH NHÀN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	28199	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	28200	LÝ THỊ LAN NHI	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	28201	NGÔ THỊ NHUNG	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	9.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
162	28203	PHẠM THỊ PHƯƠNG NHUNG	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
163	28204	LƯU THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
164	28206	LIÊU THỊ OANH	Nữ	03/3/2005	Quảng Ninh	9.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
165	28207	NGUYỄN LÂM KIỀU OANH	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
166	28208	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
167	28209	LÊ PHI	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	28211	HOÀNG MINH PHONG	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	7.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
169	28212	TRƯƠNG TUẤN PHONG	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
170	28213	BÀNG MINH PHÚ	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	9.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
171	28214	HÀ MINH PHÚC	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
172	28215	LÊ VĂN ANH PHÚC	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
173	28217	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	28218	HỨA THỊ THU PHƯỢNG	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
175	28219	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
176	28221	BÙI TRUNG QUÂN	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
177	28222	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	28223	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	24/8/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
179	28224	NGUYỄN MẠNH QUYỀN	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	6.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	28226	TRẦN VĂN QUYẾT	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
181	28227	VI THÀNH QUYẾT	Nam	28/4/2005	Bắc Giang	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
182	28228	BÙI DIỄM QUỲNH	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
183	28229	NGUYỄN MAI QUỲNH	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	28230	TRƯƠNG NGỌC QUỲNH	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
185	28231	NGUYỄN DUY QUÝ	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
186	28232	NGUYỄN MINH QUÝ	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
187	28233	ĐẶNG THÁI SƠN	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	28234	ĐINH NGỌC SƠN	Nam	14/5/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
189	28235	HOÀNG NGỌC SƠN	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
190	28236	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
191	28237	NGUYỄN THẾ TÀI	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
192	28238	NGUYỄN THANH TÂM	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
193	28240	NGUYỄN THỊ TÌNH MINH TÂM	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	28241	TRẦN THỊ TÂN	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	28242	HOÀNG VĂN THANH	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	28243	NGUYỄN DUY THANH	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	28244	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
198	28245	BÙI NGỌC THÀNH	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
199	28246	BÙI QUANG THÀNH	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
200	28247	ĐẶNG XUÂN THÀNH	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
201	28249	PHẠM NGỌC THÀNH	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
202	28251	AN THANH THẢO	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	28252	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
204	28253	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
205	28254	LÊ THANH THẢO	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	28255	NGÔ THANH THẢO	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	28256	NGUYỄN HUY THỊ THẢO	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
208	28257	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
209	28258	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
210	28259	PHẠM THU THẢO	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
211	28260	TẠ TRẦN THANH THẢO	Nữ	03/5/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
212	28261	TRIỆU VI THẢO	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
213	28263	VŨ THU THẢO	Nữ	11/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	28264	LÊ VĂN THÁI	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
215	28265	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	8.4	4	10	8.50	Đ		Trung bình
216	28266	BÙI QUANG THẮNG	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
217	28267	ĐOÀN HỮU THẮNG	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
218	28268	HOÀNG QUỐC THẮNG	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
219	28269	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	28270	PHẠM VĂN THẮNG	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
221	28271	ĐINH THỊ THU	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
222	28273	PHẠM THỊ MINH THU	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
223	28274	TRẦN HÀ THU	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	28275	HOÀNG VĂN THUẬN	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	28276	HOÀNG THU THÙY	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	28277	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG THÙY	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	28279	HÀ THỊ THỦY	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	28281	TRIỆU THỊ THỦY	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	28283	PHẠM THỊ THÚY	Nữ	07/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	28284	TẠ THỊ DIỆU THÚY	Nữ	09/11/2005	Thái Bình	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	28285	ĐẶNG PHƯƠNG THƯ	Nữ	19/10/2005	Thái Bình	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	28286	HOONG THỊ THÚY THƯƠNG	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	28287	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	28288	TRỊNH NGUYỄN THANH THƯƠNG	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	28289	NGUYỄN HỮU THƯỞNG	Nam	09/12/2005	Thái Bình	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	28290	ĐINH TRẦN TRỌNG TIẾN	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	28291	NGUYỄN QUANG TIẾN	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	28293	VŨ HUY TIẾN	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	28295	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
240	28297	HOÀNG THỊ ĐOAN TRANG	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	28298	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	28300	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	28301	NGÔ THỊ KIỀU TRINH	Nữ	23/10/2005	Hưng Yên	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
244	28303	ĐÀO QUANG TRUNG	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
245	28304	LÊ MINH TRUNG	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
246	28305	PHẠM QUỐC TRUNG	Nam	14/4/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
247	28306	LÊ GIA TRỤ	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	9.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
248	28307	ĐẶNG VĂN TRƯỜNG	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
249	28308	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	9.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
250	28309	NGÔ XUÂN TRƯỜNG	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
251	28310	TRẦN SƠN TRƯỜNG	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
252	28312	LÊ VĂN ĐỨC TUẤN	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	9.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
253	28313	TRẦN VĂN TUẤN	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
254	28314	VŨ ANH TUẤN	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	28316	NGÔ VĂN TÙNG	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
256	28318	PHẠM SƠN TÙNG	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	9.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
257	28320	VŨ THANH TÙNG	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 51 - Trường THPT Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	28322	TỪ NHẬT UYÊN	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
259	28323	ĐÀO THỊ DIỆU VÂN	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
260	28325	LÊ VŨ THẢO VÂN	Nữ	03/02/2005	Hà Nội	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
261	28327	NGUYỄN THẢO VI	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
262	28328	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	Nam	18/4/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	28329	PHẠM HOÀNG VIỆT	Nam	06/01/2005	Hồ Chí Minh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	28330	HÀ QUANG VINH	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
265	28331	TRƯƠNG VĂN VINH	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
266	28332	LÝ SINH VŨ	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	9.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
267	28333	NGUYỄN GIA VŨ	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
268	28334	LÊ THẢO VY	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
269	28337	ĐỖ HƯƠNG XUÂN	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
270	28338	NGUYỄN THANH XUÂN	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
271	28339	BÀN TRẦN PHI YẾN	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
272	28340	BÙI THỊ HẢI YẾN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
273	28341	BÙI THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	07/6/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
274	28342	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 52 - Trường THCS&THPT Quảng La

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	30001	BÀN TUẤN ANH	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	30002	ĐẶNG HOÀNG ANH	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	30003	GÌ KIM ANH	Nữ	12/3/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	30004	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	06/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
5	30005	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	09/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	30006	BÀNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	30007	TRIỆU THỊ ÁNH	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
8	30008	TRIỆU THỊ ÁNH	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	30009	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
10	30010	LÝ SINH BẢO	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	30011	TRIỆU QUÝ BẰNG	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
12	30012	LÝ VĂN BÌNH	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
13	30013	PHẠM THANH BÌNH	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
14	30014	TRƯƠNG ĐỨC CẢNH	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
15	30015	TRIỆU THỊ CHÂN	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	30016	TRƯƠNG THỊ HUYỀN CHÂN	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
17	30017	TRIỆU THỊ CHINH	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	30018	TRƯƠNG ĐỨC CHÍNH	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	30019	CHU TIẾN CÔNG	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
20	30020	TRƯƠNG THỊ DIỆU	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	30021	BÀN HỮU DUY	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	30022	ĐẶNG KHÁNH DUY	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
23	30023	TRƯƠNG THẾ DUY	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 52 - Trường THCS&THPT Quảng La

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	30024	LÝ THỊ DUYÊN	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
25	30025	TRIỆU THỊ DUYÊN	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
26	30026	LÝ HOÀNG ĐẠT	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
27	30027	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	24/9/2005	Hưng Yên	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	30028	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	30029	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
30	30030	ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	30031	ĐẶNG VĂN HÀ	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	30032	TRẦN THU HÀ	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	30033	TRƯƠNG VĂN HẢI	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
34	30034	NGUYỄN NGỌC HẠNH	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
35	30035	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
36	30036	HOÀNG VĂN HIẾU	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	30037	LÝ VĂN HIỆP	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
38	30038	HÀ VĂN HIỆU	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
39	30039	LÝ VIỆT HOÀN	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	30040	BÀN VĂN HOÀNG	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	30041	ĐINH HUY HOÀNG	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
42	30042	TRẦN VIỆT HOÀNG	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	30043	PHẠM QUÝ HƠN	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.4	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
44	30044	DƯƠNG THỊ HUỆ	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	30045	BÀN VĂN HUY	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
46	30046	DƯƠNG THỊ HUYỀN	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
47	30047	BÀN VĂN HÙNG	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	30048	NGUYỄN THẾ HÙNG	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	30049	TRIỆU QUÝ HÙNG	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 52 - Trường THCS&THPT Quảng La

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	30050	LÝ VĂN HỮU	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	30051	ĐẶNG VĂN KHÁNH	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	30052	LÝ TRUNG KIÊN	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	30053	TRIỆU THỊ KIỀU	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	9	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
54	30054	PHAN KIM LIÊN	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	30055	HOÀNG HUY LƯƠNG	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
56	30056	TRIỆU ĐỨC LƯƠNG	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
57	30057	HOÀNG THỊ CẨM LY	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	30058	BÙI XUÂN MAI	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
59	30059	HOÀNG HOA MAI	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	30060	LÃ ĐỨC MẠNH	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
61	30061	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
62	30062	TRƯƠNG VĂN MẠNH	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	30063	BÀN PHÚC MINH	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
64	30064	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	30065	LÊ HOÀI NAM	Nam	17/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	30066	VŨ HOÀNG NAM	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	30067	ĐÀO THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	30068	LÝ HOÀI NGỌC	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
69	30069	LÝ VĂN NGUYÊN	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	30070	CHU ÁNH NGUYỆT	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	30071	LÝ MINH NGUYỆT	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
72	30072	TRIỆU THỊ NHIÊN	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	30073	LÝ KIM OANH	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
74	30074	LÝ VĂN PHÚC	Nam	23/9/2003	Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
75	30075	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nam	25/02/2003	Hưng Yên	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 52 - Trường THCS&THPT Quảng La

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	30076	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
77	30077	LINH THỊ NGỌC PHƯỢNG	Nữ	30/10/2004	Gia Lai	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	30078	NGUYỄN TRUNG QUÂN	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	30079	BÀN HỮU QUYẾN	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
80	30080	BÀN THỊ QUỲNH	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
81	30081	HÀ TRIỆU SAO	Nam	16/9/2005	Hải Phòng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	30082	LIÊU HOÀI SƠN	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	30083	BÀN THỊ MINH TÂM	Nữ	26/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	30084	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	30085	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/6/2005	Hưng Yên	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	30086	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	30087	NGUYỄN THỊ THÊM	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	30088	BÀN PHÚC THỊNH	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	30089	BÙI MINH THƯ	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	30090	TRIỆU THỊ THƯ	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
91	30091	TRƯƠNG THỊ THƯ	Nữ	31/5/2004	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
92	30092	NGUYỄN THỊ DIỆU THƯƠNG	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
93	30093	TRIỆU THỊ THƯƠNG	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	30094	PHẠM THỊ THỦY TIÊN	Nữ	31/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	30095	ĐẶNG VĂN TIẾP	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
96	30096	TRƯƠNG THỊ TÌNH	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	30097	NGỌC QUỐC TOẢN	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
98	30098	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	30099	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	30100	TRẦN QUỲNH TRANG	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
101	30101	TRẦN THU TRANG	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 52 - Trường THCS&THPT Quảng La

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	30102	TRIỆU ĐẶNG NGỌC TRÂM	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
103	30103	TRƯƠNG VĂN TUÂN	Nam	20/11/2004	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
104	30104	TẠ MINH TUẤN	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
105	30105	TRƯƠNG VĂN ANH TUẤN	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	30106	LÝ VĂN TUYẾN	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
107	30107	ĐẶNG VĂN TÚ	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
108	30108	BÀN THỊ UYÊN	Nữ	13/3/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
109	30109	LÝ THỊ UYÊN	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	30110	LÝ THỊ VÂN	Nữ	16/10/2004	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
111	30111	BÀN VĂN VI	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	30112	ĐẶNG THỊ VI	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
113	30113	LÝ SINH VIỆT	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
114	30114	TRIỆU THỊ VINH	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
115	30115	TRƯƠNG QUANG VINH	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
116	30116	ĐẶNG VĂN VŨ	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
117	30117	NGỌC TRẦN VŨ	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	30118	PHẠM VĂN VŨ	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 53 - Trung tâm GDNN - GDTX Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	28002	NGUYỄN THỊ HÀ AN	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.5	5.75	10	8.94	Đ		Khá
2	28007	LÊ KHẮC TUẤN ANH	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	28011	NGUYỄN HUY ANH	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.2	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
4	28018	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
5	28019	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
6	28023	TRẦN MINH ANH	Nam	21/4/2005	Quảng Ninh	8	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
7	28026	TRIỆU NGUYỄN DUY ANH	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
8	28033	VŨ VIỆT BẮC	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	28034	BÙI HÒA BÌNH	Nam	12/8/2005	Hòa Bình	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	28035	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	28042	LÝ QUỐC CƯỜNG	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	8					H	
12	28043	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
13	28047	NGUYỄN ĐÌNH DUY	Nam	01/9/2004	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
14	28051	TRỊNH VĂN DUY	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	28052	ĐẶNG THỊ DUYÊN	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	28062	DƯƠNG ÁNH ĐÀO	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
17	28063	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
18	28072	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	7.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
19	28076	LÝ THỊ THU HÀ	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
20	28077	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
21	28087	NGUYỄN XUÂN HẬU	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	28088	LÊ MINH HIỀN	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	7.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
23	28089	PHẠM MINH HIỀN	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 53 - Trung tâm GDNN - GDTX Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	28091	NGỌC MINH HIẾU	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	7.8	5.75	10	8.94	Đ		Khá
25	28093	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	7.5	5	10	8.75	Đ		Khá
26	28108	NGÔ QUANG HUY	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
27	28109	TRỊNH ĐỨC HUY	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
28	28130	TRẦN THỊ HƯỜNG	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8	5.5	10	8.88	Đ		Khá
29	28136	NGHIÊM TRUNG KIÊN	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	7.9	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
30	28140	BÙI THỊ LAN	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
31	28141	BÀN HỮU LÂM	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	7.6	5	10	8.75	Đ		Khá
32	28142	NGUYỄN ĐỨC LÂM	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	7.7	5.75	10	8.94	Đ		Khá
33	28143	ĐẶNG HỮU LIÊN	Nam	20/6/1997	Lạng Sơn	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
34	28145	BÙI THỊ LINH	Nữ	19/3/2005	Quảng Ninh	8.1	5.75	10	8.94	Đ		Khá
35	28154	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	28163	HOÀNG THỊ LY	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
37	28171	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
38	28172	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
39	28174	BÀN HỮU MINH	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
40	28188	TRIỆU DẦU NGÂN	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
41	28202	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8	5.75	10	8.94	Đ		Khá
42	28205	BÙI KIM OANH	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	7.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
43	28210	BÀN HỒNG PHONG	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	7.9	5	10	8.75	Đ		Khá
44	28216	ĐỖ THỊ ANH PHƯƠNG	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
45	28220	NGUYỄN ĐÌNH QUẢNG	Nam	16/11/2004	Hưng Yên	7.5	5	10	8.75	Đ		Khá
46	28225	NGUYỄN THÀNH QUYẾT	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
47	28239	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
48	28248	LIÊU ĐỨC THÀNH	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
49	28250	TRIỆU SINH THÀNH	Nam	29/01/2004	Quảng Ninh	7.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 53 - Trung tâm GDNN - GDTX Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	28262	VŨ THỊ THANH THẢO	Nữ	08/6/2005	Quảng Ninh	8	5	10	8.75	Đ		Khá
51	28272	HOÀNG THỊ THU	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	28278	TRIỆU THỊ THÙY	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	28280	LÊ XUÂN THỦY	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	28282	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
55	28292	TRIỆU SINH TIẾN	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	28294	NGUYỄN ĐĂNG TÍCH	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	28296	ĐOÀN THỊ TRANG	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
58	28299	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	28302	BÙI VĂN TRỌNG	Nam	30/10/2003	Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
60	28311	VŨ VĂN TRƯỜNG	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
61	28315	TRIỆU KIM TUYÊN	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
62	28317	NGUYỄN SƠN TÙNG	Nam	02/4/2005	Hải Dương	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
63	28319	TRẦN QUÝ THANH TÙNG	Nam	14/4/2005	Hưng Yên	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	28321	NGUYỄN MINH TÚ	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
65	28324	ĐẶNG THỊ VÂN	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	28326	LƯƠNG THẢO VÂN	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
67	28335	LÊ TRẦN TƯỜNG VY	Nữ	17/5/2005	Thanh Hóa	7.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
68	28336	DƯƠNG VĂN XUÂN	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 55 - Trường THPT Thống Nhất

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	31001	HOÀNG TRƯỜNG AN	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	9.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
2	31002	LÊ THỊ AN	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	31003	LIÊU DƯƠNG AN	Nam	27/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
4	31004	BÙI THẾ ANH	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
5	31005	ĐẶNG PHAN TUẤN ANH	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	31006	ĐỖ NGỌC ANH	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
7	31007	HÀ THI LAN ANH	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
8	31008	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	31009	NGUYỄN SĨ HOÀNG ANH	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
10	31010	ĐỖ NGỌC ÁNH	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
11	31011	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	31012	HOÀNG KIM CHI	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	31013	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	31014	LÝ TÀI CHUNG	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	31015	VŨ THỊ THANH CHÚC	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	31016	HOÀNG VĂN DUY	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
17	31017	LINH DU DƯƠNG	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	9.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
18	31018	NGUYỄN HOÀI DƯƠNG	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	31019	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	9.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	31020	VŨ TUẤN ĐẠT	Nam	25/02/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	31021	LƯ QUỐC ĐẠI	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	31022	LỤC VĂN ĐẠT	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	31023	LƯ TIẾN ĐỨC	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 55 - Trường THPT Thống Nhất

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	31024	LÊ MẠNH ĐỨC	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
25	31025	TRỊNH VĂN ĐỨC	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	31026	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
27	31027	PHẠM THỊ THU GIANG	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	31028	ĐẶNG VĂN HẢI	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
29	31029	TRẦN THỊ HÀ	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	9.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
30	31030	NGUYỄN THỊ HÀO	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	31031	BÀN PHÚC HẢI	Nam	17/01/2004	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	31032	TRỊNH THỊ THANH HẢI	Nữ	01/11/2005	Gia Lai	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	31033	LƯƠNG THỊ HẠ	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
34	31034	HOÀNG HUY HIỆU	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	9.3	5.75	10	8.94	Đ		Khá
35	31035	LÝ THỊ HOÀI	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
36	31036	NGUYỄN THU HOÀI	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	31037	HÀ TƯ HOÀN	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	31038	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
39	31039	ĐỒNG THỊ HUỆ	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	31040	ĐỖ ĐỨC HUY	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	31041	KHÂU QUỐC HUY	Nam	04/6/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
42	31042	LIÊU QUỐC HUY	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	9.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
43	31043	LƯƠNG XUÂN HUY	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
44	31044	NGÔ VĂN HUY	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	9.3	5.75	10	8.94	Đ		Khá
45	31045	VŨ TRƯỜNG HUY	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
46	31046	HÀ VĂN HƯNG	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
47	31047	ĐÀM THỊ HƯƠNG	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	31048	PHẠM THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	31049	VŨ XUÂN KHANG	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 55 - Trường THPT Thống Nhất

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	31050	PHÓ GIA KIỆT	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	31051	KHÂU KHẢI LÂM	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	31052	LOAN NHẬT LỆ	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	31053	ĐỖ NGUYỆT LINH	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	9.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
54	31054	ĐỖ THỊ THÙY LINH	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	31055	HÀ THỊ THÙY LINH	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	31056	NGUYỄN QUANG LINH	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
57	31057	NÔNG THÙY LINH	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	9.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
58	31058	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	31059	TRẦN THỊ LOAN	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	31060	HOÀNG NHẤT LONG	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	9.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
61	31061	NGUYỄN NGỌC LUÂN	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	31062	NGUYỄN DIỆU LY	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	31063	ĐOÀN ĐỨC MẠNH	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	31064	ĐỖ DUY MẠNH	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	31065	LÝ NHƯỢC NAM	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
66	31066	NGUYỄN ĐỨC NAM	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	9.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	31067	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	31068	TRƯƠNG THỊ THANH NGÂN	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	31069	VI THỊ NGÂN	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	31070	TRẦN MINH NGỌC	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	31071	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
72	31072	LỤC THỊ PHƯƠNG NGUYÊN	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	31073	ĐÀM MINH NGUYỆT	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	31074	BÙI THỊ YẾN NHI	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
75	31075	ĐỖ THỊ NHI	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 55 - Trường THPT Thống Nhất

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	31076	NGUYỄN LAN NHI	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	31077	NGUYỄN THỊ Ý NHI	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	31078	TRẦN HỒNG NHUNG	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
79	31079	VŨ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	31080	LÝ THỊ KIM OANH	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	31081	LIÊU VĂN PHONG	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
82	31082	LINH TIẾN PHONG	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	31083	LƯ QUỐC PHONG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	31084	TẨY MINH QUANG	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	31085	LƯU MINH QUÂN	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
86	31086	NGUYỄN THỤC QUYÊN	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	31087	ĐỖ TIẾN SĨ	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
88	31088	PHẠM TRƯỜNG SƠN	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	31089	HOÀNG THỊ TÂM	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	31090	LÊ THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	31091	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
92	31092	HOÀNG TUẤN THÀNH	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
93	31093	VI CÔNG THÀNH	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
94	31094	ĐỖ XUÂN THẮNG	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	9.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
95	31095	ĐIỆP THỊ THIỆN	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
96	31096	TẠ THỊ THƠI	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	31097	ĐỖ THỊ LỆ THU	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	31098	TẠ PHƯƠNG THÙY	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	31099	ĐỖ THỊ THÙY	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	31100	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
101	31101	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 55 - Trường THPT Thống Nhất

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	31102	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	31103	NGUYỄN VĂN TÌNH	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
104	31104	ĐỖ THU TRANG	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
105	31105	LƯ HUYỀN TRANG	Nữ	21/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
106	31106	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	22/02/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
107	31107	NGUYỄN ĐÌNH TRIỆU	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
108	31108	VŨ THỊ TRINH	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
109	31109	ĐẶNG QUANG TRƯỜNG	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	31110	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
111	31111	TRỊNH VĂN TRƯỜNG	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	31112	ĐỖ NGỌC TUẤN	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	9.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
113	31113	ĐỖ NGỌC TÚ	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
114	31114	TRẦN ANH TÚ	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
115	31115	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	31116	NGUYỄN ANH VIỆT	Nam	09/4/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	31117	NGUYỄN TIẾN VINH	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
118	31118	NGUYỄN TRƯỜNG VINH	Nam	17/3/2005	Hải Phòng	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
119	31119	NGUYỄN VĂN VINH	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	31120	HOÀNG MINH VŨ	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
121	31121	PHÓ VĂN VŨ	Nam	22/02/2004	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
122	31122	BÙI ĐÌNH YÊN	Nam	05/4/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	31123	HOÀNG THỊ YẾN	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	29003	NGUYỄN QUỐC AN	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	29004	PHẠM THÀNH AN	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	29005	TRẦN HOÀI AN	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
4	29006	VŨ THÁI AN	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
5	29008	ĐOÀN XUÂN ANH	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
6	29011	HOÀNG THU HÀ ANH	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
7	29014	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	29015	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
9	29016	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
10	29017	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	07/10/2005	Hà Tây	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
11	29018	TRẦN MAI ANH	Nữ	15/12/2005	Hải Dương	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	29019	TRẦN THỊ KIỀU ANH	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
13	29020	TRẦN THỊ NGUYỆT ANH	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	29021	VŨ THỊ KIM ANH	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	29022	VŨ THỊ THẢO ANH	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
16	29026	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	29029	NGUYỄN KHÁNH CHI	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
18	29030	PHẠM KHÁNH CHI	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
19	29031	ĐINH QUYẾT CHIẾN	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	29032	NGÔ XUÂN CHINH	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
21	29033	NGUYỄN ĐÌNH CHƯƠNG	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
22	29034	NGUYỄN HỒNG CÚC	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
23	29035	ĐINH VĂN CƯƠNG	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	29036	BÙI QUANG CƯỜNG	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	29037	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
26	29040	NGUYỄN THU DUNG	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	29041	PHAN NGỌC DUNG	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	29042	PHẠM THỊ THÙY DUNG	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	29044	ĐINH HUỲNH BẢO DUY	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
30	29045	VŨ ĐĂNG DUY	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
31	29046	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	29047	DƯƠNG XUÂN DŨNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	29050	BÙI THÙY DƯƠNG	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
34	29051	ĐẶNG TÙNG DƯƠNG	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	29053	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	29054	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	Nam	04/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
37	29055	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	24/3/2005	Quảng Ninh	9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
38	29056	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	29057	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	29058	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
41	29059	BÙI HẢI ĐĂNG	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
42	29060	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
43	29062	BÙI PHƯƠNG ĐÔNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	29063	NGUYỄN TIẾN ĐỘ	Nam	13/6/2004	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
45	29065	LÊ HẢI ĐỨC	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	29068	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
47	29069	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	29070	ĐINH THỊ QUỲNH GIANG	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	29071	HỒ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	29073	NGÔ HOÀNG HƯƠNG GIANG	Nữ	05/8/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	29074	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG GIANG	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	29075	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	29076	NGUYỄN PHƯƠNG GIANG	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	29077	NGUYỄN VĂN GIANG	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
55	29078	VŨ THỊ TRƯỜNG GIANG	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	29079	BÙI THU HÀ	Nữ	25/5/2005	Quảng Ninh	9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
57	29080	ĐINH THU HÀ	Nữ	25/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	29082	LẠI HẢI HÀ	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	29083	LƯƠNG THANH HÀ	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	29084	NGUYỄN MẠNH HÀ	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	29085	NGUYỄN THÁI HÀ	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
62	29087	LÊ HOÀNG HẢI	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	8.7	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
63	29088	VŨ THỊ THANH HẢI	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	29090	VŨ XUÂN HẢI	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
65	29091	NGUYỄN THỊ VÂN HẠ	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
66	29092	BÙI HỒNG HẠNH	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
67	29093	ĐINH HỒNG HẠNH	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	29094	ĐOÀN HỒNG HẠNH	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
69	29096	VŨ THỊ HẠNH	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	29097	DƯƠNG THU HẰNG	Nữ	10/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
71	29098	ĐOÀN THỊ HẰNG	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
72	29099	PHẠM THU HẰNG	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	29100	VƯƠNG THU HẰNG	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
74	29104	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	09/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
75	29105	PHẠM MINH HIẾU	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	29107	NGUYỄN THỊ MAI HOA	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	29109	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
78	29110	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
79	29111	ĐOÀN THỊ HÒA	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	29114	NGÔ THỊ PHƯỢNG HỒNG	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	29115	VŨ THỊ NGỌC HỒNG	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	29116	LẠI THỊ MINH HUẾ	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
83	29117	NGUYỄN THỊ HỒNG HUỆ	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
84	29118	TRẦN THỊ HUỆ	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	29119	VŨ THỊ THANH HUỆ	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	29120	BÙI QUANG HUY	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	8.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
87	29122	ĐINH QUANG HUY	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
88	29123	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	29125	PHẠM QUANG HUY	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
90	29126	VŨ QUANG HUY	Nam	09/6/2005	Hải Dương	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	29127	VƯƠNG GIA HUY	Nam	19/10/2005	TP HCM	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	29128	ĐẶNG THU HUYỀN	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	29129	ĐINH THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	29130	ĐOÀN THỊ BÍCH HUYỀN	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	29131	NGÔ THỊ THU HUYỀN	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	29132	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	29133	TRẦN THANH HUYỀN	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	29134	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	29135	VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	29136	BÙI TUẤN HÙNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
101	29138	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	29139	LÊ NGUYỄN ĐẠT HƯNG	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	29141	ĐÀO NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	07/6/2005	Thái Bình	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
104	29142	ĐÀO THU HƯƠNG	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
105	29143	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	29145	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	19/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	29146	NGUYỄN VIỆT HƯƠNG	Nữ	25/4/2005	Quảng Ninh	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
108	29147	NGUYỄN VIỆT HƯƠNG	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
109	29148	PHẠM THỊ HƯƠNG	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	29150	NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
111	29151	PHÙNG THỊ THU HƯỜNG	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	29153	TRẦN QUANG KHẢI	Nam	22/8/2005	Hải Phòng	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	29155	NGUYỄN HÀ KHÁNH	Nữ	01/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
114	29157	NGUYỄN THỊ HỒNG KHÁNH	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
115	29158	ĐINH TIẾN KHƯƠNG	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
116	29159	BÙI MẠNH KIÊN	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
117	29160	ĐINH VĂN KIÊN	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	29163	ĐOÀN THỊ LAN	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	29165	TẠ KIM LIÊN	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	29166	ĐOÀN THỊ MAI LINH	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	29167	HOÀNG LỆ LINH	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
122	29168	LÊ NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	29171	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
124	29173	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
125	29174	NGUYỄN THẾ BẢO LONG	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
126	29175	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
127	29176	VŨ ĐỨC LƯƠNG	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	8	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	29177	BÙI QUANG LỰC	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	7.6	7	9.5	8.88	Đ		Khá
129	29178	NGUYỄN THẾ LỰC	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
130	29180	BÙI THỊ KHÁNH LY	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
131	29181	ĐINH VĂN LÝ	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
132	29182	NGUYỄN PHẠM NGỌC MAI	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	29184	ĐINH KHẮC MẠNH	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
134	29186	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	15/11/2005	Thái Nguyên	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
135	29187	TRẦN ĐỨC MẠNH	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	29189	NGUYỄN HỒNG MINH	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
137	29190	VŨ THỊ YẾN MY	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
138	29191	BÙI ĐỨC NAM	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
139	29193	PHẠM THÀNH NAM	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
140	29194	TRƯƠNG CÔNG NAM	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
141	29195	VŨ QUANG NAM	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
142	29198	ĐOÀN THÚY NGÂN	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	29201	ĐÀM KHÁNH NGỌC	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
144	29202	LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	29203	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	29204	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
147	29206	VŨ HỒNG NGỌC	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	29207	NGUYỄN ĐỨC NGUYÊN	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
149	29208	NGUYỄN THÀNH NGUYÊN	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
150	29209	NGUYỄN TRUNG NGUYÊN	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
151	29210	HOÀNG THỊ BÍCH NGUYỆT	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	29211	PHẠM THỊ THANH NHÀN	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
153	29212	HOÀNG TUYẾT NHI	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	29213	VŨ HỒNG NHUNG	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	29215	ĐOÀN THỊ TRÂM OANH	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
156	29217	BÙI ĐỨC PHÚC	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
157	29218	NGUYỄN THẾ PHÚC	Nam	18/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
158	29220	LÊ MAI PHƯƠNG	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	29221	VŨ XUÂN PHƯƠNG	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
160	29222	BÙI THỊ PHƯỢNG	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	29223	LÊ ĐĂNG QUANG	Nam	25/3/2005	Hà Nội	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
162	29224	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
163	29226	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
164	29227	NGUYỄN XUÂN QUÂN	Nam	03/6/2005	Hà Giang	8.5	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
165	29228	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	7.7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
166	29229	TĂNG ANH QUÂN	Nam	14/4/2005	Quảng Ninh	9.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
167	29230	VŨ VĂN QUÂN	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
168	29232	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
169	29233	VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
170	29234	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
171	29236	NGUYỄN TRỌNG TẤN	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
172	29237	ĐINH HẢI THÀNH	Nam	20/02/2004	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
173	29239	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	29240	ĐINH THỊ THẢO	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
175	29242	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
176	29243	PHẠM THU THẢO	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
177	29244	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
178	29245	VŨ THANH THẢO	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
179	29246	CAO VĂN THÁI	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	29247	PHẠM HUY THÁI	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
181	29248	TRẦN VĂN THẮNG	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	29249	VŨ VĂN THẮNG	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
183	29252	NGÔ NGỌC THIỆN	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
184	29256	TRẦN THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
185	29259	VŨ ANH THƯ	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
186	29260	VŨ HUYỀN THƯƠNG	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
187	29261	VŨ THỊ THỦY TIÊN	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	29262	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
189	29263	NGUYỄN THỊ TÍNH	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
190	29264	BÙI THỊ THU TRANG	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
191	29265	ĐÀO THỊ THÙY TRANG	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
192	29266	ĐINH THỊ MINH TRANG	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	29267	HÀ THU TRANG	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
194	29268	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	08/12/2005	Hà Nội	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
195	29270	VŨ QUỲNH TRANG	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	29271	VŨ THỊ ĐOAN TRANG	Nữ	29/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
197	29272	VŨ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	9.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
198	29274	NGUYỄN THANH TRÀ	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
199	29275	PHẠM QUỲNH TRÂM	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
200	29277	VŨ ĐỨC TRUNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
201	29278	PHẠM THANH TRÚC	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
202	29279	BÙI QUANG TRƯỜNG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
203	29281	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
204	29282	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
205	29283	VŨ THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 56 - Trường THPT Đông Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	29284	ĐẶNG HOÀNG TÙNG	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	29285	BÙI QUANG TÚ	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
208	29286	LÊ VĂN TÚ	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
209	29289	TẠ MINH TÚ	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
210	29290	ĐỒNG THỊ TƯƠI	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
211	29292	LÊ THU UYÊN	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
212	29293	BÙI THỊ THANH VÂN	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
213	29294	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	22/02/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
214	29297	BÙI HOÀNG VIỆT	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
215	29300	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	29301	LÊ HÀ VY	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
217	29302	PHẠM VĂN YÊN	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	29303	ĐINH THỊ NGỌC YẾN	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
219	29304	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
220	29305	NGUYỄN NGỌC YẾN	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
221	29306	VŨ THỊ YẾN	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 57 - Trường THPT Trần Quốc Tuấn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	29001	CHU VĂN AN	Nam	26/4/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	29002	NGUYỄN ĐỨC AN	Nam	15/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
3	29007	ĐOÀN TIẾN ANH	Nam	02/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
4	29009	ĐỖ DUY ANH	Nam	23/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
5	29010	HOÀNG THẾ ANH	Nam	10/3/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	6.8	7	9.5	8.88	Đ		Khá
6	29012	MÃ TUẤN ANH	Nam	24/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	29013	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	22/11/2005	Đông Hưng - Thái Bình	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
8	29023	ĐINH NGỌC BẢO	Nam	17/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
9	29024	BÙI THỊ BÌNH	Nữ	05/6/2005	Sông Khoai - Quảng Yên - Quảng Ninh	6.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
10	29025	ĐỖ ĐỨC BÌNH	Nam	31/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
11	29027	VŨ XUÂN BỘ	Nam	09/7/2005	Nam Khê - Uông Bí	6.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
12	29028	VŨ THỊ HỒNG CẨM	Nữ	23/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.2	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
13	29038	ĐINH THỊ HẢI DỊU	Nữ	10/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
14	29039	ĐINH THÙY DUNG	Nữ	23/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.3	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
15	29043	VŨ THÚY DUNG	Nữ	24/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	29048	ĐINH QUANG DŨNG	Nam	30/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
17	29049	BÙI HUY DƯƠNG	Nam	30/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	29052	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	09/3/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
19	29061	TRẦN VĂN ĐOÀN	Nam	30/5/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
20	29064	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	Nam	03/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
21	29066	LÊ QUANG ĐỨC	Nam	12/6/2004	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
22	29067	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	02/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
23	29072	LÊ THU GIANG	Nữ	09/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 57 - Trường THPT Trần Quốc Tuấn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	29081	ĐỖ THU HÀ	Nữ	13/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	29086	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	30/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
26	29089	VŨ THỊ THU HẢI	Nữ	05/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
27	29095	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	20/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
28	29101	BÙI THỊ THU HIỀN	Nữ	11/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
29	29102	DƯƠNG MINH HIẾU	Nam	21/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
30	29103	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	05/4/2004	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
31	29106	NGUYỄN VĂN HIỆP	Nam	07/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.8	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
32	29108	TÔ THỊ HOA	Nữ	11/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	29112	VŨ ĐỨC HÒA	Nam	22/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
34	29113	ĐÀO VĂN HỒNG	Nam	08/10/2004	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
35	29121	DƯƠNG HẢI HUY	Nam	28/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
36	29124	NGUYỄN TRỌNG HUY	Nam	14/5/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
37	29137	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	04/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	5.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
38	29140	LÊ XUÂN HƯNG	Nam	09/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
39	29144	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	04/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	29149	ĐINH THỊ HƯỜNG	Nữ	15/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	29152	NGUYỄN ĐỨC KHANG	Nam	18/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
42	29154	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	06/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
43	29156	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	19/11/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	6.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
44	29161	TRẦN THẾ KIÊN	Nam	02/3/2005	Đầm Hà - Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
45	29162	ĐOÀN MẠNH KỲ	Nam	24/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	29164	VŨ THÙY LAN	Nữ	17/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
47	29169	NGUYỄN MAI LINH	Nữ	04/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.6	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
48	29170	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	23/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	29172	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	17/6/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	6.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 57 - Trường THPT Trần Quốc Tuấn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	29183	NGUYỄN VĂN MAY	Nam	29/5/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	29185	LƯƠNG VĂN MẠNH	Nam	13/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	29188	BÙI VĂN MINH	Nam	16/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
53	29192	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	07/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	29196	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	Nữ	04/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	29197	VŨ THỊ HOÀI NGA	Nữ	04/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
56	29199	TRỊNH THỊ KIM NGÂN	Nữ	24/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
57	29200	LƯƠNG TRUNG NGHĨA	Nam	23/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
58	29205	VŨ BÍCH NGỌC	Nữ	08/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
59	29214	PHẠM VĂN NINH	Nam	06/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	29216	TRẦN THỊ KIM OANH	Nữ	03/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
61	29219	TRẦN ĐỨC PHÚC	Nam	11/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	29225	TRẦN MẠNH QUANG	Nam	15/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
63	29231	ĐÀO NHƯ QUỲNH	Nữ	01/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
64	29235	ĐINH NGỌC TÂN	Nam	13/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	29238	NGUYỄN KHÁNH THÀNH	Nam	18/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.8	5.75	10	8.94	Đ		Khá
66	29241	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
67	29250	NGUYỄN VĂN THẾ	Nam	08/8/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	6.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
68	29251	DƯƠNG THẾ THIÊN	Nam	12/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
69	29253	ĐOÀN GIỚI THIỆU	Nam	05/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
70	29254	VŨ THỊ MINH THU	Nữ	10/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
71	29255	NGUYỄN THỊ THU THUỲ	Nữ	14/5/2005	Quảng Yên, Quảng Ninh	6.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
72	29257	VŨ THANH THÙY	Nữ	14/8/2005	Đông Mai- Quảng Yên- Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	29258	VŨ THỊ HUYỀN THỤC	Nữ	23/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
74	29269	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	12/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
75	29273	BÙI HƯƠNG TRÀ	Nữ	11/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 57 - Trường THPT Trần Quốc Tuấn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	29276	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	19/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	29280	HOÀNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	15/02/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	6.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
78	29287	NGUYỄN CẨM TÚ	Nữ	21/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
79	29288	NGUYỄN NGỌC TÚ	Nam	28/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
80	29291	ĐOÀN VŨ QUỐC UY	Nam	18/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
81	29295	PHẠM THỊ NGỌC VÂN	Nữ	07/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	6.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
82	29296	NGUYỄN THỊ HÀ VI	Nữ	08/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
83	29298	NGUYỄN NHƯ VIỆT	Nam	15/5/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
84	29299	NGUYỄN VĂN VIỆT	Nam	17/02/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
85	29307	BÙI MAI ANH	Nữ	13/8/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	29308	HOÀNG PHẠM NGỌC ANH	Nữ	18/8/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	29309	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	26/02/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	29310	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	08/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	29311	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	24/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	29312	NGUYỄN XUÂN BẮC	Nam	14/7/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	29313	TRỊNH THANH BÌNH	Nữ	01/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	29314	BÙI QUẾ CHI	Nữ	22/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	29315	PHẠM QUANG CHIẾN	Nam	05/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	29316	NGUYỄN VĂN CHUNG	Nam	31/8/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	29317	BÙI ĐÌNH DƯƠNG	Nam	18/5/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	6.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	29318	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	26/4/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	29319	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	07/9/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	29320	PHẠM TÙNG DƯƠNG	Nam	06/7/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	29321	VŨ MINH DƯƠNG	Nam	22/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	29322	PHẠM ĐÌNH ĐANG	Nam	09/9/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	29323	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	04/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 57 - Trường THPT Trần Quốc Tuấn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	29324	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	05/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	6.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
103	29325	TÔ VI ĐỨC	Nam	17/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	29326	NGUYỄN THU HẢO	Nữ	01/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	29327	NGUYỄN CHUNG HẬU	Nam	27/9/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	29328	TRẦN THU HIỀN	Nữ	04/10/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	29329	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	25/12/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
108	29330	ĐOÀN HUY HIỆU	Nam	06/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	29331	BÙI NGỌC HOA	Nữ	13/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	29332	VŨ PHƯƠNG HUÊ	Nữ	14/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	29333	PHẠM THANH HUYỀN	Nữ	22/11/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	29334	TRỊNH MẠNH HÙNG	Nam	19/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	29335	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	20/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
114	29336	NGUYỄN TUẤN HƯNG	Nam	24/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
115	29337	NGUYỄN VĂN HƯNG	Nam	06/3/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	29338	BÙI THỊ LINH	Nữ	11/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	29339	ĐINH HOÀNG DIỆU LINH	Nữ	09/9/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	29340	ĐỐNG QUANG LINH	Nam	06/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	29341	VŨ THỊ THANH LOAN	Nữ	14/8/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	29342	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	26/7/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
121	29343	TRẦN MINH LỘC	Nam	18/11/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	29344	PHẠM THÀNH LUÂN	Nam	10/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
123	29345	LÊ THỊ NGA	Nữ	15/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	29346	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	Nữ	06/7/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	29347	TẠ THỊ NGOAN	Nữ	08/02/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	29348	ĐÀM THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	11/8/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	29349	ĐÀO THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	16/12/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 57 - Trường THPT Trần Quốc Tuấn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	29350	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	22/6/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	29351	VŨ HUYỀN NGỌC	Nữ	28/11/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	29352	TRẦN LONG NHẬT	Nam	17/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	29353	BÙI YẾN NHI	Nữ	24/7/2005	Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	29354	PHẠM QUỲNH NHƯ	Nữ	20/9/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
133	29355	ĐỖ NGỌC OANH	Nữ	03/10/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	29356	NGUYỄN THẾ PHONG	Nam	09/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	29357	VŨ THỊ THẢO PHƯƠNG	Nữ	19/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	29358	TỐNG THỊ MINH PHƯỢNG	Nữ	28/12/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
137	29359	BÙI NHƯ QUỲNH	Nữ	24/02/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	29360	NGÔ VIẾT SÁNG	Nam	23/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	29361	DƯƠNG MINH SƠN	Nam	16/12/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	29362	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	04/12/2004	Uông Bí - Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	29363	TRƯƠNG THỊ MAI SƯƠNG	Nữ	10/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	29364	BÙI TIẾN THÀNH	Nam	11/10/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	29365	ĐOÀN VĂN THÀNH	Nam	17/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	29366	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	28/8/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	29367	LÊ SỸ THÁI	Nam	15/11/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	29368	LÊ ĐÌNH THẮNG	Nam	07/8/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
147	29369	NGUYỄN ĐÀO THƠM	Nam	02/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	29370	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	10/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	29371	TRẦN BÌNH THUẬN	Nam	16/12/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	29372	DƯƠNG HOÀI THƯ	Nữ	08/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	29373	LÊ HIỀN THƯƠNG	Nữ	05/3/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	29374	BÙI XUÂN TIÊN	Nam	18/5/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	29375	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	24/11/2005	Vân Đồn - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 57 - Trường THPT Trần Quốc Tuấn

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	29376	NGUYỄN VĂN TUYẾN	Nam	06/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	29377	NGUYỄN TRẦN TÙNG	Nam	09/4/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	29378	HOÀNG HẢI VÂN	Nữ	01/11/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	29379	NGUYỄN QUẾ HUY VINH	Nam	09/12/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	29380	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	26/01/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	29381	NGUYỄN THỊ THẢO YẾN	Nữ	05/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	32001	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	13/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
2	32002	ĐINH VIỆT ANH	Nam	15/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
3	32003	ĐOÀN THỊ LAN ANH	Nữ	17/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
4	32004	HOÀNG QUỲNH ANH	Nữ	14/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
5	32006	LÊ TUẤN ANH	Nam	14/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	7.25	9.5	8.94	Đ		Khá
6	32007	NGUYỄN MAI ANH	Nữ	05/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8.25	9.5	9.19	Đ		Giỏi
7	32009	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	18/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	8.75	9.5	9.31	Đ		Giỏi
8	32012	ĐINH THỊ LINH CHI	Nữ	28/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	32013	NGUYỄN THỊ HÀ CHI	Nữ	21/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	32014	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	10/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
11	32016	LÊ CÔNG TUẤN CƯỜNG	Nam	26/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
12	32021	ĐINH THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	31/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
13	32022	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	21/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
14	32024	NGÔ DOÃN TÙNG DƯƠNG	Nam	08/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	32029	LÊ ANH ĐỨC	Nam	06/4/2005	Hà Nội	8.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
16	32030	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	02/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
17	32031	ĐÀO THỊ BẰNG GIANG	Nữ	21/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
18	32032	NGUYỄN HUY HÀ	Nam	17/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	32035	BÙI HẢI HẬU	Nữ	16/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
20	32038	PHẠM THU HIỀN	Nữ	22/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	32041	NGUYỄN QUỲNH HOA	Nữ	25/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	32042	PHẠM THỊ HOA	Nữ	04/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	32045	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	08/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	32046	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	11/8/2005	Hải Phòng	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	32047	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	09/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	32048	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	08/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	32049	TỐNG THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	11/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	32050	VŨ ĐỨC MẠNH HÙNG	Nam	23/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
29	32051	DƯƠNG QUỐC HƯNG	Nam	22/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
30	32053	ĐINH THỊ HƯƠNG	Nữ	15/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	32054	PHẠM DUY KHÁNH	Nam	07/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
32	32055	PHẠM PHÚC KHIÊM	Nam	13/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
33	32056	NGUYỄN CHÍ KIÊN	Nam	25/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	32059	ĐINH THỊ DIỆU LINH	Nữ	21/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
35	32060	ĐỖ TÙNG LINH	Nam	19/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
36	32061	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	04/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
37	32064	PHẠM VĂN LONG	Nam	24/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
38	32065	BÙI PHẠM TUYẾT MAI	Nữ	22/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
39	32066	ĐINH NGUYỄN BAN MAI	Nữ	22/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
40	32067	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	04/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
41	32069	VĂN HƯƠNG MAI	Nữ	10/4/2005	Hải Phòng	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
42	32074	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	07/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
43	32076	LÊ THỊ NGA	Nữ	23/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
44	32078	HÀ TRANG NGÂN	Nữ	03/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	32080	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	17/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	32082	PHẠM ĐỖ MINH NGỌC	Nữ	15/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
47	32084	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	02/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
48	32086	ĐINH THỦY NƯƠNG	Nữ	26/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	32092	HOÀNG THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	11/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	32093	NGUYỄN LINH PHƯƠNG	Nữ	24/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	32094	VŨ THỊ PHƯƠNG	Nữ	03/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
52	32095	ĐINH ĐỨC QUANG	Nam	17/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
53	32097	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	07/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
54	32098	VŨ MINH QUÂN	Nam	01/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	32102	NGUYỄN THÚY QUỲNH	Nữ	03/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	32105	ĐINH CÔNG SƠN	Nam	30/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
57	32109	VŨ THỊ THẢO	Nữ	16/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
58	32111	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	17/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
59	32112	NGUYỄN ĐỨC THÁI	Nam	23/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	32113	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	21/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
61	32118	ĐINH THỊ THU THỦY	Nữ	03/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
62	32119	NGUYỄN THANH THỦY	Nữ	25/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	7	9.5	8.88	Đ		Khá
63	32120	VŨ MINH THỦY	Nữ	23/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
64	32121	NGUYỄN NGỌC XUÂN THƯƠNG	Nữ	28/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
65	32122	PHẠM THỊ MINH THƯƠNG	Nữ	06/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	32125	DƯƠNG THÙY TRANG	Nữ	20/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	5.75	10	8.94	Đ		Khá
67	32126	LÊ THỊ HÀ TRANG	Nữ	02/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
68	32129	VŨ THỊ THÙY TRANG	Nữ	02/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
69	32130	PHẠM HƯƠNG TRÀ	Nữ	06/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
70	32138	NGUYỄN THỊ TƯƠI	Nữ	02/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	32139	VŨ THỊ TƯƠI	Nữ	03/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
72	32140	BÙI THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	30/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
73	32142	LÊ THỊ HẢI VÂN	Nữ	04/5/2005	Hải Phòng	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
74	32150	VŨ BÌNH AN	Nam	07/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
75	32151	BÙI THỊ MAI ANH	Nữ	03/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	32152	DOÃN THỊ VÂN ANH	Nữ	14/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	32154	ĐÀM THỊ VÂN ANH	Nữ	23/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
78	32155	ĐINH PHƯƠNG ANH	Nữ	04/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
79	32156	ĐỖ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	03/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	32157	LÊ ĐÌNH ANH	Nam	20/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
81	32160	NGUYỄN BÍCH NGỌC ANH	Nữ	08/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
82	32161	NGUYỄN HỒNG ANH	Nam	08/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
83	32162	NGUYỄN HUY ANH	Nam	01/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	32163	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	13/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	32164	NGUYỄN THỊ XUÂN ANH	Nữ	21/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	32165	NGUYỄN TIẾN ANH	Nam	05/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9.75	9.5	9.56	Đ		Giỏi
87	32168	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	14/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
88	32169	PHẠM THỊ HẢI ANH	Nữ	20/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	32170	PHẠM THỦY ANH	Nữ	27/5/2005	Hà Nội	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	32171	TRƯƠNG DIỆP HẢI ANH	Nữ	04/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
91	32173	VŨ THỊ HOÀNG ANH	Nữ	24/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	32175	VŨ TUẤN ANH	Nam	07/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	32176	NGUYỄN THỊ TUYẾT ÁNH	Nữ	07/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	32177	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	04/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	32178	VŨ THỊ THIÊN ÂN	Nữ	05/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	32179	NGUYỄN TỐNG GIA BẢO	Nam	20/01/2005	Tuy Hòa - Phú Yên	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	32180	PHẠM NGỌC BẢO	Nam	05/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	32181	PHẠM ĐỨC BẰNG	Nam	19/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	32182	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	09/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	32183	NGUYỄN THỊ THÚY BÌNH	Nữ	21/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	32184	TRẦN YÊN BÌNH	Nam	22/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	32185	ĐINH THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	08/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	32187	VŨ MINH CHÂU	Nữ	03/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	32188	HOÀNG LINH CHI	Nữ	28/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	32189	LÊ HUYỀN CHI	Nữ	20/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	32190	NGUYỄN MAI CHI	Nữ	08/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	32191	NGUYỄN THỊ MAI CHI	Nữ	24/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	32192	TRẦN LÊ CHI	Nữ	30/12/2005	Hà Nội	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	32195	VŨ THỊ MAI CHI	Nữ	16/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	32196	HOÀNG THÀNH CHIẾN	Nam	15/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	32199	NGUYỄN THÀNH CHUNG	Nam	25/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	32200	NGUYỄN CHÍ CÔNG	Nam	10/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	32202	NGUYỄN THU CÚC	Nữ	18/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	32203	ĐỖ ĐÌNH CƯỜNG	Nam	14/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	32204	LÊ CÔNG CƯỜNG	Nam	09/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	32205	PHẠM HỒNG CƯỜNG	Nam	25/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	32207	ĐINH HUYỀN DIỆP	Nữ	30/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	32208	VŨ NGỌC DIỆP	Nữ	18/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	32209	ĐỐNG THỦY DIỆU	Nữ	29/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	32210	NGUYỄN THÀNH DOANH	Nam	14/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	32211	BÙI LÊ DUNG	Nữ	25/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	32212	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	Nữ	02/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	32213	VŨ PHƯƠNG DUNG	Nữ	14/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	32216	VŨ TRỌNG DUY	Nam	24/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	32217	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	16/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	32218	LÊ VĂN DŨNG	Nam	02/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	32220	NGUYỄN CÔNG DŨNG	Nam	17/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	32221	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	Nam	18/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	32222	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	28/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	32224	BÙI ĐÌNH DƯƠNG	Nam	30/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	32226	NGÔ ÁNH DƯƠNG	Nữ	03/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	32227	NGUYỄN ĐÔNG DƯƠNG	Nam	07/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	32228	NGUYỄN SƠN DƯƠNG	Nam	16/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
134	32229	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	26/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	32230	PHAN NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	12/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	32231	PHẠM TÙNG DƯƠNG	Nam	11/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
137	32232	VŨ TÙNG DƯƠNG	Nam	30/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	32234	BÙI ĐỨC ĐẠT	Nam	21/01/2005	Hải Phòng	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	32235	BÙI TIẾN ĐẠT	Nam	10/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	32236	NGUYỄN NGỌC ĐẠT	Nam	26/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
141	32237	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	16/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
142	32241	NGUYỄN LONG ĐỨC	Nam	18/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
143	32243	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	Nam	20/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	32245	ĐÀM THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	09/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
145	32246	ĐINH ĐỨC GIANG	Nam	05/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
146	32247	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	22/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	32248	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	04/9/2005	Cẩm Phả - Quảng Ninh	9.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
148	32250	ĐOÀN THU HÀ	Nữ	17/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
149	32251	ĐỖ THANH HÀ	Nữ	16/12/2004	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	32252	NGUYỄN VŨ SONG HÀ	Nam	24/02/2005	Thái Bình	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
151	32254	VŨ THU HÀ	Nữ	18/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	32255	PHẠM ĐỨC HẢI	Nam	16/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	32256	BÙI THỊ HẠNH	Nữ	13/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	32258	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	04/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
155	32259	BÙI KIM HẰNG	Nữ	12/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	32260	VŨ THỊ THU HẰNG	Nữ	02/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	32261	BÙI NGỌC HÂN	Nữ	16/6/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
158	32262	NGUYỄN MINH HẬU	Nữ	13/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	32263	NGÔ THỊ MAI HIÊN	Nữ	21/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	32264	ĐÀO THỊ THU HIỀN	Nữ	01/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
161	32265	ĐINH THỊ THANH HIỀN	Nữ	23/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
162	32266	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	15/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
163	32267	PHẠM THU HIỀN	Nữ	16/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	32268	VŨ THẢO HIỀN	Nữ	15/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	32269	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	22/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
166	32271	ĐOÀN MINH HIẾU	Nam	31/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	32272	PHẠM VĂN HIẾU	Nam	12/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
168	32274	VŨ ĐỨC HIẾU	Nam	03/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
169	32275	PHẠM TUẤN HIỆP	Nam	08/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
170	32277	VŨ THỊ HOA	Nữ	28/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
171	32280	NGUYỄN ĐỨC HOÀN	Nam	11/07/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	32283	NGUYỄN ĐỨC NGUYÊN HOÀNG	Nam	10/10/2005	Hạ Long - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	32284	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	12/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
174	32285	VŨ VIỆT HOÀNG	Nam	12/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
175	32287	ĐẶNG THU HÒA	Nữ	05/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	32288	ĐẶNG THỊ THẢO HỒNG	Nữ	29/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	32289	TRIỆU LẠC HỒNG	Nữ	16/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	32291	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	09/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
179	32292	ĐINH ĐỨC HUY	Nam	28/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	32294	LÊ ĐỨC HUY	Nam	15/10/2005	Hải Hà - Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
181	32295	NGUYỄN TIẾN HUY	Nam	29/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
182	32296	VŨ ĐỨC HUY	Nam	19/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
183	32297	VŨ QUỐC HUY	Nam	24/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
184	32299	DƯƠNG THU HUYỀN	Nữ	29/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
185	32300	LÊ THỊ THU HUYỀN	Nữ	26/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
186	32302	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	08/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
187	32303	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	Nữ	10/11/2005	Hà Nội	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	32304	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	16/7/2005	Cẩm Phả- Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
189	32306	VŨ KIM HUYỀN	Nữ	13/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
190	32308	BÙI MẠNH HÙNG	Nam	11/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
191	32312	ĐỖ DƯƠNG HÙNG	Nam	16/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
192	32316	NGUYỄN ĐÌNH HƯNG	Nam	25/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
193	32317	VŨ MẠNH HƯNG	Nam	12/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
194	32318	VŨ MINH HƯNG	Nam	03/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
195	32319	ĐINH THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	11/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	32320	HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	27/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
197	32321	LÊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	26/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	32324	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	03/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
199	32326	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	09/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	32327	ĐÀO THỊ MINH HƯỜNG	Nữ	23/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	32329	BÙI DUY KHÁNH	Nam	13/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
202	32331	ĐOÀN THỊ KHIÊM	Nữ	28/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	32332	ĐOÀN MẠNH KHÔI	Nam	16/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
204	32333	TRẦN THỊ TÂM KHUÊ	Nữ	30/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
205	32336	HÀ ĐOÀN TUẤN KIỆT	Nam	25/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	32337	NGUYỄN THANH LAM	Nữ	14/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	32339	ĐOÀN THỊ LAN	Nữ	24/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
208	32340	ĐOÀN THỊ MAI LAN	Nữ	05/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
209	32341	MAI NGỌC LAN	Nữ	15/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
210	32343	VŨ THỊ LAN	Nữ	01/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	32347	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	18/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
212	32348	ĐOÀN THỊ THÙY LINH	Nữ	23/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	32349	HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	22/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
214	32350	LÃ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	04/9/2005	Hải Phòng	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
215	32351	NGÔ KHÁNH LINH	Nữ	18/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	32353	NGUYỄN ĐINH TUẤN LINH	Nam	07/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
217	32354	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	26/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	32355	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	24/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
219	32356	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	21/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	32357	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	20/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
221	32358	NGUYỄN THỊ ÁI LINH	Nữ	19/02/2005	Hải Phòng	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	32359	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	18/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	32360	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	03/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
224	32361	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	17/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
225	32362	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	16/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
226	32363	NGUYỄN TUẤN LINH	Nam	14/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	32364	PHẠM HUYỀN LINH	Nữ	02/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	32365	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	17/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	32366	PHẠM THỊ NGỌC LINH	Nữ	04/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	32367	PHẠM TUẤN LINH	Nam	29/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
231	32368	TRẦN THỊ THÙY LINH	Nữ	31/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	32369	VŨ MAI LINH	Nữ	14/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	32370	VŨ THỊ DIỆU LINH	Nữ	07/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	32371	NGUYỄN VĂN LỊCH	Nam	05/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	32372	BÙI VĂN LONG	Nam	28/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	32375	NGUYỄN BẢO LONG	Nam	15/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
237	32376	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	03/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
238	32377	NGUYỄN THẮNG LỢI	Nam	01/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	32378	ĐOÀN THỊ LƯƠNG	Nữ	19/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	32379	NGÔ THỊ KHÁNH LY	Nữ	31/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
241	32380	NGUYỄN HIỀN MAI	Nữ	06/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
242	32381	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	27/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
243	32382	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	31/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
244	32388	LÊ THỊ HÀ MI	Nữ	27/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
245	32389	NGUYỄN CẢNH MINH	Nam	29/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
246	32390	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	26/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
247	32391	VŨ ĐÌNH NGỌC MINH	Nam	21/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
248	32392	BÙI THÚY MƠ	Nữ	27/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
249	32394	BÙI ĐỨC NAM	Nam	07/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
250	32397	LÊ HOÀI NAM	Nam	12/9/2005	Hà Nội	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
251	32398	TÔ TIẾN NAM	Nam	21/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
252	32399	VŨ THỊ HỒNG NGÁT	Nữ	20/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
253	32400	LÊ THỊ NGÂN	Nữ	22/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
254	32401	PHẠM VĂN NGHĨA	Nam	25/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
255	32402	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nam	28/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
256	32403	BÙI ÁNH NGỌC	Nữ	04/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
257	32404	BÙI MINH NGỌC	Nữ	14/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	32405	BÙI THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	19/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
259	32406	CAO HỒNG NGỌC	Nữ	16/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
260	32407	LƯU MINH NGỌC	Nữ	19/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
261	32408	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	29/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
262	32410	PHẠM THỊ QUỲNH NGỌC	Nữ	03/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
263	32412	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	02/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	32413	PHẠM HOÀNG NGUYÊN	Nam	14/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
265	32414	ĐỖ THỊ NHƯ NGUYỆT	Nữ	10/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	32415	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	22/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
267	32416	ĐỐNG THỊ KIM NHÂM	Nữ	19/3/2002	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	32417	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	03/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
269	32418	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	29/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
270	32419	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	20/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	32420	NGUYỄN TUẤN NINH	Nam	30/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
272	32421	PHẠM THỊ KIẾN NINH	Nữ	10/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	32422	VŨ HẢI NINH	Nam	07/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	32423	NGUYỄN THỊ NỤ	Nữ	31/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
275	32424	LÊ THỊ KIM OANH	Nữ	28/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
276	32425	NGÔ THỊ NGỌC OANH	Nữ	14/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	32426	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	24/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	32427	HOÀNG TUẤN PHONG	Nam	15/01/2005	Hải Phòng	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
279	32429	LƯU HOÀNG PHÚ	Nam	08/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
280	32430	VŨ HỒNG PHÚC	Nam	10/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	32431	BÙI BÍCH PHƯƠNG	Nữ	15/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
282	32432	DƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	14/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
283	32433	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	Nữ	31/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	32434	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	Nam	22/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
285	32435	PHẠM TUẤN PHƯƠNG	Nam	16/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
286	32436	LÊ KIM PHƯỢNG	Nữ	22/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
287	32437	NGUYỄN THỊ ĐAN PHƯỢNG	Nữ	19/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
288	32439	ĐÀO MẠNH QUẢNG	Nam	09/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
289	32441	VŨ HỒNG QUÂN	Nam	13/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
290	32442	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	23/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
291	32443	TỐNG NHƯ QUỲNH	Nữ	15/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
292	32444	VŨ THỊ XUÂN QUỲNH	Nữ	17/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
293	32445	LÊ ĐÌNH QUÝ	Nam	16/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
294	32446	NGUYỄN TRỌNG QUÝ	Nam	11/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
295	32447	PHẠM BÌNH QUÝ	Nam	23/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
296	32450	BÙI THỊ THANH TÂM	Nữ	28/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
297	32452	NGUYỄN THỦY TÂM	Nữ	01/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
298	32453	VŨ MINH TÂM	Nam	30/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
299	32454	VŨ THỊ THANH TÂM	Nữ	21/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
300	32455	PHẠM NGỌC TÂN	Nam	28/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
301	32456	DƯƠNG CHÍ THANH	Nam	27/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
302	32458	ĐINH THỊ KIM THANH	Nữ	12/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
303	32460	NGÔ THỊ THANH	Nữ	23/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
304	32461	NGUYỄN THỊ KIM THANH	Nữ	08/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
305	32462	VŨ THỊ THANH	Nữ	08/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
306	32466	BÙI THANH THẢO	Nữ	13/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
307	32468	BÙI THU THẢO	Nữ	21/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
308	32469	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	32470	ĐINH THỊ THẢO	Nữ	14/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	32471	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
311	32474	TỪ THANH THẢO	Nữ	03/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
312	32477	NGUYỄN THỊ NGÂN THẮM	Nữ	07/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
313	32479	VƯƠNG QUYẾT THẮNG	Nam	12/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
314	32480	NGÔ XUÂN THIỆN	Nam	27/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
315	32481	NGÔ DOÃN THỊNH	Nam	09/9/2005	Hải Phòng	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
316	32484	PHẠM ĐỨC THUẦN	Nam	09/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
317	32485	ĐỖ NINH THUẬN	Nam	18/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
318	32486	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	01/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
319	32487	ĐINH THỊ THỦY	Nữ	06/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
320	32488	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	04/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
321	32489	NGUYỄN TIẾN THỦY	Nam	01/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
322	32491	PHẠM MINH THÚY	Nữ	11/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
323	32492	TRẦN THỊ THÚY	Nữ	30/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
324	32493	NGUYỄN HIỀN THỤC	Nữ	01/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
325	32494	HOÀNG ANH THƯ	Nữ	12/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
326	32495	HOÀNG THANH THƯ	Nữ	02/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
327	32496	NGÔ ANH THƯ	Nữ	26/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
328	32497	NGUYỄN THỊ THANH THƯ	Nữ	03/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
329	32498	NGUYỄN HOÀNG THƯƠNG	Nam	14/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
330	32499	PHẠM VÂN THƯƠNG	Nữ	20/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
331	32500	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	13/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
332	32501	PHẠM VĂN TIẾN	Nam	09/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
333	32502	NGUYỄN HỮU TIỆP	Nam	26/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
334	32503	NGUYỄN THU TÌNH	Nữ	15/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
335	32505	BÙI THỊ HÀ TRANG	Nữ	19/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	32506	BÙI THỊ THU TRANG	Nữ	08/7/2005	Thái Bình	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
337	32507	ĐOÀN THỊ THÙY TRANG	Nữ	23/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
338	32508	HOÀNG MINH TRANG	Nữ	23/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
339	32509	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	02/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
340	32510	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	02/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
341	32511	PHẠM SƠN TRANG	Nữ	08/02/2005	Hà Nội	7.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
342	32513	TRẦN QUỲNH TRANG	Nữ	27/11/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
343	32514	TRẦN THỊ NINH TRANG	Nữ	28/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
344	32515	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	02/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
345	32516	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	12/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
346	32517	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	11/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
347	32518	ĐINH THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	13/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
348	32521	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	02/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
349	32522	ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG	Nam	04/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
350	32523	ĐỖ MẠNH TRƯỜNG	Nam	11/10/2005	Hải Phòng	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
351	32524	NGÔ QUANG TRƯỜNG	Nam	07/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
352	32527	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	18/9/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
353	32528	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	30/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
354	32529	TRẦN ANH TUẤN	Nam	25/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
355	32533	PHẠM THỊ TUYỀN	Nữ	10/12/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
356	32535	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	18/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
357	32536	BÙI VĂN TÙNG	Nam	15/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
358	32537	ĐINH VĂN TÙNG	Nam	11/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
359	32538	PHẠM VIỆT TÙNG	Nam	11/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
360	32540	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Nữ	19/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
361	32541	TRƯƠNG VIỆT TÚ	Nam	25/8/2005	Nam Trực - Nam Định	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 58 - Trường THPT Bạch Đằng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
362	32543	ĐÀM THỊ TƯƠI	Nữ	15/4/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
363	32544	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Nam	20/12/2005	Hà Nội	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
364	32545	BÙI THỊ TỐ UYÊN	Nữ	04/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
365	32546	BÙI VŨ THẢO UYÊN	Nữ	13/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
366	32547	ĐINH THỊ MỸ UYÊN	Nữ	07/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
367	32548	NGÔ THẢO UYÊN	Nữ	25/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
368	32549	VŨ THỊ TỐ UYÊN	Nữ	03/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
369	32550	ĐINH THỊ VÂN	Nữ	06/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
370	32554	TRẦN ANH VIỆT	Nam	12/5/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
371	32555	TRẦN XUÂN VIỆT	Nam	01/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
372	32556	VŨ ĐỨC VIỆT	Nam	11/02/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
373	32557	BÙI QUANG VINH	Nam	24/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
374	32558	LÊ QUANG VINH	Nam	28/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
375	32561	PHẠM THÀNH VINH	Nam	27/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
376	32562	VŨ THẾ VINH	Nam	16/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
377	32564	NGÔ BÁ VĨNH	Nam	28/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
378	32565	LẠI NGỌC ANH VŨ	Nam	19/01/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
379	32566	MAI QUỐC VƯỢNG	Nam	24/6/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
380	32567	LÊ HÀ VY	Nữ	30/3/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
381	32568	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	24/02/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
382	32569	VŨ TRÍ VỸ	Nam	20/8/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
383	32570	ĐINH THI THANH XUÂN	Nữ	31/10/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
384	32572	ĐẶNG THỊ BẢO YẾN	Nữ	10/7/2005	Quảng Yên - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	32005	LÊ SỸ TRƯỜNG ANH	Nam	10/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
2	32008	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	02/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
3	32010	VŨ THỊ BÍCH	Nữ	31/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	32011	VŨ ĐÌNH CẢNH	Nam	13/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
5	32015	BÙI VĂN CƯỜNG	Nam	23/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
6	32017	BÙI THỊ DUNG	Nữ	17/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
7	32018	PHẠM THỊ DUNG	Nữ	11/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
8	32019	ĐẶNG KHÁNH DUY	Nam	18/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
9	32020	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	02/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
10	32023	LÊ MẠNH DŨNG	Nam	25/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
11	32025	VŨ HẢI DƯƠNG	Nam	21/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
12	32026	TRẦN QUỐC ĐẠI	Nam	14/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	5.25	9.5	8.44	Đ		Khá
13	32027	VŨ MINH ĐẠT	Nam	28/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
14	32028	GIANG Y ĐÌNH	Nữ	25/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	32033	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	10/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
16	32034	ĐINH THỊ HỒNG HẢI	Nữ	28/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
17	32036	VŨ MINH HIẾU	Nam	19/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
18	32037	LÊ THỊ THU HIỀN	Nữ	27/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
19	32039	NGÔ VĂN HIỂN	Nam	23/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
20	32040	TRỊNH HỮU HIẾU	Nam	24/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
21	32043	NGUYỄN MINH HUỆ	Nữ	30/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
22	32044	NGÔ QUANG HUY	Nam	28/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	6.5	9.5	8.75	Đ		Khá
23	32052	VŨ QUANG HƯNG	Nam	25/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	32057	VŨ CÔNG KIÊN	Nam	22/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	32058	LÊ TÙNG LÂM	Nam	23/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
26	32062	HOÀNG VĂN LONG	Nam	17/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
27	32063	NGÔ DUY LONG	Nam	05/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
28	32068	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	13/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
29	32070	TRẦN HỒNG MẠNH	Nam	02/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	32071	PHẠM QUANG MINH	Nam	22/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	32072	TRẦN QUANG NHẬT MINH	Nam	11/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	32073	VŨ ĐÌNH MINH	Nam	08/01/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
33	32075	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	18/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
34	32077	VŨ THỊ NGA	Nữ	14/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
35	32079	ĐÀM BÙI NHƯ NGỌC	Nữ	16/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	32081	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	26/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
37	32083	NGUYỄN HOÀNG NGUYÊN	Nam	10/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	32085	VŨ HUYỀN NHUNG	Nữ	08/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	32087	NGÔ QUANG PHÁT	Nam	06/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	32088	BÙI DUY PHONG	Nam	21/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7	9.5	8.88	Đ		Khá
41	32089	BÙI VĂN PHÚC	Nam	30/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
42	32090	PHẠM VĂN PHÚC	Nam	11/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
43	32091	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	28/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
44	32096	HOÀNG VĂN QUANG	Nam	09/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
45	32099	VŨ NGUYÊN QUÂN	Nam	17/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
46	32100	VŨ VĂN QUÂN	Nam	22/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
47	32101	NGUYỄN VĂN QUYẾN	Nam	08/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
48	32103	VŨ DIỄN QUỲNH	Nữ	20/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
49	32104	BÙI VĂN SÁNG	Nam	06/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	32106	ĐINH HỒNG SƠN	Nam	15/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
51	32107	ĐỖ NGỌC SƠN	Nam	26/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
52	32108	NGUYỄN VĨ SƠN	Nam	24/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
53	32110	BÙI ĐỨC THÁI	Nam	24/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
54	32114	NGUYỄN THỊ THI	Nữ	25/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
55	32115	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	04/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
56	32116	NGUYỄN THỊ THANH THU	Nữ	24/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
57	32117	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	Nữ	12/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
58	32123	NGUYỄN MẠNH TOÀN	Nam	25/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
59	32124	VŨ ĐỨC TOÀN	Nam	12/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
60	32127	LÊ THU TRANG	Nữ	14/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	5	10	8.75	Đ		Khá
61	32128	PHÙNG THỊ TRANG	Nữ	26/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
62	32131	ĐỖ VŨ BẢO TRÂM	Nữ	09/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
63	32132	TRẦN QUỐC TRIỆU	Nam	28/12/2005	Thành phố Hải Phòng	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
64	32133	LƯƠNG ANH TRƯỜNG	Nam	14/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
65	32134	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	06/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
66	32135	HOÀNG CÔNG TUYỀN	Nam	13/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	5.25	10	8.81	Đ		Khá
67	32136	VŨ NHẬT TÙNG	Nam	06/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	5.5	10	8.88	Đ		Khá
68	32137	VŨ ĐỨC TÚ	Nam	22/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
69	32141	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	25/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
70	32143	TRẦN THỊ NGUYỆT VI	Nữ	15/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
71	32144	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	11/7/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	5.5	10	8.88	Đ		Khá
72	32145	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	11/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
73	32146	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	03/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
74	32147	VŨ THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	5.5	10	8.88	Đ		Khá
75	32148	PHẠM THỊ BÌNH AN	Nữ	11/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	32149	TRẦN THỊ THU AN	Nữ	06/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
77	32153	ĐÀM QUANG QUỐC ANH	Nam	01/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
78	32158	LÊ NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	15/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	32159	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	07/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
80	32166	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	05/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
81	32167	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	Nam	30/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	32172	VŨ DUY ANH	Nam	15/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	32174	VŨ THỊ KIM ANH	Nữ	24/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
84	32186	NGUYỄN MINH CHÂU	Nam	04/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
85	32193	VŨ THỊ CHI	Nữ	20/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	32194	VŨ HẠNH CHI	Nữ	05/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	32197	VŨ VĂN CHIẾN	Nam	12/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	32198	PHẠM VĂN CHÍ	Nam	29/01/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	32201	TRƯƠNG THỊ HỒNG CÚC	Nữ	26/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	32206	PHẠM QUỐC CƯỜNG	Nam	30/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	32214	HOÀNG QUỐC DUY	Nam	06/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	32215	NGUYỄN ĐĂNG DUY	Nam	12/10/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	32219	LÊ VĂN DŨNG	Nam	20/8/2003	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	32223	VŨ HOÀNG DŨNG	Nam	15/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	32225	BÙI HỒNG DƯƠNG	Nam	03/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	32233	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	17/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	32238	LÊ HỒNG ĐỨC	Nam	29/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	9	8.75	Đ		Khá
98	32239	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	15/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
99	32240	DƯƠNG VĂN ĐỨC	Nam	12/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	9	8.75	Đ		Khá
100	32242	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	06/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
101	32244	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	16/12/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	9	8.75	Đ		Khá

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	32249	VŨ HÀ GIANG	Nữ	05/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	9	9.00	Đ		Giỏi
103	32253	VŨ SƠN HÀ	Nam	10/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	32257	NGUYỄN THỊ MAI HẠNH	Nữ	03/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	32270	VŨ VĂN HIỀN	Nam	07/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	32273	TRẦN MINH HIẾU	Nam	02/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	32276	VŨ VĂN HINH	Nam	10/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
108	32278	VŨ THỊ HOA	Nữ	18/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
109	32279	LÊ THỊ THU HOÀI	Nữ	20/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	32281	BÙI HUY HOÀNG	Nam	25/6/2003	Tỉnh Quảng Ninh	8.5					H	
111	32282	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	Nam	01/11/2005	Thành phố Hải Phòng	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
112	32286	LÊ CÔNG HOÀNH	Nam	01/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	32290	LÊ THỊ HUẾ	Nữ	21/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
114	32293	ĐINH QUANG HUY	Nam	01/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	32298	CAO THỊ HUYỀN	Nữ	04/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
116	32301	NGÔ THỊ THU HUYỀN	Nữ	16/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
117	32305	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	06/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
118	32307	BÙI HUY HÙNG	Nam	28/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	32309	BÙI VĂN HÙNG	Nam	04/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
120	32310	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	20/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
121	32311	ĐINH MẠNH HÙNG	Nam	09/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
122	32313	ĐINH VĂN HƯNG	Nam	19/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
123	32314	LÊ QUANG HƯNG	Nam	05/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
124	32315	MẠC VĂN HƯNG	Nam	26/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
125	32322	LÊ THỊ HƯƠNG	Nữ	17/8/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	32323	NGÔ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	23/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
127	32325	VŨ THỊ HƯƠNG	Nữ	26/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	32328	NGUYỄN TƯ HƯỚNG	Nam	26/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
129	32330	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	01/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	32334	VŨ THỊ MAI KHUYÊN	Nữ	17/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
131	32335	LÊ BÁ KIÊN	Nam	13/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
132	32338	PHAN THỊ NHẬT LAM	Nữ	07/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
133	32342	NGUYỄN DẠ LAN	Nữ	05/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
134	32344	NGUYỄN VIẾT LÃM	Nam	10/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
135	32345	BÙI HOÀNG LÂM	Nam	12/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	9.25	10	9.81	Đ		Giỏi
136	32346	ĐÀO THỊ KIM LIÊN	Nữ	15/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	32352	NGÔ THỊ THỤC LINH	Nữ	11/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	32373	DƯƠNG VĂN LONG	Nam	19/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
139	32374	ĐẶNG VĂN LONG	Nam	09/02/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	32383	BÙI VĂN MẠNH	Nam	27/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
141	32384	DƯƠNG VĂN MẠNH	Nam	11/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
142	32385	ĐÀM HOÀNG ĐỨC MẠNH	Nam	18/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	32386	VŨ ĐÌNH MẠNH	Nam	01/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
144	32387	VŨ TRỌNG MẠNH	Nam	14/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	32393	NGUYỄN HOÀN MỸ	Nữ	21/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	32395	DƯƠNG VĂN NAM	Nam	03/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	32396	ĐINH ĐỨC NAM	Nam	31/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
148	32409	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	19/11/2005	Thành phố Hải Phòng	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
149	32411	VŨ THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	17/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
150	32428	ĐINH QUANG PHÚ	Nam	28/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
151	32438	BÙI DUY PÔN	Nam	12/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
152	32440	ĐINH HỒNG QUÂN	Nam	09/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
153	32448	VŨ VĂN SINH	Nam	09/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	32449	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	29/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	32451	BÙI THỊ THANH TÂM	Nữ	24/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
156	32457	ĐẶNG MINH THANH	Nam	11/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
157	32459	HOÀNG VIỆT THANH	Nam	11/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5					H	
158	32463	BÙI VĂN THÀNH	Nam	11/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	32464	ĐINH QUANG THÀNH	Nam	20/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	32465	VŨ TẤT THÀNH	Nam	21/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	32467	BÙI THỊ THẢO	Nữ	30/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	32472	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	32473	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	11/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
164	32475	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/5/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
165	32476	ĐINH QUANG THÁI	Nam	11/01/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
166	32478	PHÙNG MINH THẮNG	Nam	31/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	32482	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	19/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
168	32483	TRẦN ĐỨC THUẬN	Nam	06/4/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
169	32490	PHẠM THU THỦY	Nữ	20/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	32504	LÊ CÔNG TỚI	Nam	18/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	32512	TÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	30/7/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
172	32519	NGÔ TIẾN TRIỆU	Nam	02/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	32520	VÕ THỊ TÚ TRINH	Nữ	08/02/2005	Tỉnh Đồng Tháp	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	32525	NGUYỄN ĐỨC TUÂN	Nam	02/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	32526	DƯƠNG ANH TUẤN	Nam	21/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	32530	LÊ XUÂN TUẾ	Nam	05/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
177	32531	VŨ MẠNH TUYÊN	Nam	15/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
178	32532	TRẦN ÁNH TUYẾT	Nữ	23/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	32534	PHẠM QUANG TUYẾN	Nam	29/8/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 59 - Trường TH-THCS&THPT Yên Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	32539	DƯƠNG QUANG TÚ	Nam	01/11/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
181	32542	VŨ ANH TÚ	Nam	17/12/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
182	32551	PHẠM CẨM VÂN	Nữ	05/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
183	32552	LÊ TRIỆU YẾN VI	Nữ	16/9/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
184	32553	ĐINH ĐỨC VIỆT	Nam	16/10/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
185	32559	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	12/6/2004	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
186	32560	NGUYỄN XUÂN VINH	Nam	26/12/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
187	32563	ĐÀM QUANG VĨ	Nam	01/3/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
188	32571	BÙI THỊ YÊU	Nữ	08/6/2005	Tỉnh Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	29179	NGUYỄN THỊ THU LỰU	Nữ	16/02/2004	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	33001	BÙI TUẤN ANH	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	8,3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	33002	ĐÀM QUANG ANH	Nam	24/4/2004	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
4	33003	ĐÀM QUỲNH ANH	Nữ	07/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	33004	ĐỖ THỊ LAN ANH	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
6	33005	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
7	33006	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	33007	NGUYỄN VĂN QUỐC ANH	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	8	8	9	8.75	Đ		Khá
9	33008	PHẠM THỊ HOÀI ANH	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
10	33009	PHẠM TUẤN ANH	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	7.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
11	33010	TRẦN THỊ HUYỀN ANH	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
12	33011	VŨ HẢI ANH	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	33012	VŨ HÙNG ANH	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
14	33013	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	7,9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
15	33014	HÀ VĂN BẢO	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
16	33015	VŨ VĂN BẢO	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	33016	LÊ VĂN BẰNG	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
18	33017	VŨ THỊ BÍCH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	7,8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
19	33018	BÙI HUY CẢNH	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	33019	VŨ ĐỨC CẢNH	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
21	33020	LÊ THỊ CHÂM	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	33021	BÙI THỊ LINH CHI	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9	9.00	Đ		Giỏi
23	33022	NGUYỄN THỊ CHI	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	33023	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
25	33024	LÊ QUANG CHIẾN	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
26	33025	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
27	33026	PHẠM THÀNH CÔNG	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
28	33027	LÊ THỊ CÚC	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
29	33028	PHẠM THỊ CÚC	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	33029	VŨ THỊ CÚC	Nữ	09/4/2001	Quảng Ninh	8,1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	33030	VŨ THỊ KIM CÚC	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	33031	ĐÀM QUANG CƯỜNG	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
33	33032	NGÔ VĂN MẠNH CƯỜNG	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	33033	VŨ THỊ DIỆP	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	33034	BÙI THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	14/12/2005	Hà Nam	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	33035	LÊ THỊ THÙY DUNG	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	33036	BÙI KHÁNH DUY	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	33037	BÙI VĂN NGỌC DUY	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	33038	NGUYỄN ĐÌNH DUY	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
40	33039	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	33040	VŨ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	33041	ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	33042	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	33043	PHẠM TÙNG DƯƠNG	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	33044	VŨ TÙNG DƯƠNG	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
46	33045	ĐỖ LINH ĐAN	Nữ	01/11/2004	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	33046	BÙI ĐỨC ĐẠT	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	33047	ĐOÀN VĂN ĐẠT	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	33048	LÊ ĐÌNH ĐẠT	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8,1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	33049	LÊ QUANG ĐẠT	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	7.8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
51	33050	PHẠM ĐỨC ĐẠT	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	7,9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
52	33051	NGUYỄN HUY ĐÔ	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	33052	ĐỖ QUANG ĐƯỜNG	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	33053	BÙI VĂN ĐỨC	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	33054	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	Nam	16/5/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	33055	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	33056	NGÔ THỊ THU HÀ	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	33057	TRẦN THỊ DUNG HÀ	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8,3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	33058	NGÔ QUANG HẢI	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	33059	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
61	33060	VŨ NGỌC HẢI	Nam	14/5/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	33061	LÊ VĂN HẢO	Nam	16/4/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	33062	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	33063	VŨ THU HẰNG	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	33064	VŨ THANH HẬU	Nữ	07/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	33065	BÙI THỊ THU HIỀN	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
67	33066	BÙI THU HIỀN	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	33067	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
69	33068	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	33069	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	03/9/2005	Hải Phòng	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	33070	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	33071	LÊ MINH HIẾU	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	33072	DƯƠNG VĂN HIỆP	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
74	33073	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
75	33074	BÙI THỊ HOA	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	33075	BÙI THỊ HOA	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	33076	ĐÀM THỊ HOA	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	33077	VŨ THỊ HOA	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
79	33078	VŨ THỊ QUỲNH HOA	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	33079	LÊ KỲ HOAN	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
81	33080	VŨ MẠNH HOÀN	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
82	33081	LÊ VIỆT HOÀNG	Nam	20/10/2004	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
83	33082	NGÔ HUY HOÀNG	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	33083	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	33084	VŨ VĂN HOÀNH	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	33085	LÊ THỊ THANH HỒNG	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	8,0	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	33086	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	33087	LÊ VĂN HỢP	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	7.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
89	33088	BÙI VĂN HUẤN	Nam	14/12/2004	Quảng Ninh	8,3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	33089	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	33090	ĐỒNG QUANG HUY	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	33091	LÊ KỲ HUY	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.1					H	
93	33092	LÊ KỲ HUY	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
94	33093	NGÔ QUANG HUY	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
95	33094	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
96	33095	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
97	33096	ĐÀM THỊ KIM HUYÊN	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
98	33097	ĐÀM THỊ HUYỀN	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
99	33098	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
100	33099	PHẠM TUẤN HƯNG	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
101	33100	VŨ VĂN HƯNG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	33101	VŨ THỊ HƯƠNG	Nữ	28/7/2004	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	33102	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	33103	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
105	33104	VŨ TRUNG KIÊN	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	7.8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
106	33105	LƯƠNG TUẤN KIỆT	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	33106	ĐÀM THỊ KIM	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
108	33107	LÊ VĂN LÂM	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
109	33108	VŨ NGỌC LÂM	Nam	09/9/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
110	33109	LÊ VĂN LIÊM	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
111	33110	ĐINH THỊ THÙY LIÊN	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	7,8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
112	33111	ĐÀM THỊ THÙY LINH	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	33112	ĐINH THỊ THÙY LINH	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
114	33113	LÊ DIỆU LINH	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	33114	LÊ NGỌC LINH	Nữ	09/10/2005	Hà Nội	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	33115	LƯU THỊ THÙY LINH	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	33116	NGUYỄN QUANG LINH	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	33117	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
119	33118	VŨ TÀI LINH	Nam	22/6/2004	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
120	33119	BÙI THỊ LOAN	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
121	33120	PHẠM THỊ LOAN	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	33121	TRẦN MAI LOAN	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	33122	BÙI DUY LONG	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
124	33123	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	8,3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	33124	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	33125	HÀ VĂN LƯƠNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	33126	ĐOÀN VĂN LƯỢNG	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	33127	ĐINH VĂN LÝ	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	33128	ĐỖ THỊ QUỲNH MAI	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
130	33129	BÙI DUY MẠNH	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	33130	ĐÀM QUANG MẠNH	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10				H	
132	33131	NGUYỄN DUY MẠNH	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	33132	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
134	33133	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	7.9					H	
135	33134	ĐỖ HỒNG MINH	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
136	33135	NGUYỄN TIẾN MINH	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
137	33136	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	33137	VŨ THỊ HỒNG MƠ	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	33138	VŨ TRÀ MY	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	33139	ĐỖ HẢI NAM	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	33140	NGUYỄN QUỐC NAM	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8,0	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	33141	ĐOÀN THỊ NGÂN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	7,9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	33142	VŨ THỊ HOÀI NGÂN	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	33143	ĐÀO XUÂN NGHĨA	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	33144	LÊ VĂN NGHĨA	Nam	18/7/2004	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	33145	NGUYỄN HỮU NGỌC	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	7,8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	33146	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
148	33147	PHẠM QUỲNH NGỌC	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	33148	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	33149	BÙI THỊ NGUYÊN	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	33150	NGUYỄN PHONG NHÃ	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
152	33151	ĐỖ VĂN NHẬT	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
153	33152	TỐNG KHÁNH NHẬT	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	33153	BÙI THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	33154	ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8,1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	33155	TRẦN ĐỨC NINH	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	33156	NGUYỄN THỊ NỤ	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
158	33157	VĂN HUY PHONG	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	7,9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
159	33158	VŨ VĂN PHONG	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
160	33159	BÙI DUY QUANG	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
161	33160	BÙI THANH QUANG	Nam	27/11/2005	Hải Phòng	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
162	33161	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8				H	
163	33162	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
164	33163	NGUYỄN XUÂN QUANG	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
165	33164	ĐẶNG LÊ ANH QUÂN	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	7.8		10			H	
166	33165	LÊ ANH QUÂN	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
167	33166	PHẠM VŨ QUỐC	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	33167	VŨ THỊ HỒNG QUYÊN	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
169	33168	BÙI HUY CHUNG QUYỀN	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	8,3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
170	33169	LÊ NGỌC QUYỀN	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	33170	TRẦN MẠNH QUYỀN	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
172	33171	PHẠM HỒNG QUYẾT	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	33172	NGUYỄN VĂN QUÝ	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	33173	NGUYỄN MẠNH SANG	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	33174	NGUYỄN HOÀNG SÂM	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	33175	BÙI VĂN SƠN	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	33176	DƯƠNG VĂN SƠN	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	33177	PHẠM TRUNG SƠN	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	33178	VŨ HỒNG SƠN	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	33179	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	16/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
181	33180	PHẠM VĂN TÀI	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	33181	NGUYỄN MINH TÂM	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	33182	VŨ MINH TÂN	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	33183	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	33184	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	33185	ĐỖ TRUNG THÀNH	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	7.7					H	
187	33186	NGUYỄN THỊ THÀNH	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	33187	TRẦN CÔNG THÀNH	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
189	33188	VŨ VĂN THÀNH	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	33189	NGUYỄN VĂN THĂNG	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	33190	BÙI QUYẾT THẮNG	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	33191	ĐINH KHẮC THẮNG	Nam	06/6/2005	Hải Phòng	8,1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	33192	ĐINH VĂN THẮNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	33193	ĐỖ QUYẾT THẮNG	Nam	09/4/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	33194	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	27/4/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
196	33195	PHẠM XUÂN THẮNG	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
197	33196	TÔ TIẾN THẮNG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
198	33197	TRẦN ĐỨC THẮNG	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	8,3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	33198	ĐỖ ĐỨC THẬT	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	33199	TÔ TIẾN THÊM	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
201	33200	VŨ TRƯỜNG THI	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
202	33201	PHẠM QUANG THIỆN	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	33202	ĐOÀN MỘNG THU	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	33203	BÙI TRỌNG THUYẾT	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	33204	ĐÀM THỊ THANH THUỶ	Nữ	05/3/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	33205	LÊ THỊ THUÝ	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8,3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	33206	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	16/02/2005	Đắc Nông	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
208	33207	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
209	33208	DƯƠNG THỊ ANH THƯ	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	7.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
210	33209	PHẠM THỊ THANH THƯ	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
211	33210	BÙI THỊ THƯƠNG	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	33211	ĐOÀN THỊ THƯƠNG	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	33212	NGÔ VĂN THƯỜNG	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	33213	NGUYỄN VĂN THƯỞNG	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	33214	BÙI QUỐC THƯỢNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
216	33215	NGUYỄN QUANG TIẾN	Nam	02/6/2005	Quảng Ninh	7,8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	33216	PHẠM THỊ TĨNH	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
218	33217	ĐINH THỊ THÙY TRANG	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8,3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
219	33218	LÊ HÀ TRANG	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	33219	LÊ THU TRANG	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	33220	NGUYỄN LINH TRANG	Nữ	15/7/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	33221	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	33222	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
224	33223	VŨ THỊ BẢO TRÂM	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
225	33224	ĐỖ NGỌC TRUNG	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
226	33225	NGUYỄN THẾ TRƯỜNG	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	33226	VŨ ĐÌNH TRƯỜNG	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
228	33227	BÙI ANH TUẤN	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	33228	BÙI ĐỨC TUẤN	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
230	33229	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	08/8/2004	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	33230	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	33231	PHẠM MINH TUẤN	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
233	33232	VŨ VĂN TUYÊN	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	33233	VŨ VĂN TUYỀN	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	33234	BÙI THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	33235	ĐỖ KHÁNH TÙNG	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	33236	VŨ MẠNH TÙNG	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	33237	BÙI ĐỨC TÚ	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	33238	ĐẶNG NHƯ UYÊN	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
240	33239	ĐẶNG THỊ UYÊN	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
241	33240	TỐNG THÀNH VĂN	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
242	33241	VŨ NHẬT VINH	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	33242	BÙI CHÍ VĨ	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
244	33243	BÙI THẾ VŨ	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
245	33244	ĐỖ NHẬT VŨ	Nam	26/5/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
246	33245	ĐINH VĂN QUỐC VƯỢNG	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	8,0	10	10	10.00	Đ		Giỏi
247	33246	ĐINH THỊ VY	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	7,9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	33247	TRẦN VĂN XUÂN	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
249	33248	VŨ THANH XUÂN	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
250	33249	NGUYỄN THỊ MINH YẾN	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	33250	BÙI VĂN Ý	Nam	12/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
252	33251	BÙI LAN ANH	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
253	33252	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
254	33253	HOÀNG TRUNG ANH	Nam	06/8/2005	Hải Phòng	8	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
255	33254	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
256	33255	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
257	33256	BÙI ĐỨC CẢNH	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	33257	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
259	33258	ĐINH TIẾN DUY	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
260	33259	PHẠM VĂN DŨNG	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
261	33260	BÙI THÁI DƯƠNG	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
262	33261	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	Nam	12/6/2000	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
263	33262	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	19/4/2005	Quảng Ninh	8.1	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
264	33263	PHẠM THỊ THU HÀ	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8	8.25	10	9.56	Đ		Giỏi
265	33264	NGUYỄN THỊ HOÀI	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
266	33265	PHẠM TUẤN HÙNG	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
267	33266	BÙI CHÍ KIÊN	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
268	33267	LƯƠNG THỊ THÙY LINH	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
269	33268	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
270	33269	NGUYỄN XUÂN NAM	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
271	33270	BÙI BÍCH NGUYỆT	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
272	33271	VŨ THỊ NƯƠNG	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
273	33272	PHẠM NHẬT PHONG	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
274	33273	VŨ THẾ PHONG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
275	33274	HOÀNG MINH QUÂN	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
276	33275	ĐÀM THỊ THẮM	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
277	33276	PHẠM QUYẾT THẮNG	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
278	33277	NGUYỄN VĂN THIỆU	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
279	33278	DƯƠNG THỊ THƠM	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
280	33279	ĐOÀN THỊ THANH THỦY	Nữ	11/7/2005	Hải Phòng	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
281	33280	BÙI THÙY TRANG	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
282	33281	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	17/9/2005	Hải Phòng	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
283	33282	BÙI HUY TUYỂN	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 60 - Trung tâm GDNN - GDTX Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	33283	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
285	33284	VŨ YẾN VY	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	34078	BÙI HUY DUY ANH	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	34079	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	34080	ĐẶNG THỊ QUỲNH ANH	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	34081	ĐỖ THỊ MAI ANH	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
5	34084	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	34085	LÊ THỊ LAN ANH	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	34086	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
8	34088	NGÔ THỊ NGỌC ANH	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
9	34089	NGUYỄN CHÂM ANH	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
10	34090	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
11	34091	NGUYỄN QUẾ ANH	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
12	34095	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	34096	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	30/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
14	34098	TRẦN THỊ NGỌC ANH	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	34099	VŨ LAN ANH	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	34100	VŨ NGỌC ANH	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	34101	VŨ NGỌC ANH	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	34102	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	12/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	34103	VŨ TUẤN ANH	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
20	34104	VŨ VIỆT ANH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
21	34105	CAO THỊ ÁI	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	34107	ĐÀO NGỌC ÁNH	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	34108	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	34110	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	34112	LÊ HOÀNG BÁCH	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	34114	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	34115	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	34116	LÊ THỊ BÍCH	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	34117	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	34119	PHẠM VĂN CẢNH	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
31	34121	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	34122	NGÔ THỊ LINH CHI	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	34124	VŨ THỊ CHI	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	34125	VŨ THỊ PHƯƠNG CHI	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	34126	BÙI THỊ CHIỀU	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	34128	VŨ HỮU CHUNG	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
37	34129	VŨ VĂN CHUNG	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	34130	LÊ THỊ THANH CHÚC	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
39	34132	DƯƠNG THU CÚC	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	34134	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	34138	NGUYỄN THỊ DIỄM	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
42	34139	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
43	34140	ĐÀO THỊ DINH	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
44	34141	NGUYỄN THỊ DỊU	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
45	34142	NGUYỄN VĂN DOANH	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
46	34143	ĐỖ MINH DU	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
47	34144	LÊ ĐỨC DUY	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
48	34145	NGÔ ĐÌNH DUY	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
49	34147	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	34149	LÊ MẠNH DŨNG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
51	34151	LÊ ĐỨC DƯƠNG	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
52	34152	LÊ QUỲNH DƯƠNG	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
53	34153	LÊ THÙY DƯƠNG	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
54	34154	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	17/8/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
55	34159	BÙI ĐỨC ĐẠT	Nam	03/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	34160	ĐỖ TẤN ĐẠT	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
57	34162	LÊ KỲ ĐẠT	Nam	13/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	34163	LÊ SỸ ĐẠT	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
59	34166	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	34169	VŨ ĐÌNH ĐIỀU	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	34170	DƯƠNG VĂN ĐIỂN	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
62	34172	TRẦN VĂN ĐÍNH	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	34173	VŨ ĐÌNH ĐÍNH	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	34176	VŨ NGỌC ĐỨC	Nam	27/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	34177	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	34178	BÙI THỊ HOA GIANG	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	34179	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	34180	LÊ VĂN GIANG	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	34181	NGUYỄN VĂN HAI	Nam	20/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
70	34183	LÊ THU HÀ	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	34185	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	34186	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	07/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	34187	PHẠM THỊ MINH HÀ	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	34188	VŨ HẢI HÀ	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	34189	VŨ THỊ THU HÀ	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	34191	NGUYỄN VĂN HÀO	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	34192	LÊ THỊ HẢI	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	34193	NGUYỄN THỊ HẢI	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	34194	VŨ VĂN HẢI	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	34195	LÊ THỊ HẢO	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	34196	NGUYỄN THỊ HẢO	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
82	34197	PHẠM THỊ HẢO	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
83	34198	CAO THỊ HẠNH	Nữ	19/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	34201	LÊ THỊ HẰNG	Nữ	02/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
85	34204	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	10/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	34205	NGUYỄN ĐĂNG HÂN	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	34206	LÃ MINH HẬU	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
88	34209	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	34210	ÔNG THU HIỀN	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
90	34211	PHẠM THỊ HIỀN	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
91	34212	PHẠM THỊ HIỀN	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	34214	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
93	34215	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	27/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	34216	VŨ THU HIỀN	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
95	34217	BÙI MINH HIẾU	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	34218	BÙI THẾ HIẾU	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	34219	ĐẶNG MINH HIẾU	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	34220	ĐOÀN TRUNG HIẾU	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	34221	NGUYỄN HỮU HIẾU	Nam	10/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	34222	NGUYỄN NGỌC HIẾU	Nam	01/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
101	34223	VŨ MINH HIẾU	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	34224	VŨ MINH HIẾU	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	34225	VŨ VĂN HIẾU	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	34227	BÙI THỊ HOA	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
105	34230	VŨ ĐÌNH HOAN	Nam	26/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	34233	PHAN KIM HOÀN	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	34238	PHẠM HUY HOÀNG	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
108	34239	PHẠM VIỆT HOÀNG	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	34242	LÊ THỊ HỒNG	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	34247	NGUYỄN LÂM HUY	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	34249	VŨ QUANG HUY	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	34250	ĐÀO THU HUYỀN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	34251	LÃ MINH HUYỀN	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	34252	LÊ THỊ HUYỀN	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	34253	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	14/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	34254	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	15/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	34255	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	34256	PHẠM THANH HUYỀN	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	34257	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
120	34258	VŨ THỊ MINH HUYỀN	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	34259	DƯƠNG PHI HÙNG	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	34260	NGÔ ĐÌNH HÙNG	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	34263	PHẠM VIỆT HƯNG	Nam	01/4/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
124	34264	ĐỖ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	34265	NGÔ VIỆT HƯƠNG	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
126	34266	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	34267	PHẠM MAI HƯƠNG	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	34268	VŨ MAI HƯƠNG	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	34269	VŨ THỊ HƯƠNG	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
130	34271	VŨ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
131	34272	ĐẶNG THU HƯỜNG	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
132	34273	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	06/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
133	34275	VŨ TRỌNG HƯỞNG	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
134	34277	NGUYỄN THẾ KHẢI	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	34278	VŨ ĐÌNH KHẢI	Nam	25/4/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
136	34279	VŨ VĂN KHÁNH	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
137	34280	BÙI CÔNG KHẨN	Nam	17/4/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
138	34281	ĐẶNG VĂN KHƯƠNG	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
139	34282	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	34285	LÊ THỊ THÚY LAN	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
141	34286	PHẠM THỊ NGỌC LAN	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	34288	NGUYỄN VĂN LÂN	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	34289	NGUYỄN THỊ LỆ	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	34290	VŨ THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	34291	BÙI QUANG LINH	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	34292	BÙI THÙY LINH	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	34293	ĐÀO NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	34294	ĐẶNG THỊ DIỆU LINH	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	34295	ĐOÀN THỊ THÙY LINH	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
150	34296	HÀ VŨ DIỆU LINH	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	34298	LÊ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	34299	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	34302	NGUYỄN HOÀI LINH	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	34303	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	34304	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
156	34306	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	34307	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	34308	NGUYỄN VŨ KHÁNH LINH	Nữ	01/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	34309	PHẠM THÙY LINH	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	34310	TRẦN THẢO LINH	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	34311	VŨ HẢI LINH	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	34312	VŨ LÊ DIỆU LINH	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	34313	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	34314	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	34315	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	34316	VŨ THỊ TRANG LINH	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	34318	ĐỖ THỊ MAI LOAN	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	34319	VŨ THỊ LOAN	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	34321	NGUYỄN HẢI LONG	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	34322	PHẠM THANH LONG	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
171	34323	VŨ HOÀNG LONG	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	34325	PHẠM THỊ LUYÊN	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	34326	NGUYỄN THỊ LUYẾN	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	34327	NGUYỄN THỊ LUYẾN	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	34329	LÊ ĐỒNG LƯƠNG	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	34330	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	Nam	22/8/2001	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	34331	BÙI HÀ KHÁNH LY	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	34332	BÙI THỊ HƯƠNG LY	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	34333	ĐỖ THỊ LY	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	34334	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	34335	NGUYỄN THỊ DIỆU LY	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	34336	VŨ KHÁNH LY	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	34346	LÊ VĂN MẠNH	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
184	34347	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
185	34348	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
186	34350	VŨ THỊ TRÀ MI	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
187	34352	PHẠM NHẬT MINH	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	34354	VŨ BẢO MINH	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
189	34355	LÊ MƠ MỘNG	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	34356	DƯƠNG VĂN MỪNG	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	34357	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	34358	VŨ TRÀ MY	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	34359	ĐOÀN TRUNG NAM	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	34360	LÊ ĐỨC HÀ NAM	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
195	34361	LÊ TUẤN NAM	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
196	34366	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	34368	VŨ THÀNH NAM	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
198	34369	VŨ VĂN NAM	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	34371	VŨ THỊ HẰNG NGA	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
200	34372	NGÔ THỊ KIM NGÂN	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	34373	VŨ THỊ NGOAN	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
202	34374	CAO NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
203	34375	DƯƠNG THỊ KIM NGỌC	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	34377	ĐỖ VĂN NGỌC	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
205	34378	NGUYỄN THẢO NGỌC	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	34379	PHẠM THỊ NGỌC	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
207	34381	VŨ THỊ HOÀI NGỌC	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
208	34383	NGÔ THỊ NGUYỆT	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	34384	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	34385	TRẦN THỊ NGUYỆT	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
211	34390	ĐỖ THỊ TUYẾT NHI	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
212	34391	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	34392	PHẠM THỊ UYỂN NHI	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
214	34393	VŨ YẾN NHI	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	34394	DƯƠNG THỊ NHUNG	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
216	34395	ĐOÀN HỒNG NHUNG	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
217	34396	ĐỖ THỊ NHUNG	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
218	34398	DƯƠNG TUẤN NINH	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	34401	HOÀNG KIM OANH	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
220	34402	VŨ THỊ HOÀNG OANH	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	34403	BÙI HUY PHONG	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	34404	HÀ TUẤN PHONG	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	34405	LÊ HỒNG PHONG	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	34406	PHÙNG VĂN PHÚ	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
225	34409	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
226	34410	DƯƠNG THỊ KIM PHƯỢNG	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	34411	PHẠM THỊ HỒNG PHƯỢNG	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	34412	VŨ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	34416	NGÔ VIẾT QUANG	Nam	15/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	34418	BÙI MINH QUÂN	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	34421	BÙI PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	34423	NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	34424	VŨ THỊ QUYÊN	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	34425	VŨ THỊ TÚ QUYÊN	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	34426	HOÀNG VŨ QUYỀN	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	34428	TRẦN ĐỨC QUYỀN	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	34429	VŨ ĐỨC QUYỀN	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	34431	PHẠM VĂN QUYẾT	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	34432	VŨ NHO QUYẾT	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	34434	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	34435	VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	34439	LÊ THỊ HỒNG SÂM	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
243	34441	LÊ CÔNG SƠN	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
244	34442	NGÔ ĐĂNG SƠN	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
245	34443	NGÔ THẾ SƠN	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
246	34445	PHẠM NGUYỄN TRÚC SƠN	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
247	34446	VŨ TÙNG SƠN	Nam	10/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
248	34450	DƯƠNG VĂN THANH	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
249	34451	LÊ PHƯƠNG THANH	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
250	34452	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
251	34453	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
252	34454	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
253	34455	PHẠM VĂN THANH	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
254	34456	VŨ NHẬT THANH	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	34459	NGUYỄN VĂN THẢNH	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
256	34460	BÙI THỊ THẢO	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	34461	NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	34462	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
259	34463	VŨ THỊ THẢO	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
260	34464	VŨ THỊ THẢO	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
261	34465	DƯƠNG VĂN THÁI	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
262	34466	LÊ QUANG THÁI	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
263	34467	BÙI THỊ THẮM	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	34468	BÙI VIỆT THẮNG	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
265	34469	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	34470	VŨ NHẬT THẮNG	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
267	34472	VŨ THỊ THÊM	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	34473	DƯƠNG ĐỨC THẾ	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
269	34474	HOÀNG VŨ THẾ	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
270	34475	NGUYỄN VĂN THẾ	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	34476	VŨ THỊ THOA	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	34477	NGUYỄN TÙNG THÔNG	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	34478	LÊ THỊ THU	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	34479	NGUYỄN THỊ THANH THU	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	34481	NGÔ ĐĂNG THUẬN	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
276	34482	ĐỖ VĂN THUYÊN	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
277	34483	PHẠM THỊ THANH THÙY	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
278	34484	VŨ THỊ THÙY	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
279	34486	VŨ ĐÌNH THỦY	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
280	34487	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	34488	ĐỖ HỒNG THƯ	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
282	34489	LÊ THỊ THƯ	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
283	34491	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	34492	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
285	34493	NGUYỄN THỊ THƯ	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
286	34494	NGUYỄN THỊ THƯ	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
287	34495	BÙI THỊ THƯƠNG	Nữ	25/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
288	34496	BÙI THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
289	34497	ĐOÀN THỊ THƯƠNG	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
290	34499	VŨ NGUYÊN TIỀM	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	34501	NGUYỄN THÀNH TIẾN	Nam	30/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
292	34502	NGUYỄN QUANG TÌNH	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	34506	BÙI THỊ THU TRANG	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	34507	BÙI THÙY TRANG	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
295	34508	LÊ THỊ THÙY TRANG	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
296	34509	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
297	34511	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
298	34513	VŨ THỊ TRANG	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
299	34515	VŨ THÙY TRANG	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
300	34516	NGUYỄN THU TRÀ	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
301	34517	NGUYỄN QUỐC TRIỆU	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
302	34518	ĐÀO VĂN TRỌNG	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
303	34519	ĐẶNG VĂN TRỌNG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
304	34521	NGÔ ĐỨC TRỌNG	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
305	34524	BÙI ĐỨC TRUNG	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
306	34526	HOÀNG VĂN TRUNG	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
307	34532	ĐẶNG THANH TUÂN	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
308	34535	NGUYỄN THANH TUẤN	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	34537	LÊ VĂN TUYỂN	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	34538	LÊ VĂN TUYỂN	Nam	19/4/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
311	34540	VŨ THỊ TUYẾN	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
312	34541	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
313	34542	CAO THỊ PHƯƠNG TÚ	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
314	34543	ĐẶNG THỊ CẨM TÚ	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
315	34546	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
316	34547	VŨ ĐÌNH TƯ	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
317	34548	ĐỖ THỊ TƯƠI	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
318	34549	NGÔ THỊ TƯƠI	Nữ	25/3/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
319	34551	LÊ CÔNG UẨN	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
320	34552	BÙI THỊ TỐ UYÊN	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
321	34556	ĐỖ THỊ HẢI VÂN	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
322	34557	LÊ THỊ VÂN	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
323	34558	LƯU HẢI VÂN	Nữ	27/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
324	34559	PHẠM THỊ CẨM VÂN	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
325	34560	VŨ THỊ VÂN	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
326	34562	PHẠM THỊ BẢO VI	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
327	34563	NGÔ ĐĂNG VIỆT	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
328	34564	VŨ TRỌNG VIỆT	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
329	34565	ĐẶNG VĂN VINH	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
330	34568	VŨ ĐÌNH VINH	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
331	34570	LÊ ĐỨC KỶ VĨ	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
332	34571	LÊ ANH VŨ	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
333	34572	LÊ ĐỒNG VŨ	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
334	34573	VŨ THẾ VŨ	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
335	34574	ĐỖ THỊ KIM XUYẾN	Nữ	07/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 61 - Trường THPT Minh Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
336	34575	VŨ THỊ XUYẾN	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
337	34576	NGÔ THỊ YÊN	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
338	34577	BÙI THỊ BẢO YẾN	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
339	34580	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
340	34582	VŨ THỊ HẢI YẾN	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
341	34583	VŨ THỊ KIM YẾN	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
342	34585	NGUYỄN VĂN Ý	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	34001	LÊ NGỌC ANH	Nam	08/09/2004	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	34002	LÊ TUẤN ANH	Nam	26/08/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	34003	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	27/04/2005	Quảng Ninh	7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	34004	PHẠM THẾ ANH	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
5	34005	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	01/09/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	34006	VŨ DUY ANH	Nam	27/11/2004	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	34007	VŨ THỊ ÁNH	Nữ	12/09/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	34008	LÊ VĂN BẢO	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
9	34009	NGUYỄN VĂN CẢNH	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
10	34010	ĐẶNG THỊ KIM CHI	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
11	34011	NGUYỄN DUY CHUNG	Nam	17/09/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	34012	NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	01/01/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
13	34013	BÙI TÙNG DƯƠNG	Nam	21/08/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	34014	LÊ ĐÌNH DƯƠNG	Nam	06/04/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	34015	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	34016	VŨ NHO ĐỨC	Nam	01/08/2005	Hà Nội	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
17	34017	ĐỖ THỊ HẢI	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
18	34018	NGUYỄN THỊ HẢO	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
19	34019	BÙI THẾ HOÀNG	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	34020	CAO MINH HOÀNG	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
21	34021	BÙI HUY HÒA	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	34022	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	17/05/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
23	34023	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	04/05/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	34024	VŨ HỮU KHANH	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
25	34025	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	7.7	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
26	34026	BÙI THỊ LAN	Nữ	27/03/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
27	34027	NGUYỄN HOÀNG LÂM	Nam	09/03/2003	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
28	34028	VŨ ĐÌNH LÂM	Nam	08/09/2005	Quảng Ninh	7	5	10	8.75	Đ		Khá
29	34029	VŨ QUANG LÂM	Nam	22/09/2005	Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
30	34030	CAO THỊ THÙY LINH	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
31	34031	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	03/07/2005	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
32	34032	TRẦN DIỆU LINH	Nữ	15/09/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
33	34033	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	30/06/2005	Hải Phòng	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
34	34034	LÊ VĂN LUẬN	Nam	10/07/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
35	34035	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	Nam	15/07/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	34036	CAO VĂN MẠNH	Nam	02/07/2005	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
37	34037	VŨ ĐÌNH MẠNH	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
38	34038	VŨ TÀI MẠNH	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	34039	ĐỖ BÌNH MINH	Nam	16/03/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
40	34040	HOÀNG DIỆU MY	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	7.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
41	34041	NGUYỄN THỊ NGOAN	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
42	34042	ĐỖ THỊ THÚY NGỌC	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
43	34043	LÊ THỊ NGỌC	Nữ	22/06/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	34044	VŨ UYÊN NGỌC	Nữ	26/07/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	34045	NGUYỄN ĐỨC PHONG	Nam	05/05/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	34046	LÊ THỊ PHÚ	Nữ	13/06/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	34047	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	Nam	20/09/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
48	34048	PHẠM NHẬT QUANG	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	34049	ĐỖ VĂN QUÂN	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	34050	NGUYỄN HỮU QUYÊN	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	7.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
51	34051	PHẠM MẠNH THÀNH	Nam	21/09/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
52	34052	LÊ THỊ THẢO	Nữ	14/08/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
53	34053	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	20/08/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
54	34054	ĐỖ VĂN THẮC	Nam	19/06/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
55	34055	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
56	34056	NGUYỄN THỊ THANH THÙY	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
57	34057	VŨ THỊ THÚY	Nữ	20/11/2004	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
58	34058	VŨ CÔNG TIỀN	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	7.4	7.25	10	9.31	Đ		Giỏi
59	34059	NGUYỄN VĂN TỈNH	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
60	34060	ĐỖ VĂN TOÀN	Nam	06/05/2005	Quảng Ninh	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
61	34061	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	02/09/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	34062	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	08/09/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
63	34063	LÊ THÀNH TRUNG	Nam	18/07/2005	Hải Phòng	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	34064	MẠC XUÂN TRƯỜNG	Nam	26/08/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
65	34065	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	10/09/2004	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
66	34066	NGUYỄN VĂN TUỆ	Nam	03/04/2005	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
67	34067	NGÔ THỊ THANH TUYỀN	Nữ	09/06/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
68	34068	VŨ ĐÌNH TÙNG	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
69	34069	CAO THỊ UYÊN	Nữ	25/05/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	34070	ĐỖ THỊ HẢI VI	Nữ	06/05/2005	Hải Phòng	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
71	34071	LÊ VĂN VIỆT	Nam	06/09/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
72	34072	NGUYỄN MẠNH VINH	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
73	34073	DƯƠNG ANH VŨ	Nam	26/08/2005	Quảng Ninh	7.4	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
74	34074	TRẦN QUỐC VƯƠNG	Nam	25/08/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
75	34075	NGUYỄN NGỌC YẾN	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	34076	HOÀNG ĐỨC AN	Nam	18/10/2004	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
77	34077	LÊ VĂN AN	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
78	34082	LÊ ĐỨC ANH	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
79	34083	LÊ NGỌC ANH	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
80	34087	LÊ TUẤN ANH	Nam	02/04/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
81	34092	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	08/07/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
82	34093	NGUYỄN THỊ ANH	Nữ	24/06/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
83	34094	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	03/04/2005	Quảng Ninh	7.4	9	9	9.00	Đ		Giỏi
84	34097	PHẠM QUỐC ANH	Nam	15/05/2005	Quảng Ninh	7.6	8	9	8.75	Đ		Khá
85	34106	CAO THỊ NGUYỆT ÁNH	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	34109	TRẦN THỊ ÁNH	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	34111	NGUYỄN VĂN BẢN	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	34113	ĐỖ THANH BÌNH	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	34118	LÊ VĂN BỘ	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
90	34120	BÙI THỊ CHÂM	Nữ	01/03/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
91	34123	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	34127	NGUYỄN THỊ CHINH	Nữ	15/09/2005	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
93	34131	LÊ QUỐC CHƯỢNG	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
94	34133	NGUYỄN HỮU CƯƠNG	Nam	21/07/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	34135	LÊ MẠNH CƯỜNG	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	34136	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
97	34137	VŨ VĂN CƯỜNG	Nam	11/04/2005	Quảng Ninh	7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
98	34146	NGUYỄN ĐĂNG DUY	Nam	14/05/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
99	34148	VŨ VĂN DUY	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	7.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
100	34150	LÊ VĂN DŨNG	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
101	34155	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	34156	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	05/07/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	34157	NGUYỄN THỊ ĐÀO	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	7.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
104	34158	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Nam	15/04/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	34161	LÊ CÔNG ĐẠT	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
106	34164	LÊ THÀNH ĐẠT	Nam	04/03/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	34165	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
108	34167	PHẠM VĂN ĐẠT	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	34168	TRẦN VĂN ĐIỀM	Nam	07/07/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	34171	NGUYỄN THÀNH ĐỈNH	Nam	18/11/2004	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	34174	LÊ DUY ĐÔNG	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
112	34175	LÊ MẠNH ĐỨC	Nam	25/09/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	34182	ĐỖ THỊ HÀ	Nữ	12/07/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	34184	LÊ THU HÀ	Nữ	12/09/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	34190	ĐÀO VĂN HÀO	Nam	18/11/2004	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	34199	TRẦN THỊ HẠNH	Nữ	28/05/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	34200	ĐỖ THỊ HẰNG	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	34202	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	20/12/2005	Vĩnh Phúc	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	34203	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	25/06/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	34207	ĐỖ THỊ HIỀN	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	34208	HOÀNG THỊ HIỀN	Nữ	01/03/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	34213	PHẠM THU HIỀN	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	34226	NGUYỄN XUÂN HINH	Nam	01/04/2005	Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
124	34228	HOÀNG THỊ HOA	Nữ	16/04/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	34229	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	29/06/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	34231	NGUYỄN THU HOÀI	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
127	34232	ĐỖ VĂN HOÀN	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	34234	LÊ HUY HOÀNG	Nam	30/09/2004	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
129	34235	LÊ VIỆT HOÀNG	Nam	21/08/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	34236	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	34237	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	Nam	15/05/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
132	34240	TRẦN VIỆT HOÀNG	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	34241	BÙI THỊ MINH HỒNG	Nữ	17/07/2005	Quảng Ninh	7.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
134	34243	NGUYỄN THANH HỒNG	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	34244	PHẠM VĂN HỢP	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	34245	LÊ THỊ HUỆ	Nữ	30/05/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	34246	NGUYỄN DƯƠNG HUY	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	34248	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
139	34261	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	25/06/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	34262	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
141	34270	VŨ THỊ HƯƠNG	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	34274	ĐỖ VĂN HƯỞNG	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
143	34276	NGUYỄN QUANG KHANG	Nam	21/03/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	34283	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	24/05/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
145	34284	BÙI THỊ LAN	Nữ	15/12/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
146	34287	PHẠM THỊ LÀNH	Nữ	22/05/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	34297	LÊ THỊ LINH	Nữ	19/04/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	34300	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	08/08/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	34301	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	23/07/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	34305	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	34317	LÃ MẠNH LỊCH	Nam	18/05/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
152	34320	VŨ THỊ LOAN	Nữ	24/03/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	34324	VŨ VĂN LỢI	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	34328	HOÀNG THỊ LƯƠNG	Nữ	23/09/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	34337	ĐỖ THỊ MAI	Nữ	13/05/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	34338	LÊ QUỲNH MAI	Nữ	30/04/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	34339	LÊ THỊ MAI	Nữ	14/04/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
158	34340	LÊ THỊ NGỌC MAI	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	34341	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	01/06/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	34342	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	19/09/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	34343	TRẦN QUỲNH MAI	Nữ	13/06/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	34344	BÙI VĂN MÃO	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
163	34345	ĐỖ ĐỨC MẠNH	Nam	14/09/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	34349	VŨ NHO MẠNH	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
165	34351	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	18/05/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
166	34353	TRẦN CÔNG MINH	Nam	23/05/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
167	34362	LÊ VĂN NAM	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
168	34363	LÊ XUÂN NAM	Nam	02/09/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
169	34364	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	07/07/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	34365	NGUYỄN KHẮC NAM	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	34367	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	21/09/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
172	34370	LÊ VĂN NÊN	Nam	19/08/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	34376	ĐỖ MAI NGỌC	Nữ	25/06/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	34380	TRẦN YẾN NGỌC	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	34382	ĐỖ THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
176	34386	VŨ THỊ NGUYỆT	Nữ	30/08/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
177	34387	CAO VĂN NHÂN	Nam	14/08/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
178	34388	ĐỖ VĂN NHÂN	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
179	34389	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	Nam	03/11/2004	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	34397	VŨ THỊ NHUNG	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
181	34399	TÔ THỊ BÍCH NINH	Nữ	11/04/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	34400	ĐỖ THỊ KIM OANH	Nữ	19/08/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
183	34407	NGÔ BÁ PHÚC	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	34408	PHẠM VĂN PHÚC	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
185	34413	ĐỖ VĂN QUANG	Nam	22/07/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	34414	HOÀNG VIỆT QUANG	Nam	16/04/2005	Quảng Ninh	7.2	10	9	9.25	Đ		Giỏi
187	34415	LÊ MINH QUANG	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	34417	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	06/05/2005	Quảng Ninh	7.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
189	34419	ĐỖ NHẬT QUÂN	Nam	22/12/2005	Hải Phòng	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	34420	ĐỖ VĂN QUÂN	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	34422	HOÀNG THỊ QUYÊN	Nữ	13/07/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	34427	NGUYỄN HOÀNG QUYỀN	Nam	04/08/2005	Quảng Ninh	7.5	9	9	9.00	Đ		Giỏi
193	34430	NGUYỄN VĂN QUYẾN	Nam	10/06/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	34433	CAO THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	04/07/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	34436	LÊ VĂN QUÝ	Nam	27/05/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	34437	LÊ BÁCH SANG	Nam	07/09/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
197	34438	NGUYỄN ĐỨC SANG	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
198	34440	PHẠM THỊ SÂM	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
199	34444	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	26/07/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
200	34447	LÊ VĂN TẤN	Nam	15/03/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
201	34448	TRẦN VĂN TẤN	Nam	15/07/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
202	34449	BÙI VIẾT THANH	Nam	25/04/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
203	34457	NGUYỄN VĂN THAO	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
204	34458	CAO XUÂN THÀNH	Nam	08/07/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
205	34471	CAO THỊ THÊM	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	7.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	34480	PHẠM THỊ THU	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	34485	LÊ THỊ THỦY	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	34490	LÊ THỊ THANH THƯ	Nữ	08/06/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
209	34498	PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	34500	ĐỖ VĂN TIẾN	Nam	14/06/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	34503	PHẠM VĂN TOÀN	Nam	23/06/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	34504	LÊ VĂN TOÁN	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	34505	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	34510	NGUYỄN NGỌC TRANG	Nữ	02/04/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
215	34512	PHẠM THỊ TRANG	Nữ	11/05/2005	Quảng Ninh	7.8					H	
216	34514	VŨ THỊ TRANG	Nữ	30/04/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	34520	ĐỖ VĂN TRỌNG	Nam	28/07/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	34522	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	34523	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Nam	11/08/2004	Hải Phòng	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	34525	ĐỖ QUANG TRUNG	Nam	08/07/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	34527	NGUYỄN ĐĂNG TRUNG	Nam	04/08/2005	Quảng Ninh	7.7	8	9	8.75	Đ		Khá
222	34528	NGÔ THỊ TRÚC	Nữ	11/06/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
223	34529	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
224	34530	PHẠM VĂN TRƯỜNG	Nam	12/06/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	34531	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	7.7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
226	34533	LÊ VĂN TUÂN	Nam	08/08/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	34534	NGÔ BÁ TUÂN	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
228	34536	PHẠM MINH TUẤN	Nam	29/04/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
229	34539	VŨ MẠNH TUYẾN	Nam	12/03/2005	Quảng Ninh	7.7	8	9	8.75	Đ		Khá
230	34544	NGUYỄN HỮU TÚ	Nam	24/05/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
231	34545	NGUYỄN HỮU TÚ	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 62 - Trường THPT Ngô Gia Tự

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	34550	ĐỖ VĂN TỰ	Nam	08/08/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
233	34553	NGUYỄN TIẾN ƯNG	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
234	34554	ĐỖ ANH VĂN	Nam	27/09/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
235	34555	ĐỖ THANH VÂN	Nữ	25/04/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
236	34561	NGUYỄN THỊ DIỆU VI	Nữ	17/08/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
237	34566	ĐỖ THÀNH VINH	Nam	10/03/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
238	34567	ĐỖ VĂN VINH	Nam	22/07/2005	Quảng Ninh	7.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
239	34569	HOÀNG THẾ VĨ	Nam	05/08/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
240	34578	CAO NGỌC YẾN	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
241	34579	LÊ THỊ KIM YẾN	Nữ	02/07/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
242	34581	VŨ THỊ YẾN	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
243	34584	LÊ NHƯ Ý	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	35151	BÙI TẤN AN	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
2	35152	LƯƠNG THÚY AN	Nữ	19/3/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	35153	NGUYỄN THÙY AN	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	35155	CAO THÁI ANH	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	35156	ĐẶNG DUY ANH	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	35157	ĐẶNG HẢI ANH	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
7	35158	ĐINH THÀNH AN	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
8	35159	ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	35160	HOÀNG TUẤN ANH	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
10	35161	LÊ HUYỀN ANH	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	35162	MAI THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	35163	NGUYỄN DIỆP ANH	Nữ	22/02/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
13	35164	NGUYỄN ĐOÀN DUY ANH	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
14	35165	NGUYỄN HỮU HOÀNG ANH	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
15	35166	NGUYỄN NHẬT ANH	Nam	27/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
16	35167	NGUYỄN THẢO ANH	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	35168	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	35170	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	23/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	35171	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
20	35172	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	35174	TRƯƠNG HOÀNG ANH	Nam	31/8/2005	Hải Dương	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	35175	VŨ NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
23	35176	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	35177	VŨ QUANG ANH	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	35178	VŨ THỊ MAI ANH	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	35179	VŨ THỊ NGUYỆT ANH	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
27	35181	BÙI NHẬT ÁNH	Nữ	10/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
28	35182	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	9.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
29	35184	NGUYỄN THIÊN ÂN	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
30	35185	HOÀNG NGỌC BÁCH	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	35186	TRẦN NGỌC BĂNG	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
32	35187	ĐINH HỮU BẰNG	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	35189	ĐẶNG THỦY BÌNH	Nữ	05/9/2005	Hưng Yên	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	35191	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	35193	NGUYỄN QUỲNH CHÂM	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
36	35194	PHÙNG THỊ LINH CHI	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
37	35195	TRẦN HÀ CHI	Nữ	12/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	35196	TRẦN MAI CHI	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	35198	NGUYỄN THÙY CHINH	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
40	35200	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	35203	DƯƠNG NGỌC DIỆP	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
42	35204	HOÀNG TRANG DUNG	Nữ	12/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	35205	VŨ HOÀNG DUNG	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	35206	CAO ĐỨC DUY	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
45	35207	ĐÀO KHÁNH DUY	Nam	22/3/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
46	35208	NGÔ ĐỨC DUY	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
47	35209	NGUYỄN LÊ DUY	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	35210	NGUYỄN TUẤN DUY	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
49	35211	TRẦN QUANG DUY	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	35213	PHẠM THỊ KHÁNH DUYÊN	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
51	35214	TRẦN THỊ HẢI DUYÊN	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	9.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	35215	BÙI QUANG DŨNG	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
53	35217	LẠI VIỆT DŨNG	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.8					H	
54	35218	LÊ QUỐC DŨNG	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
55	35219	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
56	35220	PHẠM VŨ DŨNG	Nam	20/8/2005	Hưng Yên	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
57	35221	BÙI ĐỨC DƯƠNG	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	35223	NGUYỄN ĐOÀN HẢI DƯƠNG	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
59	35224	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	35225	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8				H	
61	35226	PHẠM TÙNG DƯƠNG	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
62	35227	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
63	35228	VŨ TÙNG DƯƠNG	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
64	35229	ĐINH PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
65	35230	ĐOÀN TRUNG ĐẠT	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
66	35231	LÊ VĂN ĐẠT	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
67	35232	MAI THÀNH ĐẠT	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
68	35233	PHẠM BÙI QUANG ĐẠT	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
69	35234	VŨ TUẤN ĐẠT	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
70	35235	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
71	35236	TRẦN BÌNH ĐỊNH	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
72	35237	VŨ HẢI ĐƯỜNG	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	35238	ĐẶNG MINH ĐỨC	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
74	35239	LÊ MINH ĐỨC	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
75	35240	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	35241	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	9.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
77	35242	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
78	35243	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
79	35245	NGUYỄN KHẢI GIA	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
80	35246	ĐẶNG HƯƠNG GIANG	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
81	35247	ĐẶNG LÂM GIANG	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	9	7	8	7.75	Đ		Khá
82	35248	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
83	35249	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
84	35251	ĐÀO PHƯƠNG HÀ	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
85	35252	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
86	35253	NGUYỄN THANH HÀ	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
87	35254	NGUYỄN THÁI HÀ	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
88	35257	VŨ THU HÀ	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
89	35258	VŨ THU HÀ	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
90	35260	HOÀNG TRUNG HẢI	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
91	35261	NGÔ THANH HẢI	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
92	35263	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG HẢO	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
93	35264	HOÀNG THU HẠ	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
94	35265	CHU THỊ ÁNH HẰNG	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
95	35266	LÊ MINH HẰNG	Nữ	11/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	35267	NGUYỄN THÁI HẰNG	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
97	35268	NHÂM NGỌC HÂN	Nữ	17/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
98	35269	PHẠM MINH HIỀN	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
99	35270	TIÊN THANH HIỀN	Nữ	12/8/2005	Hải Dương	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
100	35272	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	17/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
101	35273	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	35274	TẠ MINH HIẾU	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	35276	TRẦN XUÂN HIỆP	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	35278	LÊ MINH HOÀNG	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
105	35279	NGUYỄN KHẢI HOÀNG	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
106	35281	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	35282	VŨ ĐỨC HOÀNG	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
108	35283	ĐỖ MAI HUỆ	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
109	35284	NGUYỄN THỊ THU HUỆ	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
110	35285	CÙ ĐỨC HUY	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	35286	ĐOÀN BÙI QUANG HUY	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	35287	ĐOÀN QUANG HUY	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	35289	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	35290	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	10/10/2005	Hà Nội	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	35291	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
116	35292	PHẠM BÙI QUANG HUY	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
117	35293	TRƯƠNG ĐAN HUY	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
118	35295	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8				H	
119	35296	LƯU THỊ HUYỀN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.5					H	
120	35297	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	24/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
121	35298	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
122	35299	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	Nữ	15/01/2005	Bình Dương	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
123	35300	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
124	35301	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
125	35302	TRẦN THANH HUYỀN	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
126	35303	BÙI MẠNH HÙNG	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	35304	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	35305	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
129	35307	PHẠM PHI HÙNG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	35308	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	11/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	35309	LÊ TUẤN HƯNG	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
132	35310	NGUYỄN LÊ THÀNH HƯNG	Nam	11/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	35311	NGUỄN LAN HƯƠNG	Nữ	27/9/2005	Thái Bình	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	35312	TRẦN ĐẶNG THU HƯƠNG	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	35313	TRẦN MAI HƯƠNG	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
136	35314	TRƯƠNG VŨ HÀ HƯƠNG	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	35315	BÙI PHẠM VÂN KHÁNH	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	35317	TRẦN NAM KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
139	35318	VŨ QUỐC KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	35319	HÀ ĐỨC KHIÊM	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	35320	PHẠM ĐÌNH KHIÊM	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	35321	ĐẶNG VŨ HOÀNG KHÔI	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	9.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
143	35323	NGUYỄN THẾ KỲ	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	35324	PHẠM TRẦN NGỌC LAN	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	35325	HOÀNG TÙNG LÂM	Nam	30/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	35326	NGUYỄN NGỌC LÂM	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	35327	NGUYỄN THỊ HOA LÂM	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
148	35328	NGUYỄN TRỌNG LÂM	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	35329	BÙI THỊ DIỆU LINH	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	35330	BÙI THỊ KHÁNH LINH	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	35331	ĐỖ KHÁNH LINH	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
152	35332	NGUYỄN THẢO LINH	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	35333	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	12/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	35334	PHẠM HẢI LINH	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	35337	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
156	35338	VŨ PHẠM THÙY LINH	Nữ	30/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
157	35339	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	35340	PHẠM MỸ LOAN	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
159	35341	VŨ HOÀNG LONG	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
160	35343	DƯƠNG TẤN LỘC	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
161	35345	HÀ KHÁNH LY	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	35347	ĐÀO PHƯƠNG MAI	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	9.2					H	
163	35348	ĐẶNG THỊ MAI	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
164	35350	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
165	35351	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
166	35352	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
167	35353	TRẦN THỊ HỒNG MAI	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
168	35354	TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI	Nữ	27/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
169	35355	TRẦN THỊ THANH MAI	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
170	35356	VŨ NGỌC MAI	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
171	35359	VŨ TRẦN HÀ MI	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	35360	ĐỖ TUẤN MINH	Nam	20/3/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
173	35361	HOÀNG NHẬT MINH	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
174	35362	NGUYỄN THÀNH MINH	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
175	35363	NGUYỄN TIẾN MINH	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
176	35364	NGUYỄN TRỌNG NHẬT MINH	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	35365	PHẠM NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	35366	VŨ HẢI MINH	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
179	35367	BÙI NGUYỄN HÀ MY	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	35369	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
181	35371	TRẦN HUYỀN MY	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	35372	BÙI QUANG NAM	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	35373	CAO TRẦN HẢI NAM	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
184	35374	ĐOÀN THÀNH NAM	Nam	04/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
185	35375	LÊ HẢI NAM	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	35377	NGUYỄN THU NGA	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	35378	NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	35379	PHẠM HẢI NGÂN	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	35380	TRẦN PHƯƠNG NGÂN	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
190	35381	BÙI HỒNG NGỌC	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
191	35382	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
192	35384	PHƯƠNG BẢO NGỌC	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	35385	TẠ MINH NGỌC	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
194	35386	BÙI THỌ NGUYÊN	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	35387	ĐẶNG MINH NGUYÊN	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
196	35388	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	35389	ĐẶNG KIM NHẪN	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	35390	TRẦN QUANG NHẬT	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
199	35391	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
200	35392	TRẦN VŨ LINH NHI	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
201	35393	VŨ THÁI LAM NHI	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
202	35394	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	01/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	35397	HÀ TUẤN NINH	Nam	11/8/2005	Hà Nội	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
204	35398	NGUYỄN THÁI NINH	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
205	35399	VŨ HÙNG PHÁT	Nam	25/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	35400	ĐỒNG TUẤN PHONG	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	35401	LÊ TRƯỜNG PHONG	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	35402	KHÚC TRƯỜNG PHÚ	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
209	35403	ĐINH HỮU ĐỨC PHÚC	Nam	24/11/2005	Hải Phòng	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	35404	PHẠM GIA PHÚC	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
211	35405	PHẠM MINH PHÚC	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	35406	HOÀNG THỊ THẢO PHƯƠNG	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	35407	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	Nam	06/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
214	35409	TRẦN CÔNG PHƯƠNG	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
215	35410	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
216	35411	VŨ MAI PHƯƠNG	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	35412	NGUYỄN THÁI PHƯỢNG	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	35413	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
219	35414	ĐOÀN ANH QUÂN	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
220	35415	ĐINH THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
221	35416	LẠI TỐ QUYÊN	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
222	35417	LÊ NGỌC QUYÊN	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
223	35418	NGUYỄN ĐỨC QUYẾT	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
224	35419	ĐOÀN DIỄM QUỲNH	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
225	35420	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
226	35421	HỒ NAM SƠN	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
227	35422	LƯƠNG QUANG SƠN	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
228	35423	NGÔ ĐỨC THÀNH	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	35424	NGUYỄN QUANG THÀNH	Nam	18/5/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
230	35426	TRỊNH CÔNG THÀNH	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
231	35428	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	35429	ĐOÀN THỊ THANH THẢO	Nữ	24/5/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
233	35430	NGÔ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
234	35431	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
235	35432	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
236	35433	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
237	35435	BÙI DUY THẮNG	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
238	35436	ĐỖ ĐỨC THẮNG	Nam	27/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
239	35438	NGUYỄN TUẤN THẮNG	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	35439	ĐINH QUANG THỊNH	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	35440	ĐOÀN VĂN THỊNH	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
242	35441	NGÔ THÁI THỊNH	Nam	16/7/2005	Hải Dương	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
243	35443	HOÀNG HẢI THÙY	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
244	35444	BÙI THỊ THỦY	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
245	35445	LÊ THANH THỦY	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
246	35446	DƯƠNG THỊ ANH THƯ	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
247	35447	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
248	35449	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
249	35450	HÁN GIA THƯƠNG	Nữ	08/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
250	35451	BÙI CAO THƯỞNG	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
251	35452	CHỀ MẠNH TIẾN	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
252	35454	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
253	35456	ĐỖ NGUYỄN HÀ TRANG	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
254	35457	ĐỖ THÙY TRANG	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
255	35458	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
256	35459	LÊ THU TRANG	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	35460	LƯƠNG HUYỀN TRANG	Nữ	16/4/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 65 - Trường THPT Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	35461	LƯƠNG QUỲNH TRANG	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
259	35462	NGUYỄN MAI TRANG	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
260	35463	PHẠM THU TRANG	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
261	35464	VŨ KHÁNH TRANG	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
262	35466	LÊ THU TRÀ	Nữ	30/5/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
263	35468	NGUYỄN NGỌC TRUNG	Nam	20/5/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
264	35470	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	9	8	9	8.75	Đ		Khá
265	35471	ĐÀO MINH TUẤN	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
266	35472	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
267	35474	NGUYỄN PHÚ TUẤN	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
268	35476	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	9.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
269	35477	LƯU CẨM TÚ	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
270	35478	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
271	35479	NGUYỄN HOÀNG TÚ	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
272	35480	PHAN CẨM TÚ	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
273	35481	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	Nữ	24/6/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	35482	LÊ THẢO VÂN	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	35484	ĐẶNG QUỐC VIỆT	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
276	35485	ĐẶNG QUANG VINH	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	35486	HOÀNG CÔNG VINH	Nam	12/6/2005	Bắc Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	35487	NGÔ QUANG VINH	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
279	35489	TRẦN NGUYÊN VŨ	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
280	35490	ĐOÀN TƯỜNG VY	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
281	35494	LÊ THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
282	35496	VŨ THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	35001	HOÀNG PHAN THU AN	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	7.9	5	10	8.75	Đ		Khá
2	35002	BÙI PHƯƠNG ANH	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
3	35003	CAO HOÀNG KỲ ANH	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
4	35004	CHÂU TUẤN ANH	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.9	5	10	8.75	Đ		Khá
5	35005	LÊ HẢI ANH	Nam	28/7/2005	Quảng Ninh	8.4	5	10	8.75	Đ		Khá
6	35006	LÊ QUỲNH ANH	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	7.9	5	10	8.75	Đ		Khá
7	35007	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
8	35008	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	17/02/2005	Thái Bình	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
9	35009	PHẠM TUYẾT ANH	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
10	35010	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	15/8/2005	Hải Dương	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
11	35011	BÀN THIÊN ÂN	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
12	35012	TRẦN DUY CÁT	Nam	28/5/2005	Thừa thiên - Huế	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
13	35013	ĐOÀN KIM CHI	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
14	35014	LÊ THỊ KIM CHI	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.1	5.5				H	
15	35015	MAI LINH CHI	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
16	35016	NGUYỄN THÀNH CHUNG	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
17	35017	LÊ THÀNH CÔNG	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
18	35018	NGUYỄN KIÊN CƯỜNG	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	7.9	5	10	8.75	Đ		Khá
19	35019	VŨ MẠNH CƯỜNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
20	35020	NGUYỄN ĐAN DUY	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	7.9	5	10	8.75	Đ		Khá
21	35021	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
22	35022	VŨ ÁNH DUYÊN	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	35023	ĐỖ VŨ TRUNG DŨNG	Nam	22/3/2005	Quảng Ninh	8.3	5	10	8.75	Đ		Khá

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	35024	MAI DƯƠNG MẠNH DŨNG	Nam	02/12/2004	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
25	35025	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
26	35026	TRỊNH VĂN DŨNG	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8	5.5	10	8.88	Đ		Khá
27	35027	LÊ LINH DƯƠNG	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
28	35028	NGUYỄN HIỀN DƯƠNG	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	35029	ĐINH NGỌC ĐẠI	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
30	35030	ĐỖ TIẾN ĐẠT	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	35031	HÀ QUANG ĐẠT	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
32	35032	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	35033	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
34	35034	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	19/3/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
35	35035	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	7.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
36	35036	BÙI QUẢNG ĐIỀN	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
37	35037	HỒ MẠNH ĐỨC	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
38	35038	NGUYỄN PHÚ ĐỨC	Nam	20/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	35039	CHU HÀ GIANG	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	35040	NGUYỄN NGỌC GIANG	Nữ	22/5/2005	Thanh Hóa	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
41	35041	DOÃN LÊ NGỌC HÀ	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
42	35042	HÀ NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
43	35043	PHẠM THU HÀ	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
44	35044	TRẦN THU HÀ	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
45	35045	VŨ THỊ THU HÀ	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
46	35046	DƯƠNG THỊ HẢI	Nữ	21/10/2003	Quảng Ninh	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
47	35047	VŨ NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	29/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
48	35048	PHẠM THU HIỀN	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
49	35049	ĐÀM CÔNG HIẾU	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	35050	LƯƠNG TRUNG HIẾU	Nam	21/12/2005	Thái Bình	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	35051	LÊ THỊ THANH HOA	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
52	35052	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	Nữ	25/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	35053	ĐỖ THANH HOAN	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
54	35054	NGUYỄN THU HOÀI	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.1	5	10	8.75	Đ		Khá
55	35055	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
56	35056	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
57	35057	VŨ THỊ NGÂN HỒNG	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	35058	VŨ THỊ THU HỒNG	Nữ	21/10/2004	Quảng Ninh	7.2	5	10	8.75	Đ		Khá
59	35059	TẠ THỊ BÍCH HỢP	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	35060	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	10/7/2005	Hải Phòng	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	35061	BÙI THỊ HUỆ	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	35062	NGUYỄN NHẤT HUY	Nam	24/8/2005	Đăk Lăk	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
63	35063	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	35064	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
65	35065	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
66	35066	ĐINH THỊ KIM HƯƠNG	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
67	35067	NGUYỄN MAI HƯƠNG	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
68	35068	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
69	35069	NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	24/4/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
70	35070	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	27/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
71	35071	PHẠM THỊ LIỄU	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
72	35072	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
73	35073	PHẠM THÙY LINH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	35074	ĐÀM THANH LOAN	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
75	35075	ĐỖ THỊ BÍCH LOAN	Nữ	10/5/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	35076	NGUYỄN THANH LOAN	Nữ	01/6/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
77	35077	ĐỖ THÀNH LONG	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
78	35078	LÊ HOÀNG LONG	Nam	08/12/2005	Hải Dương	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
79	35079	CHU THỊ QUỲNH MAI	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
80	35080	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
81	35081	VŨ NGỌC MAI	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	35082	BÙI ĐẮC MẠNH	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
83	35083	NGUYỄN HẢI MINH	Nam	15/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
84	35084	NGUYỄN QUẢNG MINH	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
85	35085	PHẠM TUỆ MINH	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
86	35086	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
87	35087	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	35088	MAI HOÀNG NAM	Nam	31/3/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	35089	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
90	35090	PHẠM THỊ HẰNG NGA	Nữ	27/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
91	35091	NÔNG ĐỨC NGÀ	Nam	15/11/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
92	35092	TRẦN THỊ THANH NGÂN	Nữ	14/4/2005	Vĩnh Phúc	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
93	35093	VŨ THỊ NGOAN	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
94	35094	PHÍ THẢO NGỌC	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
95	35095	TRẦN ĐỨC NGUYÊN	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
96	35096	PHẠM THỊ THU NHÀN	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
97	35097	ĐOÀN VIỆT NHẬT	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
98	35098	NGUYỄN PHẠM YẾN NHI	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
99	35099	PHẠM THỊ NHINH	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
100	35100	NGUYỄN ĐÌNH HẢI NINH	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
101	35101	TRẦN THỊ NINH	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	35102	VŨ CÔNG PHÚ	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	8	5	10	8.75	Đ		Khá
103	35103	ĐỖ HỒNG PHÚC	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	35104	BÙI ANH PHƯƠNG	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
105	35105	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	35106	ĐỖ HỒNG QUÂN	Nam	27/7/2004	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
107	35107	HOÀNG ANH QUÂN	Nam	17/8/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
108	35108	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
109	35109	LẠI THỊ TRÚC QUỲNH	Nữ	08/02/2005	Quảng Nin	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
110	35110	NGUYỄN MINH TÂN	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
111	35111	NGUYỄN VIỆT THANH	Nam	04/5/2004	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
112	35112	TÔ TRƯỜNG THÀNH	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
113	35113	TRẦN MINH THÀNH	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
114	35114	ĐÀO THỊ THANH THẢO	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
115	35115	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
116	35116	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
117	35117	PHAN ĐẮC THẮNG	Nam	02/4/2005	Hải phòng	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
118	35118	TRẦN THỊ ANH THƠ	Nữ	11/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	35119	PHẠM PHƯƠNG THÙY	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
120	35120	VŨ THỊ THƯ	Nữ	27/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
121	35121	TRẦN THỦY TIÊN	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
122	35122	NGUYỄN QUYẾT TIẾN	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
123	35123	NGUYỄN TRỌNG TÍN	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
124	35124	DƯƠNG HÀ TRANG	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
125	35125	LÊ THỊ THUỲ TRANG	Nữ	12/4/2004	Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
126	35126	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
127	35127	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	35128	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	24/9/2005	Nam Định	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	35129	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
130	35130	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
131	35131	NGUYỄN QUANG TRỌNG	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
132	35132	PHẠM VĂN TRƯỜNG	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	35133	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
134	35134	VŨ ANH TUẤN	Nam	24/9/2005	Hải Dương	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	35135	NGUYỄN QUANG TUỆ	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
136	35136	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
137	35137	TRỊNH THU UYÊN	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
138	35138	BÙI THỊ VÂN	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
139	35139	NGUYỄN THẢO VÂN	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
140	35140	PHẠM THẢO VÂN	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
141	35141	PHẠM THỊ THANH VÂN	Nữ	08/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	35142	VŨ HỒNG VÂN	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	35143	ĐINH VĂN VIỆT	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	35144	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	14/7/2004	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	35145	NGUYỄN TIẾN VƯƠNG	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
146	35146	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
147	35147	PHÙNG YẾN VY	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
148	35148	VŨ THỊ BÌNH YÊN	Nữ	12/4/2005	Hải phòng	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	35149	ĐINH THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	35150	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	19/4/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
151	35154	VŨ THỊ KIM AN	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	35169	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	35173	TRẦN DUY ANH	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	35180	VŨ THÙY ANH	Nữ	21/3/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	35183	VŨ NGUYỆT ÁNH	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
156	35188	BÙI THỊ BÌNH	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
157	35190	VŨ THỊ THANH BÌNH	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	35192	VŨ THỊ NGUYỆT BÍCH	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	7.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
159	35197	PHẠM QUANG CHIẾN	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	35199	VŨ QUỐC CHÍNH	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
161	35201	TRẦN MẠNH CƯỜNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
162	35202	VŨ VĂN CƯỜNG	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
163	35212	MAI MỸ DUYÊN	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
164	35216	HOÀNG ANH DŨNG	Nam	29/9/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
165	35222	HOÀNG HẢI DƯƠNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
166	35244	TRẦN MINH ĐỨC	Nam	25/01/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
167	35250	TÔ TRƯỜNG GIANG	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
168	35255	PHẠM THỊ HÀ	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
169	35256	VŨ THỊ HÀ	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
170	35259	BÙI XUÂN HẢI	Nam	17/8/2005	Thái Bình	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	35262	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
172	35271	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
173	35275	HOÀNG THẾ HIỆP	Nam	29/5/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
174	35277	NGUYỄN THÚY HOA	Nữ	22/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	35280	NGUYỄN QUÝ HOÀNG	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
176	35288	HOÀNG QUỐC HUY	Nam	20/3/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
177	35294	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
178	35306	PHẠM ĐỨC HÙNG	Nam	14/9/2004	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
179	35316	PHẠM NGỌC KHÁNH	Nam	13/5/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	35322	ĐẶNG TRUNG KIÊN	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
181	35335	PHÙNG HOÀI LINH	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	35336	PHÙNG THỊ HẢI LINH	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	35342	VŨ TRẦN LONG	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
184	35344	NGUYỄN GIA LỘC	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
185	35346	VŨ THẢO LY	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
186	35349	ĐINH NGỌC MAI	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
187	35357	VŨ THANH MAI	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	35358	VŨ THỊ MAI	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
189	35368	BÙI THẢO MY	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	35370	NGUYỄN HUYỀN MY	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	35376	HOÀNG THANH NGA	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	35383	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	35395	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	21/8/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
194	35396	BÙI PHƯƠNG NINH	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
195	35408	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	35425	PHẠM CÔNG THÀNH	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
197	35427	BÙI PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/10/2005	Hải Phòng	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
198	35434	LÊ HỒNG THÁI	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
199	35437	LÊ HỒNG THẮNG	Nam	09/5/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	35442	TRƯƠNG THỊ MAI THƠM	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	35448	LÊ THỊ THANH THƯ	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
202	35453	NGUYỄN HUY TIẾN	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	35455	BÙI THU TRANG	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
204	35465	ĐOÀN THU TRÀ	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	35467	VŨ THỊ KIỀU TRINH	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	7.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 66 - Trung tâm GDNN - GDTX Uông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	35469	ĐOÀN THANH TRÚC	Nữ	21/4/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	35473	NGUYỄN MẠNH TUẤN	Nam	17/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	35475	HÁN QUANG TUỆ	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
209	35483	PHAN THỊ THANH VÂN	Nữ	08/4/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	35488	NGÔ THẾ VINH	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
211	35491	VŨ TIẾN VỸ	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
212	35492	TRỊNH TRƯỜNG XUÂN	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
213	35493	BÙI THỊ HẢI YẾN	Nữ	09/3/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
214	35495	VŨ KIM YẾN	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	36001	ĐỖ LAN ANH	Nữ	02/11/2005	Lý Nhân - Hà Nam	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	36002	LẠI PHẠM MINH ANH	Nữ	01/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
3	36003	NGÔ CHÂM ANH	Nữ	07/12/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
4	36005	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	24/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	36006	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	21/12/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
6	36007	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	23/01/2005	Yên Mĩ - Hưng Yên	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	36008	NGUYỄN TRẦN HẢI ANH	Nữ	27/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	36009	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	08/12/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	36011	PHẠM MAI ANH	Nữ	20/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	36012	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	06/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
11	36013	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	07/12/2005	Hà Nội	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	36017	TRỊNH THANH BÌNH	Nam	05/11/2005	Hà Giang	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	36018	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	17/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
14	36020	LÊ QUỲNH CHI	Nữ	22/10/2005	Cẩm Phả - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	36022	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	Nữ	09/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	36028	NGUYỄN HUY XỨNG DANH	Nam	02/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
17	36029	ĐÀO BÍCH DIỆP	Nữ	15/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	36031	HOÀNG MẠNH DŨNG	Nam	23/11/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	36032	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	29/12/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
20	36033	PHẠM TRUNG DŨNG	Nam	22/4/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
21	36034	ĐÀO MINH DUY	Nam	26/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
22	36038	HOÀNG MINH DŨNG	Nam	07/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
23	36039	LÊ TIẾN DŨNG	Nam	05/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	36040	TRẦN TIẾN DŨNG	Nam	09/4/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	36041	BÙI QUÝ DƯƠNG	Nam	26/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	36044	ĐẶNG VĂN DƯƠNG	Nam	28/02/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
27	36046	LÊ NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	Nam	14/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	36047	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	12/5/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	36048	NGUYỄN ĐĂNG HẢI DƯƠNG	Nam	04/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
30	36049	NGUYỄN MẠNH DƯƠNG	Nam	15/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	36050	PHẠM HOÀNG DƯƠNG	Nam	30/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
32	36051	PHẠM VŨ TÙNG DƯƠNG	Nam	22/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
33	36052	TRẦN TÙNG DƯƠNG	Nam	14/12/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
34	36053	LÂM MẠNH ĐẠT	Nam	28/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	36054	TRỊNH CÔNG ĐẠI	Nam	01/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
36	36057	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	09/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
37	36058	NGUYỄN VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	02/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	36059	PHẠM QUỐC ĐẠT	Nam	05/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
39	36060	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	21/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	36062	VŨ TRÍ ĐẠT	Nam	09/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
41	36065	LƯU HỒNG ĐỨC	Nam	13/9/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
42	36066	NGUYỄN PHÚC MINH ĐỨC	Nam	22/02/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
43	36069	ĐOÀN MINH ĐỨC	Nam	23/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
44	36071	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	Nam	26/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
45	36072	PHẠM NHỮ ĐỨC	Nam	09/4/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
46	36073	THÁI VŨ HUY ĐỨC	Nam	20/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
47	36074	TRẦN MẠNH ĐỨC	Nam	07/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
48	36075	VŨ HOÀNG ĐỨC	Nam	02/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	36076	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	20/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	36079	MẠC NGÂN HÀ	Nữ	03/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
51	36080	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	10/01/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
52	36081	ĐỖ TRUNG HẢI	Nam	10/6/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
53	36084	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	29/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
54	36086	NGUYỄN MẠNH HẢI	Nam	14/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	36087	TRẦN THANH HẰNG	Nữ	25/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
56	36090	PHẠM VĂN HIẾU	Nam	12/7/2005	Gia Lộc- Hải Dương	8.8	5	10	8.75	Đ		Khá
57	36092	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	17/9/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
58	36093	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	24/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
59	36095	CAO ĐỨC HIẾU	Nam	16/9/2005	Thái Bình	9.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
60	36096	LƯƠNG TRUNG HIẾU	Nam	30/8/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
61	36097	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	Nam	27/10/2005	Hải Dương	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
62	36098	PHẠM NGỌC HIẾU	Nam	06/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
63	36099	ĐỒNG XUÂN HIỆP	Nam	07/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.6	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
64	36100	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	Nam	13/7/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	36101	PHẠM ĐỨC HIỆU	Nam	27/01/2005	Đông Hòa- Thái Bình	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
66	36102	HÀ THANH HOA	Nữ	10/11/2005	Đông Hòa - Thái Bình	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	36103	NGUYỄN ĐỨC HOÀN	Nam	04/01/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	5.5	10	8.88	Đ		Khá
68	36105	BÙI QUỐC HOÀNG	Nam	20/8/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
69	36108	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	19/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	7	9.5	8.88	Đ		Khá
70	36112	TIÊN XUÂN HOÀNG	Nam	21/11/2005	Móng Cái- Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
71	36113	TRẦN MỸ HOÀNG	Nữ	15/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
72	36115	LỘC THỊ KIM HỒNG	Nữ	04/12/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
73	36117	PHẠM THỊ PHƯỢNG HỒNG	Nữ	16/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
74	36119	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	09/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
75	36120	HOÀNG VĂN HUY	Nam	05/3/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	36121	MẠC ĐỨC HUY	Nam	16/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
77	36122	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	26/01/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
78	36124	TRẦN ĐỨC HUY	Nam	16/11/2005	Bình Liêu- Quảng Ninh	9.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
79	36125	TRẦN QUANG HUY	Nam	02/8/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
80	36126	VÕ QUANG HUY	Nam	09/02/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
81	36129	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	11/5/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	36131	LẠI THỤC HUYỀN	Nữ	09/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	36133	NGÔ THỊ THU HUYỀN	Nữ	22/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	36134	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	30/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
85	36135	TRẦN THU HUYỀN	Nữ	22/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	36136	VŨ THỊ MAI HUYỀN	Nữ	10/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	36137	LÊ VĂN HÙNG	Nam	18/9/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	36139	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	15/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	36140	VŨ VĂN HÙNG	Nam	01/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	36141	NGUYỄN QUANG HƯNG	Nam	28/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	36143	NGUYỄN QUỐC HƯNG	Nam	08/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	36144	VŨ VIỆT HƯNG	Nam	05/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
93	36145	CAO THỊ MINH HƯƠNG	Nữ	30/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	36146	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	19/11/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
95	36147	NGUYỄN PHẠM QUỲNH HƯƠNG	Nữ	09/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	36148	PHẠM TUẤN KHANH	Nam	06/10/2005	Thái Bình	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
97	36149	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	09/7/2005	Thái Thụy- Thái Bình	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
98	36158	ĐOÀN ANH KIỆT	Nam	11/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
99	36161	TRẦN TÙNG LÂM	Nam	27/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
100	36162	VŨ HOÀNG LÂM	Nam	29/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
101	36165	ĐÀO TUẤN LINH	Nam	21/11/2005	Đông Sơn- Thanh Hóa	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	36166	ĐINH VĂN LINH	Nam	01/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
103	36167	ĐOÀN LÊ HẢI LINH	Nữ	26/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	36168	ĐỖ PHƯƠNG LINH	Nữ	22/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	36169	LÊ THÙY LINH	Nữ	29/4/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	36170	NGUYỄN ĐIỆP LINH	Nữ	22/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	36172	NGUYỄN LÊ THÙY LINH	Nữ	10/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	36173	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	25/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	36174	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	07/9/2005	Quỳnh Phụ - Thái Bình	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	36176	PHÙNG THUỲ LINH	Nữ	10/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	36177	TRẦN THẢO LINH	Nữ	30/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
112	36178	TRƯƠNG KIỀU LINH	Nữ	08/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	36179	VŨ THỊ MỸ LINH	Nữ	30/01/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	36180	VŨ NGỌC TÚ LINH	Nữ	09/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	36181	VŨ THỊ NGỌC LINH	Nữ	05/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	36182	VŨ VĂN LINH	Nam	24/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	36183	TRẦN PHƯƠNG LOAN	Nữ	06/01/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	36184	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	27/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
119	36185	NGUYỄN VIẾT LONG	Nam	26/4/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	36186	PHẠM ĐỨC LONG	Nam	13/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
121	36188	HÀ HƯƠNG LƯU LY	Nữ	06/8/2005	Việt Yên- Bắc Giang	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	36189	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	01/02/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	36190	HÀ THỊ QUỲNH MAI	Nữ	24/7/2005	Hiệp Hòa - Bắc Giang	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	36191	NGUYỄN HƯƠNG MAI	Nữ	06/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	36192	TRẦN NGỌC MAI	Nữ	27/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	36193	NGUYỄN NGỌC MẠNH	Nam	30/8/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
127	36195	HOÀNG ANH MINH	Nam	10/02/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	36196	HOÀNG ANH MINH	Nam	21/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
129	36197	HOÀNG TUẤN MINH	Nam	07/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	36198	LẠI SƠN MINH	Nam	29/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
131	36199	LÊ TRẦN MINH	Nam	31/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	36200	NGUYỄN DƯƠNG NGUYỆT MINH	Nữ	12/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
133	36201	TRẦN QUANG MINH	Nam	01/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
134	36206	NGÔ VĂN NAM	Nam	06/5/2005	Lý Nhân- Hà Nam	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
135	36207	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	13/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
136	36208	PHẠM HOÀI NAM	Nam	05/12/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
137	36211	TRẦN ĐĂNG NAM	Nam	12/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
138	36212	ĐINH THỊ NGUYỆT NGA	Nữ	07/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
139	36214	NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	20/7/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
140	36216	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	06/01/2005	Cầu Giấy - Hà Nội	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
141	36218	ĐÀM QUANG NGHĨA	Nam	18/11/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
142	36219	PHẠM ĐẠI NGHĨA	Nam	15/02/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
143	36222	TRƯƠNG YẾN NGỌC	Nữ	29/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
144	36225	BÙI YẾN NHI	Nữ	01/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
145	36227	HOÀNG Ý NHI	Nữ	19/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
146	36229	VÕ ÁI NHI	Nam	30/7/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
147	36233	NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	Nữ	15/6/2005	Noong Het- Điện Biên	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
148	36234	TRẦN HỒNG NHUNG	Nữ	23/6/2005	Hà Nội	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
149	36235	NGUYỄN TRẦN HẢI NINH	Nữ	22/9/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
150	36238	BÙI KIM OANH	Nữ	12/10/2005	Quỳnh Phụ- Thái Bình	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
151	36240	KHÚC MẠNH PHÁT	Nam	23/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
152	36241	ĐOÀN TRỌNG PHÚ	Nam	30/7/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
153	36242	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	Nam	10/11/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	36243	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	11/6/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	36244	ĐỖ HỒNG PHÚC	Nam	04/7/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
156	36245	HOÀNG VĂN PHÚC	Nam	15/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
157	36246	LƯƠNG HỒNG PHÚC	Nữ	21/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
158	36248	BÙI THỊ LINH PHƯƠNG	Nữ	21/6/2005	Nga - Liên Bang Nga	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
159	36249	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	Nữ	14/6/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	36251	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	Nữ	04/7/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
161	36252	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	02/02/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
162	36253	PHAN MAI PHƯƠNG	Nữ	28/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
163	36256	TRẦN HỒNG QUANG	Nam	02/11/2005	Kiến Xương - Thái Bình	9	5	10	8.75	Đ		Khá
164	36257	VŨ HUY QUANG	Nam	10/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
165	36259	PHẠM MINH QUÂN	Nam	03/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	36263	NGUYỄN THÁI CAO SƠN	Nam	11/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
167	36266	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Nam	11/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	36267	HÀ THỊ NGỌC TÂM	Nữ	09/7/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
169	36268	HOÀNG THANH TÂM	Nữ	31/8/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	36269	BÙI TIẾN THÀNH	Nam	14/6/2005	Yên Hưng- Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
171	36270	HOÀNG PHƯƠNG THANH	Nữ	28/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	36272	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/6/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	36274	HOÀNG HIẾU THÀNH	Nam	24/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	36275	NGUYỄN HỮU THÀNH	Nam	07/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
175	36278	PHẠM NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	22/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	36281	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	36282	VŨ THẠCH THẢO	Nữ	12/02/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	36283	VŨ THỊ THU THẢO	Nữ	09/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	36285	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	20/4/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	36287	ĐẶNG MINH THIỆN	Nam	04/11/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
181	36291	NGUYỄN THỊ THANH THƠ	Nữ	24/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
182	36294	BÙI THỊ THU THÙY	Nữ	10/10/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
183	36296	NGÔ THỊ ĐAN THÙY	Nữ	21/5/2005	Quỳnh Phụ - Thái Bình	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
184	36297	BÙI THỊ THU THỦY	Nữ	13/11/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
185	36298	PHẠM ANH THƯ	Nữ	14/9/2005	Thái Thụy - Thái Bình	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
186	36299	VŨ HỒNG TIÊN	Nam	06/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
187	36303	LÊ HIỀN TRANG	Nữ	08/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
188	36304	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	02/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
189	36305	MẠC THÙY TRANG	Nữ	19/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
190	36306	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	31/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
191	36307	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	Nữ	20/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
192	36308	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	18/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
193	36309	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	13/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	36310	TRẦN THU TRANG	Nữ	21/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
195	36311	VŨ THỊ TRANG	Nữ	12/5/2005	Tứ Kỳ - Hải Dương	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	36313	VÕ ĐỨC TRÍ	Nam	18/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
197	36314	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	17/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
198	36315	PHẠM QUỐC TRUNG	Nam	16/9/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
199	36317	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	12/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
200	36318	LÊ QUANG TRƯỜNG	Nam	06/02/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	36319	VŨ ĐỨC TRƯỞNG	Nam	01/12/2005	Yên Hưng- Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
202	36320	ĐẬU XUÂN TRƯỜNG	Nam	25/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	36321	NGÔ QUANG TRƯỜNG	Nam	06/10/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
204	36322	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	04/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
205	36323	ĐINH QUỐC TUẤN	Nam	22/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 67 - Trường THPT Hồng Đức

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	36324	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	31/5/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
207	36325	PHAN THANH TÙNG	Nam	02/8/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	9.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
208	36327	MAI THỊ TUYẾT	Nữ	07/4/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
209	36328	ĐOÀN THANH TÙNG	Nam	31/01/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
210	36331	LÊ THANH UYÊN	Nữ	06/8/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
211	36332	NGUYỄN LÂM UYÊN	Nữ	22/4/2005	Cửa Lò - Nghệ An	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
212	36334	BÙI GIA MINH VŨ	Nam	16/01/2005	Thủ Dầu I- Bình Dương	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
213	36335	NGUYỄN VIẾT VŨ	Nam	07/4/2005	Uông Bí- Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
214	36336	PHẠM THẢO VY	Nữ	17/7/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
215	36337	LÊ THỊ TUYẾT XUÂN	Nữ	22/12/2005	Uông Bí - Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 68 - Trường THPT Nguyễn Tất Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	36004	NGÔ QUỲNH ANH	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
2	36010	PHẠM ĐỨC ANH	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.2					H	
3	36014	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	36015	NGÔ NHƯ BẢO	Nam	02/11/2005	Hải Dương	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
5	36016	LÊ THỊ BÊN	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	36019	BÙI LINH CHI	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	36021	LƯU THÙY CHI	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
8	36023	NGUYỄN THỊ HUYỀN CHI	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	36024	PHÙNG THỊ KIM CHI	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
10	36025	NGÔ DUY CHINH	Nam	31/12/2005	Thái Bình	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	36026	ĐỖ VĂN CÔNG	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
12	36027	LÊ MẠNH CƯỜNG	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
13	36030	VŨ THỊ HIỀN DIỆU	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
14	36035	LẠI QUANG DUY	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
15	36036	NGUYỄN HOÀNG DUY	Nam	14/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	36037	TRẦN LÊ DUY	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
17	36042	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
18	36043	ĐÀO DUY DƯƠNG	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	36045	ĐINH THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
20	36055	ĐỖ MẠNH ĐẠT	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
21	36056	NGUYỄN PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
22	36061	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
23	36063	DIÊM TRỌNG HẢI ĐĂNG	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 68 - Trường THPT Nguyễn Tất Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	36064	HOÀNG TUẤN ĐIỆP	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	36067	BÙI TRỌNG ĐỨC	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
26	36068	ĐINH VIỆT ĐỨC	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
27	36070	HOÀNG TRUNG ĐỨC	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
28	36077	ĐỖ THỊ GIANG	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	36078	TRỊNH ĐỨC GIANG	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
30	36082	NGÔ THỊ THU HÀ	Nữ	16/11/2004	Thái Bình	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
31	36083	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
32	36085	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	02/01/2005	Thái Bình	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
33	36088	VŨ THU HẰNG	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
34	36089	VŨ THỊ HẬU	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
35	36091	NGÔ THỊ HIỀN	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	8.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
36	36094	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	36104	PHẠM TRUNG HOÀ	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
38	36106	BÙI VIỆT HOÀNG	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	8.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
39	36107	ĐÀO THÁI HOÀNG	Nam	09/11/2005	Thanh Hóa	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
40	36109	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	36110	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	03/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
42	36111	PHẠM MẠNH HOÀNG	Nam	03/6/2005	Quảng Ninh	8.3	6	10	9.00	Đ		Giỏi
43	36114	VŨ HUY HOÀNG	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	36116	ĐỖ THỊ HỒNG	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
45	36118	ĐINH QUỐC HUẤN	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
46	36123	NGUYỄN LÊ HOÀNG HUY	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	36127	VŨ NGUYÊN HUY	Nam	10/9/2005	Bắc Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
48	36128	VŨ QUANG HUY	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	36130	ĐINH THỊ HUYỀN	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 68 - Trường THPT Nguyễn Tất Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	36132	LƯU THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	36138	VŨ ĐÌNH HÙNG	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
52	36142	NGUYỄN QUANG HƯNG	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	36150	BÙI QUANG KHÁNH	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
54	36151	ĐẶNG NGỌC KHÁNH	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	36152	HOÀNG DUY KHÁNH	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
56	36153	PHẠM GIA KHÁNH	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	36154	PHẠM QUỐC KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
58	36155	PHÙNG NGỌC KHOA	Nam	29/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
59	36156	ĐỖ TRUNG KIÊN	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
60	36157	NGÔ TRUNG KIÊN	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	36159	VŨ VĂN KIỆT	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	36160	PHẠM THANH LAM	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
63	36163	NGÔ THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	36164	NGUYỄN THỊ QUỲNH LIÊN	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
65	36171	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
66	36175	PHẠM THỊ LINH	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
67	36187	NGUYỄN TIẾN LỘC	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
68	36194	HÀ ĐỨC MẠNH	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	36202	VŨ ĐỨC MINH	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
70	36203	VŨ THỊ MƠ	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
71	36204	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
72	36205	HOÀNG THANH NAM	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
73	36209	PHẠM DUY NAM	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
74	36210	TÔ ĐĂNG HOÀI NAM	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
75	36213	NGUYỄN THỊ THẢO NGA	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 68 - Trường THPT Nguyễn Tất Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	36215	TRẦN HỒNG NGÂN	Nữ	11/6/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
77	36217	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
78	36220	LÊ THỊ NGỌC	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
79	36221	NGUYỄN HOÀI NGỌC	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
80	36223	VŨ HỒNG NGUYÊN	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
81	36224	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
82	36226	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
83	36228	LƯU YẾN NHI	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	36230	VŨ THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
85	36231	NGUYỄN THỊ HỒNG NHINH	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
86	36232	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	26/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
87	36236	TRẦN HẢI NINH	Nam	01/10/2005	Hải Dương	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	36237	NGÔ THỊ NY	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	36239	DƯƠNG THỊ OANH	Nữ	12/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	36247	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
91	36250	NGUYỄN LÂM PHƯƠNG	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	36254	ĐINH THỊ NGỌC PHƯỢNG	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
93	36255	NGUYỄN LÊ QUANG	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
94	36258	NGUYỄN HỒNG QUẢNG	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
95	36260	TRẦN THẾ QUYỀN	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
96	36261	ĐINH CÔNG QUYẾT	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
97	36262	ĐỖ NGỌC SƠN	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	36264	TRỊNH HOÀNG SƠN	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
99	36265	VŨ THỊ NGỌC SƯƠNG	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	36271	VŨ VĂN THANH	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	36273	ĐẶNG VĂN THÀNH	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 68 - Trường THPT Nguyễn Tất Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	36276	NGUYỄN TRƯỞNG THÀNH	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
103	36277	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
104	36279	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	36280	TRẦN THU THẢO	Nữ	11/6/2005	Đà Nẵng	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	36284	DƯƠNG DOÃN THÁI	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
107	36286	ĐỖ QUYẾT THẮNG	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
108	36288	PHẠM NGỌC THIỆN	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
109	36289	NGUYỄN QUANG THỊNH	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
110	36290	NGUYỄN HUY THÔNG	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
111	36292	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
112	36293	ĐỖ ĐÌNH THUẬN	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	36295	NGUYỄN PHƯƠNG THUÝ	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
114	36300	NGUYỄN HỮU TIỆP	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
115	36301	PHẠM VĂN TÌNH	Nam	08/7/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
116	36302	ĐINH THỊ TRANG	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
117	36312	TRỊNH BÁ TRIỆU	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
118	36316	NGUYỄN CÔNG TRÚC	Nam	02/6/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
119	36326	NGUYỄN HỮU TUYỀN	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
120	36329	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	36330	PHẠM ANH TÚ	Nam	18/12/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
122	36333	NGÔ THANH VÂN	Nữ	27/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
123	36338	ĐẶNG THỊ YÊN	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
124	36339	ĐÀO THỊ HẢI YẾN	Nữ	02/11/2005	Hưng Yên	8.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	37001	HÀ THÚY AN	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	37002	ĐỖ HẢI ANH	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	37003	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
4	37004	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	8.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
5	37005	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
6	37006	TRẦN HOÀI ÁNH	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	37007	VŨ ĐỨC BÌNH	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	37008	TRẦN VIỆT CẦM	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
9	37009	NGUYỄN THỊ CHI	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	37010	ĐINH NGỌC CHÍNH	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	37011	PHẠM THÀNH CÔNG	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
12	37012	NỊNH THỊ KIM DUNG	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
13	37013	LÊ VIỆT DŨNG	Nam	13/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
14	37014	PHẠM TÙNG DƯƠNG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
15	37015	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	37016	ĐẶNG MINH ĐỨC	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
17	37017	NGUYỄN HỮU ĐỨC	Nam	08/12/2005	Thái Bình	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
18	37018	TẠ HỒNG ĐỨC	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
19	37019	TRẦN THỊ GIANG	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
20	37020	MẠC THỊ THU HÀO	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
21	37021	BÙI DUY HẬU	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.3	5.5	10	8.88	Đ		Khá
22	37022	BÙI THỊ THU HIỀN	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
23	37023	NGUYỄN THANH THANH HIỀN	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	37024	PHẠM THU HIỀN	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	37025	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	24/01/2005	Thái Bình	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	37026	LÝ SÁNG HIẾU	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.3	5	10	8.75	Đ		Khá
27	37027	PHẠM VĂN HIẾU	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8.7	5.5	10	8.88	Đ		Khá
28	37028	TRẦN MAI HOA	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	37029	LÝ THỊ HOÀN	Nữ	18/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	37030	BÙI NGUYÊN HOÀNG	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	9.1	6.25	9.5	8.69	Đ		Khá
31	37031	TRƯƠNG NGỌC HOÀNG	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	8.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
32	37032	TRƯƠNG ĐỨC HÒA	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.4	5	10	8.75	Đ		Khá
33	37033	NGÔ QUANG HUY	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	8.1	6.25	10	9.06	Đ		Giỏi
34	37034	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	8.6	8.75	10	9.69	Đ		Giỏi
35	37035	LÝ THỊ HUYỀN	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9.4	7.75	10	9.44	Đ		Giỏi
36	37036	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
37	37037	TRẦN THỊ HUYỀN	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	37038	VŨ THỊ HƯỜNG	Nữ	07/5/2005	Quảng Ninh	8.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
39	37039	LÊ THANH LAM	Nữ	05/3/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
40	37040	PHẠM THỊ LÀNH	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
41	37041	MAI HIỂN LÂM	Nam	16/3/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	37042	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	37043	CUNG THẢO LINH	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
44	37044	ĐOÀN PHẠM THÙY LINH	Nữ	17/6/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
45	37045	ĐOÀN THỊ DIỆU LINH	Nữ	28/8/2005	Thái Bình	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	37046	KHÚC NGUYỄN MAI LINH	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	37047	NGUYỄN THẢO LINH	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	37048	HOÀNG ĐỨC LONG	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	37049	ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	37050	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	18/7/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
51	37051	LÝ ĐỨC MẠNH	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
52	37052	NGUYỄN DUY MẠNH	Nam	14/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	37053	NGUYỄN KHẮC MINH	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
54	37054	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	9.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
55	37055	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
56	37056	PHẠM THẾ NAM	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
57	37057	BÀN VĂN NGHĨA	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	37058	ĐINH THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	14/3/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
59	37059	TRẦN THỊ NGỌC	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	37060	LÝ VĂN NHẤT	Nam	21/10/2004	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
61	37061	NGUYỄN TẤN PHÚC	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
62	37062	HÀ XUÂN QUYẾT	Nam	28/9/2005	Hà Tây	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
63	37063	ĐẶNG THỊ SEN	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
64	37064	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	37065	PHẠM HOÀNG AN SƠN	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
66	37066	PHẠM NGỌC TÂN	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
67	37067	LÀI PHÚC TẤN	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
68	37068	BÙI VĂN THÀNH	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
69	37069	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
70	37070	HOÀNG THU THẢO	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
71	37071	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
72	37072	PHẠM THỊ THANH THẢO	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
73	37073	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
74	37074	VŨ VĂN THẮNG	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
75	37075	MAI XUÂN THỊNH	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	37076	VŨ THỊ THOA	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
77	37077	TRƯƠNG THỊ THƠM	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	37078	TRƯƠNG MINH THÙY	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
79	37079	TRẦN THỊ THU THỦY	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	9.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
80	37080	HOÀNG THỊ THỦY TIÊN	Nữ	08/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
81	37081	TRƯƠNG ĐỨC TỊNH	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
82	37082	TRƯƠNG THỊ TOẠI	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
83	37083	BÙI THU TRANG	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
84	37084	ĐẶNG THU TRANG	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	8.7	5.75	10	8.94	Đ		Khá
85	37085	LƯU HÀ TRANG	Nữ	17/4/2005	Quảng Ninh	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
86	37086	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
87	37087	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	37088	PHẠM THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	37089	LÊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	37090	PHẠM VĂN TRUNG	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
91	37091	KHUẤT VĂN TUẤN	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
92	37092	VŨ MẠNH TUẤN	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
93	37093	HOÀNG DUY TÙNG	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	37094	LÊ XUÂN TÙNG	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
95	37095	ĐINH TUẤN TÚ	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
96	37096	LÊ HỒNG VĂN	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
97	37097	PHẠM BẢO VÂN	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	37098	ĐINH KHẮC VIỆT	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
99	37099	TRƯƠNG VĂN VỸ	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	37100	TRƯƠNG THÀNH Ý	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
101	37101	VƯƠNG THỊ HOÀI AN	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	37102	HOÀNG KIM ANH	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
103	37103	TẠ TUẤN ANH	Nam	07/8/2005	Hà Nội	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	37104	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	37105	TRẦN VIỆT ANH	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	37106	VŨ THÙY ANH	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	37107	NGUYỄN ĐỨC ÁNH	Nam	19/10/2005	Bắc Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	37108	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	37109	BÙI ĐỨC BÌNH	Nam	29/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	37110	LẠI THỤY BÌNH	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	37111	NGUYỄN DUY CANG	Nam	19/8/2005	Thái Bình	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	37112	BÙI MAI CHI	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	37113	TRIỆU THỊ CHIỀU	Nữ	04/3/2005	Bắc Giang	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	37114	VŨ MẠNH CƯỜNG	Nam	27/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	37115	ĐÀO MẠNH DŨNG	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	37116	ĐOÀN THÙY DƯƠNG	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	37117	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	37118	LÊ HOÀNG ĐẠT	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	37119	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	37120	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	37121	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	37122	VƯƠNG QUỲNH ĐIỆP	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	37123	NGUYỄN HỮU HOÀNG ĐỨC	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
124	37124	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	29/6/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	37125	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	37126	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	37127	BÙI THU HÀ	Nữ	21/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	37128	ĐẶNG VŨ KIM HÀ	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	37129	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	37130	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	27/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	37131	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	37132	NGUYỄN VIỆT HÀ	Nam	04/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	37133	TRẦN NGỌC HÀ	Nữ	23/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	37134	TRỊNH NGỌC HẢI HÀ	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	37135	ĐINH QUANG HẢI	Nam	12/4/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	37136	ĐỖ HỒNG HẠNH	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	37137	TÔ VĂN HIẾU	Nam	28/01/2005	Thái Bình	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	37138	ĐINH ĐỨC HIẾU	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	37139	LẠI ĐỨC HOÀNG	Nam	18/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	37140	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	37141	VŨ VIỆT HOÀNG	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	37142	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	37143	BÙI ĐỨC HUY	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
144	37144	LÊ MẠNH HUY	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	37145	LÊ QUÝ HUY	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	37146	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	37147	NGUYỄN QUANG HƯNG	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	37148	NGUYỄN VIỆT HƯNG	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	37149	ĐỖ THỊ HOÀI HƯƠNG	Nữ	11/8/2005	Thái Bình	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	37150	HOÀNG THU HƯỜNG	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
151	37151	TRẦN ĐÌNH KHÁNH	Nam	19/9/2005	Hà Nam	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	37152	PHẠM ĐĂNG KHIÊM	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	37153	ĐÀO NGỌC LAN	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	37154	ĐỖ THỊ THÙY LINH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	37155	ĐÀM HỮU LONG	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	37156	NGUYỄN HỒNG LONG	Nam	24/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	37157	TRẦN VĂN LONG	Nam	27/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	37158	BÙI CÔNG MINH	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	37159	NGUYỄN HỒNG MINH	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	37160	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	15/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	37161	QUÁCH MINH NAM	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	37162	TRẦN HẢI NAM	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	37163	NGUYỄN XUÂN NGỌC	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	37164	TRẦN THỊ NGỌC	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	37165	VŨ HỒNG NGỌC	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	37166	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	37167	VŨ DUY NHẬT	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	37168	ĐOÀN YẾN NHI	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	37169	NGUYỄN TRANG NHUNG	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	37170	TRẦN NGỌC NHUNG	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	37171	ĐẶNG THỊ NHƯ	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	37172	NGUYỄN QUANG NINH	Nam	15/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	37173	NHỮ ĐỨC PHÚC	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	37174	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	37175	ĐỖ VINH QUANG	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	37176	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	37177	TRẦN ĐÌNH QUANG	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	37178	VŨ NHẤT QUANG	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	37179	LÊ HẢI QUÂN	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	37180	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
181	37181	ĐẶNG QUỐC QUYỀN	Nam	08/4/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	37182	LÊ THÁI SƠN	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	37183	NGUYỄN THÀNH SƠN	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	37184	LÊ HOÀI THANH	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
185	37185	NGUYỄN QUANG THÀNH	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	37186	LẠI THANH PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	37187	PHẠM THANH THẢO	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	37188	ĐỖ QUỐC THÁI	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	37189	ĐÀO QUỐC THẮNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	37190	LƯU TUẤN THỊNH	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
191	37191	HOÀNG MINH THU	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
192	37192	PHẠM THANH THUÝ	Nữ	25/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
193	37193	LÊ THỊ THƯ	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
194	37194	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	01/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
195	37195	TRẦN TRIỆU THÙY TRANG	Nữ	26/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
196	37196	NGUYỄN THANH TRÀ	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
197	37197	NGUYỄN VIỆT TRINH	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	37198	PHẠM QUANG TRƯỞNG	Nam	02/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	37199	DƯƠNG TUẤN	Nam	01/8/2005	Lào Cai	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
200	37200	ĐÀO ANH TUẤN	Nam	22/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
201	37201	QUÁCH MINH TUẤN	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
202	37202	LỀU THANH TÙNG	Nam	05/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	37203	NGUYỄN NGỌC TÙNG	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	37204	TRƯƠNG THANH TÙNG	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	37205	LÊ THANH TÚ	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 69 - Trường THPT Hoàng Văn Thụ

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	37206	VŨ CẨM TÚ	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	37207	HOÀNG THẢO VÂN	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	37208	VŨ THỊ CẨM VÂN	Nữ	01/4/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	37209	HOÀNG ĐỨC VIỆT	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	37210	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	37211	LÝ THỊ HOÀI YÊN	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	38001	BÙI THỊ MAI ANH	Nữ	27/03/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
2	38002	ĐINH THỊ VÂN ANH	Nữ	17/08/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	38003	LÊ HOÀNG ANH	Nam	26/05/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
4	38004	VŨ QUỐC ANH	Nam	31/03/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
5	38005	VŨ THỊ HỒNG ANH	Nữ	12/09/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
6	38006	NGÔ NGỌC ÁNH	Nữ	20/05/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	38007	LÊ PHAN LIÊN CHI	Nữ	24/02/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
8	38008	LÊ QUỲNH CHI	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
9	38009	VŨ THỊ CẨM CHI	Nữ	14/03/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	38010	ĐÀO KHÁNH DIỆP	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	38011	LÃ NGỌC DIỆP	Nữ	23/04/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	38012	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	06/02/2005	Nam Định	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	38013	LƯU THỊ THÙY DUNG	Nữ	18/07/2005	Thanh Hóa	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
14	38014	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	Nam	22/08/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	38015	LÊ THỊ NGỌC DƯƠNG	Nữ	16/05/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	38016	LÊ QUANG ĐẠT	Nam	12/04/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	38017	NGUYỄN PHONG ĐẠT	Nam	04/06/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
18	38018	MAI ĐỨC ĐÔNG	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
19	38019	PHẠM DUY ĐÔNG	Nam	26/09/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
20	38020	PHẠM HỮU ĐỨC	Nam	31/03/2005	Quảng Ninh	9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
21	38021	TẠ MINH ĐỨC	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
22	38022	NGUYỄN VŨ HƯƠNG GIANG	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	38023	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	27/04/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	38024	ĐINH HẢI HÀ	Nữ	19/06/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
25	38025	ĐỖ THỊ HÀ	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	38026	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	20/09/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
27	38027	VŨ HOÀNG HÀ	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
28	38028	VŨ NHẬT HẠ	Nữ	17/03/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	38029	CAO THỊ MỸ HẠNH	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	38030	PHẠM THỊ THANH HẰNG	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	38031	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	Nữ	01/01/2005	Hải Dương	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	38032	NGÔ TRUNG HIẾU	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	38033	PHẠM THANH HOA	Nữ	10/03/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	38034	LÊ THỊ THU HOÀI	Nữ	28/08/2005	Hải Dương	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
35	38035	BÙI THỊ PHƯƠNG HÒA	Nữ	05/03/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
36	38036	TRỊNH QUỐC HUY	Nam	27/09/2005	Quảng Ninh	9	7.5	9.5	9.00	Đ		Giỏi
37	38037	BÙI NGỌC HUYỀN	Nữ	06/02/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
38	38038	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	01/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	38039	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	14/09/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
40	38040	VŨ THU HUYỀN	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	38041	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	38042	NGUYỄN VŨ THANH HƯƠNG	Nữ	19/08/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	38043	VŨ MAI HƯƠNG	Nữ	02/05/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	38044	NGÔ DUY KHẢI	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	38045	PHẠM VŨ KHIÊM	Nam	04/08/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	38046	PHẠM NGỌC LAN	Nữ	20/04/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	38047	VÕ TUỆ LÂM	Nữ	05/05/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	38048	CHU KHÁNH LINH	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	38049	DƯƠNG TỐNG KHÁNH LINH	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	38050	ĐẶNG DIỆU LINH	Nữ	02/02/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	38051	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	07/12/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
52	38052	NGUYỄN KIỀU LINH	Nữ	01/06/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
53	38053	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	18/12/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
54	38054	PHẠM THỊ HẢI LINH	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	38055	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	06/07/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	38056	NGÔ THỊ THANH MAI	Nữ	02/08/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	38057	NGUYỄN HOÀNG HÀ MY	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
58	38058	TRẦN KIM NGÂN	Nữ	13/05/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
59	38059	HỒ BÍCH NGỌC	Nữ	11/04/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
60	38060	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	16/07/2005	Quảng Ninh	9.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
61	38061	PHẠM LINH NGỌC	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	38062	TRẦN THỊ NGỌC	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
63	38063	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	38064	HOÀNG MINH NHẬT	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
65	38065	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	20/07/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
66	38066	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	27/07/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
67	38067	DƯƠNG HỒNG PHÚC	Nam	11/08/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
68	38068	ĐÀO THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	23/03/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	38069	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	21/08/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	38070	PHẠM THANH PHƯƠNG	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
71	38071	CHU THỊ NGỌC PHƯỢNG	Nữ	20/08/2005	Quảng Ninh	9.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
72	38072	TRẦN HỒNG PHƯỢNG	Nữ	10/06/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
73	38073	CHU THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	38074	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	17/06/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	38075	TRẦN THU NGUYỆT QUỲNH	Nữ	18/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	38076	PHẠM THÁI SƠN	Nam	12/08/2005	Bắc Giang	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	38077	NGÔ THỊ MỸ TÂM	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
78	38078	PHẠM NGUYỄN MINH THANH	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	38079	TRẦN THỊ THANH THANH	Nữ	30/03/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	38080	BÙI TIẾN THÀNH	Nam	06/11/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
81	38081	ĐINH PHƯƠNG THẢO	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	38082	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
83	38083	NGUYỄN NGỌC THẢO	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
84	38084	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/03/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	38085	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/05/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	38086	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
87	38087	HOÀNG HÀ VI THƠ	Nữ	27/12/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
88	38088	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
89	38089	PHẠM THU THỦY	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	38090	PHẠM THỊ ANH THƯ	Nữ	18/06/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	38091	BÙI TRUNG THỰC	Nam	31/07/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
92	38092	CỒ THỊ TRANG	Nữ	16/09/2005	Nam Định	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
93	38093	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	26/08/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	38094	NGUYỄN LÊ QUỲNH TRÂM	Nữ	12/07/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	38095	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	30/09/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
96	38096	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	18/03/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
97	38097	AN THẢO VÂN	Nữ	22/09/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
98	38098	PHẠM MAI VÂN	Nữ	08/09/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	38099	VŨ THỊ KHÁNH VÂN	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	38100	TRẦN THẢO VY	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	8.8	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
101	38101	LÊ VĂN XUÂN	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	38102	ĐẶNG HẢI YẾN	Nữ	11/02/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
103	38103	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	24/09/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	38104	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	11/09/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
105	38105	BÙI HÙNG ANH	Nam	21/02/2005	Hải Dương	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
106	38106	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	14/06/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
107	38107	LÊ KIM ANH	Nữ	13/05/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	38108	MẠC KIM ANH	Nữ	14/07/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	38109	NGUYỄN BẢO ANH	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	38110	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH ANH	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
111	38111	NGUYỄN LÊ KỲ ANH	Nữ	19/06/2005	Quảng Ninh	9.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
112	38112	NGUYỄN LƯU TUẤN ANH	Nam	13/04/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	38113	PHAN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	17/07/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	38114	TRỊNH QUANG ANH	Nam	16/09/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
115	38115	MẠC HỒNG ÁNH	Nữ	25/07/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
116	38116	NGUYỄN VIỆT BÁCH	Nam	20/09/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
117	38117	VŨ THÁI BÌNH	Nam	28/08/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
118	38118	ĐẶNG THỊ LINH CHI	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	38119	VŨ QUỲNH CHI	Nữ	04/07/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	38120	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
121	38121	NGUYỄN MẠNH CƯƠNG	Nam	22/03/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
122	38122	TRẦN MẠNH CƯỜNG	Nam	13/05/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
123	38123	PHẠM GIA DOANH	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	9.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
124	38124	VŨ NGỌC DUNG	Nữ	28/03/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
125	38125	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	08/09/2005	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
126	38126	MẠC THÙY DƯƠNG	Nữ	22/09/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
127	38127	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Nữ	22/03/2005	Hưng Yên	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	38128	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	38129	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	14/10/2005	Hải Dương	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
130	38130	PHẠM TÙNG DƯƠNG	Nam	26/07/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
131	38131	TRẦN NGỌC DƯƠNG	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
132	38132	BÙI ĐÌNH KHÁNH ĐAN	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
133	38133	PHẠM THU ĐÀO	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
134	38134	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
135	38135	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
136	38136	MAI HƯƠNG GIANG	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	38137	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	14/07/2005	Quảng Ninh	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	38138	NGUYỄN XUÂN HẢI	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
139	38139	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	38140	DƯƠNG TRUNG HIẾU	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
141	38141	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	19/05/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	38142	PHẠM DUY HIẾU	Nam	06/06/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
143	38143	HOÀNG DIỆU HOA	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	38144	NGUYỄN PHẠM VIỆT HOA	Nữ	12/04/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
145	38145	LÊ MINH HOÀNG	Nam	01/07/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
146	38146	NGÔ HUY HOÀNG	Nam	23/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	38147	TRẦN MINH HOÀNG	Nam	25/02/2005	Quảng Ninh	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	38148	NGUYỄN ĐỨC HÒA	Nam	14/08/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
149	38149	PHẠM NGUYỄN MINH HUY	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
150	38150	TRẦN QUANG HUY	Nam	05/06/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
151	38151	VŨ QUANG HUY	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
152	38152	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
153	38153	BÙI ĐỨC HÙNG	Nam	15/03/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	38154	NGUYỄN TƯỜNG HÙNG	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	38155	DƯƠNG QUỲNH HƯƠNG	Nữ	14/03/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
156	38156	CAO THẾ KHANH	Nam	11/01/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	38157	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
158	38158	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nữ	28/04/2005	Hải Dương	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
159	38159	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	31/10/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
160	38160	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	06/03/2005	Nghệ An	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
161	38161	PHẠM NGỌC LINH	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
162	38162	TRẦN PHẠM THÙY LINH	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
163	38163	TRỊNH KHÁNH LINH	Nữ	01/09/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
164	38164	VI THỊ HUYỀN LINH	Nữ	05/06/2005	Quảng Ninh	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	38165	TRỊNH THIÊN LONG	Nam	23/04/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
166	38166	NGUYỄN XUÂN LỘC	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
167	38167	ĐÀO DIỆP LY	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
168	38168	NGUYỄN HƯƠNG LY	Nữ	06/06/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
169	38169	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	9.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	38170	NGUYỄN THANH MAI	Nữ	19/03/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
171	38171	PHẠM QUỲNH MAI	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
172	38172	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
173	38173	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	31/08/2005	Hà Nội	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	38174	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	13/05/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	38175	NGUYỄN QUANG MẠNH	Nam	31/07/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
176	38176	TRẦN ĐỨC MẠNH	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	38177	ĐOÀN CÔNG MINH	Nam	20/04/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
178	38178	NGUYỄN LÊ HẢI MINH	Nam	14/07/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
179	38179	PHẠM QUANG MINH	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	38180	PHẠM QUANG MINH	Nam	23/09/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
181	38181	PHẠM TRÀ MY	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	38182	PHẠM TÙNG NAM	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
183	38183	VŨ HOÀI NAM	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
184	38184	VŨ KHẮC NAM	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
185	38185	VŨ TIẾN NAM	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
186	38186	ĐỖ HOÀNG THANH NGÂN	Nữ	26/12/2004	Quảng Ninh	9.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
187	38187	TRẦN HỮU NGHĨA	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
188	38188	ĐINH BÙI HỒNG NGỌC	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
189	38189	VŨ BẢO NGỌC	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	38190	ĐINH HOÀNG NGUYÊN	Nam	06/09/2005	Hà Nội	8.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
191	38191	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	17/01/2005	Hải Dương	9.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
192	38192	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	07/05/2005	Quảng Ninh	8.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
193	38193	VŨ ĐỨC AN NINH	Nam	17/02/2005	Quảng Ninh	9.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
194	38194	TIÊN XUÂN PHONG	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	9.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
195	38195	DƯƠNG HUY PHƯƠNG	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
196	38196	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	27/04/2005	Quảng Ninh	7.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
197	38197	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	01/09/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
198	38198	ĐINH NGỌC BẢO QUYỀN	Nam	29/03/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
199	38199	LÊ TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	26/08/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
200	38200	LƯ THỊ HƯƠNG QUỲNH	Nữ	29/07/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
201	38201	ĐẶNG XUÂN QUÝ	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	9.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
202	38202	NGUYỄN VĂN SANG	Nam	21/09/2005	Nam Định	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	38203	BÙI KHÁNH TÂM	Nữ	31/03/2005	Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
204	38204	ĐINH BÁ THÀNH	Nam	29/03/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
205	38205	NGUYỄN NGỌC THẢO	Nữ	20/06/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	38206	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	05/09/2005	Quảng Ninh	9.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	38207	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	06/12/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	38208	PHẠM THU THẢO	Nữ	14/08/2005	Quảng Ninh	8.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
209	38209	VŨ ĐỨC THẮNG	Nam	21/04/2005	Quảng Ninh	9.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
210	38210	ĐẶNG ĐẮC THỊNH	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	9.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
211	38211	NGUYỄN ANH THƠ	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
212	38212	PHẠM MINH ANH THƠ	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	38213	NGUYỄN QUANG TRUNG	Nam	19/09/2005	Quảng Ninh	9.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
214	38214	LƯU QUANG TRƯỜNG	Nam	19/03/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	38215	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	38216	NGUYỄN THÁI TUẤN	Nam	15/10/2004	Quảng Ninh	8.3					H	
217	38217	PHẠM ANH TUẤN	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
218	38218	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	14/06/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
219	38219	VŨ KHẢ TÚ	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	9.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
220	38220	HOÀNG MINH VŨ	Nam	24/04/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
221	38221	NGUYỄN ANH VŨ	Nam	01/04/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	38222	NGUYỄN ĐẶNG YẾN VY	Nữ	04/06/2005	Tiền Giang	8.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
223	38223	NGUYỄN NHƯ YÊN	Nữ	21/03/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
224	38224	LÊ THỊ YẾN	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
225	38225	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
226	38226	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	12/09/2005	Quảng Ninh	9.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	38227	NGUYỄN HÀ AN	Nữ	11/05/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	38228	NGUYỄN TẤT AN	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	38230	GIÁP THỊ VÂN ANH	Nữ	07/03/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
230	38231	NGÔ THỊ DIỆU ANH	Nữ	18/06/2005	Quảng Ninh	9.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
231	38233	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	9.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	38234	TRỊNH THẾ ANH	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	38235	VŨ KIM ANH	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
234	38236	VŨ THỊ NGỌC ANH	Nữ	09/05/2005	Quảng Ninh	9.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
235	38238	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	22/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
236	38239	LÊ HỒNG GIA BẢO	Nam	17/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
237	38241	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	08/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	38243	VŨ ĐỨC CẢNH	Nam	15/08/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
239	38244	VŨ NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
240	38245	ĐINH XUÂN CHIẾN	Nam	05/05/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	38246	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	Nam	26/09/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
242	38247	VŨ MẠNH CHIẾN	Nam	22/05/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	38250	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	Nam	09/07/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
244	38252	VŨ TĂNG CƯỜNG	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
245	38254	DƯƠNG HỮU DUY	Nam	10/03/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
246	38255	PHAN MINH DUY	Nam	06/07/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
247	38258	BÙI NAM DƯƠNG	Nam	29/09/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
248	38259	BÙI QUANG TÙNG DƯƠNG	Nam	05/07/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9	9.25	Đ		Giỏi
249	38261	LÊ THÁI DƯƠNG	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
250	38267	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	21/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9	9.25	Đ		Giỏi
251	38269	PHẠM TUẤN ĐẠT	Nam	03/09/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
252	38272	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	24/04/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi
253	38274	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	12/06/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	38276	NGÔ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
255	38277	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
256	38279	VŨ NGUYỄN HÀ	Nam	03/09/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	38280	NGUYỄN ĐĂNG HẢI	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	9	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	38282	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	06/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
259	38283	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	11/09/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
260	38284	PHẠM THÚY HIỀN	Nữ	17/05/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
261	38285	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
262	38286	PHẠM ĐỨC HIẾU	Nam	26/03/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	38287	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	21/07/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	38291	NGÔ ĐỨC HOÀNG	Nam	28/05/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
265	38294	NGUYỄN VIẾT HOÀNG	Nam	05/06/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
266	38295	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	31/01/2005	Hải Dương	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
267	38297	VŨ THẾ HOÀNG	Nam	04/05/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
268	38299	NGÔ THỊ BÍCH HỒNG	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
269	38303	PHẠM NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
270	38304	TRỊNH THU HUYỀN	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
271	38306	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Nam	07/05/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
272	38308	TRẦN ĐỨC HÙNG	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
273	38310	NGÔ MAI HƯƠNG	Nữ	16/05/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
274	38311	PHAN ĐÀO QUỲNH HƯƠNG	Nữ	22/08/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
275	38313	LÊ HOÀNG GIA KHÁNH	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
276	38314	TRƯƠNG HIỂU KHÁNH	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
277	38316	BÙI MAI LAN	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
278	38317	CAO NGỌC TÙNG LÂM	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
279	38318	LÊ THỊ HOÀNG LINH	Nữ	05/08/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
280	38319	NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	Nữ	28/04/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
281	38321	VŨ MAI LINH	Nữ	05/02/2005	Hải Dương	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
282	38322	TRẦN VĂN LƯƠNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
283	38323	NGUYỄN CẨM LY	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	38324	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	06/09/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
285	38326	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	21/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
286	38331	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	03/08/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
287	38332	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	Nữ	17/04/2005	Quảng Ninh	9.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
288	38333	PHAN TRUNG MINH	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
289	38335	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
290	38338	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	16/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	38341	NGUYỄN KHOA NGUYÊN	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
292	38343	ĐỖ LÊ NHƯ NGUYỆT	Nữ	25/09/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
293	38344	LÊ MINH NGUYỆT	Nữ	07/11/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	38345	LÊ ĐĂNG QUANG	Nam	12/12/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
295	38346	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	28/09/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
296	38347	NGUYỄN THỤC QUYÊN	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
297	38349	NGUYỄN BÁ QUYẾT	Nam	10/06/2005	Quảng Ninh	9.2	8.5	9	8.88	Đ		Khá
298	38350	VŨ MINH QUYẾT	Nam	18/07/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
299	38356	NGUYỄN PHÚC THÀNH	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9	9.25	Đ		Giỏi
300	38357	TRỊNH TIẾN THÀNH	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
301	38359	TRẦN THANH THẢO	Nữ	17/08/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
302	38362	PHẠM MINH THẮNG	Nam	08/08/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
303	38363	TRẦN NGỌC THIỆN	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	9.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
304	38365	NGUYỄN HÀ THU	Nữ	11/03/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
305	38366	ĐẶNG ANH THƯ	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
306	38370	PHẠM QUỲNH THƯƠNG	Nữ	03/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
307	38371	LÊ HOÀNG TIẾN	Nam	26/04/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
308	38376	NGUYỄN BẢO TRANG	Nữ	31/08/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
309	38377	NGUYỄN LINH TRANG	Nữ	02/07/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 71 - Trường THPT Hoàng Quốc Việt

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	38378	TRẦN THU TRANG	Nữ	16/08/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
311	38380	VŨ HUYỀN TRANG	Nữ	12/05/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
312	38381	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
313	38382	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
314	38383	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	01/05/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
315	38384	ĐÀO MẠNH TUẤN	Nam	26/04/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
316	38385	PHẠM XUÂN TÚ	Nam	24/05/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
317	38386	NGUYỄN KHÁNH VÂN	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	9.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
318	38387	NGUYỄN KHÁNH VÂN	Nữ	09/07/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
319	38388	TRẦN ÁNH VÂN	Nữ	21/08/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
320	38389	HOÀNG TUẤN VIỆT	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	39001	NGUYỄN HÙNG AN	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
2	39002	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG AN	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
3	39003	BÙI MINH ANH	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
4	39004	BÙI THỊ NGỌC ANH	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
5	39005	DƯƠNG NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
6	39006	ĐẶNG VIỆT ANH	Nam	02/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
7	39007	HOÀNG LÊ THẾ ANH	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
8	39008	HOÀNG TRẦN MINH ANH	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
9	39009	LÃNH ĐỨC ANH	Nam	05/3/2005	Hải Dương	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	39010	LÊ ĐỨC ANH	Nam	30/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	39011	NGÔ THỊ HÀ ANH	Nữ	27/4/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	39012	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
13	39013	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	39014	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	30/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
15	39015	PHAN VÂN ANH	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	39016	TRẦN THỊ LAN ANH	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	39017	TRẦN TRUNG ANH	Nam	04/11/2005	Hải Dương	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	39018	TRƯƠNG THỊ KIỀU ANH	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	39019	VŨ MAI ANH	Nữ	24/4/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	39020	DOÃN TRỊNH HIỀN ÁNH	Nữ	13/12/2005	Hà Nội	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	39021	HOÀNG NGUYỆT ÁNH	Nữ	30/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	39022	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
23	39023	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	39024	DƯƠNG THỊ HỒNG ÂN	Nữ	09/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
25	39025	DƯƠNG THANH BÌNH	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
26	39026	NGUYỄN THÁI BÌNH	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	39027	TRẦN THỊ MINH CHÂU	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	39028	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	Nam	02/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
29	39029	LÊ THẢO CHINH	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
30	39030	ĐẶNG VĂN CHUNG	Nam	20/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	39031	NGUYỄN DUY CƯỜNG	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
32	39032	TRẦN BÁ CƯỜNG	Nam	30/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	39033	NGÔ BÍCH DỊU	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
34	39034	ĐINH QUANG DUY	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	39035	NGUYỄN QUỐC DŨNG	Nam	31/5/2005	Nga	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	39036	PHẠM VĂN DŨNG	Nam	06/8/2005	Hải Dương	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
37	39037	KHÚC THÁI DƯƠNG	Nữ	10/12/2004	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	39038	LÊ ANH DƯƠNG	Nam	12/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	39039	LƯU THẾ DƯƠNG	Nam	14/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	39040	NGUYỄN HÀ DƯƠNG	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
41	39041	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	39042	PHAN TÙNG DƯƠNG	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
43	39043	PHAN TÙNG DƯƠNG	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
44	39044	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
45	39045	PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	39046	TRẦN ÁNH DƯƠNG	Nữ	01/6/2005	Hải Dương	8.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
47	39047	NGUYỄN THỊ BẢO ĐAN	Nữ	21/5/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
48	39048	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
49	39049	TRỊNH ĐÌNH ĐĂNG	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	39050	LÊ KHÁNH ĐOAN	Nữ	12/5/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
51	39051	PHẠM ĐÌNH ĐƯỢC	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
52	39052	ĐẶNG ANH ĐỨC	Nam	07/6/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
53	39053	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	02/3/2005	Quảng Ninh	8.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
54	39054	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
55	39055	TRẦN HỮU ĐỨC	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	9.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
56	39056	ĐÀO THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
57	39057	HOÀNG HÀ GIANG	Nam	22/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	39058	HOÀNG QUỲNH GIANG	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	39059	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	12/02/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
60	39060	TẠ THỊ TRÀ GIANG	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	39061	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
62	39062	VŨ TUYẾT HÀ	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	39063	BÙI ĐỨC HẢI	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	39064	BÙI NGỌC HẢI	Nam	06/4/2005	Hải Dương	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
65	39065	NGUYỄN DUY HẢI	Nam	12/4/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
66	39066	NGUYỄN MẠNH HẢI	Nam	27/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	39067	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	39068	TRẦN HẢI	Nam	04/12/2005	Hải Dương	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	39069	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	39070	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
71	39071	ĐẶNG THỊ HIỀN	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
72	39072	HÀ THỊ HIỀN	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	39073	NGÔ ĐINH HIẾU	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
74	39074	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	39075	VŨ MINH HIẾU	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	39076	ĐỖ VIỆT HOÀNG	Nam	26/12/2005	Hải Dương	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
77	39077	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	22/12/2004	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
78	39078	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	03/01/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
79	39079	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
80	39080	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	39081	TRẦN VIỆT HOÀNG	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
82	39082	LÊ THỊ HÒA	Nữ	10/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	39083	TRƯƠNG MINH HÒA	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	39084	ĐẶNG QUỐC HUY	Nam	30/3/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	39085	NGÔ ĐOÀN HUY	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
86	39086	PHẠM A HUY	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
87	39087	PHẠM AN HUY	Nam	03/10/2005	Nam Định	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
88	39088	PHẠM DƯƠNG HUY	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	39089	BÙI THỊ CẨM HUYỀN	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
90	39090	TRẦN THỊ THU HUYỀN	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
91	39091	BÙI QUANG HÙNG	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
92	39092	LƯU ĐÌNH HÙNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
93	39093	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	15/01/2005	Hải Phòng	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
94	39094	TRẦN VĂN HÙNG	Nam	15/9/2005	Hải Dương	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
95	39095	BÙI NGỌC HƯNG	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
96	39096	NGUYỄN GIA HƯNG	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
97	39097	NGUYỄN MAI TUẤN HƯNG	Nam	31/5/2005	TP. Hồ Chí Minh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
98	39098	NGUYỄN VĂN HƯNG	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
99	39099	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	13/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	39100	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	39101	PHẠM MAI HƯƠNG	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	39102	TRẦN THỊ DIỆU HƯƠNG	Nữ	03/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
103	39103	VŨ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
104	39104	ĐẶNG SINH HƯỞNG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
105	39105	BÙI TUẤN KHANH	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
106	39106	ĐẶNG GIA KHÁNH	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
107	39107	NGÔ VĂN KHÁNH	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
108	39108	PHẠM QUỐC KHÁNH	Nam	31/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
109	39109	PHẠM TRẦN GIA KHÁNH	Nam	05/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
110	39110	TRẦN HỮU KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
111	39111	TRẦN ĐỈNH KHIÊM	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
112	39112	NGUYỄN THANH KHÔI	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
113	39113	PHẠM NGỌC KIÊN	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
114	39114	TRẦN KHẮC KIÊN	Nam	08/10/2005	Hải Dương	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
115	39115	ĐOÀN NGỌC LAN	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	39116	LẠI MAI LAN	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	39117	NGUYỄN HƯƠNG LAN	Nữ	19/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	39118	NGUYỄN THỊ AN LÀNH	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
119	39119	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	39120	NGUYỄN TUẤN LẬP	Nam	08/9/2005	Hải Dương	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	39121	ĐẶNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	39122	ĐINH THỊ DIỆU LINH	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
123	39123	ĐOÀN THỊ MAI LINH	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
124	39124	NGÔ PHƯƠNG LINH	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
125	39125	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	39126	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	02/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	39127	ĐỖ HẢI LONG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	39128	LÊ XUÂN LONG	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
129	39129	LÊ VĂN LỢI	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
130	39130	NGÔ KHÁNH LY	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
131	39131	VŨ CẨM LY	Nữ	10/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	39132	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	19/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
133	39133	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	39134	HOÀNG ĐỨC MẠNH	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
135	39135	TRẦN THỊ HÀ MI	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	39136	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	25/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
137	39137	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	05/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
138	39138	PHẠM HOÀNG NAM	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
139	39139	PHẠM NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
140	39140	TRƯƠNG TUYẾT NGA	Nữ	21/3/2005	Hà Tây	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	39141	NGUYỄN THỊ MINH NGÂN	Nữ	14/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	39142	TRẦN THỊ KHÁNH NGÂN	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
143	39143	ĐÀO HOÀNG NGHĨA	Nam	10/7/2005	Hải Dương	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
144	39144	VŨ LƯU TRỌNG NGHĨA	Nam	29/6/2005	Quảng Ninh	8.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
145	39145	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
146	39146	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	29/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
147	39147	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
148	39148	TĂNG YẾN NGỌC	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
149	39149	VŨ KIỀU NGỌC	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	39150	VŨ THỊ NGỌC	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
151	39151	NGUYỄN THU NGUYỆT	Nữ	18/02/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
152	39152	MẠC MỸ NHÂN	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
153	39153	ĐỒNG THỊ LINH NHI	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	39154	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	39155	VŨ THỊ YẾN NHI	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
156	39156	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	05/9/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	39157	NGUYỄN KHÁNH NHƯ	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	39158	BÙI TUẤN NINH	Nam	09/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	39159	NGUYỄN THỊ NINH	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	39160	BÙI NGỌC OANH	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	39161	ĐẶNG TIẾN PHÚC	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
162	39162	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
163	39163	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	17/01/2004	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	39164	LÊ HỒNG QUÂN	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
165	39165	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	29/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
166	39166	PHẠM THẾ QUYỀN	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
167	39167	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
168	39168	ĐINH MẠNH SƠN	Nam	25/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
169	39169	LƯU HOÀNG SƠN	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
170	39170	NGUYỄN BÁ THANH SƠN	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
171	39171	BÙI ĐỨC THÀNH	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
172	39172	LÊ CÔNG THÀNH	Nam	10/10/2005	Hải Dương	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
173	39173	PHẠM MINH THÀNH	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
174	39174	THÂN NHẬT THÀNH	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
175	39175	TRƯƠNG NGỌC THÀNH	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
176	39176	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	03/10/2005	Thái Nguyên	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
177	39177	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
178	39178	ĐẶNG ĐÌNH THÁI	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
179	39179	VŨ ĐỨC THIỆN	Nam	18/9/2004	Hải Dương	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	39180	ĐẶNG VĂN THỊNH	Nam	08/11/2005	Hải Dương	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
181	39181	ĐỖ THỊ THOA	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
182	39182	BÙI THỊ THÙY	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
183	39183	PHẠM THỊ MINH THÙY	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
184	39184	BÙI MINH THƯ	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
185	39185	ĐÀO THỊ MINH THƯ	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
186	39186	PHẠM ĐỨC TOÀN	Nam	07/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
187	39187	TRẦN ANH TOÀN	Nam	02/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	39188	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
189	39189	MAI HÀ TRANG	Nữ	25/7/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
190	39190	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	07/7/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
191	39191	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
192	39192	VÕ NGỌC ĐOAN TRANG	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	39193	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	30/8/2005	Hà Nội	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	39194	HUỲNH THỊ THÙY TRINH	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
195	39195	BÙI THANH TRÚC	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	39196	NGUYỄN PHI TRƯỜNG	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
197	39197	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
198	39198	DƯƠNG THANH TUẤN	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
199	39199	ĐỖ ANH TUẤN	Nam	07/3/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
200	39200	TRẦN HỮU TUẤN	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
201	39201	TRẦN KHẮC TUẤN	Nam	20/11/2005	Hải Dương	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
202	39202	VŨ LÊ ANH TUẤN	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
203	39203	VŨ TRỌNG TUẤN	Nam	09/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
204	39204	HOÀNG VĂN TUYỂN	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
205	39205	NGUYỄN ĐỨC TUYỂN	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	39206	NGỌ ÁNH TUYẾT	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
207	39207	VŨ THANH TÙNG	Nam	04/01/2002	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
208	39208	ĐỖ XUÂN TÚ	Nam	18/6/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
209	39209	PHÙNG ANH TÚ	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
210	39210	PHẠM VĂN TƯỞNG	Nam	21/8/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
211	39211	ĐẶNG NGỌC UYÊN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
212	39212	NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN	Nữ	05/6/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
213	39213	NINH THỊ NGỌC VI	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
214	39214	NGUYỄN CÔNG VINH	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
215	39215	LÊ ANH VĨ	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
216	39216	TRỊNH HÀ VY	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
217	39217	ĐINH THỊ HẢI XUÂN	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
218	39218	NGUYỄN HOÀNG YẾN	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
219	39219	NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
220	39223	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	29/4/2005	Hải Dương	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	39224	NGUYỄN NHƯ ANH	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
222	39229	PHẠM THỊ HỒNG BÍCH	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	39237	BÙI THỊ HỒNG DUYÊN	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	39242	TRẦN PHẠM THÙY DƯƠNG	Nữ	10/4/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
225	39243	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	09/5/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
226	39254	LÊ NGỌC HÀ	Nữ	10/11/2005	Hải Dương	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	39256	PHẠM THỊ HẢO	Nữ	06/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	39257	BÙI THỊ NGỌC HẠNH	Nữ	13/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	39259	NGUYỄN DUNG HẠNH	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	39260	CAO THỊ THÚY HIỀN	Nữ	31/12/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	39265	BÙI TRUNG HIẾU	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	39267	ĐÀO ĐỨC HIẾU	Nam	01/8/2005	Hải Dương	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	39268	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	10/01/2005	Hưng Yên	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
234	39271	TRẦN LỆ HOA	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	39274	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	39276	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	39277	PHẠM THỊ THU HUYỀN	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
238	39278	LƯU ĐỨC HÙNG	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
239	39280	NGUYỄN TIẾN HÙNG	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
240	39283	TRẦN THỊ THU HƯỜNG	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
241	39284	PHẠM VĂN KẾT	Nam	25/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
242	39285	BÙI VĂN KHẢI	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
243	39287	VŨ ĐÌNH KHẢI	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
244	39298	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
245	39299	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
246	39300	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	12/12/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
247	39307	PHẠM XUÂN LỘC	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
248	39311	NGUYỄN ÁNH LƯƠNG	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
249	39315	PHẠM THỊ XUÂN MAI	Nữ	31/12/2005	Hải Phòng	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
250	39325	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	10/7/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
251	39334	TRẦN THỊ MAI NGỌC	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
252	39335	NGÔ THỊ YẾN NHI	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
253	39336	CAO THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
254	39343	BÙI THANH QUANG	Nam	17/5/2005	Hải Dương	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
255	39347	NGUYỄN HOÀNG HẢI QUÂN	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
256	39352	ĐÀO NHƯ QUỲNH	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
257	39375	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 72 - Trường THPT Trần Nhân Tông

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	39378	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	06/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
259	39381	ĐÀO ĐÌNH TIẾN	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
260	39385	TRỊNH THÙY TRANG	Nữ	26/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
261	39386	PHẠM THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	14/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
262	39400	PHONG TRỊNH BẢO VÂN	Nữ	03/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
263	39402	TRẦN TIẾN VIỆT	Nam	08/12/2005	Hải Dương	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
264	39407	LƯU NGỌC YẾN	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 73 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	39220	NGUYỄN THỊ AN	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
2	39221	BÙI ĐỨC ANH	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
3	39222	BÙI KIM ANH	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
4	39225	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
5	39226	VŨ THẾ ANH	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
6	39227	NGÔ THỊ NGỌC BÌNH	Nữ	31/01/2004	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	39228	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	22/9/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
8	39230	MẠC XUÂN CHI	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
9	39231	DIỆP VĂN CHỈNH	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	39232	NGUYỄN THÀNH CHUNG	Nam	23/9/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
11	39233	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
12	39234	PHẠM NGỌC CƯỜNG	Nam	15/10/2005	Quảng Ninh	6.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
13	39235	TRẦN NGUYỄN CƯỜNG	Nam	25/12/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	39236	NGUYỄN THỊ THUỲ DUNG	Nữ	17/3/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	39238	NGUYỄN THUÝ DUYÊN	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	6.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
16	39239	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	Nam	21/6/2005	Quảng Ninh	6.7	5	10	8.75	Đ		Khá
17	39240	NGUYỄN THỊ THUỲ DƯƠNG	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
18	39241	NGUYỄN THUỲ DƯƠNG	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
19	39244	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	6.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	39245	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	39246	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	21/6/2004	Quảng Ninh	6.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
22	39247	CAO HẢI ĐĂNG	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	39248	LỤC VĂN ĐĂNG	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 73 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	39249	BẾ VĂN ĐIỆP	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	39250	DƯƠNG VĂN ĐỨC	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	39251	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	39252	VI VĂN GIANG	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
28	39253	HOÀNG BẢO HÀ	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	39255	LÊ THANH HẢI	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	39258	LÝ THỊ HẠNH	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
31	39261	ĐỖ THUÝ HIỀN	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	39262	HÀ MINH HIỀN	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	39263	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	18/8/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
34	39264	BẾ VĂN HIẾU	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	39266	DƯƠNG MINH HIẾU	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	39269	TRỊNH QUỐC HIỆP	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	39270	VŨ ĐỨC HIỆP	Nam	28/4/2004	Hải Dương	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	39272	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	18/10/2004	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	39273	VŨ ĐỨC HOÀNG	Nam	09/5/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	39275	NGÔ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
41	39279	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
42	39281	LÃ QUANG HƯNG	Nam	27/8/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	39282	LỤC GIA HƯNG	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	39286	NGUYỄN VĂN KHẢI	Nam	30/8/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
45	39288	NGUYỄN QUANG KHÁNH	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	6.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
46	39289	NGUYỄN TIẾN KHÁNH	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
47	39290	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	14/8/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	39291	CHU VĂN KIÊN	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	6.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	39292	LÊ TRUNG KIÊN	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 73 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	39293	PHẠM VĂN KIỂM	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	39294	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	39295	PHẠM QUỐC LĂNG	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	6.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	39296	NGUYỄN THỊ LỆ	Nữ	18/01/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	39297	BÙI QUANG LINH	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
55	39301	NGUYỄN MAI LOAN	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
56	39302	TRẦN THỊ LOAN	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	39303	BÙI HOÀNG LONG	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	6.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	39304	LƯƠNG VĂN LONG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
59	39305	PHẠM ĐỖ HẢI LONG	Nam	26/01/2005	An Giang	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
60	39306	PHẠM HẢI LONG	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
61	39308	LINH TUẤN LỢI	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	7.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
62	39309	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	26/10/2005	Quảng Ninh	6.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
63	39310	NGÔ ĐỨC LƯƠNG	Nam	29/11/2004	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	39312	PHẠM QUỐC LỰC	Nam	10/12/2005	Quảng Ninh	6.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	39313	BÙI THỊ MAI MAI	Nữ	12/8/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	39314	HOÀNG THỊ QUỲNH MAI	Nữ	24/3/2005	Phú Thọ	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	39316	VŨ THỊ MAI	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	39317	LƯƠNG ĐỨC MẠNH	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	39318	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	19/5/2004	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
70	39319	PHẠM ĐỨC MẠNH	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	39320	NGÔ THỊ THUÝ MIỀN	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	39321	LINH VĂN MINH	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
73	39322	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	39323	NGUYỄN THÀNH MINH	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	39324	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 73 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	39326	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	28/01/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
77	39327	TRẦN VĂN NAM	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	6.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
78	39328	NGUYỄN QUỲNH NGA	Nữ	18/3/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	39329	ĐỖ THỊ BẢO NGÂN	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	39330	NGUYỄN MINH NGHĨA	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	39331	NGUYỄN XUÂN NGHĨA	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
82	39332	BẾ THỊ PHƯƠNG NGỌC	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
83	39333	PHAN HỒNG NGỌC	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
84	39337	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	07/12/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	39338	ĐẶNG VĂN PHÚC	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
86	39339	LÊ ĐỨC PHÚC	Nam	28/11/2004	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	39340	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
88	39341	BÙI MINH PHƯƠNG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
89	39342	VI TIẾN PHƯƠNG	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	39344	LÊ MINH QUANG	Nam	26/6/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	39345	NGUYỄN ĐỨC QUANG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	39346	TRẦN MINH QUANG	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	39348	NGUYỄN THỊ NGỌC QUẾ	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
94	39349	NGUYỄN TRIỆU NGỌC QUYÊN	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	39350	NGUYỄN BÙI NGỌC QUYỀN	Nam	30/12/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	39351	ĐÀM TRÌ QUYẾT	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	39353	LÊ KIM QUỲNH	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	6.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	39354	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
99	39355	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	21/6/2005	Hải Dương	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	39356	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
101	39357	PHẠM VĂN SƠN	Nam	29/12/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 73 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	39358	TRẦN VĂN SƠN	Nam	30/5/2005	Quảng Ninh	7.3					H	
103	39359	VŨ HOÀNG SƠN	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	39360	NGUYỄN XUÂN TẠO	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	6.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	39361	NGUYỄN VĂN THANH	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
106	39362	VŨ VĂN THANH	Nam	28/6/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	39363	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	39364	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
109	39365	CHU THỊ THẢO	Nữ	25/5/2005	Quảng Ninh	6.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
110	39366	NGÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/02/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	39367	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/01/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	39368	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	39369	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	20/9/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	39370	TÔ THỊ THẢO	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	39371	ĐẶNG QUYẾT THẮNG	Nam	12/4/2005	Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
116	39372	NGUYỄN QUANG THẮNG	Nam	22/7/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	39373	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	Nam	31/5/2005	Quảng Ninh	6.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
118	39374	ĐẶNG THỊ THU	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	39376	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	Nam	05/3/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	39377	PHẠM THỊ THUỲ	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	6.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	39379	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	39380	BẾ MẠNH TIẾN	Nam	25/6/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	39382	NGUYỄN XUÂN TIẾN	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	39383	TRẦN VĂN TIỆP	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	39384	ĐÀM THỊ TRANG	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	39387	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	6.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	39388	ĐINH VĂN TRUNG	Nam	04/10/2005	Quảng Ninh	7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 73 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	39389	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	39390	DƯƠNG QUỐC TRƯỜNG	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	39391	HOÀNG MẠNH TRƯỜNG	Nam	27/4/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	39392	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	7.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
132	39393	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
133	39394	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
134	39395	ĐẶNG VĂN TUYÊN	Nam	23/7/2004	Quảng Ninh	6.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
135	39396	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	39397	NGÔ VĂN TÙNG	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	6.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	39398	ĐỖ MINH TÚ	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	39399	CHU THÀNH VĂN	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	39401	VŨ HỒNG VÂN	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	39403	VŨ HOÀNG VIỆT	Nam	05/6/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	39404	BÙI QUANG VINH	Nam	08/9/2005	Quảng Ninh	7.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	39405	BÙI QUANG VINH	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	39406	LÝ THỊ VUI	Nữ	26/11/2005	Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	40003	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	06/8/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
2	40005	PHẠM DUY ANH	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
3	40010	NGUYỄN THỊ HUYỀN CHI	Nữ	17/3/2005	Thái Bình	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
4	40014	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
5	40016	NGUYỄN THỊ ĐIỆP	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	40020	VŨ THẢO HÀ	Nữ	16/12/2005	Thái Bình	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	40022	NGÔ HẢI HẬU	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
8	40023	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
9	40026	VŨ THÁI HỌC	Nam	24/3/2005	Quảng Ninh	8.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
10	40029	BÙI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	27/02/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	40031	VŨ NGỌC HUYỀN	Nữ	28/4/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	40034	BÙI THU HƯƠNG	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	40035	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	20/3/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	40039	NGÔ KHÁNH LINH	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
15	40040	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	22/02/2005	Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	40041	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	31/10/2005	Thái Bình	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	40042	PHẠM HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
18	40046	NGUYỄN THỊ LỢI	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
19	40047	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	28/3/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	40056	NGUYỄN PHẠM YẾN NGỌC	Nữ	15/11/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
21	40057	ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	40059	NGÔ HOÀNG PHONG	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	40062	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	21/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	40064	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	25/9/2005	Thanh Hóa	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	40066	PHẠM THU SANG	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	40068	ĐÀO THỊ HUYỀN THANH	Nữ	08/12/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	40069	LÃ THỊ THÁI THANH	Nữ	11/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	40073	TRỊNH VƯƠNG THẢO	Nữ	17/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
29	40074	NGUYỄN PHẠM MINH THU	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
30	40075	NGÔ MẠNH TIẾN	Nam	12/3/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	40077	PHẠM THỊ TOAN	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	40078	VŨ NGỌC TRÂM	Nữ	04/7/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
33	40081	NGUYỄN BÁ TRƯỞNG	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
34	40086	LÊ HẢI YẾN	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
35	40087	TRỊNH PHÚC AN	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
36	40088	HOÀNG HẢI ANH	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
37	40089	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	08/5/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	40090	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
39	40091	LÊ THỊ DIỆU	Nữ	13/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
40	40092	NGUYỄN QUANG DOANH	Nam	11/02/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
41	40093	VŨ THỊ DOANH DOANH	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
42	40094	LƯU THỊ THÙY DUNG	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
43	40095	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
44	40096	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
45	40097	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	11/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
46	40098	DƯƠNG BÌNH DƯƠNG	Nam	20/3/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
47	40099	HOÀNG HỮU ĐẠT	Nam	19/9/2004	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
48	40100	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	8.6	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
49	40101	ĐÀM SINH ĐỨC	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	40102	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	Nam	19/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
51	40103	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
52	40104	BÙI HƯƠNG GIANG	Nữ	04/12/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
53	40105	HOÀNG MINH GIANG	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
54	40106	NGUYỄN THU GIANG	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
55	40107	LÊ THỊ HAI	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
56	40108	PHẠM ĐẠI HẢI	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
57	40109	TRẦN THỊ NGỌC HẢI	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	8.7	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
58	40110	NGÔ PHẠM NGUYÊN HẠNH	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
59	40111	MẠC THỊ DIỆU HẰNG	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	9	9.00	Đ		Giỏi
60	40112	ĐỖ THỊ THÚY HIỀN	Nữ	11/10/2005	Thái Nguyên	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
61	40113	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	30/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	40114	MẠC KHÁNH HIỀN	Nữ	16/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	40115	BÙI MINH HIẾU	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
64	40116	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	40117	NGUYỄN QUANG HIẾU	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
66	40118	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
67	40119	PHAN TRUNG HIẾU	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
68	40120	TRẦN THỊ THU HOÀI	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
69	40121	BÙI THỊ HỒNG	Nữ	08/6/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
70	40122	NGÔ QUỐC HUY	Nam	12/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
71	40123	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	07/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
72	40124	VŨ KHÁNH HUYỀN	Nữ	22/01/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
73	40125	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	40126	NGUYỄN MINH HƯƠNG	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	40127	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	40128	ĐẶNG KHẮC KHÔI	Nam	04/12/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
77	40129	NGUYỄN HỮU KHÔI	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	40130	TRỊNH TRUNG KIÊN	Nam	22/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
79	40131	NGUYỄN SAO LA	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
80	40132	NGUYỄN NGỌC LAN	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
81	40133	DƯƠNG TÙNG LÂM	Nam	18/4/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
82	40134	ĐOÀN NGỌC LÂM	Nam	28/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
83	40135	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	40136	ĐINH PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	21/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
85	40137	HÀ PHƯƠNG LINH	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
86	40138	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
87	40139	NGÔ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
88	40140	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	40141	NGUYỄN YẾN LINH	Nữ	09/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
90	40142	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	40143	TRỊNH LINH LINH	Nữ	09/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
92	40144	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	Nữ	22/7/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
93	40145	HOÀNG PHI LONG	Nam	13/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
94	40146	PHẠM THÀNH LONG	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
95	40147	NGUYỄN HẢI LUÂN	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	40148	ĐÀO TUẤN MINH	Nam	19/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	40149	BÙI KIM NGÂN	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	40150	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
99	40151	KHÚC TRUNG NGUYÊN	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
100	40152	ĐỖ ÁNH NGUYỆT	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
101	40153	NGUYỄN MINH NGUYỆT	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	40154	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	40155	ĐÀO LINH NHẬT	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
104	40156	BÙI THỊ KIM OANH	Nữ	23/01/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
105	40157	VŨ KIM OANH	Nữ	27/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
106	40158	PHẠM TUẤN PHONG	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	40159	TRẦN TRỌNG PHÚ	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	40160	NGÔ MINH PHƯƠNG	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
109	40161	NGÔ DUY QUANG	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	40162	NGÔ NHẬT QUANG	Nam	25/8/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
111	40163	HỶ TRƯỜNG SƠN	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
112	40164	NGUYỄN TRUNG THÀNH	Nam	23/11/2005	Lâm Đồng	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
113	40165	TRẦN VIỆT THÀNH	Nam	20/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	40166	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	40167	LẠI THỊ THẢO	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	40168	VŨ MINH THI	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
117	40169	ĐẶNG VĂN THIỆN	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
118	40170	BÙI ANH THU	Nữ	06/02/2004	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	40171	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	40172	ĐỖ THỊ THANH THÚY	Nữ	29/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	40173	NGÔ THỊ MINH THÚY	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	40174	ĐÀO THỊ THANH THƯƠNG	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
123	40175	PHẠM THỊ TÌNH	Nữ	07/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	40176	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
125	40177	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	06/3/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	40178	TRẦN THU TRANG	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
127	40179	VŨ HUYỀN TRANG	Nữ	06/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	40180	LÊ NGỌC TRÂM	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	40181	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	40182	NGUYỄN KIM ĐAN TRƯỜNG	Nam	30/5/2005	Hải Dương	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
131	40183	BÙI ANH TUẤN	Nam	16/8/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	40184	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	40185	LÊ QUANG TUYẾN	Nam	06/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	40186	HOÀNG MINH TÙNG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	40187	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	16/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	40188	LÊ ĐOÀN MỸ UYÊN	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	40189	ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
138	40190	ĐỖ THÀNH AN	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
139	40191	HOÀNG QUỲNH ANH	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
140	40192	LÊ HOÀNG ANH	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
141	40193	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	40194	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
143	40195	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	10/02/2005	Quảng Ninh	8.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
144	40196	ĐẶNG THU CHANG	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	40197	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	40198	LƯU THỊ THÙY DUNG	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
147	40199	ĐỖ VŨ DŨNG	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	40200	PHẠM ĐÌNH DƯƠNG	Nam	01/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	40201	LÊ HUY ĐỨC	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
150	40202	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	19/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
151	40203	LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	27/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
152	40204	NGÔ THỊ NINH GIANG	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	40205	NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	40206	BÙI THU HÀ	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	40207	ĐẶNG MINH HOÀNG	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	40208	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	26/4/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
157	40209	PHAN DUY HOÀNG	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
158	40210	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	40211	NGUYỄN DUY HƯNG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
160	40212	NGUYỄN VĂN HƯNG	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	40213	NGÔ THU HƯỜNG	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	40214	NGUYỄN THỊ HUYỀN KHANH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
163	40215	NGUYỄN MẠNH KIÊN	Nam	31/12/2005	Cao Bằng	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	40216	NGUYỄN NGỌC LAN	Nữ	14/02/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
165	40217	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	40218	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	40219	TRẦN MAI LOAN	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	40220	PHẠM QUANG LUẬT	Nam	09/5/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
169	40221	HOÀNG THỊ DIỆU LY	Nữ	10/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	40222	NGÔ THỊ NGỌC MAI	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	40223	NGÔ TUYẾT MAI	Nữ	27/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
172	40224	VŨ THỊ NGỌC MAI	Nữ	24/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	40225	LÊ NGỌC MẠNH	Nam	13/10/2005	Hải Phòng	8.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
174	40226	NGÔ VĂN MINH	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	40227	VŨ NGỌC MINH	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
176	40228	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	07/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
177	40229	VŨ HẠ MY	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
178	40230	NGUYỄN VƯƠNG NAM	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
179	40231	VŨ TRỌNG NGHĨA	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	40232	NGUYỄN THANH NGỌC	Nam	08/12/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
181	40233	NGÔ THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
182	40234	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	Nam	21/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
183	40235	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
184	40236	NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
185	40237	VŨ PHƯƠNG NHUNG	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	40238	NGUYỄN HẢI NINH	Nữ	22/3/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
187	40239	VŨ THỊ HỒNG OANH	Nữ	08/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
188	40240	LÊ HỒNG PHONG	Nam	20/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
189	40241	NGUYỄN ĐỨC QUYỀN	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
190	40242	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	06/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
191	40243	PHẠM ĐĂNG QUÝ	Nam	03/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
192	40244	DƯƠNG THANH SƠN	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
193	40245	VŨ TIẾN TÀI	Nam	12/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
194	40246	ĐÀO THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/11/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
195	40247	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
196	40248	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/4/2005	Hà Nam	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
197	40249	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
198	40250	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
199	40251	MẠC QUANG THIỆN	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
200	40252	NGÔ MAI THU	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
201	40253	TRỊNH THANH THỦY	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
202	40254	NGUYỄN PHẠM ĐAN THƯ	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
203	40255	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
204	40256	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	40257	PHẠM VIỆT TOÀN	Nam	11/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 74 - Trường THPT Hoàng Hoa Thám

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	40258	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
207	40259	TRẦN GIÁP TÙNG	Nam	07/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
208	40260	NGÔ THANH VÂN	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	40261	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	Nữ	28/11/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
210	40262	LƯƠNG HOÀNG VŨ	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 75 - Trường TH-THCS&THPT Trần Hưng Đạo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	40001	ĐỖ TUẤN ANH	Nam	22/6/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.4	5	10	8.75	Đ		Khá
2	40002	LƯƠNG HẰNG ANH	Nữ	19/01/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.2	5	10	8.75	Đ		Khá
3	40004	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	11/01/2004	Hồng Thái Đông, Đông Triều, Quảng Ninh	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
4	40006	PHẠM XUÂN TUẤN ANH	Nam	03/5/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	7.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
5	40007	VŨ DUY ANH	Nam	16/10/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.9	6	10	9.00	Đ		Giỏi
6	40008	ĐẶNG THỊ MINH ÁNH	Nữ	22/7/2005	Hoàng Quế, Đông triều, Quảng Ninh	7.9	5.75	10	8.94	Đ		Khá
7	40009	ĐẶNG NGỌC BIỂN	Nam	12/3/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
8	40011	ĐẶNG QUANG CƯỜNG	Nam	06/01/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	8.1	6.75	10	9.19	Đ		Giỏi
9	40012	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	21/11/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
10	40013	PHÙNG ĐỨC DƯƠNG	Nam	16/12/2005	Mạo khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.2	5	10	8.75	Đ		Khá
11	40015	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	06/7/2005	Thanh Sơn, Uông Bí- Quảng Ninh	7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
12	40017	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	Nam	17/12/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	7.5	5.75	10	8.94	Đ		Khá
13	40018	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	16/10/2005	Thọ tràng, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.8	5.75	10	8.94	Đ		Khá
14	40019	VŨ MẠNH HÀ	Nam	06/02/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	5.75	10	8.94	Đ		Khá
15	40021	ĐOÀN HỒNG HẠNH	Nữ	07/4/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
16	40024	MẠC THÚY HOA	Nữ	21/9/2005	Yến Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
17	40025	TRẦN QUANG HÒA	Nam	20/4/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
18	40027	ĐỖ THỊ HUỆ	Nữ	26/5/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
19	40028	LƯƠNG ĐỨC HUY	Nam	05/9/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
20	40030	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	16/10/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	6.9	5	10	8.75	Đ		Khá
21	40032	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	17/12/2005	Hồng Thái Tây, Đông Triều, Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
22	40033	NGUYỄN XUÂN HÙNG	Nam	07/12/2005	Phương Nam, Uông Bí, Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
23	40036	NGUYỄN HOÀNG LAN	Nữ	17/11/2005	Hồng Thái Đông, Đông Triều, Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi

Đơn vị: 75 - Trường TH-THCS&THPT Trần Hưng Đạo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	40037	NGÔ ĐÌNH LÂM	Nam	24/9/2004	Hồng Thái Đông, Đông Triều, Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
25	40038	HOÀNG HẢI LINH	Nữ	21/3/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
26	40043	TRỊNH KHÁNH LINH	Nữ	09/11/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	40044	VŨ THÙY LINH	Nữ	02/01/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
28	40045	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	20/9/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
29	40048	VŨ THỊ MAI	Nữ	13/12/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
30	40049	ĐẶNG ĐÌNH MẠNH	Nam	17/7/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
31	40050	VŨ VĂN MẠNH	Nam	07/5/2005	Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
32	40051	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	29/6/2005	Hoàng Quế, Đông triều, Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
33	40052	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	16/6/2005	Yến Đức, Đông Triều, Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
34	40053	TÔ HOÀI NAM	Nam	08/9/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
35	40054	BÙI THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	30/7/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	40055	ĐỖ GIA NGỌC	Nam	15/11/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
37	40058	NGUYỄN DUY NINH	Nam	21/12/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
38	40060	NGUYỄN VĂN PHÚC	Nữ	01/02/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
39	40061	NGUYỄN VĂN PHÚC	Nam	27/3/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.4	5	10	8.75	Đ		Khá
40	40063	ĐỖ THỊ BÍCH QUYÊN	Nữ	12/02/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
41	40065	ĐẶNG TRẦN QUYỀN	Nam	25/01/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
42	40067	NGUYỄN THÀNH SƠN	Nam	16/8/2005	Hoàng Quế, Đông triều, Quảng Ninh	8.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
43	40070	VŨ ĐỨC THANH	Nam	10/7/2005	Hồng Thái Đông, Đông Triều, Quảng Ninh	7.5	5	10	8.75	Đ		Khá
44	40071	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/12/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
45	40072	LÊ THỊ THU THẢO	Nữ	11/9/2005	Hồng Thái Tây, Đông Triều, Quảng Ninh	7.3	5	10	8.75	Đ		Khá
46	40076	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	15/12/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
47	40079	NGUYỄN QUANG TRUNG	Nam	04/01/2005	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	6.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	40080	LẠI XUÂN TRƯỜNG	Nam	21/9/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
49	40082	PHẠM ANH TUẤN	Nam	03/10/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 75 - Trường TH-THCS&THPT Trần Hưng Đạo

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	40083	NGUYỄN KIM TUYẾN	Nữ	18/01/2005	Hoàng Quế, Đông triều, Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
51	40084	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	10/12/2005	Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	40085	TẠ LÂM TÙNG	Nam	03/4/2005	Hồng Thái Đông, Đông Triều, Quảng Ninh	7.5	5	10	8.75	Đ		Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	41001	NGUYỄN BÌNH AN	Nữ	09/4/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
2	41002	NGUYỄN BÙI THÁI AN	Nam	14/8/2005	Hồ Chí Minh	8.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
3	41003	NGUYỄN THÀNH AN	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
4	41004	NGUYỄN THÀNH AN	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
5	41005	BÙI DUY TRÚC ANH	Nam	06/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
6	41006	BÙI THỊ QUỲNH ANH	Nữ	21/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	41007	BÙI THỊ VÂN ANH	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	41008	BÙI TUẤN ANH	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	41009	ĐẶNG THỊ NGỌC ANH	Nữ	12/01/2005	Quảng Ninh	9.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
10	41010	ĐINH THỊ DIỆU ANH	Nữ	04/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
11	41011	ĐỖ HUYỀN ANH	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
12	41012	LÊ ĐỨC ANH	Nam	24/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
13	41013	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	41014	LÒ VÂN ANH	Nữ	04/6/2005	Hà Nội	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
15	41015	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	41016	NGUYỄN LÊ QUỐC ANH	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
17	41017	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
18	41018	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
19	41019	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
20	41020	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	41021	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	41022	NHỮ ĐẶNG HOÀNG ANH	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
23	41023	PHẠM THỊ MAI ANH	Nữ	28/5/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	41024	TRẦN HUYỀN ANH	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
25	41025	TRỊNH KHẮC HOÀNG ANH	Nam	02/8/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
26	41026	VŨ CẨM VÂN ANH	Nữ	03/4/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
27	41027	VŨ ĐỨC ANH	Nam	09/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
28	41028	HÀ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	12/9/2005	Thái Bình	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
29	41029	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
30	41030	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
31	41031	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
32	41032	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
33	41033	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
34	41034	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	15/9/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
35	41035	NGUYỄN NGỌC BÁCH	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
36	41036	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
37	41037	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
38	41038	DƯƠNG THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	28/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
39	41039	TRỊNH NGỌC BÍCH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	41040	NGUYỄN TUẤN CẢNH	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
41	41041	HOÀNG MINH CHIẾN	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
42	41042	NGUYỄN MINH CHIẾN	Nam	15/7/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
43	41043	NGUYỄN THỊ LAN CHINH	Nữ	04/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
44	41044	DƯƠNG THÀNH CÔNG	Nam	22/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
45	41045	LƯƠNG VĂN CÔNG	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
46	41046	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
47	41047	ĐẶNG XUÂN CƯỜNG	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
48	41048	NGUYỄN THỊNH CƯỜNG	Nam	02/12/2005	Quảng Ninh	8.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
49	41049	NGUYỄN VIẾT CƯỜNG	Nam	25/5/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	41050	NGUYỄN THUỲ DIỆU	Nữ	14/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	41051	BÙI MẠNH DUY	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	41052	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
53	41053	NGUYỄN THÚY DUYÊN	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
54	41054	BÙI ĐÌNH DŨNG	Nam	24/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	41055	HOÀNG MẠNH DŨNG	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
56	41056	NGUYỄN TRÍ DŨNG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
57	41057	ĐỖ THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	41058	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	41059	VƯƠNG THUỲ DƯƠNG	Nữ	08/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
60	41060	TRẦN THỊ CẨM ĐÀO	Nữ	17/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	41061	HOÀNG TIẾN ĐẠT	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
62	41062	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	21/5/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
63	41063	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	41064	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	13/8/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
65	41065	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	01/12/2005	Quảng Ninh	8.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
66	41066	VŨ HẢI ĐĂNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
67	41067	VŨ VĂN ĐOÁN	Nam	07/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
68	41068	LÊ ANH ĐỨC	Nam	13/6/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
69	41069	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	41070	NGUYỄN THÀNH ĐỨC	Nam	09/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	41071	NGUYỄN VĂN ĐỨC	Nam	24/10/2005	Bắc Giang	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
72	41072	PHẠM TIẾN ĐỨC	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
73	41073	ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	41074	ĐÀO THỊ THANH HÀ	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	41075	NGÔ THỊ NGỌC HÀ	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	41076	NGUYỄN CẨM HÀ	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	41077	NGUYỄN THỊ VÂN HÀ	Nữ	22/4/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	41078	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	41079	LÊ THỊ HẠ	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
80	41080	CAO THỊ MỸ HẠNH	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
81	41081	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
82	41082	NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
83	41083	TRẦN THANH HẰNG	Nữ	04/6/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	41084	VŨ MAI HIÊN	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
85	41085	BÙI THU HIỀN	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
86	41086	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
87	41087	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
88	41088	PHÙNG DIỆU HIỀN	Nữ	02/5/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
89	41089	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	16/3/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
90	41090	TRẦN THU HIỀN	Nữ	02/12/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	41091	VŨ PHẠM THẢO HIỀN	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
92	41092	NGUYỄN GIA HUY	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
93	41093	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
94	41094	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	02/9/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
95	41095	PHÙNG THU HƯƠNG	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
96	41096	NGUYỄN ĐỨC TÙNG LÂM	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
97	41097	NGUYỄN TRANG LINH	Nữ	24/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
98	41098	LÊ THỊ CẨM LY	Nữ	13/12/2005	Hải Dương	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
99	41099	NGUYỄN THU NGA	Nữ	26/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
100	41100	NGUYỄN THANH PHÚ	Nam	05/7/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
101	41101	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	41102	NGUYỄN XUÂN THÀNH	Nam	13/11/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
103	41103	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
104	41104	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	41105	LÊ VĂN THỊNH	Nam	07/02/2005	Quảng Ninh	8.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
106	41106	NGUYỄN THÁI THỊNH	Nam	29/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
107	41107	BÙI MINH ÁNH	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	41108	ĐẶNG ĐĂNG DOANH	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	41109	NGUYỄN ĐỨC TÙNG DƯƠNG	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
110	41110	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	Nam	06/02/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
111	41111	TRẦN HOÀNG TÙNG DƯƠNG	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
112	41112	DƯƠNG VĂN GIANG	Nam	10/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	41113	DƯƠNG MINH HẢI	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	41114	NGUYỄN ĐỨC HẢO	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
115	41115	VŨ NGỌC HÂN	Nữ	06/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	41116	NGUYỄN CÔNG HẬU	Nam	02/7/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
117	41117	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	9.3	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
118	41118	DƯƠNG THU HIỀN	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
119	41119	ĐỖ ĐỨC HIẾU	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	41120	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	Nam	01/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
121	41121	PHẠM THỊ THẢO HOÀN	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
122	41122	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	41123	VŨ THỊ HỒNG	Nữ	18/6/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	41124	BÙI ĐÌNH HUY	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
125	41125	BÙI QUANG HUY	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	41126	LÊ ANH HUY	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	9.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
127	41127	PHẠM QUANG HUY	Nam	04/9/2005	Quảng Ninh	8.7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	41128	TRỊNH THÁI HUY	Nam	30/9/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	41129	CAO THỊ THANH HUYỀN	Nữ	07/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
130	41130	ĐẶNG THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	20/02/2005	Quảng Ninh	8.9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
131	41131	ĐỒNG THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
132	41132	LƯƠNG THỊ THANH HUYỀN	Nữ	19/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
133	41133	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	03/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	41134	LẠI PHI HÙNG	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
135	41135	TRẦN VIỆT HÙNG	Nam	01/8/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
136	41136	BÙI ĐÌNH HƯNG	Nam	26/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	41137	HÀ VĂN HƯNG	Nam	27/3/2005	Quảng Ninh	8.5	8	9	8.75	Đ		Khá
138	41138	LÊ THÁI HƯNG	Nam	01/3/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
139	41139	NGUYỄN VIỆT HƯNG	Nam	11/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
140	41140	ĐỖ THỊ HƯƠNG	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
141	41141	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
142	41142	LÊ VÂN KHANH	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	41143	NGUYỄN MINH KHẢI	Nam	19/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	41144	ĐỖ QUỐC KHÁNH	Nam	02/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
145	41145	LÊ NGỌC KHÁNH	Nữ	29/6/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
146	41146	PHẠM VĂN KHÁNH	Nam	12/5/2005	Hải Dương	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
147	41147	NGUYỄN VĂN KHOA	Nam	16/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
148	41148	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	28/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
149	41149	ĐOÀN HẢI LAM	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
150	41150	HOÀNG THỊ THANH LAM	Nữ	31/3/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
151	41151	LƯƠNG THÀNH LÂM	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
152	41152	NGUYỄN THỊ THÙY LIÊN	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
153	41153	TRẦN THỊ MAI LIÊN	Nữ	08/6/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	41154	ĐẶNG NGỌC LINH	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
155	41155	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
156	41156	ĐỖ HẢI LINH	Nữ	24/7/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
157	41157	HOÀNG PHƯƠNG LINH	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
158	41158	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
159	41159	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
160	41160	TRỊNH THUỲ LINH	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	41161	VŨ NGỌC LINH	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
162	41162	VŨ THÙY LINH	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
163	41163	VŨ THÙY LINH	Nữ	19/12/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	41164	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	41165	NGUYỄN TUẤN LONG	Nam	06/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
166	41166	VI THÀNH LONG	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
167	41167	ĐOÀN ĐỨC LƯƠNG	Nam	13/3/2005	Hồ Chí Minh	8.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
168	41168	TRẦN MỸ LƯƠNG	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
169	41169	LƯU THỊ CẨM LY	Nữ	21/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
170	41170	NGUYỄN THỊ NGỌC LY	Nữ	25/11/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
171	41171	NGUYỄN HƯƠNG LÝ	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
172	41172	CAO THỊ QUỲNH MAI	Nữ	07/9/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
173	41173	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	04/3/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
174	41174	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
175	41175	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	09/7/2005	Quảng Ninh	9	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
176	41176	LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
177	41177	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	05/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
178	41178	DƯƠNG BÌNH MINH	Nữ	13/5/2005	Quảng Ninh	9.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
179	41179	ĐÀM QUANG MINH	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	41180	LÊ HẢI MINH	Nam	20/11/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
181	41181	NGUYỄN ANH MINH	Nam	06/01/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
182	41182	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
183	41183	NGUYỄN THỊ NGỌC MINH	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
184	41184	TRẦN KHẢI MINH	Nam	04/12/2005	Nam Định	9.3	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
185	41185	HOÀNG TRÀ MY	Nữ	22/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
186	41186	NGUYỄN THẢO MY	Nữ	13/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	9.5	9.25	Đ		Giỏi
187	41187	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
188	41188	NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	9.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
189	41189	LÊ VĂN NAM	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	8.8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
190	41190	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	03/12/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
191	41191	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	22/10/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
192	41192	TRỊNH TUẤN NAM	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
193	41193	NGUYỄN THANH NGA	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
194	41194	PHẠM THÚY NGA	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
195	41195	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	23/4/2005	Quảng Ninh	8.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
196	41196	PHẠM KIM NGÂN	Nữ	10/7/2005	Quảng Ninh	9.2	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
197	41197	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
198	41198	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGOAN	Nữ	02/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
199	41199	HOÀNG ĐÌNH NGỌC	Nam	14/7/2005	Hồ Chí Minh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
200	41200	VŨ HỒNG NGỌC	Nữ	28/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
201	41201	TRỊNH ĐÌNH KHÔI NGUYÊN	Nam	11/12/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
202	41202	LÊ THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
203	41203	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
204	41204	NGUYỄN THỊ ĐỨC NHÀN	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
205	41205	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	41206	NGUYỄN BĂNG NHI	Nữ	10/01/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	41207	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	17/11/2005	Hải Phòng	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	41208	DỊCH THỊ NHUNG	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	41209	DƯƠNG HỒNG NHUNG	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
210	41210	PHẠM HỒNG NHUNG	Nữ	26/12/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
211	41211	LÊ BẢO NHƯ	Nữ	03/01/2005	Quảng Ninh	9.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	41212	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	41213	NGUYỄN THỊ YẾN NHƯ	Nữ	20/5/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	41214	NGUYỄN NGA NINH	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	41215	VŨ HẢI NINH	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	41216	NGUYỄN ĐỨC PHONG	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	41217	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	Nam	28/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	41218	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	23/6/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	41219	ĐẶNG THU PHƯƠNG	Nữ	17/8/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	41220	HỒ ANH PHƯƠNG	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	9.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	41221	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	Nam	27/02/2005	Quảng Ninh	9.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
222	41222	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	30/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	41223	NGUYỄN QUỐC PHƯƠNG	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	41224	NGUYỄN TẤN PHƯƠNG	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	41225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	29/8/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
226	41226	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
227	41227	NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	9	8	9	8.75	Đ		Khá
228	41228	HỒ NHẬT QUANG	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	41229	ĐẶNG MINH QUÂN	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	9.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
230	41230	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
231	41231	LÊ VI QUYÊN	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	41232	NGUYỄN LỆ QUYÊN	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
233	41233	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	14/8/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
234	41234	PHẠM MỸ QUYÊN	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
235	41235	TRƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	20/6/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
236	41236	VŨ MẠNH QUYỀN	Nam	15/9/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
237	41237	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/9/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
238	41238	LÊ THUÝ QUỲNH	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
239	41239	NGÔ THUÝ QUỲNH	Nữ	25/02/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
240	41240	CHU NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
241	41241	PHẠM NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
242	41242	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TÂM	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
243	41243	ĐINH HOÀNG TÂN	Nam	09/8/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
244	41244	LÊ THỊ THANH	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
245	41245	NGUYỄN HOÀI THANH	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
246	41246	NGUYỄN THU THANH	Nữ	05/5/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
247	41247	TRẦN NGỌC PHƯƠNG THANH	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
248	41248	ĐỖ ĐĂNG THÀNH	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
249	41249	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
250	41250	BÙI PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	9.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
251	41251	LÊ THỊ THU THẢO	Nữ	03/7/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
252	41252	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
253	41253	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	03/02/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
254	41254	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	29/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
255	41255	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
256	41256	VŨ THỊ THANH THẢO	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	9	8	9	8.75	Đ		Khá
257	41257	VŨ THỊ THANH THẢO	Nữ	26/5/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	41258	NGUYỄN MINH THĂNG	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
259	41259	NGÔ QUANG THẮNG	Nam	07/11/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
260	41260	TRẦN ĐỨC THẮNG	Nam	21/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
261	41261	LÊ THỊ QUỲNH THÊU	Nữ	29/4/2005	Quảng Ninh	9.1	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
262	41262	NGUYỄN THỊ THÊU	Nữ	25/3/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
263	41263	TRẦN TIẾN THỊNH	Nam	23/6/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
264	41264	DƯƠNG THANH THƠM	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
265	41265	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	13/7/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
266	41266	NGUYỄN THANH THU	Nữ	06/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
267	41267	TRẦN THỊ MINH THU	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
268	41268	NGUYỄN THỊ MAI THÙY	Nữ	19/5/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
269	41269	NGUYỄN THỊ CẨM THÚY	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
270	41270	HOÀNG PHẠM MINH THƯ	Nữ	09/7/2005	Hồ Chí Minh	8.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
271	41271	LÊ NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	16/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
272	41272	NGUYỄN TRUNG THỰC	Nam	30/7/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
273	41273	NGUYỄN THÀNH TIẾN	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
274	41274	PHẠM ĐỨC TIẾN	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
275	41275	TRỊNH HỮU TIẾN	Nam	29/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
276	41276	VƯƠNG MINH TIẾN	Nam	07/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
277	41277	NGUYỄN NGỌC TOÀN	Nam	02/5/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
278	41278	NGUYỄN THANH TOÀN	Nam	31/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
279	41279	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
280	41280	HOÀNG ĐẶNG HÀ TRANG	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
281	41281	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	21/11/2005	Quảng Ninh	8.4	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
282	41282	LÊ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	09/01/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
283	41283	LÊ THUỲ TRANG	Nữ	01/12/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
284	41284	NGUYỄN HÀ TRANG	Nữ	01/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
285	41285	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
286	41286	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	20/12/2004	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
287	41287	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	20/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
288	41288	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	04/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
289	41289	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	31/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
290	41290	BÙI THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	21/7/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
291	41291	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	22/12/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
292	41292	NGUYỄN HỮU TRỌNG	Nam	22/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
293	41293	NGÔ THÀNH TRUNG	Nam	26/5/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
294	41294	NGUYỄN MINH TRUNG	Nam	16/4/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
295	41295	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
296	41296	ĐÀM THANH TRƯỜNG	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
297	41297	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
298	41298	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	14/7/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
299	41299	TRẦN MẠNH TUẤN	Nam	27/6/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
300	41300	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
301	41301	NGUYỄN VĂN TÙNG	Nam	19/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
302	41302	NGUYỄN HỒNG TÚ	Nữ	17/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
303	41303	NGUYỄN TƯỜNG VĂN	Nam	07/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
304	41304	LÊ THỊ THẢO VÂN	Nữ	13/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
305	41305	VŨ ĐỨC VIỆT	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
306	41306	NGUYỄN THÀNH VINH	Nam	20/12/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
307	41307	NGUYỄN MINH VŨ	Nam	01/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
308	41308	NGUYỄN THANH XUÂN	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
309	41309	NGUYỄN THỊ HỒNG XUÂN	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 76 - Trường THPT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
310	41310	ĐỖ NGỌC YẾN	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
311	41311	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
312	41312	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
313	41313	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	23/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
314	41314	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	12/3/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
315	41315	PHẠM THỊ HẢI YẾN	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
316	41316	TRẦN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	20/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	42001	NGUYỄN VĂN AN	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
2	42004	BÙI QUANG ANH	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
3	42005	ĐINH THỊ HỒNG ANH	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
4	42008	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	23/5/2005	Quảng Ninh	8.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
5	42009	LÊ TẤN ANH	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
6	42010	LƯƠNG QUỲNH ANH	Nữ	29/5/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
7	42011	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	14/4/2005	Hải Dương	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
8	42012	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
9	42014	NGUYỄN NAM ANH	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
10	42015	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	16/6/2005	Quảng Ninh	9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
11	42017	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	24/11/2005	Quảng Ninh	9.1	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
12	42018	NGUYỄN THẾ NAM ANH	Nam	10/3/2005	Quảng Ninh	8.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
13	42019	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
14	42020	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	29/11/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
15	42021	NGUYỄN THỊ VIỆT ANH	Nữ	17/01/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
16	42022	NGUYỄN TRỌNG ANH	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	42023	PHẠM KIM ANH	Nữ	24/12/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
18	42027	TRẦN MỸ ANH	Nữ	21/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
19	42028	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	31/3/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
20	42029	LƯU NGỌC ÁNH	Nữ	25/12/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
21	42031	NGUYỄN HOÀNG BẢO	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
22	42032	TRƯƠNG THẾ BÁCH	Nam	29/6/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
23	42034	NGUYỄN ĐĂNG BÌNH	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	42036	TRẦN THANH BÌNH	Nam	07/8/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
25	42037	PHẠM MINH CHÂM	Nữ	21/01/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	42039	NGUYỄN THỊ LAN CHI	Nữ	01/11/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
27	42042	ĐOÀN KHÁNH DUY	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
28	42043	HOÀNG KHÁNH DUY	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
29	42044	NGUYỄN HỮU DUY	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
30	42046	NGUYỄN TIẾN DUY	Nam	26/02/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
31	42047	ĐỖ THỊ DUYÊN	Nữ	04/4/2005	Quảng Ninh	8.1	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
32	42048	HOÀNG MINH DŨNG	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	9.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
33	42049	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	8.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
34	42053	TRẦN ANH DŨNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
35	42054	VŨ VĂN DŨNG	Nam	26/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
36	42055	ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
37	42057	ĐỖ THÙY DƯƠNG	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.5	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
38	42058	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
39	42059	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	29/9/2005	Quảng Ninh	8.9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
40	42060	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	01/5/2005	Quảng Ninh	8.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
41	42061	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	16/02/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	42064	TRƯƠNG XUÂN DƯƠNG	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	9.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
43	42065	VŨ THÙY DƯƠNG	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
44	42066	ĐÀO THỊ DƯỢC	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	9.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
45	42067	MẠC VŨ ANH ĐẠI	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
46	42068	BÙI VĂN ĐẠT	Nam	20/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
47	42069	LƯƠNG QUANG ĐẠT	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	6.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
48	42070	NGUYỄN BÁ ĐẠT	Nam	03/5/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	42071	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	42072	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	26/01/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
51	42073	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	42079	TRẦN XUÂN TIẾN ĐẠT	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	42080	NGUYỄN VĂN ĐIỀM	Nam	23/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	42081	HỒ HẢI ĐÔNG	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
55	42082	PHẠM VĂN ĐÔNG	Nam	09/10/2004	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
56	42083	ĐỖ XUÂN ĐỨC	Nam	21/02/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	42085	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	19/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	42086	ĐÀO XUÂN GIANG	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
59	42087	LƯU HÀ GIANG	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
60	42092	BÙI THỊ THU HÀ	Nữ	12/7/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
61	42094	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	42097	LƯU THỊ HẢI	Nữ	11/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
63	42098	NGUYỄN KIM HẢI	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
64	42100	TRẦN ĐỖ THANH HẢI	Nam	26/7/2005	Quảng Ninh	8.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
65	42101	ĐỖ THỊ XUÂN HẠ	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
66	42102	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẠNH	Nữ	22/6/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
67	42103	NGUYỄN THỊ THU HẠNH	Nữ	03/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
68	42104	BÙI THỊ HẰNG	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	42105	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
70	42106	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	20/7/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
71	42108	VÕ THỊ THANH HẰNG	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
72	42109	NGUYỄN THỊ THANH HIÊN	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
73	42110	NGUYỄN THỊ THU HIÊN	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
74	42111	ĐINH THANH HIỀN	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
75	42112	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	22/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	42113	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	27/7/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
77	42114	HOÀNG TRUNG HIẾU	Nam	08/11/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
78	42117	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	23/4/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
79	42120	TRƯƠNG MINH HIẾU	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
80	42123	LÃ QUỲNH HOA	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
81	42124	NGÔ MỸ HOA	Nữ	31/10/2005	Quảng Ninh	8.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
82	42125	NGUYỄN NGỌC HOA	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
83	42126	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
84	42127	TRẦN HOÀN	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
85	42128	BÙI HUY HOÀNG	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
86	42129	KIỀU THANH HOÀNG	Nam	24/12/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
87	42131	NGUYỄN DUY HOÀNG	Nam	30/9/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
88	42135	PHẠM XUÂN HUÂN	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
89	42136	LÊ HOÀNG HẢI HUỆ	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
90	42140	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	11/4/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
91	42144	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	17/10/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
92	42145	DƯƠNG CÔNG HÙNG	Nam	13/9/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
93	42149	PHẠM VĂN HÙNG	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
94	42150	THÁI MẠNH HÙNG	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
95	42153	HOÀNG XUÂN HƯNG	Nam	16/4/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
96	42154	LÝ THU HƯƠNG	Nữ	16/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
97	42155	MAI THỊ HƯƠNG	Nữ	26/9/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
98	42156	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
99	42157	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	25/10/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
100	42158	LÊ XUÂN HƯỞNG	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
101	42162	TRẦN QUỐC KHÁNH	Nam	13/3/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	42164	NGUYỄN KIM KIÊN	Nam	13/3/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	42167	PHẠM THỊ MAI LAN	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
104	42170	NGUYỄN THANH LÂN	Nam	03/4/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	42173	NGUYỄN NGỌC LIÊN	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
106	42174	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	03/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
107	42175	BÙI THỊ LINH	Nam	01/9/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
108	42176	ĐỖ THỊ THÙY LINH	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
109	42177	HÀ KHÁNH LINH	Nữ	05/6/2005	TP Hà Nội	8.4	8	10	9.50	Đ		Giỏi
110	42178	LÊ THẢO LINH	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
111	42179	LÊ THỊ NGỌC LINH	Nữ	14/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
112	42180	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	01/01/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
113	42181	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LINH	Nữ	09/6/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
114	42182	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
115	42183	NGUYỄN XUÂN LINH	Nam	06/5/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
116	42184	PHẠM THÙY LINH	Nữ	10/3/2005	Quảng Ninh	8.6	5	10	8.75	Đ		Khá
117	42185	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
118	42186	TRẦN NGỌC LINH	Nữ	11/8/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
119	42187	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
120	42188	VŨ THỊ NGỌC LINH	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
121	42190	BÙI HẢI LONG	Nam	11/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
122	42191	DƯƠNG THÀNH LONG	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
123	42192	ĐOÀN HẢI LONG	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
124	42193	HOÀNG DUY LONG	Nam	15/10/2005	Hải Dương	8.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
125	42194	HOÀNG NHẤT LONG	Nam	18/7/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
126	42198	VI BẢO LỰC	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
127	42199	NGUYỄN BÙI NHẬT LY	Nữ	30/8/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	42202	NGUYỄN THỊ HẢI LY	Nữ	20/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
129	42204	MẠC XUÂN MAI	Nữ	02/01/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
130	42205	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	30/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
131	42206	TRẦN DUY MẠNH	Nam	28/5/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
132	42209	BÙI HỒNG MINH	Nam	18/9/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
133	42210	NGUYỄN NGỌC MINH	Nữ	13/9/2005	Hải Dương	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
134	42213	VŨ THỊ TRÀ MY	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
135	42214	VŨ THỊ TRÀ MY	Nữ	17/7/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	42216	DIỆP VĂN NAM	Nam	23/8/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
137	42219	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	16/6/2005	Quảng Ninh	8.2	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
138	42225	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	04/10/2005	Quảng Ninh	9.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
139	42228	DƯƠNG YẾN NGỌC	Nữ	02/6/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
140	42229	TRẦN THỊ NGỌC	Nữ	28/01/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
141	42232	TRẦN TRUNG NGUYÊN	Nam	18/8/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
142	42233	VŨ THỊ THANH NHÀN	Nữ	08/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	42235	MẠC THANH NHẤT	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
144	42237	ĐẶNG THỊ YẾN NHI	Nữ	29/12/2005	Quảng Ninh	8.8	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
145	42238	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	Nữ	08/02/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
146	42240	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	12/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
147	42241	TẠ THỊ TUYẾT NHI	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
148	42243	DƯƠNG THỊ NHUNG	Nữ	30/6/2005	Quảng Ninh	9	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
149	42244	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	07/6/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
150	42245	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	03/9/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
151	42246	VŨ THỊ OANH	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
152	42247	NGUYỄN CAO ĐỨC PHÁT	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
153	42248	ĐẶNG THANH PHONG	Nam	06/3/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	42250	VŨ NGỌC PHONG	Nam	24/02/2005	Quảng Ninh	8.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
155	42252	KHÂU VĂN PHÚ	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
156	42254	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	28/6/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	42256	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	22/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	42258	NGUYỄN MINH QUANG	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	42261	PHÙNG MINH QUÂN	Nam	27/12/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	42262	VI TRƯỜNG QUÂN	Nam	11/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
161	42264	LÊ THỊ QUYÊN	Nữ	24/5/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	42266	ĐÀO VĂN QUYẾN	Nam	08/01/2005	Hải Dương	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
163	42268	NGUYỄN MAI QUỲNH	Nữ	10/12/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	42269	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	02/8/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	42273	HỒ NGỌC SƠN	Nam	12/01/2005	Quảng Ninh	8.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
166	42274	KHỔNG TRẦN NGỌC SƠN	Nam	05/01/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
167	42275	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	19/7/2005	Quảng Ninh	8.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
168	42276	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	20/7/2005	Quảng Ninh	9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
169	42278	ĐỒNG MINH TÂM	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
170	42279	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
171	42280	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	Nữ	30/4/2005	Quảng Ninh	8.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
172	42282	NGÔ VĂN THANH	Nam	04/7/2005	Quảng Ninh	8.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
173	42283	VŨ CHÍ THANH	Nam	13/01/2005	Quảng Ninh	7.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
174	42285	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	17/7/2005	Quảng Ninh	8.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
175	42286	NGUYỄN HỮU THÀNH	Nam	14/6/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
176	42289	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/9/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
177	42291	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	14/6/2005	Quảng Ninh	8.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
178	42292	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	9.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
179	42293	TRỊNH THỊ HƯƠNG THẢO	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	42294	NGUYỄN MINH THÁI	Nam	19/10/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
181	42296	NGUYỄN TIẾN THĂNG	Nam	12/5/2005	Quảng Ninh	8.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
182	42298	NGUYỄN HỒNG THẮM	Nữ	05/7/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
183	42299	BÙI MINH THẮNG	Nam	24/10/2005	Quảng Ninh	8.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
184	42301	ĐINH VŨ ANH THI	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
185	42302	TRẦN LONG THIÊN	Nam	21/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
186	42303	HỒ HẢI THỊNH	Nam	05/9/2005	Quảng Ninh	8.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
187	42304	ĐÀO PHƯƠNG THOA	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
188	42305	BÙI THỊ THU	Nữ	03/6/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
189	42306	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	20/4/2005	Quảng Ninh	8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
190	42308	NGUYỄN VIẾT THUẬN	Nam	22/8/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
191	42310	HOÀNG THỊ THANH THÙY	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	8.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
192	42311	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
193	42312	PHẠM THỊ THÚY	Nữ	11/11/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
194	42313	BÙI THỊ MINH THƯ	Nữ	02/10/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
195	42314	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
196	42315	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	9.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
197	42316	NGUYỄN THỊ LAN THƯƠNG	Nữ	12/9/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
198	42322	LÝ HUYỀN TRANG	Nữ	24/8/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
199	42324	NGÔ QUỲNH TRANG	Nữ	24/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
200	42325	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	31/8/2005	Quảng Ninh	8.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
201	42328	HOÀNG HƯƠNG TRÀ	Nữ	08/01/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
202	42334	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
203	42337	LÊ THỊ ÁNH TUYỀN	Nữ	11/9/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
204	42344	NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN	Nữ	23/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
205	42347	BÙI THỊ THẢO VÂN	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
206	42348	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	Nữ	18/5/2005	Quảng Ninh	9.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
207	42349	PHẠM THỊ CẨM VÂN	Nữ	31/01/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
208	42351	PHẠM ĐỨC VIỆT	Nam	18/10/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
209	42355	HOÀNG XUÂN VŨ	Nam	03/6/2005	Hải Dương	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
210	42356	VŨ THỊ NGỌC XOAN	Nữ	26/5/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
211	42359	TRẦN THỊ YÊN	Nữ	28/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
212	42360	BÙI PHƯƠNG ANH	Nữ	16/9/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
213	42361	HOÀNG THỊ LAN ANH	Nữ	15/5/2005	Quảng Ninh	8.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
214	42362	LÃ NHẬT ANH	Nam	20/01/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
215	42363	MẠC TRẦN VÂN ANH	Nữ	02/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
216	42364	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	21/10/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
217	42365	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	11/4/2005	Hải Dương	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
218	42366	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	Nữ	09/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
219	42367	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	16/8/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
220	42368	LÊ GIA BẢO	Nam	08/8/2005	Quảng Ninh	8.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
221	42369	NGUYỄN VĂN BẢO	Nam	18/11/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
222	42370	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
223	42371	TĂNG TRỌNG CƯỜNG	Nam	08/3/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
224	42372	NGUYỄN HỒNG DIỄM	Nữ	10/8/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
225	42373	DƯƠNG MẠNH DUY	Nam	28/3/2005	Quảng Ninh	9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
226	42374	ĐỖ THÙY DƯƠNG	Nữ	11/01/2005	Quảng Ninh	9.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
227	42375	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	8.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
228	42376	NGUYỄN HÀ GIANG	Nữ	28/7/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
229	42377	PHẠM THU HÀ	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
230	42378	ĐẶNG THANH HẢI	Nam	07/4/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
231	42379	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	07/01/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
232	42380	PHẠM NGỌC HÂN	Nữ	14/10/2005	Quảng Ninh	9.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
233	42381	NGUYỄN NGỌC HIÊN	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
234	42382	LÝ THU HIỀN	Nữ	29/01/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
235	42383	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
236	42384	ĐOÀN THỊ THU HUYỀN	Nữ	17/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
237	42385	VI NGỌC HUYỀN	Nữ	05/12/2004	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
238	42386	PHẠM VĂN HÙNG	Nam	17/01/2005	Quảng Ninh	9.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
239	42387	DƯƠNG BÍCH HƯỜNG	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
240	42388	ĐOÀN VÂN KHÁNH	Nữ	02/9/2005	Hải Dương	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
241	42389	PHẠM QUỐC KHÁNH	Nam	12/8/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
242	42390	NGUYỄN THỊ KIỀU	Nữ	04/5/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
243	42391	BÙI VĂN LÂM	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
244	42392	BÙI THỊ CHI LINH	Nữ	18/6/2005	Hải Phòng	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
245	42393	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	Nữ	14/5/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
246	42394	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	12/6/2005	Quảng Ninh	8.3	8	10	9.50	Đ		Giỏi
247	42395	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	01/02/2005	Quảng Ninh	9.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
248	42396	LÝ NGỌC NGÀ	Nữ	10/4/2005	Lạng Sơn	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
249	42397	ĐẶNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	16/01/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
250	42398	TRỊNH THỊ NGHĨA	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
251	42399	ĐOÀN YẾN NGỌC	Nữ	22/9/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
252	42400	HOÀNG BÍCH NGỌC	Nữ	23/9/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
253	42401	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	Nữ	13/01/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
254	42402	VŨ THỊ NHÀN	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
255	42403	NGUYỄN THỊ NHẬT	Nữ	05/11/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
256	42404	BÙI ĐỨC PHƯƠNG	Nam	24/7/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
257	42405	ĐỖ THỊ PHƯỢNG	Nữ	23/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 77 - Trường THPT Lê Chân

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
258	42406	VŨ THỊ PHƯỢNG	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
259	42407	ĐÀO ANH QUYẾN	Nam	21/8/2005	Hải Dương	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
260	42408	DƯƠNG DOÃN SƠN	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
261	42409	VI THỊ TÂM TÂM	Nữ	25/8/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
262	42410	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	06/7/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
263	42411	NGUYỄN VĂN THANH	Nam	06/7/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
264	42412	TRẦN QUANG THÀNH	Nam	26/3/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
265	42413	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	29/7/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
266	42414	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
267	42415	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	06/6/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
268	42416	HỨA MINH THẮNG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
269	42417	PHẠM THỊ THU	Nữ	13/12/2005	Quảng Ninh	8.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
270	42418	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	15/02/2005	Quảng Ninh	9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
271	42419	PHẠM THỊ THƯ	Nữ	05/10/2005	Quảng Ninh	8.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
272	42420	NÔNG MẠNH TOÀN	Nam	03/02/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
273	42421	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	05/02/2005	Quảng Ninh	8.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
274	42422	TRIỆU TUYẾT TRINH	Nữ	27/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
275	42423	BÙI VĂN TRUNG	Nam	24/3/2005	Quảng Ninh	9.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
276	42424	LÊ THỊ KIM TUYẾN	Nữ	25/9/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
277	42425	NGÔ LÊ NHƯ TUYẾT	Nữ	14/11/2005	Quảng Ninh	8.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
278	42426	MẠC THỊ THÚY XOAN	Nữ	23/3/2005	Quảng Ninh	8.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
279	42427	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	19/7/2005	Quảng Ninh	9.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	42002	NGUYỄN VIẾT AN	Nam	29/08/2005	Quảng Ninh	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
2	42003	TRẦN VĂN AN	Nam	19/09/2005	Quảng Ninh	7.7	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
3	42006	ĐỖ NHẬT ANH	Nam	28/11/2005	Quảng Ninh	7.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
4	42007	KHỔNG MINH ANH	Nam	05/05/2005	Quảng Ninh	7.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
5	42013	NGUYỄN LÂM ANH	Nam	14/01/2005	Quảng Ninh	6.8	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
6	42016	NGUYỄN QUYỀN ANH	Nam	19/04/2005	Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
7	42024	PHẠM THÁI ANH	Nam	27/05/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
8	42025	PHẠM THỊ VÂN ANH	Nữ	15/01/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
9	42026	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	16/12/2005	Quảng Ninh	7.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
10	42030	LÊ HỒNG ÂN	Nam	25/11/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
11	42033	ĐẶNG XUÂN BẮC	Nam	20/05/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
12	42035	NGUYỄN THANH BÌNH	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	7.3	5.75	10	8.94	Đ		Khá
13	42038	NGUYỄN PHÚC BẢO CHÂU	Nữ	20/10/2005	Quảng Ninh	7.7	5.75	10	8.94	Đ		Khá
14	42040	NGUYỄN BẢO CHIẾN	Nam	17/06/2005	Quảng Ninh	8.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
15	42041	BÙI ĐỨC DUY	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
16	42045	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	14/09/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
17	42050	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	24/07/2005	Quảng Ninh	7.2	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
18	42051	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	05/05/2005	Quảng Ninh	7.3	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
19	42052	NGUYỄN VŨ ANH DŨNG	Nam	09/02/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
20	42056	ĐINH THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	24/08/2005	Quảng Ninh	8.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
21	42062	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
22	42063	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	19/11/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
23	42074	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	42075	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	31/12/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
25	42076	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	06/04/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
26	42077	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	23/05/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
27	42078	THÂN VĂN ĐẠT	Nam	29/05/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
28	42084	LÊ VĂN ĐỨC	Nam	12/10/2005	Quảng Ninh	7.5	9	10	9.75	Đ		Giỏi
29	42088	NGUYỄN HÀ GIANG	Nữ	22/06/2005	Quảng Ninh	8.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
30	42089	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	25/07/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
31	42090	VŨ HƯƠNG GIANG	Nữ	26/05/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
32	42091	BÙI THỊ NGÂN HÀ	Nữ	06/06/2005	Quảng Ninh	7.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
33	42093	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	15/04/2005	Quảng Ninh	7.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
34	42095	PHẠM VĂN HÀ	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	7.7	5.5	10	8.88	Đ		Khá
35	42096	ĐOÀN THANH HẢI	Nam	20/09/2005	Quảng Ninh	8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
36	42099	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	08/06/2005	Quảng Ninh	7.6	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
37	42107	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	18/04/2005	Quảng Ninh	7.6	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
38	42115	LƯƠNG ĐỨC HIẾU	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
39	42116	NGUYỄN THÀNH HIẾU	Nam	05/09/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
40	42118	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	14/12/2005	Quảng Ninh	7.6	5	10	8.75	Đ		Khá
41	42119	TRẦN VĂN HIẾU	Nam	18/05/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
42	42121	BÙI MẠNH HIỆP	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	7.5	5	10	8.75	Đ		Khá
43	42122	NGUYỄN HỮU HIỆP	Nam	03/10/2005	Quảng Ninh	7.5	5	10	8.75	Đ		Khá
44	42130	LÊ HUY HOÀNG	Nữ	04/09/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
45	42132	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	04/02/2005	Quảng Ninh	7.3	5	10	8.75	Đ		Khá
46	42133	TRẦN VĂN HOÀNG	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	8.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
47	42134	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	22/08/2005	Quảng Ninh	7.4	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
48	42137	LÊ ĐÌNH HUY	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	7.7	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
49	42138	NGUYỄN DƯƠNG HUY	Nam	13/12/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	42139	NGUYỄN ĐÌNH HUY	Nam	13/10/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
51	42141	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	19/02/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
52	42142	ĐỖ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	26/02/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
53	42143	LÊ THỊ THU HUYỀN	Nữ	08/10/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
54	42146	ĐỒNG MẠNH HÙNG	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	8.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
55	42147	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	16/07/2005	Quảng Ninh	7.7	7	10	9.25	Đ		Giỏi
56	42148	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	7.6	5	10	8.75	Đ		Khá
57	42151	TRẦN ĐỨC HÙNG	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
58	42152	VŨ QUANG HÙNG	Nam	23/12/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
59	42159	NGUYỄN ĐỨC KHANG	Nam	11/08/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
60	42160	PHẠM HỮU KHÁNH	Nam	05/05/2005	Quảng Ninh	7.8	7	10	9.25	Đ		Giỏi
61	42161	TRẦN NAM KHÁNH	Nam	20/04/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
62	42163	NGUYỄN KIM KHOA	Nam	15/07/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
63	42165	HOÀNG TUẤN KIỆT	Nam	03/08/2005	Quảng Ninh	7.9	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
64	42166	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	Nữ	31/03/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
65	42168	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	27/11/2005	Quảng Ninh	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
66	42169	TRẦN VĂN LÂM	Nam	29/01/2005	Quảng Ninh	7.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
67	42171	DƯƠNG NHẬT LỆ	Nữ	20/01/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
68	42172	PHÙNG THỊ MĨ LỆ	Nữ	22/08/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	42189	BÙI THỊ LOAN	Nữ	09/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	42195	VŨ THÀNH LONG	Nam	28/07/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
71	42196	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	07/07/2005	Quảng Ninh	8.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
72	42197	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
73	42200	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	11/05/2005	Quảng Ninh	7.8	6	10	9.00	Đ		Giỏi
74	42201	NGUYỄN THI HƯƠNG LY	Nữ	30/07/2005	Hải Phòng	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
75	42203	LƯU THỊ MAI	Nữ	31/12/2005	Quảng Ninh	7.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
76	42207	TRẦN VĂN MẠNH	Nam	02/10/2005	Quảng Ninh	8.1	6	10	9.00	Đ		Giỏi
77	42208	ĐỖ TRÀ MI	Nữ	05/12/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
78	42211	NGUYỄN THANH MINH	Nam	08/10/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
79	42212	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	05/01/2005	Quảng Ninh	7.5	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
80	42215	CAO HẢI NAM	Nam	30/10/2005	Quảng Ninh	8.1	8	10	9.50	Đ		Giỏi
81	42217	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	13/07/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
82	42218	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	14/08/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
83	42220	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	27/04/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
84	42221	NGUYỄN VŨ HOÀNG NAM	Nam	07/04/2005	Quảng Ninh	7.4	5.5	10	8.88	Đ		Khá
85	42222	VŨ VĂN NAM	Nam	25/10/2005	Quảng Ninh	7.8	5	10	8.75	Đ		Khá
86	42223	ĐẶNG THỊ HỒNG NGÂN	Nữ	05/09/2005	Hải Dương	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
87	42224	KIỀU THÚY NGÂN	Nữ	26/08/2005	Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
88	42226	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	11/05/2005	Quảng Ninh	7.9	8	10	9.50	Đ		Giỏi
89	42227	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	30/03/2005	Quảng Ninh	7.7	6	10	9.00	Đ		Giỏi
90	42230	BÙI VĂN NGUYÊN	Nam	25/04/2005	Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
91	42231	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	Nam	06/10/2005	Quảng Ninh	7.4	6	10	9.00	Đ		Giỏi
92	42234	NGUYỄN THỊ MINH NHÂM	Nữ	06/07/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
93	42236	NGUYỄN VĂN NHẤT	Nam	15/01/2005	Quảng Ninh	7.4	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
94	42239	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	09/04/2005	Quảng Ninh	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
95	42242	TÔ THỊ UYỂN NHI	Nữ	27/04/2005	Quảng Ninh	7.5	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
96	42249	NGUYỄN VĂN PHONG	Nam	21/09/2005	Quảng Ninh	7.9	7	10	9.25	Đ		Giỏi
97	42251	VŨ VĂN PHONG	Nam	08/02/2005	Quảng Ninh	7.6	6	10	9.00	Đ		Giỏi
98	42253	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	Nam	01/08/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
99	42255	PHẠM MINH PHƯƠNG	Nam	27/10/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
100	42257	LƯƠNG VĂN QUANG	Nam	04/04/2005	Quảng Ninh	7.4	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
101	42259	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	11/11/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
102	42260	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	21/12/2005	Lâm Đồng	7.5	8	10	9.50	Đ		Giỏi
103	42263	VŨ ANH QUỐC	Nam	28/10/2005	Quảng Ninh	7.8	8	10	9.50	Đ		Giỏi
104	42265	NGUYỄN DUYÊN QUYỀN	Nam	26/12/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
105	42267	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	30/08/2005	Quảng Ninh	8.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
106	42270	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	06/06/2005	Quảng Ninh	7.5	6	10	9.00	Đ		Giỏi
107	42271	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	16/09/2005	Quảng Ninh	7.2	5	10	8.75	Đ		Khá
108	42272	PHAN VĂN SÁNG	Nam	19/08/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
109	42277	TRẦN NGỌC SƠN	Nam	06/09/2005	Quảng Ninh	8	5	10	8.75	Đ		Khá
110	42281	TRẦN MINH TÂM	Nam	14/02/2005	Quảng Ninh	7.2	6	10	9.00	Đ		Giỏi
111	42284	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	Nam	09/07/2005	Quảng Ninh	7.6	7	10	9.25	Đ		Giỏi
112	42287	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	23/11/2005	Quảng Ninh	7.2	7	10	9.25	Đ		Giỏi
113	42288	VŨ CHÍ THÀNH	Nam	10/10/2005	Quảng Ninh	7.9	6.5	10	9.13	Đ		Giỏi
114	42290	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/10/2005	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
115	42295	NGUYỄN MINH THÁI	Nam	10/09/2005	Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
116	42297	PHẠM VĂN THĂNG	Nam	09/06/2005	Quảng Ninh	7.7	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
117	42300	VŨ ĐÌNH THẮNG	Nam	05/05/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
118	42307	NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN	Nữ	23/07/2005	Quảng Ninh	7.6	8	10	9.50	Đ		Giỏi
119	42309	NGUYỄN THỊ THUYÊN	Nữ	02/05/2005	Quảng Ninh	7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
120	42317	NGUYỄN VĂN TIẾN	Nam	28/05/2005	Quảng Ninh	8.2	5	10	8.75	Đ		Khá
121	42318	NGUYỄN ANH TOÀN	Nam	02/08/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
122	42319	NGUYỄN VĂN TOÀN	Nam	14/04/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
123	42320	NGUYỄN VĂN TOÀN	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	7.1	5	10	8.75	Đ		Khá
124	42321	NGUYỄN THỊ TOẢN	Nữ	04/08/2005	Quảng Ninh	7.3	5	10	8.75	Đ		Khá
125	42323	MAI THỊ TRANG	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
126	42326	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	12/08/2004	Quảng Ninh	7.7	8	10	9.50	Đ		Giỏi
127	42327	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	12/03/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
128	42329	NGUYỄN PHƯƠNG TRÀ	Nữ	23/06/2005	Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
129	42330	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	Nam	19/08/2005	Quảng Ninh	8.2	8	10	9.50	Đ		Giỏi
130	42331	ĐINH QUANG TRUNG	Nam	21/08/2005	Quảng Ninh	8.3	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
131	42332	NGUYỄN ĐAN TRƯỜNG	Nam	04/08/2005	Quảng Ninh	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
132	42333	ĐINH ĐOÀN VĂN TUẤN	Nam	20/10/2005	Quảng Ninh	7.3	7	10	9.25	Đ		Giỏi
133	42335	PHẠM VĂN TUYÊN	Nam	31/01/2005	Quảng Ninh	7.4	7	10	9.25	Đ		Giỏi
134	42336	VŨ VĂN TUYÊN	Nam	30/04/2005	Bắc Ninh	7.3	7.5	10	9.38	Đ		Giỏi
135	42338	NGUYỄN THANH TUYỀN	Nam	21/04/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
136	42339	NGUYỄN VĂN TUYỀN	Nam	22/09/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
137	42340	ĐỖ THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	25/05/2005	Hải Phòng	7.4	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
138	42341	ĐOÀN ANH TÙNG	Nam	19/11/2005	Quảng Ninh	7.6	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
139	42342	VŨ CHÍ TÙNG	Nam	26/04/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
140	42343	TĂNG BÁ TÚ	Nam	05/02/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
141	42345	TRẦN THU UYÊN	Nữ	16/12/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
142	42346	NGUYỄN MINH VĂN	Nam	12/06/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
143	42350	BÙI QUỐC VIỆT	Nam	18/08/2005	Quảng Ninh	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
144	42352	TRƯƠNG CÔNG VINH	Nam	10/01/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
145	42353	LƯU CHÍ VĨ	Nam	09/11/2005	Quảng Ninh	7.2	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
146	42354	ĐINH VĂN VŨ	Nam	21/12/2005	Quảng Ninh	7.5	7	10	9.25	Đ		Giỏi
147	42357	HOÀNG VĂN XUÂN	Nam	05/03/2005	Quảng Ninh	7.9	9	10	9.75	Đ		Giỏi
148	42358	VŨ THỊ THANH XUÂN	Nữ	19/03/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
149	42428	NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	01/08/2005	Quảng Ninh	8	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
150	42429	HOÀNG ANH	Nam	18/06/2005	Quảng Ninh	8.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
151	42430	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	27/07/2005	Quảng Ninh	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
152	42431	NGUYỄN VIẾT CƯỜNG	Nam	19/01/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
153	42432	VŨ ĐỨC DUY	Nam	07/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
154	42433	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	01/10/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
155	42434	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	20/02/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
156	42435	TRỊNH ĐÌNH NHẤT DƯƠNG	Nam	18/03/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
157	42436	VŨ QUÝ DƯƠNG	Nam	16/09/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
158	42437	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
159	42438	TỐNG HẢI ĐĂNG	Nam	07/12/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
160	42439	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	Nam	04/09/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
161	42440	ĐÀM THỊ THU HÀ	Nữ	13/05/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
162	42441	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	08/07/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
163	42442	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	23/08/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
164	42443	NGUYỄN TIẾN HUY	Nam	03/04/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
165	42444	TRẦN CHÍ HUY	Nam	16/08/2005	Hà Nội	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
166	42445	BÙI VĂN KHANG	Nam	15/06/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
167	42446	TRỊNH ĐÌNH KHÁNH	Nam	10/02/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
168	42447	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	Nam	05/10/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
169	42448	NGUYỄN MAI LINH	Nữ	25/07/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
170	42449	CAO THÀNH LONG	Nam	18/09/2004	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
171	42450	NGUYỄN TRIỀU NAM	Nữ	12/05/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
172	42451	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	23/10/2004	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
173	42452	NGUYỄN TRANG NGÂN	Nữ	08/08/2005	Quảng Ninh	8.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
174	42453	CHẾ MINH PHƯƠNG	Nam	04/04/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
175	42454	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	12/11/2005	Quảng Ninh	8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
176	42455	NGUYỄN THÀNH QUÂN	Nam	11/12/2005	Hải Dương	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
177	42456	VŨ MINH QUÂN	Nam	02/07/2005	Quảng Ninh	7.6	9	10	9.75	Đ		Giỏi
178	42457	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	10/06/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
179	42458	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/08/2005	Quảng Ninh	7.8	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 78 - Trường THPT Nguyễn Bình

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
180	42459	NGUYỄN THỊ THUẬN	Nữ	18/12/2005	Hải Dương	8.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
181	42460	NGUYỄN THỊ THƯ	Nữ	14/12/2005	Quảng Ninh	8.1	9	10	9.75	Đ		Giỏi
182	42461	NGUYÊN MINH TOÀN	Nam	23/01/2005	Quảng Ninh	7.8	9	10	9.75	Đ		Giỏi
183	42462	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	27/10/2005	Quảng Ninh	8.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
184	42463	NGUYỄN CÔNG TUẤN	Nam	19/05/2005	Quảng Ninh	7.7	9.75	10	9.94	Đ		Giỏi
185	42464	NGÔ QUANG TÙNG	Nam	02/01/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
186	42465	ĐỖ ĐĂNG VIỆT	Nam	04/11/2005	Quảng Ninh	7.9	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
187	42466	MẠC THỊ HƯƠNG VINH	Nữ	07/09/2005	Quảng Ninh	8.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
188	42467	TRẦN THẾ VŨ	Nam	27/04/2005	Quảng Ninh	8	10	10	10.00	Đ		Giỏi
189	42468	PHÙNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	01/02/2005	Hải Dương	7.7	9	10	9.75	Đ		Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH

KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG

Khóa ngày 04-05/3/2023

BẢNG ĐIỂM

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Đơn vị: 79 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều (Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
1	38229	PHẠM GIA AN	Nam	28/02/2005	Quảng Ninh	7.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
2	38232	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	14/10/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
3	38237	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	16/10/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
4	38240	VŨ VĂN BIỂN	Nam	08/5/2004	Quảng Ninh	7.9	10	9	9.25	Đ		Giỏi
5	38242	PHẠM VŨ NHƯ BÌNH	Nữ	08/11/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
6	38248	BÙI CAO CƯỜNG	Nam	24/5/2005	Quảng Ninh	8.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
7	38249	MẠC TRỊNH CƯỜNG	Nam	28/4/2005	Quảng Ninh	8.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
8	38251	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Nam	17/11/2004	Quảng Ninh	7.1	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
9	38253	BÙI KHÁNH DUY	Nam	11/02/2004	Hải Dương	7.4	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
10	38256	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	14/11/2005	Quảng Ninh	7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
11	38257	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	17/6/2005	Quảng Ninh	7	10	9	9.25	Đ		Giỏi
12	38260	ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	18/8/2005	Hải Dương	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
13	38262	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	10/6/2005	Hải Dương	6.9	10	9	9.25	Đ		Giỏi
14	38263	TRẦN VĂN DƯƠNG	Nam	30/3/2004	Hải Dương	8.1	10	9	9.25	Đ		Giỏi
15	38264	TRƯƠNG TÙNG DƯƠNG	Nam	16/01/2005	Hải Dương	8.1	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
16	38265	VŨ VĂN DƯƠNG	Nam	19/5/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
17	38266	NGUYỄN MINH ĐẠO	Nam	18/02/2005	Quảng Ninh	7.6	10	10	10.00	Đ		Giỏi
18	38268	PHAN TỰ ĐẠT	Nam	21/10/2005	Quảng Ninh	6.9	10	9	9.25	Đ		Giỏi
19	38270	VŨ ĐÌNH ĐẠT	Nam	27/3/2005	Hải Dương	7.1	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
20	38271	LÊ VĂN ĐỨC	Nam	23/7/2005	Quảng Ninh	7	9	10	9.75	Đ		Giỏi
21	38273	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	15/12/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
22	38275	TRẦN VIỆT ĐỨC	Nam	22/01/2005	Quảng Ninh	7	9.75	9	9.19	Đ		Giỏi
23	38278	TRẦN TIẾN GIANG	Nam	27/12/2004	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi

Đơn vị: 79 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều (Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
24	38281	NGUYỄN THU HẠ	Nữ	18/4/2005	Quảng Ninh	7.5	10	9	9.25	Đ		Giỏi
25	38288	VŨ MINH HIẾU	Nam	08/6/2005	Quảng Ninh	7.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
26	38289	VŨ ĐỨC HINH	Nam	02/4/2005	Hải Dương	8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
27	38290	NGUYỄN THỊ HOÀN	Nữ	13/11/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
28	38292	NGÔ VIỆT HOÀNG	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	8	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
29	38293	NGUYỄN DUY HOÀNG	Nam	25/01/2005	Hải Dương	8.2	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
30	38296	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	03/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
31	38298	NGUYỄN THÁI HỌC	Nam	12/6/2005	Quảng Ninh	7.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
32	38300	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HUẾ	Nữ	18/11/2005	Quảng Ninh	7.1	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
33	38301	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	17/12/2005	Quảng Ninh	7.9	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
34	38302	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	26/8/2005	Quảng Ninh	7.3	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
35	38305	VŨ NGỌC PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	11/3/2005	Quảng Ninh	7.1	9	9.5	9.38	Đ		Giỏi
36	38307	PHAN MẠNH HÙNG	Nam	10/11/2005	Quảng Ninh	7.8	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
37	38309	ĐOÀN VĂN HƯNG	Nam	29/10/2005	Quảng Ninh	8	8	9.5	9.13	Đ		Giỏi
38	38312	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	28/10/2005	Quảng Ninh	7.9	10	10	10.00	Đ		Giỏi
39	38315	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	04/01/2005	Quảng Ninh	7.7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
40	38320	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	04/10/2005	Hải Dương	7.7	9.5	9.5	9.50	Đ		Giỏi
41	38325	VŨ THỊ HOÀI LY	Nữ	19/01/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
42	38327	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	03/7/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
43	38328	TÔ ĐỨC MẠNH	Nam	25/7/2005	Quảng Ninh	7.1	10	10	10.00	Đ		Giỏi
44	38329	NGUYỄN THỊ HÀ MI	Nữ	23/7/2005	Quảng Ninh	7	10	9.5	9.63	Đ		Giỏi
45	38330	ĐINH NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	24/11/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
46	38334	BÙI VŨ THÀNH NAM	Nam	26/11/2005	Quảng Ninh	7.1	7	10	9.25	Đ		Giỏi
47	38336	TRẦN DUY NAM	Nam	16/11/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
48	38337	ĐOÀN THANH NGA	Nữ	19/9/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
49	38339	PHẠM MINH NGHĨA	Nam	10/4/2005	Quảng Ninh	7	8.5	9	8.88	Đ		Khá

Đơn vị: 79 - Trung tâm GDNN - GDTX Đông Triều (Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh)

TT	Số báo danh	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTK NPT	Điểm bài thi		Kết quả			Xếp loại
							LT	TH	ĐTB	Đ	H	
50	38340	NGÔ THỊ NGỌC	Nữ	04/8/2005	Quảng Ninh	7.1	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
51	38342	ĐÀO THU NGUYỆT	Nữ	13/10/2004	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
52	38348	PHẠM THỊ THU QUYÊN	Nữ	01/7/2005	Quảng Ninh	7.2	10	10	10.00	Đ		Giỏi
53	38351	NGÔ THỊ QUỲNH	Nữ	31/7/2005	Quảng Ninh	7.6	8.5	10	9.63	Đ		Giỏi
54	38352	PHAN THÀNH SƠN	Nam	13/02/2005	Quảng Ninh	7.8	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
55	38353	PHẠM HẢI TÀI	Nam	22/11/2005	Quảng Ninh	7.4	10	9	9.25	Đ		Giỏi
56	38354	DƯƠNG THỊ THANH	Nữ	07/4/2005	Quảng Ninh	7.4	10	10	10.00	Đ		Giỏi
57	38355	ĐẶNG TRUNG THÀNH	Nam	09/6/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
58	38358	VŨ ĐÌNH THÀNH	Nam	27/3/2005	Hải Dương	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
59	38360	ĐOÀN QUỐC THÁI	Nam	09/10/2005	Quảng Ninh	7.2	9	9	9.00	Đ		Giỏi
60	38361	LÊ DUY THÁI	Nam	22/12/2005	Quảng Ninh	7.4	9	10	9.75	Đ		Giỏi
61	38364	NGUYỄN SINH THỊNH	Nam	10/8/2005	Quảng Ninh	7.2	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
62	38367	HÀ THỊ THƯ	Nữ	28/8/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
63	38368	ĐỖ VIẾT THÙY THƯƠNG	Nữ	30/12/2005	Quảng Ninh	7.3	10	10	10.00	Đ		Giỏi
64	38369	NGUYỄN THANH THƯƠNG	Nữ	04/01/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
65	38372	PHAN THỊ KIM TIẾN	Nữ	17/8/2005	Quảng Ninh	7.5	10	10	10.00	Đ		Giỏi
66	38373	TRẦN VĂN TIẾN	Nam	23/5/2005	Quảng Ninh	7.5	9	9	9.00	Đ		Giỏi
67	38374	DƯƠNG HUYỀN TRANG	Nữ	16/9/2005	Hải Dương	7.3	9	10	9.75	Đ		Giỏi
68	38375	LÊ THỊ KIỀU TRANG	Nữ	07/12/2005	Quảng Ninh	7	10	10	10.00	Đ		Giỏi
69	38379	TỪ MINH TRANG	Nữ	06/6/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	10	9.88	Đ		Giỏi
70	38390	ĐẶNG QUANG VINH	Nam	27/9/2005	Quảng Ninh	7.5	9.5	9	9.13	Đ		Giỏi
71	38391	PHẠM QUANG VINH	Nam	02/01/2005	Lâm Đồng	7.2	9	10	9.75	Đ		Giỏi
72	38392	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	Nam	10/5/2005	Quảng Ninh	7.4	9	9	9.00	Đ		Giỏi